

LÝ-TẾ-XUYÊN

越
甸
幽
靈
集

VIỆT ĐIỆN
U-LINH TẬP

Bản dịch
của
LÊ HỮU MỤC

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ

62, Đại lộ Lê-Lợi
SAIGON

LÝ - TẾ - XUYÊN
VIỆT - ĐIỆN U - LINH TẬP
LÊ - HỮU - MỤC dịch

LÝ . TẾ . XUYÊN

VIỆT-ĐIÊN U-LINH TẬP

LÊ - HỮU - MỤC dịch

越
甸
幽
靈
集

Nhà Sách **KHAI-TRÍ**

62. Đại lộ Lê - Lợi

SAIGON

LỜI NÓI ĐẦU

Từ năm 1329 đến nay, Việt-Điện U-Linh Tập của Lý Tế Xuyên đã được giới văn-học đặc-biệt chú-ý, đầu tiên là Nguyễn-văn-Chất, giữa thế-kỷ 15, đã tăng-bổ 3 hay 4 truyện vào bản chính, viết thành Tục Việt-Điện U-Linh Tập, rồi đến Lê-Tự-Chi, năm 1513, thêm vào một bản phụ-lục có tiêu-sử của Từ Vị Thánh Lang đến Kiến-Hải: Lê-Hữu-Hì (1712); Cao-Huy-Điệu (1715) Kim-Miền-Muội (1771), Chư-Cát-Thị (1774), người thì để tựa, người thì tiêm-bình, chú-bình, án-lục, tân-định và hiệu-bình; Lê-quý-Đôn trong Kiền-Văn Tiểu-Lục viết năm 1777, Phan-Huy-Chú trong Lịch-Triều Hiền-Chương Loại-Chỉ năm 1821 đã nghiên-cứu về nguồn gốc Việt-Điện U-Linh Tập, thân-thê Lý Tế Xuyên. Từ Trần, Lê, Nguyễn, phong-trào tăng-bổ và điểm-xuyết Việt-Điện U-Linh Tập đã làm giàu cho văn-học Việt-Nam không phải ít. Công-việc nghiên-cứu một cách khoa-học về Việt-Điện U-Linh Tập bắt đầu từ năm 1910 rồi năm 1916 với H. Maspéro, năm 1934 với E. Gaspardone, năm 1938 với Trần-văn-Giáp, năm 1944, Dương-quảng-Hàm, Nguyễn-đông-Chi, Hoa-Bằng cũng đã đề-cập đến tác-phẩm của Lý Tế Xuyên nhưng phải đợi đến năm 1949, tác-phẩm mới lại được khảo-sát bằng những phương-pháp mới-mé do hai học-giá nổi tiếng là giáo-sư Hoàng-xuân-Hân trong tác-phẩm Lý-thường-Kiệt và giáo-sư M. Durand trong báo Le Peuple Vietnamien, số 3; năm 1954, giáo-sư Durand khảo-cứu về triều Tiền-Lý theo Việt-Điện U-Linh trên Kỳ-Yêu của Hội Viễn-Đông Bác-Cổ.

Bây giờ đến lượt chúng tôi mạo-muội theo các nhà văn-học đi trước, phiên-dịch và chú-thích văn-phẩm này. Chúng tôi đã gặp rất nhiều khó-khăn bởi vì trong số những bản chép tay mà Maspéro và Gaspardone đã nói tới, tl-dụ những bản A. 335, A. 1279 v.v..., chúng tôi không được đọc đã đành, mà ngay đến những bản A. 47, A. 1919, A. 2879 chúng tôi chỉ được sử-dụng trong một thời-gian ngắn; bởi vậy, chúng tôi chỉ có một căn-cứ chắc-chắn đó là bản A.751 do bạn Trần-kinh-Hòa cho mượn; bản này đã được sao lại ở trường Viễn-Đông Bác-Cổ nhưng cũng không tránh được nhiều sự sai lầm rất đáng tiếc; chúng tôi đã đổi-chiều bản chép tay này với những bản chép tay do Hội Nghiên-Cứu Liên-Lạc Văn-Hóa Á-Châu chụp lại, nhưng vì thời-giờ eo-hẹp, lại ở xa Sài-Gòn nên chúng tôi không đủ phương-tiện để làm hiệu-bản như đã dự-định. Bởi thế, tập sách này mới chỉ là những bước đầu của chúng tôi trong công-cuộc nghiên-cứu tác-phẩm của Lý Tế Xuyên.

Bản dịch chú-trọng đến nguyên-văn của tác-giá và nỗ-lực đi sát với nguyên-bản chừng nào hay chừng ấy; nhiều đoạn không phải là phiên-dịch nữa mà gán

như phiên-âm; chúng tôi có ý giữ lại những từ-ngữ tác-giả đã dùng mà ngày nay đã trở thành thông-dụng; chỗ nào tồ-nghĩa hoặc không được hay trong bản chính, chúng tôi cũng xin để nguyên. Những lời chú-thích sai lầm của người đi sau, chúng tôi cũng không sửa chữa, chỉ ghi lại ở phía dưới để cùng suy-luận. Tất cả những dấu mở ngoặc trong phần truyện hoặc phần tìm-bình là của tác-giả hoặc người sao-lục; chúng tôi chỉ mở ngoặc ở phần đầu-đề của truyện mục-đích giúp độc-giả hiểu ngay đó là truyện gì. Đây chỉ là một bài nghiên-cứu nhỏ về Việt-Điện U-Linh Tập trong phạm-vi văn-học; phần nghiên-cứu về phương-diện lịch-sử, phần đối-chiếu Việt-Điện U-Linh Tập với những sử-sách Trung-Hoa là địa-phận khảo-sát của các nhà chuyên-môn về Sử-Học.

Tập nghiên-cứu và phiên-dịch này đã được hoàn-thành nhờ sự ủng-hộ của Linh-Mục Cao-văn-Luận, Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế, giáo-sư Trần-kinh-Hòn, Viện Đại-Học Huế, giáo-sư Lê-Tuyên, Giám-Độc Học-Vụ ban Văn-Khoa trường Đại-Học Sư-Phạm Huế, cụ Tôn-Thất-Đào, giám-độc Nha Văn-Hóa Huế, ông Bùi-Quang-Sơn, chủ-sự Nha Văn-Hóa Huế. Xin Quý-Vị nhận nơi đây lòng tri-ân thành-thực của chúng tôi. Sau cùng, chúng tôi xin ngỏ lời cảm-tạ cụ Văn-Sơn đã giúp chúng tôi rất nhiều ý-kiến trong việc dịch-thuật này.

Huế, ngày 9-1-1960.

LÊ-HỮU-MỤC

TỰA

Tôi đã được hân-hạnh bái đọc bản dịch bộ *Việt-Điện U-Linh-Tập* của Lý-Tế-Xuyên do bạn đồng-nghiệp của tôi là giáo-sư Lê-Hữu-Mục phiên-dịch.

Đúng như lời «*Dẫn Nhập*» của dịch-giả, về niên-đại soạn-tập cuốn này và sự-tích của tác-giả, hiện giờ vẫn còn nhiều nơi chưa được minh-bạch, nhưng có nhiều chứng-cớ cho hay rằng bộ này là một tác-phẩm tiêu-biểu cho phong-trào xã-hội vào thời-hệ thịnh-vượng của nhà Trần.

Chúng ta nhận thấy trải qua những chiến-công anh-dũng chống-cự với mấy cuộc xâm-lãng của nhà Nguyên, trên các phương-diện xã-hội, Việt-Nam đã phát-sinh nhiều hiện-tượng đã, tinh-thần sáng-tạo và sinh-động. Chẳng hạn, sự phổ-biến của “*Chữ Nôm*” và “*Quốc-Ngữ-Thi*” trên mặt văn-học, sự sáng-lập phái Trúc-lâm trên mặt Phật-giáo, chính-sách khéo-léo và tích-cực đối với Trung-quốc và Chiêm-thành trên mặt ngoại-giao, sự thịnh-hành ngoại-thương tại Vân-đồn về mặt kinh-ế, v.v... đều chứng thực người Việt đã bắt đầu phát-huy những thi-ên-phần cố-hữu để sáng-tạo một nền văn-hóa đầy tự-tin và ý-thức quốc-gia. Những đặc-sắc tinh-thần trong xã-hội thời-đại đó là hoạt-hát, tích-cực, linh-hoạt và sáng-sủa. Tác-giả Lý-Tế-Xuyên sinh-trưởng trong hoàn-cảnh ấy, đã từng thể-nghệm phong-trào thời-đại, tự-nhiên tác-phẩm của ông cũng nhuộm một tinh-cách khác thường.

Hai mươi bảy thiên thần-tích mà tác-giả đã dùng ngọn bút tài-hoa tường-thuật trong bộ sách đều là sự-tích vĩ-đại của những nhân-vật đã sinh sống tại đất Việt, và điều biểu-lộ một cách sán-lạn những “*hao-khí anh-liệt*”, đại-diện cho từng thời-đại trên cỏ-sử Việt-Nam. Trong những nhân-vật đó, có vương-hậu, hậu-phi, công-thần, liệt-nữ, thích-gia, đạo-sĩ và bình-dân, thậm chí gồm cả người Chăm; tất cả đều có những hành-động xuất-chúng và oanh-liệt, với một tâm-hồn thanh-cao cứu-khổ phò-nguy; sau khi qua đời lại có những thần-tích khác-dị, đáng để người đời sau sùng-bái và kính-mến. Nói một cách khác, họ đều có góp sức vào công-trình xây-dựng tinh-thần dân-tộc tại Việt-Nam. Đồng-thời cũng có thể nói đó là một kho-tàng tài-liệu về Văn-học-sử và Thổ-tục-học.

Hơn nữa, bộ này gồm có nhiều tài-liệu riêng biệt của Việt-Nam, vì vậy, các nhà sử-học, như các ông E. Gasparone, H. Maspero, Trần-văn-Giáp, Hoàng-Xuân-Hãn và M. Durand, đều chú-ý đến bộ này, hoặc đứng theo quan-điểm thư-chí-học, khảo về niên-đại và quá-trình biên-tập bộ này; hoặc đứng lập-trường sử-học thuần-túy, đã dẫn một vài phần làm sử-liệu để khảo-chứng cổ-sử Việt-Nam. Tuy vậy, nhiều đoạn trong bộ này vẫn để nguyên còn chờ chúng ta khai-thác và tìm-tòi chân-lý trong đó. Nhất là việc kiểm-thảo và đối-chiếu những tài-liệu trong bộ này với các bộ sử bên Trung-quốc sẽ là một công-tác rất trọng-yếu trong cuộc mở-mang cổ-sử và trung-cổ-sử Việt-Nam.

Ông Lê-Hữu-Mục đã không ngại mọi sự khó-khăn, đem nội-dung bộ này dịch ra Việt-văn một cách trung-thực, và cung-cấp cho học-giới Việt-Nam một bản dịch rất kỹ-càng và xác-thực của Việt-Điện-U-Linh-Tập. Tôi xin trân-trọng chúc mừng giáo-sư Lê đã thuận-lợi hoàn-thành công việc phiên-dịch và thành-thực mong rằng bản dịch này sẽ là một viên gạch vững-chãi cho các văn-sử-gia tân-tiến trong công-cuộc xây-dựng văn-học và sử-học mới tại Việt-Nam.

Huế ngày 8-12-59

Mạnh-Nghị TRẦN-KINH-HÒA
Giáo-Sư Sử-Học Viện Đại-Học Huế.

THỦ-ĐẠI-TẠNG-THƯ-TRUNG-PHẨM-PHỤNG-NGỰ

LÝ-TẾ-XUYÊN biên-tập

MÔN-HẠ-SÁNH-SƯ-NỘI-LỆNH-SỬ-THƯ

KIM-MIỄN-MUỘI án-lục

Thánh-nhân xưa có nói thông-minh chính-trực đủ để xưng Thần, trừ dâm-thần, tà-quái, yêu-ma, vọng-qui thời không được lạm-xưng như thế.

Trong nước Hoàng-Việt ta, các vị Thần có miếu-tự, có quốc-tế xưa nay rất nhiều. Nhưng những vị biểu-dương được vi-tích, âm-phù được sinh-linh thì không có mấy. Xét về lai-lịch thì phẩm-loại của các vị thần đều không giống nhau; có vị là tinh-túy của núi sông, có vị là kiệt-linh của người và vật, đương-thời thì khí-thế lừng-lẫy, lai-diệp thì anh-linh chói-lọi. Nếu không chép lại sự thực thì khó phân-biệt được màu đỏ, màu tím, nên đi tùy thiển-kiến ti-văn, chép thành bộ U-Linh này. Nếu được các đại-phương quân-tử, quảng-nhā hiểu-sự, phủ-chính cho, ấy là điều tôi sở-vọng.

Khai-Hựu nguyên-niên⁽¹⁾, Thủ-Đại-Tạng-Thư
Hóa-Chính-Chương-Trung-Phẩm, Phụng-Ngự-An-
Tiêm-Lộ Chuyền-Vận-Sứ, thần, LÝ-TẾ-XUYÊN cú
đầu đốt hương kính đề Tựa bản truyện này.

Niên-hiệu Cảnh-Hung năm thứ 32 phụng
lục⁽²⁾

(1) năm 1329

(2) tức năm 1771. Người phụng-lục là Kim Miển Muội

DẪN-NHẬP

Từ khi được hoàn-thành đến nay, Việt-Điện U - Linh Tập đã gây một tiếng vang không nhỏ trong giới văn-học Việt-Nam; mặc dầu chưa được khắc in một cách chính-thức, tác-phẩm đã được sao đi chép lại nhiều lần, đã được các học-giả tiếm-bình, tăng-bổ, tùng-biên, trùng-bổ, đã trở thành những bản thảo-tích của nhiều thần-tử miền trung-châu và nhất là đã cung-cấp nhiều tài-liệu cho lịch-sử. Một tác-phẩm như vậy là một tác-phẩm đã có nhiều người đọc, có ảnh-hưởng lớn và cần phải được chúng ta chú-trọng đến hơn. Phần dẫn-nhập này sẽ đề-cập đến soạn-niên của tác-phẩm, tác-giả và những bản chép tay, nội-dung, giá-trị và ảnh-hưởng của Việt-Điện U-Linh Tập.

I— Soạn-niên của tác-phẩm

Soạn-niên của tác-phẩm đã được ghi rõ ở cuối bài Tựa của Lý-Tế-Xuyên; Đó là năm Kỷ-Tị, Khai-Hựu nguyên-niên, tức là năm 1329. Nhưng có nhiều học-giả hoài-nghi sự xác-thực của soạn-niên này cũng như họ đã không đồng-ý mà cho rằng Lý-Tế-Xuyên là một nhân-vật đời Trần. Ý-kiến của các học-giả ấy không phải là không có căn-cứ lịch-sử và bởi vậy chúng tôi sẽ trình-bày dưới đây hai quan-niệm khác nhau về soạn-niên của tác-phẩm.

A) Tác-phẩm và tác-giả thuộc vào đời Lý.

Hai học-giả đã chủ-trương Việt-Điện U - Linh Tập và Lý - Tế-Xuyên không thuộc vào đời Trần là Chư-Cát-Thị và Hoàng-Xuân-Hân.

Trong bài tựa đề năm Giáp-Ngọ (1774) khi kiểm lại Việt-Điện U-Linh Tập, Chư-Cát-Thị, người Hồng-Đồ (Hải-Dương), Biên-Tu bộ Lễ đời Cảnh-Hưng, đã đặt soạn-niên của tác-phẩm vào đời Lý, trước cả tác-phẩm của Lê-Văn-Hưu (斯集之作出自李朝, 先自黎文休之序) và cho rằng Lý-Tế-Xuyên chỉ chép phần tiếp theo mà thôi (遂至陳朝, 李生再續尾) (1) Như vậy, theo Chư-Cát-Thị thì Việt-Điện U-Linh Tập là một tác-phẩm được viết vào đời Lý nhưng Lý-Tế-Xuyên là một văn-sỹ đời Trần. Lý-Tế-Xuyên không phải là một tác-giả đầu tiên và duy-nhất của Việt-Điện U-Linh Tập. Ông chỉ là một trong những người đã tăng-bổ tác-phẩm. Lý-do của Chư-Cát-Thị đã căn-cứ trên nhiều văn-liệu có thể tin cậy được, đó là những tác-phẩm mà chính Lý-Tế-Xuyên đã nhiều lần dẫn-chứng, tỉ-dụ Giao-Châu-

(1) Xem Bibliographie Annamite của E. Gaspardone.

-Ký của Triệu - Xương, Giao - Chỉ-Ký của Tăng - Côn, Sử - Ký hoặc còn gọi là Đại - Việt Sử - Ký và Ngoại Sử - Ký của Đỗ - Thiện v.v... Chuyện Sỹ-Nhiếp là chuyện đầu tiên của Việt-Điện U - Linh Tập gần như là một bản sao lại chuyện Sỹ-Nhiếp của Tam-Quốc-Chí (1); ngoài ra, Lý - Tế - Xuyên còn nghiên-cứu dã-sử, tục-truyền, nhất là những thần-tích của các làng v.v... và như vậy, nói rằng sách của ông đã có từ đời Lý cũng không phải là vô-lý hẳn. Tuy nhiên, nếu đứng trong quan - điểm tôn - trọng tiền-nhân của các nhà văn xưa, ta có thể một phần nào hiểu được rằng sự sử - dụng tài - liệu của những người đi trước nhiều khi bắt-buộc phải nguyên - văn sao-lục lại tài-liệu, và làm ngược lại sẽ là đi ngược với tinh-thần ấy, đi ngược lại tập-quán và phong-trào. Như chính Lý-Tế-Xuyên đã tuyên-bố trong bài Tựa, ông có thể là một người đầu tiên đã chép lại sự thực « tùy thiển-kiến ti-văn chép thành bộ U-Linh này ». Những tài-liệu đã dẫn-chứng một cách minh-bạch dĩ-nhiên xác - nhận sự hiện - diện của những tác - phẩm đã có trước nhưng không phải vì thế mà phủ - nhận phần sáng-tác của Lý-Tế-Xuyên. Những tác-phẩm đã dẫn-chứng ở đầu các chuyện, theo Lê-Quý-Đôn (2) đến nay đều thất-truyền, do vậy, ta không có đủ bằng-chứng để biện - biệt chỗ nào là của Lý-Tế - Xuyên, phần nào là của những sách đã dẫn, nhưng ít nhất phần sắp-đặt các tình-tiết trong chuyện, cách bố-cục tác-phẩm, sự duy-nhất trong lời văn cũng như tính-cách nhất-trí của câu khẳng - định một phần sáng-tạo mà người đọc kỹ có thể nhận ra ngay. Việc xét sách này sách kia không làm giảm bớt phần độc-sáng của Lý-Tế - Xuyên mà chỉ biểu-lộ sự khiêm-tốn, tinh-thần trung-thực có thể nói được là khoa-học (3) của ông mà thôi.

Trong cuốn Lý-Thường-Kiệt xuất-bản tại Hà-Nội năm 1949, trong lời chú số 1 trang 20, sau khi cho rằng những tài-liệu mà Lý-Tế - Xuyên dùng có thể có từ đời Lý, giáo - sư Hoàng-Xuân - Hân đã viết: « Tựa sách Việt-Điện U-Linh có niên-hiệu « Hoàng-Triều Khai - Hữu nguyên - niên » tức là đời Trần-Hiến-Tông (1329). Nhưng họ tác-giả là họ Lý. Biết rằng tất cả họ Lý bấy giờ đã phải đổi ra Nguyễn, ta có thể nghi rằng Lý-Tế-Xuyên ở đời Lý. Chức của Lý-Tế-Xuyên (giữ kinh Đại-Tạng, thư-hỏa chính-chương, trung-phẩm phụng-ngự, chuyển-vận-sứ ở An - Tiêm lộ) rất có thể là chức đời Lý. Nếu thật như vậy thì đến đời Trần có kẻ sao lại, thêm và chữa sách Việt-Điện U-Linh». Theo như trên, giáo-sư Hoàng-Xuân-Hân còn đi

(1) Xem M. Durand, trong Dân Việt-Nam, số 3, trang 11.

(2) Xem Kiến-Văn Tiểu-Lục, quyển 4. Thiên thượng, tờ 4a (đã dịch và sắp xuất-bản)

(3) Xem Durand, Sđd, trang 6: Respectueux des Anciens et d'une modestie conforme aux règles morales du sage, il aime une information sincère. je n'oserais dire scientifique.

xa hơn Chư-Cát-Thị nữa và phỏng-đoán Lý-Tế - Xuyên là một nhân-vật đời Lý; nhận-xét của giáo-sư căn-cứ trên sự kiêng húy của đời Trần.

Trong An-Nam Chí-Lược (1), Lê-Trác viết: «Họ Trần thay lập, tất cả tông-tộc nhà Lý và dân-chúng có họ Lý đều bắt đổi ra họ Nguyễn để dứt lòng mong-mỏi của dân». Trong Việt-Sử Lược và Thiên-Uyển Tập-Anh, tất cả họ Lý đều viết thành họ Nguyễn; phần 2 của Việt-Sử Lược đáng lẽ đề là nhà Lý, đã đề là nhà Nguyễn (2), Lý-Đạo-Kỷ viết là Nguyễn-Đạo-Kỷ Lý Triệt viết là Nguyễn Triệt v.v... (3) Lý-Tế-Xuyên không thể nào dám đề rõ-ràng tên họ của ông trên đầu tác-phẩm nếu tác-phẩm được làm vào đời Trần và nếu Lý-Tế-Xuyên là người đời Trần, như vậy, Lý-Tế-Xuyên sống vào đời Lý và Việt-Điện U-Linh Tập trong tình-trạng hiện nay là tình-trạng của một tác-phẩm đời Lý được tăng-bổ và hiệu-dính dưới đời Trần. Nhưng theo chỗ nghiên-cứu của chúng tôi, lý-luận của giáo-sư Hoàng-Xuân-Hân có thể bổ-sung được. Trước hết, sự kiêng húy tuy có thực nhưng không phải lúc nào cũng tuyệt-đối. Trong cuốn Lý-Thường-Kiệt, trang 451, giáo-sư cho biết «tên Lý-Đạo-Thành trong Việt-Sử Lược (1073) đã đổi ra Nguyễn Nhật-Thành», họ Nguyễn húy tên Trần Lý, ông tổ của nhà Trần, chữ đệm bị đổi thành Nhật để tránh tên húy của Trần-Hưng-Đạo. Xem Việt-Sử Lược, quyển II, tờ 15a, ta thấy rõ điều ấy, nhưng cũng chính trong Việt-Sử Lược, quyển II, tờ 10a, tên của Lý-Đạo-Thành chỉ phải viết là Nguyễn-đạo-Thành. Lại nữa, nếu Lý-Tế-Xuyên là một nhân-vật đời Trần thì tên họ của ông cũng đã phải đổi ra họ Nguyễn rồi, không cần phải là một nhân-vật đời Lý mới phải đổi tên. Và lại, trường-hợp của Việt-Điện U-Linh Tập có lẽ không thể so-sánh với một cuốn như Việt-Sử Lược được. Nhờ một sự tình-cờ của lịch-sử, cuốn Việt-Sử đã bị thất-truyền ở Việt-Nam nhưng đến thế-kỷ thứ 18, đời Càn-Long nhà Thanh đã được ấu-hành và được Tiền-Hi-Tộ, tự là Tích-Chi, người Kim-Son (Giang-Tô), hiệu-dính. Như vậy, Việt-Sử-Lược không bị cái nạn tam sao thất bản làm cho sai lạc đi; ngược lại, Việt-Điện U-Linh Tập vì một sự rủi-ro, đã bị sửa chữa rất nhiều; ngay ở thế-kỷ XV, Nguyễn-văn-Chất đã viết Việt-Điện U-Linh Tập Bổ-Tục, rồi đến thế-kỷ thứ XVIII, Đôn-Phủ Lê-Hữu-Hỉ, năm 1712, trong bài Bạt Việt-Điện U-Linh Tập (4) đã phải than-phiền rằng «đời truyền Việt-Điện U-Linh đã lâu, nhưng đều lầm-lẫn khó đọc». So -

(1) Q. 12 «Thế-gia họ Lý».

(2) Xem Việt-Sử Lược, II, 12.

(3) Sđđ, II, 5a.

(4) Xem dưới

sánh những bản chép tay hiện còn giữ được như bản A47, A751, A1919, A2879, ta đủ thấy sự sai-biệt trầm-trọng như thế nào (1) Do đấy, trong những thời-kỳ mà sự sửa chữa là cái quyền riêng của người sao, khi mà sự kiêng húy không còn lý-do tồn-tại nữa thì cái tên Nguyễn-Tế-Xuyên được đổi ra là Lý-Tế-Xuyên không có khó-khăn gì. Sau cùng, giáo-sư Hoàng-Xuân-Hân còn cho biết chức-vụ của Lý-Tế-Xuyên là một chức-vụ đời Lý. Đã đành, kinh Đại-Tạng (2) đã được Minh-Sư-ông và chương thư-ký là Hoàng-Thành-Nhà mang từ Trung-Hoa về từ mùa xuân năm Đinh-Mùi (1007). Nhà Lý càng trân-trọng hơn đời với kinh-điển của nhà Phật nhưng trong Toàn-Thư cũng như trong Cương-Mục, ta không thấy một đoạn nào nhắc-nhở đến chức-vụ của Lý-Tế-Xuyên; ngược lại, (3) Toàn-Thư đã hai lần nói tới; một lần vào đời Trần-Nhân-Tông (4) trong đó ta đọc thấy: 卽於道上使内書火正掌……và một lần vào đời Trần-Minh-Tông (5) trong đó ta thấy viết 内書火局; như vậy Thư-Hỏa Chính-Chưởng là một chức-vụ đời Trần, có lẽ không phải là một chức-vụ đời Lý; lại nữa, Lý-Tế-Xuyên còn kiêm chức Chuyển-Vận-Sứ An-Tiêm-Lộ. Theo Aurousseau, An-Tiêm-Lộ dưới đời Trần thuộc vào tỉnh Nam-Định hiện nay (6). Từ năm 1916, Maspéro đã căn-cứ vào chuyện Lý-Phục-Man trong Việt-Điện U-Linh Tập để quả-quyết có một Đỗ-Thiện (7) là tác-giả một cuốn Sử-Ký viết vào khoảng 1287—1329; Gaspardone (8), trong Bibliographie Annamite ấn-bản năm 1934, đã công-nhận chức-vụ của Lý-Tế-Xuyên là những chức-vụ đời Trần. Đó cũng là ý-kiến của Lê-Quý-Đôn trong Kiến-văn-tiểu-lục (9) viết năm 1777.

B. Tác-giả và tác-phẩm thuộc vào đời Trần.

Trừ Chư-Cát-Thị và Hoàng-Xuân-Hân, tất cả những nhà học-giả đã nghiên-cứu về Việt-Điện U-Linh Tập đều khẳng-định tác-phẩm này là một sáng-tác đời Trần. Chúng tôi đã trình-bày những ý-kiến của Lê-quí-Đôn,

(1) Xem Durand, Dân Việt-Nam số 3, trang 39—44.

(2) Xem Cương Mục, chính biên, I, 43a.

(3) Xem M. Durand, Dân Việt-Nam, số 3, trang 6.

(4) Xem Toàn-Thư, V, 35b.

(5) Xem Toàn-Thư, VI, 43b.

(6) Xem Exposé de Géographie historique du pays d'Annam traduit du Cương-Mục (B.E.F.E.O., XXII, 1922).

(7) Il (ouvrage de Đỗ-Thiện) remonte certainement aux premières années du 14^e siècle (Maspéro, trong Etudes d'Histoire d'Annam, B.E.F.E.O., XVI, 1916).

(8) BEFEO, XXIV, 1934.

(9) IV, 4a.

Maspéro, Gaspardone, Durand trong đó lập-luận của hai giáo-sư Gaspardone và Durand tỏ ra vô-cùng vững-vàng. Đối với một tác-phẩm vừa có tính-cách sử-học vừa có tính-cách văn-học như Việt-Điện U-Linh Tập, sự khảo-sát về soạn-niên cần phải được đặt trên những căn-bản khác; căn-bản ấy có thể là kinh-tế, phong-tục, xã-hội, luân-lý, nhưng trước hết và quan-trọng hơn tất cả là vấn-đề quan-điểm, vấn-đề ý-thức-hệ. Định-đoạt được vấn-đề này tức là một phần nào giải-quyết được vấn-đề soạn-niên. Vậy ý-thức-hệ được trình-bày trong tác-phẩm là ý-thức-hệ gì? Nói một cách, cái tư-tưởng nào đã điều-động tinh-thần của các nhân-vật trong tác-phẩm? Họ đã nghĩ những gì? Đã hành-động ra làm sao? Đời sống của họ có được đặt theo một tiêu-chuẩn nào không?

Trước hết, Lý-Tế-Xuyên đã tuyên-bổ ngay trong bài Tựa năm 1329: «Thông-minh chính-trực đủ để xưng thần, trừ dâm-thần, tà-quái, yêu-ma, vọng-qui thời không được lạ-xưng như thế». Thông-minh chính-trực, theo tác-giả, là những «vị biểu-dương được vi-tích, âm-phù được sinh-linh», là những người «đương thời thì khí-thể lừng-lẫy, lai-diệp thì anh-linh chói-lọi». Thần của tác-giả không có gì là mê-tín, dị-đoan. Trong truyện Lý-Thường-Kiệt, tác-giả viết: «Người dân nào ham-chuộng ma-qui, đồng-bóng huyễn-hoặc dân-chúng thì bị ông (Lý-Thường-Kiệt) trừng-phạt sa-thải để khử-trừ ô-phong, cho nên lúc bấy giờ có cái dâm-từ nào thì đều biến ra làm hương-hỏa của các vị phúc-thần cả». Như vậy, thần của Lý-Tế-Xuyên chỉ là một người, nhưng người ấy đã sống với tất cả sức mạnh của một con người, và bởi đó đã trở thành như một nhân-vật linh-thiên và vẫn có liên-lạc mật-thiết với loài người một khi đã quá-cổ. Thần ở đây rõ-ràng là những người đã «tận-kỳ-tính», nhưng con người đã «thành», nghĩa là những con người hoàn-toàn theo kiểu-mẫu của nho-phong. Cái tính-cách nho-phong hiển-hiện trong từng cử-chỉ của nhân-vật, trong từng ngôn-ngữ của họ. Lòng trung-quân của Lê-Phụng-Hiếu, sĩ-khí của Lý-Thường-Kiệt, tinh-thần khảng-khái của Trương-Hống và Trương-Hát, sự trình-liệt của My-Ê, tinh-thần tề-gia lấy sự hiếu để làm trọng của Tô-Lịch, đó là tất cả cái hình-nhi-hạ của nhà nho, ăn khớp với cái nhân-sinh-quan rất cao của họ về con người. Lòng sùng-thượng nho-học rõ-rệt trong việc sắp-đặt Sĩ-Nhiếp làm đề-tài đầu tiên của tác-phẩm, trong bố-cục của tác-phẩm được chia ra làm lịch-đại đế-vương, lịch-đại phụ-thần, hạo-khí anh-linh. Như vậy, ý-thức-hệ điều-động tác-phẩm của Lý-Tế-Xuyên là ý-thức-hệ nho-giáo. Thời-đại của tác-giả là một thời-đại bắt đầu ghi những năm thịnh-vương đầu tiên của nho-giáo, khác hẳn cái không-khí êm-đềm, thanh-tĩnh nhưng cũng đầy-rẫy những chuyện mê-tín dị-đoan của nhà Lý. Cái tinh-thần nho-học mạnh-mẽ sáng-

sủa của nhà Trần không phải một phút một chốc mà được hình-thành; nó đã du-nhập đầu tiên vào Việt-Nam cùng với Phật-giáo, nó đã được triều-đình nhà Lý ủng-hộ chính-thức năm 1070 khi Lý-Thánh-Tông trùng-tu Văn-miếu ở Thăng - Long; năm 1195 nó đã được coi là bình - đẳng với Phật-giáo; có những vị thiền-sư như sư Quảng-Nghiêm (1122—1190), sư Tĩnh-Giới (?—1207) sư Huyền-Quang (1254—1334) hoài-nghi tín-ngưỡng của mình; có những nhà nho như Lê-văn-Hưu năm 1272 đã k'ch-liệt mặt-sát nhà Phật, mở đầu cho một phong-trào bài Phật và tôn Nho do Trương-Hán-Siêu (?—1354) Nguyễn-Trung-Ngạn (1289—1370) Chu-An (?—1370), Phạm-Sur-Mạnh, Lê-Quát v.v... lãnh-đạo. Năm 1329, Lý-Tể-Xuyên đang sống giữa cái xôn-xao ấy của thời-đại ông; ông đã mạnh - bạo đứng trong hàng-ngũ của «phái mới» tức là phái Nho-học; tác-phẩm của ông là một nhân-chứng của một thời-đại đang nỗ-lực thanh-toán với những cái «cũ» để hoàn-toàn theo mới không một chút do-dự. Đã đành, còn một đôi bóng dáng của cái tinh-thần thần-thoại đời Lý, tỉ-dụ sự biến-hiện của một nhân-vật, sự hiển-linh của một tiên-ông v.v... nhưng đầu tiên đó chỉ là một kỹ-thuật sáng-tác mà Lý-Tể-Xuyên đã biết sử-dụng để tăng-gia hoạt - tính của nhân-vật và dù sao đi nữa, năm 1329 vẫn chưa là năm thắng-lợi hoàn-toàn của Nho-học, chứng-cớ là trong Việt-Sử Lược hoàn-thành năm 1377, sau Việt-Điện U-Linh Tập gần nửa thế-kỷ, tính-chất hoang-đường quái-dân đời Lý vẫn còn bộc-lộ rõ-ràng. Như vậy, theo tinh-thần tổng-quát của tác-phẩm, ta có thể tin rằng năm 1329 là soạn-niên của Việt - Điện U - Linh Tập và Lý-Tể-Xuyên là một văn-sĩ đời nhà Trần, mặc dầu các chứng-cứ chưa được minh-bạch như ta mong muốn.

II Tác giả:

Tất cả những bản Việt-Điện U-Linh Tập chép tay nếu có chưa tên tác-giả thì đều đề là Lý-Tể-Xuyên. Ngay những học-giả không cho tác - phẩm vào đời Trần cũng không phủ-nhận quyền tác-giả của Lý-Tể-Xuyên, nhưng về thân-thể và sự-nghiệp của ông, hiện nay ta chưa có tài-liệu gì rõ - rệt. Lịch - sử cũng như những văn-bản chính-thức như Đãng-Khoa-Lục không thấy nhắc-nhở đến tên ông. Phan-Huy-Chú trong Lịch-Triều Hiến-Chương Loại-Chí, Lê-Quý-Đôn trong Nghệ-văn-Chí chỉ nói đến ông một cách sơ-sài. Ta chỉ có thể căn - cứ trên chức-vụ và trên tác-phẩm để tìm kiếm một đôi nét về thân-thể và sự-nghiệp của Lý-Tể-Xuyên.

Về chức-vụ, mỗi bản chép tay đều chép mỗi khác. Theo 4 bản chép tay

của trường Viễn-Đông Bác-Cổ hiện còn giữ được, (1) chức-vụ của Lý-Tề-Xuyên đã được đề như sau:

Bản A. 2879 ghi: 守大藏經中品奉御。 (Thủ Đại-Tạng Kinh Trung-Phẩm Phụng-Ngự)。

Bản A. 751 ghi: 守大藏經書火正掌中品奉御安遷路轉運使 (Thủ Đại-Tạng Kinh Thư-Hỏa Chính-Chưởng Trung-Phẩm Phụng-Ngự An Tiêm Lộ Chuyển-Vận-Sứ)

Bản A. 1919 ghi: 守大藏書文正掌中品奉御安遷路轉運使 (Thủ Đại-Tạng Thư-Văn Chính-Chưởng Trung-Phẩm Phụng-Ngự An-Tiêm Lộ Chuyển-Vận-Sứ)

Bản A 47 ghi: 守大藏書文正掌中品奉御安遷路轉運使 (Thủ Đại-Tạng Thư-Văn Chính-Chưởng Trung-Phẩm Phụng-Ngự An-Tiêm Lộ Chuyển-Vận-Sứ)

Trong cuốn Lý-Thường-Kiệt, khi nói về chức-vụ của Lý-Tề-Xuyên giáo-sư Hoàng-Xuân-Hân đã viết là “ giữ kinh Đại-Tạng, thư-hỏa chính-chưởng, trung-phẩm phụng-ngự, chuyển-vận-sứ An-Tiêm-Lộ ”, như thế giáo-sư đã nói đến chức-vụ của Lý-Tề-Xuyên ghi trong bản chép tay A751; bản A751 là một trong 4 bản đã ghi chữ hỏa (火) thay vào chữ văn (文) trong hai bản A47 và bản A1919, lại là một bản mới chép gần đây (1), do đấy, Durand kết-luận rằng người phụng-sao sau này đã làm chữ 火 (hỏa) với chữ 文 (văn) và như vậy, giáo-sư Durand xác-nhận chức 書文正掌 (Thư Văn Chính Chưởng) đúng hơn nếu đề là 書火正掌 (Thư Hỏa Chính Chưởng) và công-nhận bản A47 là hợp-lý nhất. Nhưng nếu đã kết-luận như vậy thì chúng tôi thiết-tưởng những nỗ lực của giáo-sư Durand để xác-định chức Thư Hỏa Chính Chưởng vào đời Trần không còn lý-do tồn-tại nữa, do đấy, ta có thể nói rằng viết như bản A 751 là phù-hợp với sự thực lịch-sử đời Trần; chức Thư Hỏa Chính Chưởng rõ-rệt là một chức phụng-vụ vừa giữ sách vừa giữ lửa ở nơi đã đề kinh Đại-Tạng; nếu đề là Thư-Văn thì chức-vụ tỏ ra rất tầm-thường, không có gì đặc-biệt đối với một người đã viết một cuốn sách về thần-thánh như Việt-Điện U-Linh Tập. Có thể nói rằng chính cái ngọn lửa leo-lét ở nơi đề kinh Đại-Tạng kia, dù ở nghĩa đen hay nghĩa bóng, đã gây cảm-hứng cho nhà văn Lý-Tề-Xuyên, cho nên không trong một chuyện nào là tác-giả không nhắc đến từ-ngữ «hương-hỏa bất-tuyệt». Cái ánh-sáng trong tác-phẩm là

(1) Xem Durand, Sđd, trang 6; Chúng tôi đã kiểm-điểm lại nhận xét của Durand, căn-cứ trên những bản đã chụp lại những bản chép tay của Trường Viễn-Đông Bác-Cổ.

(1) Theo Durand. Sđd, trang 6.

ánh sáng ấy mà bình-minh của nho - học đang bành - trướng không làm cho phai mờ. Giá-trị của tác-phẩm là ở trong sự thực - hiện được cái mâu - thuẫn biểu-kiến ấy. Những lý-luận trên nhằm vào mục-dịch tìm hiểu chức-vụ của Lý-Tể-Xuyên, để từ đây tìm hiểu thân-thể của nhà văn. Qua chức - vụ ấy, Lý-Tể-Xuyên xuất-hiện như một nhà tu-hành, âm-thăm sống ở một nơi bảo-tồn kinh Phật, mà nhiệm-vụ là giữ sách như một người quản-thủ thư-viện ngày nay. Trong thời-gian ấy, xa sự náo-nhiệt của đô-thành, trong một nơi có cây già bóng cả, giữa một không-khí yên-lặng trang - nghiêm, Lý-Tể-Xuyên có đầy-đủ thì-giờ để đọc sách, viết văn, sưu-tầm tài-liệu, nhất là suy-nghi về người xưa. Ông luôn luôn đi về cái thế - giới cổ-sơ ấy ; ông sống với những nhân-vật của ông, thấm-nhuần cái không-khí bao quanh họ, thấu-triệt tinh-thần họ. Khoa-cử của triều-đình đã không cám - dỗ được nhà văn. Tên tuổi của ông không được ghi trên bảng - cấp nhưng những ngày âm - thầm tự-học cũng như những sáng-tác kia đã làm cho tên tuổi của ông lừng lẫy. Ngoài ra, xét theo nội - dung tư - tưởng của tác-phẩm, Lý - Tể Xuyên còn tỏ ra là một nhà văn chẳng những thấu - hiểu sâu - xa Phật - giáo mà còn là một nhà nho say-mê. Ngay trong bài Tựa, ông đã trình-bày cái phương-pháp của ông khi viết sách, cái phương-châm mà ông đã theo. Thận-trọng, khiêm-tốn, biết phân-biệt kỹ-càng, có óc thẩm-mỹ, vừa thích cái tinh-thần tích-cực của nhà nho vừa ưa cái vẻ huyền-bí thiêng-liêng của quá-khứ, Lý-Tể-Xuyên bất cứ ở chỗ nào đã biểu-lộ được sự chùng-mục, sự giản-dị, sự sáng-sủa và cân-đối. Một con người như vậy phải được sự hâm-mộ của đương-thời và của hậu-lai.

III. Nội-dung tác-phẩm.

Năm 1777, Lê-Quý-Đôn đã đếm được hơn hai mươi chuyện trong Việt-Điện U-Linh Tập. Ông viết : «Đầu niên-hiệu Khai-Hựu nhà Trần, Lý-Tể-Xuyên phụng ngự-chỉ soạn quyển Việt-Điện U-Linh Tập, chép các việc thần-dị, đền-miếu, lịch đại đế-vương 8 truyện, nhân-thần 12 truyện, bạo-khí, linh-tích»(1). Như vậy, ngoài 20 truyện về đế-vương và nhân-thần còn có những truyện về bạo-khí anh-linh mà Lê-Quý-Đôn không nói rõ là bao nhiêu. Phan-huy-Chú(2) cho là tác-phẩm có 28 truyện. Vào đời Lê, tác-phẩm được Nguyễn-văn-Chất(3) bổ-tục thêm 3 hay 4 chuyện thần-thoại tùy theo các bản chép tay. Đó là những chuyện :

(1) Kiến Văn Tiểu Lục' q. IV, Thiên Chương, tờ 42.

(2) Trong Hiến-Chương, q. 45.

(3) Nguyễn-văn-Chất (阮文質), người làng Vũ-Dị, huyện Bạch-Hạc (Vinh-Yên), tiến-sĩ năm 1448, hồi 27 tuổi, Γư-Nghịp Quốc-Tử-Giám năm 1466, Đò-Sát-Viện, đi sứ Tàu năm 1480 (Toàn-Thư XIII, tờ 29), tác-giả Tục Việt-Điện U-Linh Tập (Đãng Khoa-Lục I, 7) (nhận xét của Gaspardone, trong Bibliographie Annamite).

- 1) Sóc-Thiên Vương
- 2) Tam-Đảo thần
- 3) Nam-Tổng Công-Chúa ở đền Kiền-Hải,
- 4) Trịnh-Gia và các em.

Ngoài ra, theo Gaspardone, còn có nhiều bản phụ-lục cổ tiểu-sử của Tứ Vị Thánh Laug đền Kiền-Hải do Lê-Tự-Chi viết và đề Hồng-Đức năm thứ 5 (1513); bản Trùng-Bổ và 1 bản Dẫn đề ngày 7-7 năm Kỷ-Vị và ký là Tam-Thanh-Quán đạo nhân... Những bản khác (A. 2879, A. 1919) có chỉ một vị Án-Lục tên là Kim-Miễn-Muội và gồm có những lời chú-bình, tiếm-bình của Cao-Huy-Diệu khi còn làm Giám-Tu(1); một bài tựa của Lê-Độn-Phủ, tức là Lê-Hữu-Hi(2). Bản A. 335 chép lại năm 1774 gọi là bản Tân-Đỉnh, Hiệu-Bình có bổ-sung đến 41 truyện, đồng thời, vẫn theo Gaspardone, những truyện chính như Sĩ-Vương, Hai Bà Trưng vì đã chuyển sang Lĩnh-Nam Chích-Quái nên đã bị bỏ đi, do đấy, ở trạng thái cuối cùng này, hai tác-phẩm có nhiều điểm giống nhau(3). Các trước-hiệu sau khi chết được kể đến năm 1821, năm Minh-Mạng thứ 2 (Xem chuyện Triệu-Xương và phu-nhân ở cuối sách này).

Như vậy, theo bản A. 751 mà chúng tôi đã dịch đây, phần Tục-Bổ của Nguyễn-văn-Hiền (tức Nguyễn-văn-Chất theo Gaspardone), phần Trùng-Bổ và Phụ-Lục của đạo-nhân quán Tam-Thanh đều không được kể vào phần nội-dung Việt-Điện U-Linh Tập của Lý-Tể Xuyên. Phần tiếm-bình của Cao-Huy-Diệu, phần phụ-lục sự-tích đền thờ thần xã An-Sở cũng thế; nội-dung của Việt-Điện U-Linh Tập chỉ gồm 27 chuyện chia ra 3 phần như sau ;

A. Lịch-Đại-Đế-Vương (6 chuyện)

- 1) Sĩ-Nhiếp
- 2) Phùng-Hưng
- 3) Triệu-Việt-Vương, Lý-Nam-Đế
- 4) Thần xã-tác
- 5) Hai Bà Trưng
- 6) My-Ê

(1) Theo Gaspardone dẫn trong Bibliographie Annamite, Cao-Huy-Diệu trước là Cao-Dương-Diệu làng Phú-Thị, huyện Gia-Lâm, Bắc-Ninh, Tiến-sĩ năm 1715, hồi 35 tuổi, Thượng-Thư bộ Lại năm 1739 (xem Đãng-Khoa-Lục, III, 44; Bị-Khảo, phần Kinh-Bác, Gia-Lâm)

(2) Lê-Hữu-Hi, tên hiệu là Độn-Phủ, tiến-sĩ năm 1700, (xem Đãng Khoa-Lục, III, 38b)

(3) Xem Bibliographie Annamite.

(4) Chữ Hiền (賢) dễ bị lầm với Chất (質)

B. Lịch-Đại Phụ-Thần (11 chuyện)

- 1) Lý-Hoảng
- 2) Lý-Ông-Trọng
- 3) Lý-Thường-Kiệt
- 4) Tô-Lịch
- 5) Phạm-Cự-Lượng
- 6) Lê-Phụng-Hiếu
- 7) Mục-Thận
- 8) Trương-Hống và Trương-Hát
- 9) Lý-Phục-Man
- 10) Lý-Đô-Úy
- 11) Cao-Lỗ

C. Hạo-Khí Anh-Linh (10 chuyện)

- 1) Hậu-Thổ Phu-Nhân
- 2) Thần Đông-Cổ
- 3) Thần Long-Độ
- 4) Thần Khai-Nguyên
- 5) Thần Phù-Đổng
- 6) Sơn-Tinh và Thủy-Tinh
- 7) Thần Đàng-Châu
- 8) Thần Bạch-Hạc
- 9) Thần Hải-Thanh
- 10) Nam-Hải Long-Vương Quân.

Theo bố-cục trên, nội-dung của tác-phẩm rất rõ-rệt. Trước hết, tác-giả biểu-dương vĩ-tích của những bậc đế-vương đã thâu-triệt nhiệm-vụ của mình và đã hy-sinh thân-thể để mang lại hạnh-phúc cho dân Việt. Danh-từ dân Việt ở đây được hiểu theo nghĩa rộng-rãi bởi vì chữ 粵 甸 bao-hàm tất cả những dân-tộc phía Nam Ngũ-Linh; Si-Vương cũng là một người Việt theo nghĩa này và chính vì thế tác-giả đã kể lại chuyện của Si-Nhiếp đầu tiên như là một ông vua tinh-thần của người Việt-Nam. Việc đặt Si-Nhiếp lên đầu chuyện chứng tỏ mục-đích của Lý-Tể-Xuyên khi sáng-tác không có tính-cách chính-trị mà chỉ muốn coi văn-hóa như một món ăn tinh-thần bổ-ích. Trong viễn-tượng ấy, Si-Nhiếp là một bậc đế-vương trên cả Bồ-Cái Đại-Vương, trên cả Triệu-Việt-Vương và Lý-Nam-Đế. Nhưng Phùng-Hưng cũng đã là một bậc đế-vương có một giá-trị cao. Nếu Si-Nhiếp tượng-trưng cho lực-lượng văn-hóa phương Nam thì Phùng-Hưng cũng đã từng là một bậc cha mẹ dân tượng-trưng cho tinh-thần bất-

khuyết của người Việt. Triệu-Việt-Vương và Lý-Nam-Đề cũng thế, mặc dầu chính-trị đối-lập nhau, vẫn tỏ ra xứng-dáng là những vị lãnh-đạo thời ly-loạn. Người đến thứ tư là thần xā-tắc, người mang lại sự no-ấm cho nhân-dân, người đảm-bảo cho đời sống của nhân-dân về phương-diện vật-chất. Sự hiện-diện của thần xā-tắc chứng tỏ rằng cùng với văn-hóa, cùng với chính-trị và quân-sự, một đời sống ấm-n) là một điều-kiện tất-yếu mà các bậc đế-vương phải chú-ý. Với tinh-thần ấy, dù là một nhi-nữ như Nhị-Trương cũng có thể liên-kết được hào-kiệt bốn phương, đánh đuổi quân xâm-lăng ra khỏi bờ cõi, mang lại độc-lập và hòa-bình cho nước nhà. Nhị-Trương đã thất-bại về quân-sự nhưng Nhị-Trương đã thắng-lợi về phương-diện nâng cao tinh-thần quốc-gia; việc Nhị-Trương được Thượng-Đế sai xuống trần làm mưa chứng tỏ Nhị-Trương vẫn tiếp-tục sứ-mệnh thiêng-liêng của mình đối với dân với nước. Cái chết của My-Ê là một cái chết vẻ-vang của một liệt-nữ. Giữa lúc mất nước nhà tan, giữa lúc phải làm tù-binh nhà Lý, My-Ê đã cho đoán người chiến-thắng một bài học sâu-xa. Nàng chết đi mà bảo-vệ được sự trinh-liệt, còn hơn vua tôi nhà Lý sống mà bị hối-hận giày-vò. Cách kể lại câu chuyện của tác-giả chứng tỏ rằng lòng trung-quân ái-quốc của ông không làm sai lạc óc phê-phán. Đối với tác-giả, chỉ có đạo-đức là có một giá-trị trên hết mọi giá-trị.

Sau 6 chuyện nói về đế-vương là 11 chuyện kể lại hoạt-động của những lịch-đại phụ-thần. Tất cả là những bậc anh-hùng tuấn-kiệt của Việt-Nam. Các vị ấy đã có đại-công bảo-vệ triều-đình, bảo-vệ quyền-lợi của vua chúa như Lê-Phụng-Hiếu, nhưng đa-số các vị là những người đã hết lòng vì nước vì dân, hoặc lo cho dân-chúng được có ruộng cày như Lý-Hoảng, hết lòng bảo-vệ quyền-lợi cho dân như Tô-Lịch khi chết đã hiện về nói với quan Đò-Hộ Lý-Nguyên-Hỷ: « Nếu sứ-quân có giáo-hóa cư-dân trong thành cho hết lòng hết sức thì mới sung được nhiệm-vụ của một quan thú-mục, mới xứng với trách-nhiệm của một bậc tuấn-lương »; Lý-Thường-Kiệt đã từng làm rung động triều-đình nhà Tống; Lý-Ông-Trọng đã trở thành một vị anh-hùng bảo-vệ cho nhà Tống chống Hung-Nô. Lý-Ông-Trọng thời còn thanh-niên đã nói một câu bất-hủ: « Tráng-chí của đời người nên như chim Loan chim Phụng, nhất cử vạn lý, đâu lại để cho người thóa-mạ, làm nô-lệ cho người ? » Trương-Hống Trương-Hát là bộ-tướng của Triệu-Việt-Vương, đã vì Triệu-Việt-Vương mà thà chết không thà cộng-tác với Lý-Nam-Đề; Lý Phục-Man là thuộc-tướng của Lý-Nam-Đề, chết đi vẫn tiếp-tục ủng-hộ Lý-Thái-Tổ, phù-trợ cho dân-gian. Việc sắp đặt các vị anh-hùng này bên cạnh nhau biểu-lộ lập-trường của Lý-Tề-Xuyên. Ông muốn ở trên mọi đấng-

phái, ở ngoài mọi triều-đại; ông chỉ muốn nhắm đến một điểm là sự phú-cường của quốc-gia, tinh-thần mạnh-mẽ của dân-tộc. Dù tướng của Triệu-Việt-Vương có đối-lập với tướng của Lý-Nam-Đề về chính-trị chăng nữa, sau khi chết đi là họ chỉ nghĩ đến làm thế nào ích-lợi cho nhân-dân. Mục-Thận sau khi thành thần, mỗi lần sóc vọng có kỳ tế lễ là hiện thành một con rắn nằm tròn ở cột đèn, người nào uế-tạp thì lập tức bị cắn chết. Chuyện Cao-Lỗ cũng rất cảm-động. Lòng trung-trinh của Cao-Lỗ đối với An-Dương-Vương rất hiếm có.

Sau cùng là những bậc hạo-khí anh-linh. Đây là 10 chuyện thần có nguồn-gốc thần-thoại như Hậu-Thổ phu-nhân, thần Đổng-Cổ, thần Long-Độ, thần Khai-Nguyên, thần Phù-Đổng, Sơn-Tinh và Thủy-Tinh, v.v... Các thần đều một lòng sốt-sắng cứu-khổ phò-nguy, thường sẵn-sàng hiển-linh báo-mộng cho vua chúa biết đường lành phải theo, điềm dữ phải tránh; các thần lúc nào cũng tìm cơ-hội để tham-dự vào việc của triều-đình, giúp cho nhà vua tránh được những bước khó-khăn, cho dân-chúng được ấm-no sung-sướng.

Nói tóm lại, nội-dung của tác-phẩm rất rõ-ràng; nội-dung ấy đã được tóm lược ngay trong bài Tựa của tác-giả. Nội-dung ấy có một giá-trị mà ta phải cân-nhắc và bình-luận.

IV.— Giá-trị của tác-phẩm

Việt-Điện U-Linh Tập có một giá-trị rõ-rệt về nội-dung và hình-thức.

A.— Giá-trị nội-dung

1.— Giá-trị tôn-giáo

Trước hết, tác-phẩm có một giá-trị tôn-giáo không thể phủ-nhận được. Tin-tưởng vào sự bất-diệt của linh-hồn, tin-tưởng vào sự tương-quan giữa đời sống bên này và đời sống bên kia, tác-giả phò-diễn một nếp sống hoàn-toàn kiểu-mẫu. Theo tác-giả thì thần-thánh có ai là xa-lạ đâu? Đó là những người trần mắt thịt như tất cả chúng ta, chỉ khác một điều là các người ấy đã sống một đời sống siêu-phàm, trong sự cần-lao kham-khổ, trong sự phục-vụ tích-cực, trong nỗ-lực chống lại sự quyến-dũ của vật-chất; thần-thánh là những người đã sống hết tất cả kích-thước của người, tận-cùng biên-giới nhân-loại. Đến trình-độ ấy, giá-trị của con người tự-nhiên được gia-tăng; con người có thể tham-dự vào đời sống linh-thiên để tiếp-tục quảng-bổ ơn-cương-thường như trước; đến giai-đoạn này, các vị anh-hùng xứng-đáng được lòng ngưỡng-mộ sùng-kính của nhân-dân. Việc có đền miếu phụng-tự

trở thành như một điều-kiện phải có. Ta không lạ gì khi thấy có nhiều vị thần hiển-linh như muốn được hưởng tế-tự lâu dài.

Tinh-cách tôn-giáo còn được thể-hiện trong tinh-thần sùng-bái anh-hùng liệt-nữ. Từ vua chúa đến nhân-dân, mọi người đều kính-cẩn sự thần, suy-tôn các vị thần, công-nhận sự tối-linh của thần như một nguyên-lý. Thần-thánh là kiểu-mẫu lý-tưởng của nhân-dân; họ cần được sự phụ-trợ của thần, nhưng hơn hết cả, họ mong-muốn được nên giống như thần-thánh, có can-đảm chống lại dục-vọng của họ để đi lên cao hơn.

Ta có thể nói dân-tộc Việt-Nam trong căn-bản là một dân-tộc tôn-giáo. Quan-niệm người hùng rực-rỡ trong sử-sách chứng-tỏ sự thiết-tha của người Việt-Nam được sống như một siêu-nhân, tuấn-kiệt và uy-dũng. Phản-hồi được bầu không-khí tôn-giáo này, tác-phẩm của Lý-Tề-Xuyên có một giá-trị rất đặc-sắc.

2.— Giá-trị luân-lý

Từ một lòng tin vào một quan-niệm luân-lý phổ-biến, Lý-Tề-Xuyên trình-bày nhiều mẫu người với quan-niệm sống rất mãnh-liệt. Mỗi người có một cách sống riêng tùy-theo hoàn-cảnh của họ nhưng lúc nào cũng đặt giá-trị của tinh-thần lên trên hết Đầu tiên, Sĩ-Nhiếp mở đầu cho quyển truyện là một người khoan-hậu, khiêm-hư đài kể sĩ, hiếu khách và ưu-bác về học-vấn. Nền chính-trị của ông ở Giao-Châu rất khôn-khéo mềm dẻo; chú-trọng về văn-hóa và giáo-dục, đặt vấn-đề trách-nhiệm cá-nhân lên rất cao, Sĩ-Nhiếp không bao giờ xử-sự như một người tự bạo tự khí. Nhân-cách của ông nổi bật bên cạnh những con người tầm-thường đồng-thời với ông như Lưu-Biểu. Giữ vững được nhân-cách của mình, mặc dầu qua những cơn thử-thách nghiêng-ngửa, đó là biểu-hiệu của một tâm-hồn vững-vàng, ý-chí mạnh mẽ, ưa tự-do một cách say-mê. Nhi-Trung phần-nộ trước những hành-động dã-man của Bắc-phương; nàng My-Ê ưu-phẫn vì cảm thấy sự trinh-tiết của mình sắp bị xâm-phạm. Chưa bao giờ giá-trị cá-nhân được đề-cao như bao giờ. Con người cảm thấy được tôn-trọng, được kính-nể, được công-nhận như một giá-trị bất-khả-xâm. Nhưng được tôn-trọng không phải chỉ biết có mình là được tôn-trọng; giá-trị ấy là một giá-trị phổ-quát và cá-nhân tranh-đấu cho giá-trị phổ-quát ấy tức là tranh-đấu cho mình và cho nhân-loại. Đến đây, ta thấy sự tương-quan chặt-chẽ giữa cá-nhân và gia-đình, giữa cá-nhân và xã-hội, quốc-gia. Từ ngàn xưa, Lý-Tề-Xuyên đã quan-niệm sống là sống với người khác, sống cho người khác, sống vì người khác. Không bao giờ ta thấy nhân-vật của ông cô-độc; họ luôn luôn hy-sinh tận-tụy vì hạnh-phúc

của tha-nhân; họ lo cái lo của mọi người, đau-khổ cái đau-khổ của mọi người, lúc nào cũng vượt khỏi cái phạm-vi nhỏ bé của bản-thân để sống cho người khác. Đối với Lý-Tế-Xuyên, không bao giờ người khác là hóa-ngục; ngược lại, người khác là một dịp quý - báu để cho con người gần người hơn, người khác là một giá - trị làm cho giá-trị nhân - loại được tăng-cường. Đẹp biết bao cái vẻ hào-hùng của Lý-Thường-Kiệt mà cuộc đời là đấu-tranh để đề-cao lòng tự-hào của dân-tộc. Cao-quý thay cái tinh-thần bất-khuất của Trương-Hồng và Trương-Hát mà danh-vọng cũng không làm cho ngã-nghiêng, mà phú-quý cũng không làm cho thay đổi, mà uy-vũ cũng không làm cho sợ-hãi. Luôn luôn trong Việt-Điện U-Linh Tập, ta bắt gặp những tâm-hồn cao-quý ấy, ngay-thẳng, vững-vàng, trong sạch, mạnh-mẽ, nghĩa là tất cả những sắc-thái của một nền luân-lý cao-siêu, bắt nguồn từ một nhận-định cụ-thể về giá-trị con người.

3.— Giá-trị lịch-sử

Mặc dầu Maspéro không công-nhận cho Việt-Điện U-Linh Tập có một giá-trị lịch-sử (1) nhưng chính Maspéro đã sử-dụng tác-phẩm của Lý-Tế-Xuyên để bổ-sung những khuyết-điểm của lịch-sử Trung-Hoa về Việt-Nam, có lẽ phải nói như Lê-Quý-Đôn đã nói trong Kiến-Văn Tiểu-Lục : 良史才也 tức là khen Lý-Tế-Xuyên là một sử-gia có thực-tài. Ta thử xem phương-pháp sáng-tác của Lý-Tế-Xuyên, cách sử-dụng tài-liệu lịch-sử của tác-giả, sự góp phần của cuốn sách vào sự hiểu biết xã-hội đời Lý Trần.

Phương-pháp của tác-giả đã được tuyên-bố trong bài Tựa. Tác-giả bắt đầu bằng một định-nghĩa về thần, sau đây phân-biệt ba loại thần và liệt-kê những thuộc-tính của các vị-thần ấy, sau cùng tác-giả tuyên-bố chép lại sự-thực để «phân-biệt màu đỏ với màu tía ». Trong các tác-phẩm Việt-Nam, ít khi ta thấy tác-giả trình-bày quan-điểm của mình một cách minh-bạch như Lý-Tế-Xuyên; ta cũng ít gặp những tác-phẩm biết dung-hòa tinh-thần tôn-trọng cổ-nhân với tinh-thần sáng-tác một cách chừng-mực vừa phải như Lý-Tế-Xuyên đã làm. Trong 27 chuyện được coi là của ông, 8 chuyện đã không ghi xuất-xứ, và ta có thể chắc rằng 8 chuyện ấy là do sự tìm kiếm riêng của tác-giả; 19 chuyện còn lại đã được ghi xuất-xứ rõ-ràng như sau :

- a) Theo tục-truyền : chuyện 20 và 27
- b) Theo Tam-Quốc-Chí : chuyện 1
- c) Theo Giao-Châu-Ký của Triệu-Xương : chuyện 2, 10, 25.

(1) Xem bài « Le Protectorat Général d'Annam vers les T'ang (BEFEO, X, trang 539)

d) **Giao-Châu-Ký** của **Tăng-Cổn** : chuyện 23

đ) **Sử-Ký** : chuyện 5, 10, 11, 13

e) **Sử-Ký** của **Đỗ-Thiện** : chuyện 14, 15, 17, 24

g) **Báo-Cực-Truyện** : chuyện 1, 10, 18, 19, 22

h) **Giao-Chi-Ký** : chuyện 17 (dẫn trong **Sử-Ký** của **Đỗ-Thiện**).

Để có một ý-niệm rõ-ràng về cách dùng tài-liệu của **Lý-Tể-Xuyên**, ta thử duyệt qua những tác-phẩm lịch-sử mà tác-giả đã dẫn-chứng. Cuốn **Tam-Quốc-Chí** đã được dùng để viết chuyện **Sĩ-Nhiếp**; cuốn này được viết vào khoảng thế-kỷ thứ III sau **Thiên-Chúa Giáng-Sinh** và được ấn-hành năm 1.002; **Lý-Tể-Xuyên** đã gần như trích hẳn đoạn nói về **Sĩ-Nhiếp** (1); đoạn nói về sự hiển-linh của **Sĩ-Nhiếp** lại được lấy trong **Báo-Cực Truyện**; như vậy, **Lý-Tể-Xuyên** cho ta biết rõ-ràng rằng chuyện **Sĩ-Nhiếp** của ông là do hai nguồn tài-liệu tạo nên; sự thăng-thần ấy làm cho chúng ta không hoài-nghi sự trung-thực của ông, bởi vậy, gán cho tác-giả là « đạo-văn » thì thực là hơi quá đáng (2). Chính giáo-sư **Durand** rất khe-khắt với **Lý-Tể-Xuyên** cũng đã công-nhận bản văn của tác-giả là bản **Ngô-Chí** được sao lại và biến-chế thay-đổi đi (3); như thế, ta có thể thăng-thần công-nhận rằng **Lý-Tể-Xuyên** đã sáng-tác trong khuôn-khổ của bản **Ngô-Chí**, đã triệt-để tôn-trọng tài-liệu và chỉ thêm bớt khi nào cảm thấy cần-thiết; cách sử-dụng tài-liệu theo lối này nằm trong tập-quán chung của các nhà văn xưa; năm 1333, **Lê-Trắc** viết về **Sĩ-Nhiếp** trong **An-Nam Chí-Lược** (q. VII, tờ 4) năm 1377, một tác-giả vô-danh cũng viết về **Sĩ-Nhiếp** trong **Việt-Sử Lược** (q. I, 4b-5a) ngay cả đến những tác-giả của **Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục** khi viết về **Sĩ-Nhiếp** (**Tiền-Biên**, II, 29, 30, 31, III, 1, 2, 3) cũng không có những sáng-kiến gì khác **Lý-Tể-Xuyên**; sự chỉ-định xuất-xứ ở đầu chuyện (phần này không có trong bản A. 47) và những phần sáng-tác của **Lý-Tể-Xuyên** chứng tỏ sự dè-dặt của ông khi viết văn, sự tôn-trọng những tài-liệu của cổ-nhân vốn là một đặc-tính cổ-diễn, cái thiện-chí của ông sử-dụng lịch-sử để ghi lại cho hậu-thế một bài học kinh-nghiệm.

Sau **Tam-Quốc-Chí**, **Lý-Tể-Xuyên** còn dùng tài-liệu của **Báo-Cực Truyện** theo **Gaspardone**, sách này còn được gọi là **Báo-Đức Truyện**; ngay năm 1777, **Lê-Quý-Đôn** cho biết **Báo-Cực Truyện** đã thất-truyền. Trong **Cương-Mục**, sự hiển-linh của **Sĩ-Nhiếp** sau khi chết là do tục-truyền kể lại chứ không phải

(1) 三國志, Q, III吳志

(2) Xem **Durand**, **Dân Việt-Nam**, số 3, trang 12.

(3) ...La biographie dite de Che Sie était tout simplement une copie, modifiée et altérée du texte de l'Histoire de Wou. (Sđd, trang 11)

Báo-Cực Truyện (1). Trong Việt-Điện U-Linh Tập, xuất-xứ của truyện Tô-Lịch và Lý-Nguyên-Hỉ, truyện Phù-Đổng là ở trong Báo-Cực Truyện; trong Cương-Mục xuất-xứ của truyện Tô-Lịch lấy ở An-Nam Ký-Yếu (2), như vậy, Báo-Cực Truyện đã dẫn trong Việt-Điện U-Linh Tập cũng như trong Lĩnh-Nam Chính-Quái, Đạo-Giáo Nguyên-Lưu, Cổ-Châu Pháp-Vân Phật Bản Hành-Ngữ là một tác-phẩm ghi chép những truyền-thuyết trong dân-gian, những thành-tích của các làng, những dã-sử mà dân-chúng truyền-tụng. Việc trích-dẫn tên sách trong những chuyện Si-Nhiếp, thần Tô-Lịch, chuyện Hậu-Thổ phu-nhân, chuyện thần Đông-Cổ tiết-lộ căn-bản của Báo-Cực Truyện là một cuốn sao-lục thần-tích. So-sánh cách bố-cục của những chuyện này trong Việt-Điện U-Linh Tập và trong Cương-Mục, ta nhận thấy cách viết của Lý-Tế-Xuyên vẫn là triệt-để căn-cứ trên tài-liệu để sắp đặt câu chuyện theo kỹ-thuật riêng của ông.

Loại tài-liệu thứ ba là cuốn Giao-Châu-Ký của Triệu-Xương và Tăng-Cổn.

Theo An-Nam Ký-Yếu dẫn trong Cương-Mục (3), tháng 7 mùa thu năm Tân-Mùi (791) Triệu-Xương sang Giao-Châu làm đô-hộ, dụ Phùng-An mang quân ra hàng, rồi đi du-lịch, xem-xét các đền-đài miếu-vũ chép làm sách Phủ-Chí, sau 10 năm hoạt-dộng, vì đau chân nên được đổi về Bắc làm tế-tử; Bùi-Thái sang thay Triệu-Xương nhưng vì chính-trị thấp kém nên bị bộ-tướng Giao-Châu đánh đuổi; Triệu-Xương lại sang Giao-Châu lần thứ 2, khoảng tháng 12 năm Quý-Mùi (803); quân làm phản liền yên ngay. Như thế, Triệu-Xương là một ông quan tốt lại thành-thạo về chính-trị; có thể nói ông là một chuyên-viên về các vấn-đề Giao-Châu; nhưng cuốn Phủ-Chí còn gọi là Giao-Châu-Ký thường truyền là của ông không thấy được nói tới trong Cựu-Đường-Thư (4), như vậy Giao-Châu-Ký (hay Giao-Châu-Chí) chưa chắc là một tác-phẩm đã được ấn-hành, có lẽ đây chỉ là một vài nhận-xét rời-rạc mà Triệu-Xương đã ghi chú một cách vội-vàng khi còn ở Giao-Châu. Lý-Tế-Xuyên đã dẫn chứng Triệu-Xương để nói về Phùng-Hưng và Phùng - An bởi vì không có một người nào hiểu hết chuyện này hơn Triệu - Xương; Lý-Tế-Xuyên đã tỏ ra rất hợp-lý khi sử-dụng những kinh-nghiệm bản-thân của một chuyên-viên duy-nhất về vấn-đề chính-trị Giao-Châu năm 791. Sự dẫn-chứng Triệu-Xương làm cho sự xác-thực của câu truyện được hoàn-toàn bảo-đảm.

(1) Tiền-Biên, III, 2. (lời bàn của Ngô-Si-Liên)

(2) Tiền-Biên, IV, 31

(3) Tiền-Biên, IV, 27, 28

(4) Tiểu-sử 161, tờ 5-6

Sau cùng, ta nhắc đến tài-liệu lịch-sử cuối cùng của Việt-Điện U-Linh Tập, đó là cuốn *Sử-Ký* và nhất là *Sử-Ký* của Đổ-Thiện. Hiểu được phương-pháp của Lý-Tế-Xuyên đã sắp đặt tài-liệu của Đổ-Thiện như thế nào tức là định-đoạt được giá-trị lịch-sử của tác-phẩm. Trước hết, theo Maspéro (1) khi Lý-Tế-Xuyên dẫn *Sử-Ký*, hay *Sử-Ký* của Đổ-Thiện tức là ta phải hiểu đó là một cuốn *Sử*: cuốn *Sử-Ký* của Đổ-Thiện. Như thế, Đổ-Thiện đã được nhắc đến tất cả 8 lần trong những chuyện Hai Bà Trưng, thần Tô-Lịch, Phạm-Cự-Lượng, Mục-Thận, Trương-Hống và Trương-Hát Lý-Phục-Man, Cao-Lỗ, thần Đàng-Châu. Riêng chuyện Lý-Phục-Man đã làm cho Maspéro chú ý. Đầu tiên, chuyện căn-cứ vào *Sử-Ký* của Đổ-Thiện kể lại việc tuần-phương của Lý Thái-Tổ, sự hiển-linh của Lý-Phục-Man trước kia là thuộc-tướng của Lý-Nam-Đế, sau đây là việc lập đền theo lời đề-nghị của Ngự-sử Đại-Phu Lương Văn-Nhậm. Đến đây câu chuyện được chuyển từ đời Lý đến đời Nguyên-Phong nhà Trần (1251-1258) nhắc đến việc thần hiển-linh phù-trợ cho vua tòi nhà Trần chống Thát-Đát. Theo sử, Maspéro chỉ có biết một Đổ-Thiện, Đổ-Thiện mà vào khoảng tháng 2-1127 trước ngày Lý-Nhân-Tòng băng-hà đã đến nhà Sùng-Hiến Hầu để báo cho Hầu biết con của Hầu lên ngôi vua. Maspéro nhận thấy năm 1127 cách năm 1257 quá xa, do đó giả-định có một Đổ-Thiện khác sống vào đầu thế-kỷ XIV. Giả-định của Maspéro đã bị Gaspardone bắt-bẻ năm 1934, trong *Bibliographie Annamite*. Gaspardone viết: « Phải nhận rằng giai-thoại về việc Thát-Đát nhập-khẩu dẫn ra ở đó cũng như ở truyện tiếp theo sau là ở ngoài truyện Lý-Phục-Man ». Như thế nghĩa là một đảng không thể có một Đổ-Thiện khác ngoài Đổ-Thiện đời Lý, một đảng phải nhận rằng khi Lý - Tế - Xuyên dẫn-chứng một tác-giả ở đầu chuyện là không bắt buộc phải hiểu rằng cả chuyện ấy thuộc về tác-giả hay tác-phẩm đã dẫn. Mỗi khi Lý-Tế-Xuyên nhắc đến tên một tác-phẩm, bao giờ ông cũng dùng chữ Ấn (按) nghĩa là xét, và như vậy, ấn không có nghĩa là trích, là lấy cả đoạn văn của tác-phẩm dẫn-chứng làm của mình. Phương-pháp của Lý-Tế-Xuyên là một phương-pháp cổ-truyền. dẫn một tác-giả để tăng thêm uy-lực của bằng-chứng mà thôi, chẳng khác gì như La Bruyère khi viết cuốn *Les Caractères* đã phải nhan-đề tác-phẩm là: « *Les Caractères de Théophraste traduits du grec v.v.* (2) ». Nếu không hiểu như thế, làm thế nào ta có thể giải-thích được ý-định của Lý Tế-Xuyên khi ông dẫn 2 hay 3 tác-phẩm cùng một lúc ở đầu chuyện, tỉ-dụ trong chuyện Tô-

(1) Xem Maspéro, *Etudes d'Histoire d'Annam* 1) La dynastie des Lý Antérieurs (543-601) trong BEFEO, XVI, 1916

(2) Théophraste là một triết-giả Hy-Lạp thế-kỷ thứ IV trước Thiên-Chúa Giáng-Sinh. Phần dịch của La Bruyère là phần phụ-thuộc như đề cầu sự che-chở của nhà văn xa.

Lịch, tác-giả đã xét Sử, Giao-Châu-Ký và Báo-Cực Truyện ». Có lẽ lại phải tạo ra một Đổ-Thiện nữa cũng không biết chừng !

Như vậy, phương-pháp sử-dụng tài-liệu lịch-sử của Lý-Tế-Xuyên rất đúng qui-tắc, nhờ đấy giá-trị lịch-sử của tác-phẩm rất cao. Giá-trị lịch-sử của Việt-Điện U-Linh Tập không phải chỉ cốt-yếu trong tính-cách ấy mà thôi. Đọc Lý Tế-Xuyên, ta đã hiểu cái tôn-giáo của người Việt xưa như thế nào, cái luân-lý nào đã điều-động tinh-thần của người Việt-Nam; ta còn thấy trong tác-phẩm ấy phong-tục của người xưa, những nét tâm-lý của một hạng người, những màu sắc của một chế-độ. Ta thấy trong truyện Bỏ-Cái Đại Vương và trong truyện Lê Phụng-Hiếu sự kính-phục của nhân-dân đối với những bậc nam-tử có sức mạnh hơn người, sự cạnh-tranh về ảnh-hưởng rõ-rệt trong truyện Triệu-Việt-Vương Lý-Nam-Đế, sự bạc-tình tàn-nhẫn của Nhã-Lang trở thành độc-địa trước sự ngây thơ tin chớng của Cảo-Nương rồi tục gửi rể cũng trong truyện này, nỗi lo âu của một người cha khi chỉ có một con gái mà có những hai chàng tài trai như nhau đến xin cưới (chuyện Sơn-Tinh và Thủy-Tinh), rồi tục ăn hỏi, sự đau-đớn khi người yêu của mình bị rơi vào tay người khác, đó là những sắc-thái của một thời-đại lịch-sử đã rất xa nhưng vẫn còn nhiều điểm tương-đồng với xã-hội ta bây giờ.

IV. — Kỹ-thuật của tác-giả

1. — Kỹ-thuật hành-văn

Tác-giả đã viết văn-phẩm của mình bằng chữ Hán, đó là một khuyết-điểm, nhưng ta cũng không trách được ông, bởi vì đến năm 1329, chữ nôm mới được hình-thành từ 1282 có lẽ chưa đủ từ-ngữ để diễn - đạt những tinh-tiết của một câu chuyện. Lại nữa, cách viết của Lý-Tế-Xuyên rất đơn-giản, không có những câu dài với những vẻ đối nhau, không có những điển tích xa-xôi phải giải - thích; tác-giả toàn dùng những từ-ngữ hiện nay đã trở thành phổ-thông; có nhiều câu chỉ cần phiên-âm ra quốc-ngữ là đã trở thành một câu văn Việt. Bản dịch của chúng tôi theo sát nguyên-văn có thể gọi cho độc-giả một ý-niệm đúng về cách hành-văn của Lý-Tế-Xuyên.

2. — Kỹ-thuật mô-tả và tự-sự

Đáng chú-ý hơn hết là kỹ-thuật mô-tả và tự-sự của tác-giả. Một phong cảnh đẹp, một ngôi đền ẩn trong đám lá xanh, một dòng sông quanh-co hay bóng-dáng e-ấp của một thiếu-nữ, vẻ bề-vệ của một tiên-ông, cách đi đứng hùng-hổ của một võ-tướng, Lý-Tế-Xuyên đều ghi-chú trong một vài nét tinh-tế.

a) Tả-cảnh :

Cảnh thường có công-dụng làm khung cho câu chuyện được xảy ra một cách tự-nhiên. Lý-Tể-Xuyên có một kỹ-thuật tả-cảnh rất nhịp-nhàng. Đây là cảnh Dâm - Đàm (Hồ Tây), nơi đã xảy ra câu chuyện Lê - văn - Thịnh hóa cạp định hãm-hại Lý - Nhân - Tông : « Một hôm vua Nhân - Tông ngự ra Tây - Hồ xem cá; thuyền bằng thung - dung, mái chèo khoan - nhặt lướt chơi trên hồ rất vui-vẻ; bỗng nhiên thấy mây mù kéo đến trên mặt hồ mù-mịt, đối-diện không trông thấy nhau, vắng nghe tiếng cạp chèo vùn-vụt lướt mù tiến đến, thấp-thoảng có một con hổ lớn đang hé mồm nhe răng như muốn cắn » (Chuyện Mục-Thận). Đây là ngôi dã-thự của Lý-Thường-Minh, tọa-lạc giữa cảnh trời cao sông rộng: « Lý-Thường-Minh qua làm Đò-Đốc Giao-Châu thấy đất-đai bằng-phẳng nghìn dặm, núi sông bao bọc đến ngã ba sông Bạch-Đằng, liên-tiếp đến ngã ba sông Bạch-Hạc, mới dựng quán Thông-Linh, đặt tượng Tam-Thanh, mở riêng ở trước một ngôi nhà gọi là tiền-mạc » (Chuyện thần Bạch-Hạc). Cảnh hoang-phê đã được Lý-Tể-Xuyên mô tả với một niềm ngậm-ngùi làm cho người đọc phải băng-khuâng. Đây là ngôi nhà đổ nát của Lý-Ông-Trọng: « Nhân đó Triệu Xương mới hỏi thăm nhà cũ của Vương hồi xưa, chỉ thấy mù khói ngang trời; sông nước mênh-mông, rêu phong đường đá, xanh rời cụm hoang, một mảnh nhàn-vân phất-phơ trên đám cỏ thôn hoa rụng » (Chuyện Lý-Ông Trọng) Cảnh gió bão nổi lên làm cho Cao - Biền cũng phải kinh-hoảng. « Bỗng nhiên gió mưa ào đến làm cho bay cát đổ cây. sập nhà lở đất, lời cả đồng sắt lên mà nghiêng tan như tro-bụi » (Chuyện thần Long-Độ). Những cảnh tráng-lệ của đền-đài miếu-vũ cũng đã được mô-tả một cách sắc bén; đây là thành Đại-La do Lý Nguyên-Hỉ xây : « Cửa kép tường đôi, bốn hướng vây tròn, nhà cửa san-sát » (Chuyện Tô-Lịch).

b) Tả-người :

Giữa những khung cảnh ấy, ta thấy nhiều bóng người linh-động với những bộ-điệu, những ngôn-ngữ riêng. Đây là vẻ tiên-cốt của thần Tô-Lịch: « Đêm ấy, Nguyên Hỉ đang yên-lặng nằm bên cửa sổ, bỗng-nhiên một trận thanh-phong ào-ào thổi đến, bụi cuốn cát bay, rèm lay án động, có một người cỡi một con hươu trắng từ trên không chạy xuống, rày râu bạc phơ, áo xiêm sặc-sỡ... » (Chuyện Tô-Lịch) Y-phục của thần bao giờ cũng giàu màu-sắc : « Một người tác chừng 60, đội mào giải-trại, bận áo tử-hà, thắt lưng, tay cầm đao Thanh-Long Yên-Nguyệt đến trước mặt vái chào » (Chuyện Lý Hoảng). Những thần kỳ-dị được mô-diễn một cách hết sức tả-chân; đây là thần Cao-Lỗ: « Một dị-nhân thân dài chín thước, y-quan chỉnh-túc, ngôn-mạo lảng-tảng, lấy dùi búi tóc, gài dao làm trâm, lưng giắt gậy đỏ, bạch vua.. »

(Chuyện Cao-Lỗ). Đây là Đổng Cỗ, dáng-dấp cở-lỗ không kém gì Cao-Lỗ : « Một người kỳ-dị, thân dài tám thước, tu-mi như kích, y-quan nghiêm-nhã, mình mặc nhung-phục, tay cầm binh-khí, cúi đầu... » (Chuyện thần Đổng-Cỗ) Nhưng lúc nói đến thanh-niên, ngài bút của Lý-Tế-Xuyên sắc-sảo vô-cùng. Đây là hình-ảnh oai-hùng của Phùng-Hưng và Phùng-Hải : « Vương gia-tư hào-hữu, sức lực dũng-mãnh, đánh được hổ, vật được trâu; người em tên là Hải cũng có sức mạnh kỳ-dị, vác được tảng đá nặng mười nghìn cân hay một chiếc thuyền con chở nghìn học mà đi hơn mười dặm » (Chuyện Bờ-Cái Đại-Vương). Đây là Lê-Phụng-Hiếu : « Vương thân-hình cao-đại kỳ-dị, mày râu dài và rậm, sức mạnh hơn người... Vương lấy tay nhỏ cả khóm trúc mà đánh, không một người nào dám chống-cự » (Chuyện Lê-Phụng-Hiếu). Bên cạnh những chàng trai uy-dũng kia, nổi bật xiêm áo của những thiếu-nữ sắc đẹp mê-hồn. Đây là Hậu-Thổ Phu - Nhân : « Giữa lúc đang bàng-hoàng, vua bỗng thấy một người con gái ước độ hai mươi tuổi, mặt tựa hoa đào, mày đậm màu dương-liễu, mắt sáng như sao, miệng cười như hoa nở; nàng mặc áo trắng, quần lục, lưng mang đai, dịu-dàng bước đến » (Chuyện Hậu-Thổ Phu-Nhân). Cách ăn mặc của hai chị em bà Trưng lại khác hẳn mọi đầu về mặt cũng gần tương-tự « Vua mừng liền qua xem, hốt nhiên ngó xuống thấy hai thiếu-nữ mặt hoa mày liễu, áo lục quần hồng, mào đỏ, thắt lưng cỡi ngựa sắt mà đi qua » (Nhị-Trưng Phu-Nhân) Nhiều khi tác-giả không cần mô-tả nữa; ông chỉ gọi lên cho ta một hình-ảnh bằng cách mô-tả phản-ứng của những người chung quanh, tỉ-dụ trong chuyện Sơn-Tinh và Thủy-Tinh, My-Nương không cần xuất-hiện mà qua sự tha-thiết của hai chàng thanh-niên, ta có thể biết được rằng nàng đẹp lắm.

c) Tả-tình :

Nghệ-thuật tả-tình của Lý-Tế-Xuyên có nhiều điểm đặc-sắc. Tác-giả chú-trọng đến sự tương-quan giữa thể-chất và tâm-hồn, sự thuần-nhất của tình-cảm trong thời-gian, sự biểu-hiệu của tình-cảm qua cử-chỉ và ngôn-ngữ. Cách tả-tình của ông liên-hệ chặt-chẽ với cách tả người. Ta còn thấy Lý-Tế-Xuyên chú-trọng đến việc sắp-đặt tình-tiết của câu chuyện cho phù-hợp với sự phát-lộ của tình-cảm; tỉ-dụ trong chuyện Triệu-Việt-Vương và Lý-Nam-Đế, sự cạnh-tranh ảnh-hưởng giữa hai vương-hữu giữa lúc đang kỳ-h liệt tự-nhiên đi đến một sự thính-hòa. Cáo-Nương đang bơi-lội trong hạnh-phúc không thấy sự giả-tạo của mối tình hồ, thêm vào đấy vẻ đẹp trai của Nhà Lang, ngôn-ngữ dịu-dàng của chàng làm cho Cáo-Nương càng sung-sướng hơn nữa trong duyên mới. Thế rồi cái phải xảy ra đã xảy ra. Cáo-Nương ngay khi chết vẫn không nghi-ngờ dã-tâm của chồng; Sự yên-lặng của nàng trước và sau khi chết mang rất nhiều ý-nghĩa. Lý-Tế-Xuyên đã chuẩn-bị mọi chi-tiết để cho tình-cảm được phát-biểu một cách tuần-tự, hồn nhiên, sâu-sắc và cả n-động. Nghệ-thuật tả-tình của ông già-giàu hơn a ừ trong

chuyện Sơn-Tinh và Thủy-Tinh. Tác-giả cho biết hai chàng là một đôi bạn thân; đó là một điểm quan-trọng để cho ta thấy tất cả những ngang-trái, những đau-khổ trong sự thù-hằn mà nhan-sắc của một thiếu-nữ đã mang đến để chia rẽ hai người bạn. Thêm vào đấy sự nhu-nhược của nhà vua, sự khéo-léo của Lạc-hầu, bằng ấy tình-tiết để làm cho câu chuyện rắc-rối hơn, cho sự căm-thù giữa hai người bạn thêm kịch-liệt tàn-nhẫn. Mỗi lần mùa thu đến, cùng với gió lạnh trở về khơi nhớ-nhung, Thủy - Tinh lại dâng nước lên như muốn làm cho Sơn-Tinh chết đuối trong cơn phẫn-nộ của chàng.

3.— Kỹ-thuật đối-thoại

Phần đối-thoại là một trong những phần quan-trọng trong kỹ-thuật sáng-tác. Lý Tế-Xuyên đã biết sử-dụng đối-thoại để làm cho nhân-vật linh-động, suy-nghĩ và nói-năng hoạt-bát. Ta thử theo dõi cuộc nói chuyện giữa Nhã-Lang và Cảo-Nương mà xem ; lời nói của Nhã-Lang dịu-dàng, êm-ái, đầy yêu-đương; chàng cố ý hạ thấp giọng xuống để cho lời nói trầm-trầm; chàng dùng những câu dài, những từ-ngữ rất kêu như « thiên-duyên tác-hợp, tao-ngộ kỳ-duyên... chẳng lẽ cứ lưu-luyến tình chiều chẵn riêng tư mà bỏ khuyết việc thần-hôn phụng-dưỡng... Nhưng mà đường sá xa-xôi, đi về cách trở, không dễ một hôm một mai mà trở lại được, sum-hợp ít mà chia-phôi nhiều, anh thật ân-hận quá..v.v... » Cảo-Nương im-lặng ngồi nghe; có lẽ nàng cảm-động lắm khi nghe lời nói như ru của Nhã-Lang; nàng có biết đâu chính những lời ngon-ngọt ấy sẽ làm cho nàng phải chết.

Cuộc đàm-thoại giữa Lê-Ngọ-Triều khi còn là Khai-Minh-Vương-với thôn-dân Đàng-Châu cũng rất tự-nhiên và phù-hợp với tính - tình của nhân-vật. Tính độc-ác, hung-hãn và tự-phụ, Lê-Ngọ-Triều có một giọng nói gât-gông, xẵng, ngược lại, người trong thôn hiền-lành thì giọng nói dài hơn, lễ-phép hơn. « Thấy trên bờ cao có đền thờ mới hỏi người trong thôn rằng:

— Đền ấy thờ thần gì?

Thôn-dân thưa :

— Ấy là đền cổ thờ thần Thổ-địa của Đàng-Châu.

Vua hỏi :

— Có linh không ?

Thôn - dân thưa :

— Dân trong châu này nương nhờ vị thần ấy, cầu mưa đảo tạnh lập tức thấy linh-ứng.

Vua mới lớn tiếng gọi rằng...»

(Chuyện thần Đàng - Châu)

Nhưng linh-động và hồn-nhiên nhất là cuộc đàm-thoại giữa vua Hùng-Vương và Lạc-Hầu trong chuyện Sơn-Tinh và Thủy-Tinh. Hùng-Vương trong chuyện này là một ông vua nhu-nhược, ba phải, không có phán-đoán; Lạc-Hầu ngược lại là một ông vua thông-minh, có mưu-kế, nói lời nào là nhà vua « cho là phải » ngay; bởi vậy, tác-giả không để cho nhà vua nói nhiều; những câu vấn-tất « vua muốn gả, vua sợ, vua bảo, Hùng-Vương cả mừng, Hùng-Vương cho là phải, Hùng - Vương mừng lắm v.v.. » giữa những lời nói khôn-ngoan của Lạc-Hầu làm nổi bật hai cá-tính khác hẳn nhau. Tài viết chuyện của Lý-Tế-Xuyên là ở đây. Ông làm cho độc giả say-mê theo rồi câu chuyện trong từng chi-tiết nhỏ - nhặt. Độc-giả sung-sướng đọc từ chuyện này sang chuyện kia, mỗi chuyện có một kỹ-thuật riêng, càng đọc càng thấy thích-thú.

V Kết-luận.

Nói tóm lại, Lý-Tế-Xuyên là một bản-chất phong-phú. Đặc-sắc, đó là một con người hiếu-kỳ lúc nào cũng hoạt-động, cái gì cũng mới đối với ông. Lý-Tế-Xuyên đi nhìn tất cả, ngạc-nhiên với tất cả và đã nói được hết cả. Hình như quá-khứ chỉ được gây-dựng cho một mình ông, hình như đó là cái nhìn đầu tiên của người Việt trên thế-giới hình - thức đầy sắc-màu và vận-động. Lý-Tế-Xuyên có một năng-khiếu tưởng-tượng rất mãnh-liệt và những giác-quan luôn luôn tinh-táo. Những gì ông đã đọc được khi làm Thủ-Đại-Tạng Kinh Thư Hỏa Chính Chương, ông trông thấy và làm cho người khác trông thấy. Ông là người có mắt, tất cả những gì đã qua mắt ông đều để lại một hình-ảnh xác-định không bao giờ phai. Chính nhờ ở sự tưởng-tượng tự - nhiên mãnh - liệt mà Lý-Tế - Xuyên có một lối kể chuyện du-ên-dáng với một kỹ-thuật sắc-sảo không bao giờ tầm-thường. Lý-Tế-Xuyên còn có sự thiện-cảm làm cho ông cảm thấy như khi ông trông thấy, những hình-ảnh chõng-chất trong kỹ-niệm sống đây cùng với những âm-thanh làm rộn-rã tâm-hồn ông. Bao nhiêu thế-kỷ đã qua, từ Sĩ - Nhiếp đến Trần-Thái-Tông, từ Trưng-Vương đến Mỵ-Ê, ông vẫn tìm thấy những tình-cảm phức-tạp của một ngày loạn-ly, sự hơ-mả khi có tin đại-tiếp, sự lo-âu khi ngoại-dịch nhập-khẩu, rồi sự tiếc-thương, lòng hối - hận, tất cả những gì người ta biết mà người ta phải bỏ, người ta không biết mà phải đi tới, tất cả có thể thấy lại và pha-trộn với những sự xao-động tinh - thần cùng những ấn-tượng sinh-lý của tai và của mắt. Suốt trong tác-phẩm của Lý-Tế-Xuyên, không đâu có những tình-cảm suy-nhược, mơ-hồ, buồn-bã

bằng-khuông; một niềm bao-quát tất cả là sự hân-diện quốc - gia, một sự lạc-quan, một tinh-thần lành-mạnh, một tâm-hồn trong sạch mà một văn-tài như Lý-Tề-Xuyên dễ-dàng cảm thấy và mô-tả được.

Đọc xong Việt-Điện U-Linh Tập, ta xôn-xao vì bóng-dáng hùng-vĩ của những vị anh-hùng liệt-nữ ngày hôm qua, ngày hôm nay còn đủ uy-lực để làm phấn-khởi cả một đoàn người hăm-hở vì lý-tưởng quốc - gia đang rục-rỡ trong đầu óc. Ta nhận thấy phải làm một cái gì như người xưa; dòng máu anh-hùng bùng-bùng sôi trong huyết-quản. Ta không thể không thấy lòng mình dũng-liệt hơn, hăng-hái hơn trên đường phụng-sự quốc - gia dân-tộc, thông-dự vào một đời sống cụ-thể để thực-hiện cái bản - chất đầy tiềm-lực của con người.

Huế, ngày 24 - 11 - 1959

LÊ-HỮU-MỤC

BÀI BẠT

VIỆT-ĐIỆN U-LINH TẬP

Đời truyền Việt-Điện U-Linh đã lâu, nhưng đều làm-lấn khó đọc, gần đây gặp được một bản cũ, thấy có chữ «Anh» giảm hoạch, biết rằng sự-tích có trước đời Trung-hưng triều Hoàng-Việt, tôi mới sao chép lại, thời có khác với bản trước; duy bản tục có nhiều chỗ thiếu, phải tạm để vậy gọi là tồn-cổ. Nhưng các bản khác không có, nên phải tăng-bổ thêm ở sau, và đã so-sánh đính-chính lại, giản hoặc có chỗ nào nghi' thì vòng lại để làm dấu, thêm phần bổ-di để đủ tham-khảo.

Than ôi! Hợp khó, tan dễ, từ xưa đã phải than-phiến, hưởng hồ nước ta ăn-loát hiểm-hoi, không lạ gì phải như vậy, nhân để ý tìm-tòi, tình cờ mà được cũng đã may-mắn lắm rồi. Do đó, tôi nêu lên đầu để cáo-thị các đồng-chí, hầu sưu-tầm thêm để bổ chuyết, thâu-thái thêm để trích-huyền. Nếu được hưng-vận, tập văn này vị tất đã không bổ-ích đời chút.

Hoàng-triều niên-hiệu Vĩnh-Thịnh thứ tám
ngày mồng một tháng cuối thu⁽¹⁾

Tiến-sĩ cấp-đệ khoa Canh-Thin, Hàn-lâm-viện
Hiệu-Thảo **LÊ-THUẦN-PHỦ** (2) cúi đầu đề ở Thư-
hiên Tiến-Tu.

(1) năm 1712

(2) Lê-Thuần-Phủ, đúng thực là Lê-Độn-Phủ, hiệu của Lê-Hữu-Hi.

— — —
LỊCH · ĐẠI · ĐẾ · VƯƠNG

(Bản cũ vua và Hậu · phi, đều ở thành Long · Biên)

Gia-Ứng-Thiện-Cảm-Linh-Vũ Đại-Vương.

Bố-Cái-Chương-Tín Đại-Vương.

Đền thờ ở vườn Thượng-Lâm trong Đại-nội.

Triệu-Việt-Vương, Lý-Nam-Đế.

Đền thờ ở làng Đại-An, làng Tiểu-An.

Xã-Đàn Đế-Quân.

Đền thờ ở cửa Nam La-Thành.

Chế-Thắng Nhị-Trưng Phu-Nhân.

Đền thờ ở làng An-Hát (Hoặc bảo Vũ-sư-Đường làng Cổ-lai).

Hiệp-Chính-Trinh-Liệt Phu-Nhân.

Đền thờ ở bến thuyền Tiên - Nga sông Hoàng - Giang.

LỊCH · ĐẠI · PHỤ · THẦN

Uy-Minh-Hiến-Trung Đại-Vương.

Đền thờ ở phủ Nghệ-An.

Hiệu-Úy-Uy-Mãnh Đại-Vương.

Đền thờ ở làng Hoàng-xá, huyện Từ-liêm, trấn Vinh-Khương.

Thái-Úy-Trung-Phụ-Công.

Đền thờ ở làng Gia-lâm.

Quốc-Đô Thành-Hoàng Đại-Vương,

Đền thờ ở trong vườn Quỳnh-lâm Đại-Nội.

Hồng-Thánh-Tá-Trị Đại-Vương.

Đền thờ ở ngoài cửa Đại-hưng, bên viện Tam-ty tại Kinh-dò.

Đô-Thống-Khuông-Quốc Đại-Vương.

Đền thờ ở Sơn-xã xứ Thanh-hoa.

Thái-Úy-Tuệ-Trung-Công.

Đền thờ ở bên Tây-hồ, làng Vông-Thị.

Khước-Địch, Uy-Địch nhị Đại-Vương.

1. — Đền thờ ở sông Như-Nguyệt, quận Võ-Bình.

2. — Đền thờ ở sông Nam-Bình, quận Lạng-Giang.

Chứng-An-Hựu-Quốc-Vương

Đền thờ ở bên đò làng Cổ-Sở quận Trương-Canh.

Hồi-Thiên-Trung-Liệt-Vương.

Đền thờ ở cửa sông Thiên-Mạc.

Quả-Nghị-Cương-Chánh Vương.

Đền thờ ở đầu thác châu Võ-Ninh.

HẠO-KHÍ ANH-LINH

Ứng-Thiên-Hóa-Dục-Nguyên-Quân.

Đền thờ ở làng An-Lãng.

Minh-Chủ-Chiêu-Cảm Đại-Vương.

Đền thờ ở bên hữu Kinh-Thành, bên chùa Hạ-An.

Quảng-Lợi-Thánh-Hựu Đại-Vương.

Đền thờ ở Đông-Thị.

Khai-Nguyên-Uy-Hiến Đại-Vương.

Đền thờ ở làng Ta-Già.

Xung-Thiên Uy-Tín Đại-Vương.

Đền thờ ở làng Phù-Đổng.

Hựu-Thánh-Hiến-Ứng Đại-Vương.

Đền thờ ở núi Tản-Viên, sông Tam-kỳ làng Chiêu-chân-bang.

Khai-Thiên Trấn-Quốc Đại-Vương.

Đền thờ ở Đàng-Cầu.

Trung-Dục-Uy-Hiến Vương.

Đền thờ ở làng Bạch-Hạc.

Thiện-Hộ-Quốc-Công.

Đền thờ ở sông Viên-Hương, quận Hải-Thanh.

Lợi-Thiên-Linh-Thông Vương.

Đền thờ ở làng Bồ-Bái, quận Dục-Quận.

TỤC - BỒ

Sóc - Thiên - Vương.

Thanh - Sơn Đại - Vương.

Đền thờ ở cửa biển Kiền-Hải.

TRÙNG - BỒ

— — —
Anh - liệt chính - khí :

Đoàn Tướng - Quân.

Đền thờ ở làng An-Nhân, huyện Đường-Hào.

Miếu Thanh - Cẩm.

Miếu ở phường Đông-Các huyện Thọ-Xương.

PHỤ - LỤC

Trần-Triều Hưng-Đạo Đại-Vương.

Từ-Đạo-Hạnh Đại-Thánh sự-tích thực-lục.

**Linh-Chương Linh-Ứng Đại-Vương. Tự-Nhiên-Phương-Dung
Cống-Chúa.**

LỊCH-ĐẠI ĐẾ-VƯƠNG

GIA-ỨNG THIỆT-CẨM LINH-VŨ ĐẠİ-VƯƠNG (Chuyện Sĩ-Nhiếp)

Xét Tam-Quốc-Chi thì Vương họ Sĩ tên Nhiếp, người làng Quảng-Tin, quận Thương-Ngô; Tiên-tổ người làng Vãn-Dương nước Lỗ, chạy loạn sang ở đấy, sáu đời thì đến Vương.

Thân-phụ của Vương tên là Từ, thời vua Hoàn-Đế nhà Hán, làm Thái-Thú quận Nhật-Nam. Thiếu-thời, Vương du-học Kinh-Sur (Kinh-Sur có tên là Hán-Kinh, tức nay là thành Long-Biên(1) chuyên khảo Tả-Thị Xuân-Thu, được cử là Hiếu-Liêm, được bổ Thượng-Thư-Lang, vì lỗi về công-sự, bị miễn quan.

Sau khi mãn-tang thân-phụ, ông được cử là Mậu-tài, được bổ Vu-Dương-Lệnh, thời vua Hiến-Đế nhà Hán, đổi làm Thái-Thú Giao-Châu ta, thời Trương-Tân đang làm Thứ-Sử.

Thời Hán-mạt, tam-hùng chia nước Tàu thành thế chân vạc, Vương được cai-trị hai thành Luy-Lâu và Quảng-Tin. Sau khi Tân bị tướng giặc là Khu-Cảnh sát-hại, Lưu-Biêu ở Kinh-Châu khiến quan lệnh Linh-Lăng là Lại-Cung quyền-nhiếp Thứ-Sử Giao-Châu ta.

Vua Hiến-Đế nghe tin mới ban cho Vương một bức ti-thư rằng: «Giao-Châu ở về tuyệt-vực, nhã-hóa thắm xa, sơn-hà từ sao Dục sao Chấn, thiên-thư đã định-phần, sơn-xuyên nhiều thắng-cảnh, Nam-Bắc cách-trở xa-xôi, ơn trên không được tuyên-dương, nghĩa dưới nhiều bề ủng-tắc, ngu-xuân thay tướng giặc dám lộng binh-uy hy-vọng mưu-đồ chuyện kiêu-hãnh, gia dĩ nghịch-lặc Lưu-Biêu dám khiến Lại-Cung dòm-dỏ đất Nam, thật là một người tự-bạo tự-khí, chỉ muốn lạm-dụng chức-vụ để một mình ra oai, tội-trạng như thế giấy chẳng chép xiết. Nay đặc-ủy cho khanh làm chức Tuy-Nam-Trung-Lang-Tướng, đồng-đốc biuh-mã bảy quận, lĩnh chức Thái-Thú Giao-Châu, nhất thiết được tiện-nghi hành-sự, vụ được thanh-bình, đuổi trộm cướp, tự dân lành, chinh-đốn biên-trần cho thanh-lặng, ban-bố ơn khương-thường cho rộng-rãi, sự-vụ trong ngoài, nhất thiết ủy cho khanh; khanh nên hết bồn-phận mình, chớ bỏ lệnh Trẫm».

(1) Lời chú sai, nhưng cứ dịch theo nguyên-văn (Xem Phụ-Lục).

Vương mới sai Trương-Mân phụng cống đến Hán-kinh. Bấy giờ đương lúc binh-cách, thiên-hạ tang-loạn, đạo-dồ du-viễn, vãng-phản gian-lao, thế mà Vương không phể bỏ chức cống, kính giữ đạo tôi. Vua Hán lại hạ chiếu gia-trưởng. Lời chiếu rằng :

«Giao-Châu là đất văn-hiến, núi sông vun-đúc, trân-bảo rất nhiều, văn-vật khả-quan, nhân-tài kiệt-xuất, mấy năm nhân họa chiến-tranh, mục thú ít người xứng chức, nên chi phương xa không thắm-nhuần được nhã-hóa, nay đặc-ủy cho Khanh được trọng-nhậm, Khanh nên theo phong-tục của họ Triệu, họ Đỗ, lấy nhân-ân mà mục-dân, đừng phụ cái tài lương-dũng. Nay lại cho Khanh làm An-Viễn Tướng-Quân, phong Long-Độ-Đình-Hầu».

Sau này Thái-Thú Thương-Ngô tên là Ngô-Cự cùng với Lại-Cung có hiềm-khích. Cự cử binh đến đánh đười. Cung bại, chạy về Linh-Lãng. Lúc bấy giờ Ngô-Tôn-Quyền sai Bộ-Chất làm Thứ-Sử Giao-Châu ta. Chất đến, Vương đốc-suất anh em phụng-thừa Tiết-Độ. Vua Ngô phong cho Vương chức Tả-tướng-Quân. Ba con đương làm Trung-Lang Tướng, Vương khiến vào làm con tin ở nước Ngô, lại dụ-đỗ kẻ thô-hào Ích-Châu là Ung-Khải đem dân trong quận phụ-thuộc nhà Ngô; Ngô càng khen Vương, thăng Vệ-Tướng-Quân, phong Long-Biên-Hầu Đệ-Nhất Thiên-Tướng-Quân. Vương sai sứ đến nước Ngô đem cống các thứ tạp-hương, vải tế-cát, ngọc-châu, đồi-mồi, lưu-ly, lòng phi-thúy, sừng tê-giác, ngà voi, hoa quý, cỏ lạ, chuối, dưa, nhãn, năm nào cũng sang cống, mỗi lần đi cống thì chở ngựa vài trăm thớt. Ngô-Vương muốn đáp lại lòng chân-thành mới phong cho ba người em : Nhất làm Thái-Thú Hiệp-Phổ (nay là huyện Từ-Liêm); Võ lãnh Thái-Thú quận Cửu-Chân (nay là Thanh-Hóa); Vũ lãnh Thái-Thú Nam-Hải (nay là Quảng-Châu).

Vương thề-khí khoan-hậu, khiêm-hur đãi kẻ sĩ, bởi vậy, các nhà Nho đời Hán, tị-loạn chạy sang với Vương rất nhiều; người trong châu đều gọi là Vương. Lúc ấy Trần-Quốc-Huy đưa thư cho Thượng-Thư-Lệnh Tuân-Úc, đại-khải nói rằng : «Sĩ-Phủ-Quân ở Giao-châu, học-vấn ưu-bác, lại thao về chính-trị, xử trong lúc đại-loạn mà bảo-toàn được một phương, hơn hai mươi năm cương-trường vô-sự, dân không mất mùa, những

người ky-lữ đều nhờ được ân-huệ, tuy Đậu-Dung giữ Hà-Tây cũng không hơn được; các em Vương đều hùng-cử mỗi người một châu, ở ngoài vạn dặm, một châu yên-lành, uy-tôn của Vương không ai hơn được, mỗi khi ra vào, chuông khánh đều đánh, đủ cả uy-nghi, kèn sáo, trống phách, xe ngựa đầy đường, người Hồ đi bên xe đốt hương; thường có hàng chục thê-thiếp ngồi trong xe biên-tri, theo sau là đoàn ky-binh của đệ-tử; đương thời qui-trọng, uy chấn vạn-lý, Triệu-Đà cũng chẳng hơn được vậy».

Vương mất, thọ chín mươi tuổi, ở châu 48 năm. Xét truyện Báo-Cực chép rằng Vương khéo sự nhiếp-dưỡng, chết đã chôn dưới đất rồi, đến cuối đời Tấn là hơn một trăm sáu mươi năm, nước Lâm-Áp (Chiêm-Thành) vào đánh cướp, đào mộ Vương lên thì thấy thi-thê y-nguyên, diện-mạo như khi sống, chúng cả sợ liền chôn lấp lại. Thỗ-nhân truyền lấy làm thần, lập miếu phụng-tự, hiệu là Sĩ-Vương-Tiên.

Giữa niên-hiệu Hàm-Thông nhà Đường, Cao-Biên phá Nam-Chiếu, đi đến cõi ấy thì gặp một dị-nhân diện-mạo hòa-nhã, bần nghệ-thường vũ-y, đón đường cùng đi đến; Cao-Biên mời vào trong màn nói chuyện thì nói toàn chuyện thời-sự đời Tam-quốc. Sau khi từ-biệt, Cao-Biên đưa ra đến cửa hốt-nhiệm không thấy dấu. Cao-Biên lấy làm lạ, hỏi người trong thôn. Thôn-nhân chỉ mộ Sĩ-Vương mà thưa. Biền than tiếc không kịp biết, rồi ngâm rằng :

*Sau thuở Hoàng-Sơ Ngụy.
Cách đây năm trăm niên.
Đường, Hàm-Thông thứ tám,
Nay gặp Sĩ-Vương-Tiên.*

Thôn-dân mỗi khi có việc gì, cầu-đảo đều có linh-ứng; đến nay vẫn là phúc-thần.

Hoàng-triều niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Gia-Ứng-Đại-Vương. Năm thứ tư, gia thêm hai chữ Thiện-Cảm. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Linh-Vũ; nhờ công âm-phù mặc-trương của thần, thôn-dân hưởng được nhiều hạnh-phúc vậy.

Tiến-bình

Nước ta xưa có nước Việt-Thường, nói thì uốn lưỡi, thân hình vẽ rồng, phong-tục phác-lậu, đại-khái như thổ-dân các châu-động ngày nay.

Từ khi Triệu-Vũ-Đề cai-trị bảy quận, đem Thi, Thư giáo-huấn quốc-tục, Nhâm-Diên làm Thái-Thú Cửu-Chân lại đem lễ-nghĩa dạy-dỗ quốc-dân, bởi vậy, nước ta mới dần dần hiểu biết văn-tự có ích cho người, lễ-nghĩa quan-hệ đến phong-tục, cái đà văn-minh cũng do đây dần dần tiến-triển. Kịp đến lúc Sĩ-Phủ-Quân đem sóng dư của sông Thu sông Tứ tràn dần qua Nam-Hải, bàn việc trở đầu trong hội can-qua, gảy đờn ca ở làng hầu hèn, người nghe điếc tai vì tiếng chuông, thanh-giáo phò-cập đến đâu là đây hấp-thụ được hoa-phong. Sau này, triều Lý, triều Trần, triều Lê thay đổi nhau dựng trường học, đặt khoa thi, văn-trị bột-phát trên dưới vài nghìn năm trăm năm, nhân-tài bồi-xuất, bèn xưng là nước văn-hiến, hoán-tình lòng người, huy-đăng thượng-quốc. Sử gọi văn-phong Linh-Nam, bắt đầu từ Sĩ-Vương thì công ấy há chẳng tốt-đẹp lắm ru ?

Đang lúc ấy, tam-quốc chia thành thê chân vạc, trung-nguyên như nổi canh sôi, duy nước ta một phương được nhờ yên-ôn, những kẻ danh-hiến, đạt-nhân nghe tiếng mà đến, làm thành một nơi văn-vật đô-hội lưng-lẫy. Vương, phương Bắc thờ nhà Đại Hán, phương Đông đẹp lòng Cường-Ngô, anh em đều làm chủ các quận, vinh-diệu một thời, hàn-mặc lưng-lẫy. Vương-hiệu là do cửa miệng của người trong châu xưng-hô, chứ Vương không hề ngang-nhiên dám tự tôn-đại, như Nam-Hải Ủy-Đà cỡi xe hoàng-ôc, cầm cờ tả-đạo. Sách rằng : «Sợ mệnh trời, giữ được nước» Vương thực là đúng, còn như chuông trống, xe cộ, nghi-vệ ra vào ấy chẳng có gì là lạ. Bôn mươi tám năm ở quận, hưởng thọ hơn chín mươi năm, sông có vinh-danh, chết được hiển-hiện, oanh oanh liệt liệt một trường giữ tròn chung-thủy, ít thấy ai được như vậy.

Tập U-Linh có chép vài việc, người đời sau hiểu-kỳ thêm vào, tương truyền rằng: Vương sinh-tiến dạy học-trò đến vài nghìn người, sau khi mất, có di-chức chôn sắp chữ đứng chôn giữa thì tiếng giảng sách mới không có, nhưng sau học-trò không nỡ làm như thế, cứ chiều lệ thường mà khâm-liệm. Mỗi khi đêm lặng trăng sáng thường nghe tiếng Vương giảng sách ở dưới mộ như lúc bình-sinh dạy học. Người Tàu thấy Vương linh-dị, sợ-hãi mới đào mộ Vương lên chôn sắp lại, từ đây không nghe tiếng giảng sách nữa. Thuyết ấy quá ư quái-đản, không chắc đã đúng.

Nay miếu tại sông Thanh-Tương, huyện Siêu-Lạc, mấy triều đều có phong-tặng, còn mộ ở làng Tam Á huyện Gia-Định, gò đóng bao-bọc, cây

cỏ um-tùm, dân-chúng ở quanh vùng có việc đền cầu-đáo đều có linh-ứng. Ngoài đường thiên-lý có đình thờ vọng, giữa treo bức biển để bôn chữ «Nam-Giao-Học-Tổ», đúc ngựa đồng để thờ, người đi đường đều phải xuống ngựa cúi đầu. Bạch-Phương-Am Tiên-sinh, có đặt cho làng đó một câu đối thờ ở đình rằng:

*Việt-điện văn-tông sau Thù, Tứ.
Nam-giao học-tổ trước Lạc, Mân*

Cũng là tuyên-dương công-nghiệp Vương đã đem văn-hóa dạy cho dân vậy.

Xét người đời xưa hay cũ tên chữ không cũ họ, nay hai huyện Siêu-Loại và Gia-Định ở gần đến miếu đều cũ chữ Si, rồi tên cũng cũ luôn, thành ra mất cả họ tên, như thế thực là quẻ lậu, cũng như người huyện Đông-An cũ tên Chư-Đông-Tử, lại lấy chữ Tử là húy mà cũ thì cũng giống như đây.

Phụ-lục

Phủ Thuận-An, huyện Gia-Định, xã Tam-Á, đồng xã quan-viên, chức-sắc, kỳ-lão, văn-thuộc :

Thường nghe nấu đồng đúc ngựa là muốn để cho được bền lâu, chọn đá khắc bia là muốn khiến cho khỏi mục-nát, bởi vậy đời xưa có đặt đồng đá, có bia rùa đá, chứ không phải đời nay mới có, cũng để tỏ ra sự tôn-kính vậy. Huống nay đúc ngựa chạm bia thì không phải là để cho vui lòng đẹp mắt mà thôi. Ôi ! văn của sẵn có ở núi Trang - sơn, tìm thợ khéo để đúc, khiêng tảng đá chưa đeo ở núi Nam-sơn, tìm thợ chạm để trở, có phải là hư-phí đâu ! Chính vì chỗ phụng - thờ mà có. Nhân đúc ngựa mà có bia, bia không khắc bằng đá thì không để được lâu-dài, ngựa không đúc bằng đồng thì không lấy gì bền chắc, nếu không ngựa không bia, lấy gì tôn-nghiêm chỗ đền miếu, người trông vào kính-sợ, xa gần nô-nức, tỏ tấm lòng thành phụng-sự, và hiển-dương công-đức của Thần-linh. ?

Kính nghị : Tôn-vương là vị Thượng-đẳng-thần-linh, Tông-chủ Nam-văn, Tiên-tổ xuất từ làng Văn - Dương nước Đông - Lộ là một nước lớn, nhân tránh Mãng-triều, qua ở làng Quảng-Tin, quận Thương-Ngô ta, dần-dà sáu đời, mới đến Tôn-Vương, đang lúc vua Hoàng-đế trị ngôi ở Trung-Hoa, thân-phụ Vương làm quan Thái-Thủ Nhật-Nam, khai công ở trước, dần thịnh về sau. Vương hun-đúc khi tốt, nối chí tiền-nhân, du-học Hán-

kinh và Đinh-Châu, được nhờ thầy nhờ bạn lúc tuổi trẻ, chuyên học sách Xuân-Thu Tà-thị, giải-chú thành một nhà, nghĩa sách Thượng-Tư thêm rõ, câu nghi trong giản-tịch đều được tấ-cứu, tập theo cái thói phong-lưu của nước Lỗ, như thế cũng đáng gọi là một nhà học-vấn ưu-bác. Thế rồi đậu khoa Hiếu-Liêm, được bổ Thượng-thư-lang, đậu khoa Mậu-tài được thăng Chánh-dương-lệnh (1), sự-nghiệp khoa-cử cũng đáng nên kể, thế cũng thạo về chính-trị. Kịp đến cuối đời vua Linh-Đế đời sang chức Thái-Thủ Giao-Châu. Nhậm chức Thái-Thủ rồi, rộng-rãi biết thương dân, khiêm-nhường đãi kẻ sĩ, giữ toàn bờ-cõi, chính-lệnh mỗi ngày một mới, người làm ruộng, kẻ đi buôn được yên-ổn làm ăn, xóm làng cửa ngoài không đóng, trộm cắp đều không, người tha-hương lữ-làng đều được thỏa-nguyện. Người trong nước thân-mến đều gọi bằng Vương; nhà nho-học lãnh-nạn nhờ Vương đãi-dàng, tny Đậu-Dung giữ Hà-Tây cũng không hơn Vương được. Anh em đều là Thái-Thủ châu-quận, con cháu lãnh chức Trung-Lang tướng, Vương ra vào có chuông trống, đờn ca, uy-lùng mùa dậm, danh-trọng đương thời, trăm mọi kính-phục, tuy vua Võ-Đế sáng-lập Đế-cơ, cũng không hơn vậy.

Năm Đinh-Hợi, vua Hán-Đế nhân sự thất-bại của Trương-Tàn mới cho Vương bức tí-thư, giao-ủy đồng-đốc binh-mã bảy quận.

Năm Canh-dần, Vua Ngô-Tồn-Quyền sai Bộ-Chất sang làm Tiết-Độ-Sứ, Vương lại dựa thế nhà Đông-Ngò. Năm nay Tào-Tháo phong Long-độ-hầu, sang năm Tồn-Quyền phong Long-biên-hầu. Vương chẳng lấy đời-mới mình-châu làm quý, long-ahãn, tiên-gia làm ngon, chỉ lo bờ-cõi vững-vàng, nhân-dân yên-ổn, đang lúc tam-quốc chiến-tranh mà thành-quách nhân-dân toàn Việt được hưởng an-ninh, nếu người không trí thì không thể được.

Wương khi nào việc quan nhàn-hạ, thường dạo chơi sơn-thủy làm vui, hoặc xem xét đồ-thư, thăm dò ý-tứ của thánh-hiền, phát-minh phần điển, dạy-dỗ cho người; mỗi khi Vương g-âng sách, những khách tấ-thân kéo đến quanh Vương mà nghe; lấy lễ-nghĩa mà đào-tạo lòng người, lấy thi-thư mà khai-hóa quốc-tục, khi ấy Long-Biên mới nghe có tiếng đàn, tiếng học, áo mào chẳng khác gì Lỗ-Trần Luy-Lâu hóa thành Thủ-Tứ, nhiều kẻ sĩ bơi lội ở trong. Nước An-Nam được xưng là Văn-Hiến chỉ bang, cả đến đạo-lý cương-thường cũng đều tự Vương sáng-thủy, công ơn ấy không những chỉ nhất thời, có lẽ lưu-truyền đến hậu-thế, thật là vẻ-vang thay! Xem bức

(1) thực ra là Vu-Dương lệnh (xem Phụ-Lục)

thư của Viên-Huy đưa cho Tuân-Úc thì biết người Hán cũng còn kính-nể, há chỉ người Hồ đi bên xe đốt trầm mà thôi đâu.

Đọc bài chế vua Tống-Thái-Tông phong Đại-Hành, thời Bắc-sử cũng lưu tiếng thơm, không chỉ Nam-sử chép đề sự-nghiệp công-đức mà thôi vậy.

Sau khi Vương mất, anh-linh không tán, Lâm-Áp sợ mà phải lui binh, thịnh - đức chưa đền, Giao - châu cảm mà lo lập miếu. Long-Biên nhân đấy cũng dựng đền phụng-sự; Trần-triều nhân đấy mà truy-phong tự-diễn, hương-hóa đời đời, tất cả anh-tài hiền - phụ đều phải vòng tay cúi đầu trước anh-danh vĩ-liệt, suốt nghìn xưa mà càng tôn.

Ngày nay Quốc-triều, Hoàng-đồ bền-vững, văn-trị tiến-phát, văn - tinh chói-lọi, xuân khắp non sông, bờ-cõi vững như âu vàng, xā-tác yên như bàn đá, truy cái công khai vật thành vụ thì phải nhớ đến gốc đến nguồn, biên đậu chưng bày, heo xồi tinh - khiết, báo - đáp ơn trên, tỏ lòng kẻ dưới ; nếu không có kẻ tiên-giác, lấy ai khai-hóa hậu-nhân ? chín lớp cung tường, thấy điều lẽ thì biết việc chính, nghe đến nhạc thì biết đến đức, nghìn thu danh-giáo, kính người hiền mà thân kẻ thân, vui đều vui mà lợi đều lợi.

Nay đền thờ tại Gia-Định ở làng Tam-Á, tại Siêu-Loại ở làng Lũng-Triền, chỗ nào có đền thờ thì dân làm thủ-hộ, quan đặt Giám - thủ, đến nay cúng đã lâu năm.

Bây giờ dân-chúng xã Tam-Á trộm nghĩ : Miếu vũ xây cất ngày xưa, trang-nghiêm, hùng-vĩ, duy chỉ ngựa gỗ lâu năm sứt-mòn nhiều chỗ, kém vẻ uy-nghi, luôn tiện chúng tôi sơn thếp lại Loan-giá, nghĩ rằng gỗ có ngày hư, chừ đồng thời bền-bĩ, mới hội-đồng dư-nghị, lo việc khởi công, tìm mua đồng-nguyên, đúc thành ngựa mới, một con màu hồng, một con màu trắng, thợ đúc công thoan, để nghìn vạn đại, miếu-diện thêm phần long-trọng, xuân-thu cúng - tế uy-nghiêm, dân được nhờ ơn của thần, nước được vững bền thịnh-trị, âm-phù mặc-tướng cho dân, linh-thanh ngày thêm lừng-lẫy. Nhân khắc vào đá, lưu-truyền đời sau''.

Khắc thời Hoàng-triều niên-hiệu Vĩnh-Thịnh năm thứ hai, (1) sau rằm tháng Mạnh-Thu năm Giáp-Tý, ngày tốt.

Tân-Vy-Khoa. (2) Đệ-tam giáp đồng Tiên-sĩ xuất-thân, Kinh-Bác-Đẳng-Xứ, Hiên-Sát-Sứ-Ty, Hiên-Sát-Sứ quận Hải-Nam, làng Chí-Kiệt, Nguyễn-Hậu phụng-soạn.

—:—

Phủ Thuận-An, huyện Gia-Định, xã Tam-á có đền thờ Sĩ-Vương.

(1) 1706

(2) 1691

Vương ban đầu làm Thái-Thú nước Việt ta, đóng đô ở thành Long-Biên, sau này lăng cũng xây ở đây, đền thờ cũng dựng ở đây. Ta nhậm chức Ân-Sát bản quận, trên đường ngang qua đền, nhân vào đền làm lễ bái-yết, vừa gặp đang khi làng ấy khởi công tu-bổ đền, các bậc quan-viên, phụ-lão đến trước ta, thỉnh ta soạn bài văn bia, ta bằng lòng. Văn rằng :

«Sỹ-Vương dòng-dõi làng Văn-Dương nước Lỗ, vừa là ông Tổ văn-hiến nước Việt ta. Phổ-hệ trước sau, lý-lịch gốc ngọn, học-vấn sâu rộng, cùng với công to giáo-hóa, chính-trị rõ-rệt, trí-lược phục kẻ xa, thỏa người gần, sách-sử đã chép rõ, không cần phải kể lại ở bia làm gì, mà bia cũng không thể hình-dung hết được.

Các ông làng đều bảo : Hoàng-triều niên-hiệu Vinh-trị năm đầu, có ban Lệnh-chỉ cho làng ấy làm đàn Tao-lệ, thì đã có ông Kỹ-hội khoa đệ-nhất-giáp Tiến-sĩ đệ-tam-danh Quang-Tiến-Thận-Lộc đại-phu Lại-Bộ Hữu-Thị-Lang, Kinh-Thuận Gia-Tướng-Công Nguyễn-Phủ đã soạn rồi. Đến năm Vinh-thịnh thứ hai, làng ấy đúc hai con ngựa bằng đồng, một con màu hồng một con màu trắng, cũng đã có bia, văn bia do quan Kinh-Bắc xứ Hiến-Sát sứ Chí-Linh-Kiệt-Trì-Tôn-Tướng-Công soạn. Ngựa đồng ấy bị giặc cướp toan muốn khiêng đi, may nhờ uy-linh của Vương, lập tức thâu-hồi được từ đó ngựa đồng đem đặt qua sở Tế-diễn.

Bây giờ nhân - dân trong xã hưng - công tu-bổ đền thờ, hội-ngộ lạc, quyên đồng tốt theo y thức - dựng ngày trước, đúc lại ngựa đồng để thờ-phụng. Ta đây cũng là Kinh-Bắc Hiến - Sát sứ, nhân làng xin văn, ta cũng có nhớ rằng : Theo quốc-sử, Vương nhậm chức ở châu hơn bốn mươi năm, thọ hơn chín mươi tuổi, đương thời uy - danh không hai, kính - phục trăm mọi, nghi-vệ khua chuông gióng trống, Hồ - nhân bên xe đót trầm, y nhiên như còn, chỉ vì năm lâu vật cũ, chưa có đủ tế - nghi để cho tồn thêm miếu-mạo. Duy đương thuở ấy, ngọc sắc như sống, cướp được phách nước Lâm-hồ cuối đời Tấn, Thần-uy xa cảm, khiến nhà Trần ngọc-tỷ bao phong, anh-khí không tán. sở dĩ làm thần, linh - sản ở trên trời, trải nghìn xưa như một ngày. Vậy nên ở trong toàn cõi, một dạ tôn - sùng, đã đúc ngựa đồng cho rạng văn-vẻ, lại khắc bia đá lưu-truyền đời sau, thực là nên lắm. Ta kính rửa tay cầm bút, chép làm bài Ký này.

Hoàng-triều niên-hiệu Cảnh-hưng năm thứ bốn mươi, (1) tháng Mạnh-Thu, năm Kỹ-hội ngày tốt.

Kỹ - sửu khoa (2), đồng Tiến-sĩ xuất - thân, Kinh Bắc đẳng-xứ thụ Hiến-Sát sứ, Hình-Khoa Đò cấp-sự-trung, huyện Thanh - Hà, làng Hoàng-Vinh, Nguyễn-Đình-Giản hiệu Dị-Hiến bái thủ phụng-soạn.

(1) 1779

(2) 1769

BỐ-CÁI ĐẠI-VƯƠNG

Xét Giao-Châu-Ký của Triệu-Vương chép rằng : Vương họ Phùng tên Hưng, thế-lập Biên-Khố-Di-Tù-Trưởng châu Đường-Lâm, hiệu là Quan-Lang (man-tục nay còn). Vương gia-tư hào-hữu, sức-lực dũng-mãnh, đánh được hổ, vạt được trâu ; người em tên là Hãi cũng có sức-mạnh kỳ-dị, vác được một tảng đá nặng mười ngàn cân, hay một chiếc thuyền con chở nghìn hộc mà đi hơn mười dặm ; mọi lảo thấy vậy đều kinh-hãi.

Giữa niên-hiệu Đại-Lịch nhà Đường, nhân nước An - Nam ta có quân-loạn, anh em đem nhau đi tuần các ấp lân-cận đều hạ được cả, đi đến đâu thì chỗ ấy tan.tác.

Đặc-chí rồi, Hưng cải danh là Cự-Lão, Hãi cũng đổi tên là Cự-Lực ; Vương hiệu là Đô - Quán, Hãi hiệu là Đô-Bảo, dùng kế-hoạch của người Đường-Lâm là Đổ-Anh-Hàn đem binh tuần-hành mấy châu Đường-Lâm, Trường-Phong, thấy đều qui-thuận cả; uy-danh chấn-động, dương ngôn muốn đánh lấy Đô-Hộ-Phủ.

Lúc bấy giờ quan Đô-Hộ là Cao-Chinh-Binh đem binh dưới trướng ra đánh không hơn được, ưu-phần phát bệnh vàng da mà chết. Vương vào Đô-Phủ thị-sự bảy năm rồi mất ; dân-chúng muốn lập em là Hãi lên nối ngôi. Có kẻ phụ-tá đầu-mục là Bồ-Phá-Lặc, sức có thể bài sơn cử đỉnh, dũng-lực tuyệt-luân, có ý không theo mới lập con Vương là An, rồi đem quân chống Hãi ; Hãi tránh Bồ-Phá-Lặc, dời qua ở động Chu - Nham, sau đấy không biết ra sao nữa.

An tên Hưng là Bồ-Cái Đại-Vương, bởi quốc-tục xưng cha là «Bố», mẹ là «Cái» nên mới gọi như vậy.

An lên kế vị được hai năm, vua Đức - Tông phong Triệu - Xương sang làm An-Nam Đô-Hộ ; Xương sang đến nơi, trước hết sai Sứ đem nghi-vật dụ An; An sửa-sang nghi-vệ, đem quân nghênh-hàng Triệu-Xương; các thân-thuộc họ Phùng giải-tán hết.

Vương vừa mới mất đã hiện-linh, thường ở trong thôn dân hiện-hình thành thiên-xa vạn-mã phi-đẳng trên gia-ốc, trên cò-thụ; chúng nhân trông lên thực như đám mây ngũ-sắc, lại nghe thấy ti-trúc, quân-huyền giao-hưởng trên không-trung, tiếng hó-

hoán, tiếng còi trống vòng kiệu vọng lên nghe thấy phân-minh giữa ban ngày. Phạm trong ấp có tai-nạn hoặc việc vui mừng thì Ấp-trưởng trong đêm đã thấy có dị-nhân báo-cáo trước; chúng phục là thần, lập đèn phía tây Đò-phủ mà phụng-sự, phạm có việc trộm cướp, việc hồ-nghi thì đại-thề tề-tự trước đèn mà bái-yết thần, vào trong đèn mà minh-thệ, lập-tức thấy họa-phúc. Nhà thương-mại đem lễ đến đèn cầu lợi-hậu đều có linh-ứng; thôn-dân gặp phải mưa dầm hay đại-hạn; cầu-đảo liền được như ý. Mỗi năm xã đến ngày tạ-lễ, người đến đông như rừng như biển, bánh xe dẫu ngựa đầy đường; miếu-mạo nguy-nga, hương đèn chẳng dứt.

Thời Ngô Tiên-Chúa kiến-quốc, Bắc-binh nhập-khẩu, Tiên-Chúa đã lo, nửa đêm hốt nhiên mộng thấy một ông già đầu bạc, y-quan nghiêm-nhã, tay cầm quạt lông, chống gậy trúc, tự xưng tính-danh rằng :

— Ta lãnh thần-binh vạn-đội, sẵn.sàng mai-phục các chỗ yếu-hại, Chúa-Công tức-tức tiến binh chống-cự, đã có âm-trợ, chớ lo-phiền chi cả.

Đến khi tiến binh trên Bạch-Đặng, quả thấy trên không có tiếng xe ngựa, trận ấy quả được đại-tiếp; Tiên-Chúa lấy làm lạ, chiếu kiến-lập miếu-điện, trang-nghiêm có từng hơn xưa, lại sắm thêm quạt lông, cờ hoàng-đạo, chiến đồng, trống đại, rồi làm.lễ thái-lao, con hát đến làm lễ tạ; lịch-triều theo đó dần dần thành ra cỗ-lễ.

Hoàng-triều niên-hiệu Trùng-hưng năm đầu, sắc phong Phụ-Hựu Đại-Vương. Năm thứ bốn mươi, gia thêm hai chữ Chương-Tín. Năm Hưng-Loung thứ hai mươi, gia phong hai chữ Sùng-Nghĩa, đến bây giờ anh-uy càng thịnh, hương lửa không ngớt vậy.

Tiêm - bình

Phùng-Đô-Quân là một người phi-thường. tât-nhiên có sự gặp-gỡ phi-thường: sự gặp-gỡ Phi-thường chính là đề đãi người có tài phi-thường, xem việc sức bắt được hổ, khí muốn nuốt sao Ngâu, khiến cho người trong châu

đều úy-phục, nếu không có tài-lực hơn người thời đâu được như thế ?

Chính-Bình chết rồi, Vương thung-dung vào đô-thành cầm bảy mươi ngọn cờ, hùng-oai muôn dặm, độc-quyền một phương, họa-phúc do tay, nghiêm-nhiên như một họ Triệu, họ Lý vậy, há phải như Mai-Hắc-Đề chỉ chiếm một châu mà vì được đâu ? Tuy vận còn nội-thuộc, chẳng bao lâu bị mất vào tay Triệu-Xương, nhưng kẻ đại-trượng-phu xuất-sắc không chịu để cho bọn hổ-lại giàn-buộc, Ngô-Phong cho là tay cự-phách trong hạng Thổ-hào, vận tuy bi-cực, nhưng gặp gỡ đều hanh-thông, rõ thực bậc anh-hùng hảo-hán, phương chi chôn Đại-nội hiền-linh, sông Bạch-Đằng giúp trận, Phu-Hựu, Chương-Nghĩa, chói-lọi ở Loan-thư, sông được vinh-danh, chết lưu hiển-hiệu, người như Phùng Bô-Cái chưa dễ có nhiều được.

Kẻ thần-hạ thì có Bô-Phá-Lặc, tận trung thờ chúa, con thì có Phùng-An, biết sợ mệnh trời, một cõi Đường-Lâm dần dần thành ra một làng danh-thắng.

Ngày nay anh-tài nầy-nở, vị-tất đã không do Phùng-Công đã cầm lá cờ đỏ đầu tiên, thực là bất-hủ.

Có người bảo: Đường-Lâm nay là Phúc-Lộc thì phải, Phùng-Sứ-Quân nay làm Phúc-thần xã Mông-Phụ, chưa biết có phải không.

TRIỆU-VIỆT-VƯƠNG, LÝ-NAM-ĐẾ

Việt-Vương họ Triệu, tên là Quang-Phục. Nam-Đế họ Lý, tên là Phật-Tử. Hai ông này đều là Bộ-tướng của Nam-Đế nhà Tiền-Lý tên là Lý-Bôn.

Thời Vũ-Đế nhà Lương, ở huyện Thái-bình Giao-châu ta, có Lý-Bôn gia-tư hào-hữu, lại có kỹ-tài xuất-chúng, thường có khí-độ giống như Tiêu-Hà, Tào-Tham, lại có Tinh-Thiều giàu về từ-chương, ưu về văn-học, cùng nhau qua nước Lương cầu xin làm quan. Thượng-Thư bộ Lại nhà Lương tên là Thái-Tôn nghĩ rằng họ Tinh đời trước chưa có người hiền, nhưng thấy Tinh-Thiều phong-độ khả-quan mới bổ làm môn-lang Quảng-Dương. Thiều xấu-hỗ, cùng với Lý-Bôn trở về cố-quận. Nhân Thứ-Sử Vũ-lâm-hầu là Tiêu-Tư, hành-chính khắc-bạo rất thất nhân-tâm nên dân-chúng ám-thầm mưu-phản, Lý-Bôn lúc ấy đang làm Giám-Sát Cửu-Đức liền liên-kết hào-kiệt chín huyện; với khí-giới tinh-nhuệ, họ toàn là Việt-binh đến đánh đuổi Thứ-Sử Tiêu-Tư chạy về Quảng-Châu. Bôn vào chiếm-cứ châu-thành, vừa gặp Lâm-Áp đến cướp Nhật-Nam; Bôn sai tướng Phạm-Tu đem binh đến đánh ở Cửu-Đức được đại-thắng, quân giặc tan-tành. Lý-Bôn bèn tự xưng là Việt-Vương, đặt ra bách quan, đổi niên hiệu là Thiên-Đức, quốc-hiệu là Vạn-Xuân.

Lương-Đế nghe được tin, phong quan Thứ-Sử Quảng-Châu Trần-Bá-Tiên sang làm Thứ-Sử ở Giao-Châu. Bá-Tiên nghe Lý-Bôn xưng Vương thì đem binh đến đánh, đánh nhau bảy năm, đến năm Đại-Tống thứ hai, Lý-Bôn mất, cộng được tám năm.

Triệu-Quang-Phục vốn là người Chu-Diên, làm Tả-Tướng-Quân của Lý-Bôn. Quận Chu-Diên ở phía Bắc có một chiếc đầm lớn, sâu rộng không biết ước-độ bao nhiêu dặm.

Lý-Bôn mất rồi, Quang-Phục thâu-thập tán-tốt được hai vạn người, giữ hiệu-lệnh chỉ-huy tiếm-ân trong đầm, đem thời ra cướp doanh-trại, ngày thời tiếm-phục trong đầm; Bá-Tiên

sai người do-thám biết là Quang-Phục, đem quan đến đánh nhưng cũng không được. Chúng đều suy-tôn Quang-Phục làm Đa-Trạch-Vương. Quang-Phục ở trong đầm được một năm, một đêm kia thấy một con rồng vàng cỡi móng đem cho mà bảo rằng:

— Lấy cái móng này cắm vào trên đầu-mâu, hễ giặc thấy là tự-nhiên úy-phục.

Gặp lúc Kiến-Khương có việc triệu Bá-Tiên về Bắc, Tiên lưu tướng là Dương-sân ở lại giữ trấn, đại-diện cho ông mà hành-sự.

Quang-Phục sau khi đã được móng thần thì mưu-lược kỳ-di, đánh đầu thắng đấy, lại nhân Bá-Tiên về Bắc mới đem quân ra đánh Sấn; Sấn cự-chiến, vừa trông thấy đầu-mâu một cái đã thua rồi chết. Quang-Phục vào chiếm thành Long-Biến quản-trị cả hai xứ Lộc-Loa và Vũ-Ninh, tự hiệu là Nam-Việt Quốc-Vương.

x x
x

Phật-Tử là em họ của Lý-Bôn; Bôn mất thì theo anh Lý-Bôn là Thiên-Bảo, đem ba vạn quân chạy trốn vào mọi lào, Bá-Tiên tìm kiếm không được. Thiên-Bảo đi đến đầu nguồn sông Đào-Giang, đóng Dã-Năng, thấy chỗ ấy danh-thắng, thổ-vật phi-nhiều, đất sản-xuất nhiều lại rộng-rãi, bèn đắp thành ở đó. Đời sống càng ngày càng phồn-thịnh, trí-thức càng ngày càng quảng-bá lập thành nước Dã-Năng; dân-chúng suy-tôn Thiên-Bảo làm Đào-Lang-Vương. Chưa được bao lâu, Thiên-Bảo hoăng, vô-tự; dân-chúng hội-nghị suy-tôn Phật-Tử làm Vương. Gặp lúc Bá-Tiên về Bắc, Phật-Tử bèn dẫn binh xuống miền Đông; tả hữu khuyên Phật-Tử xưng Đế; Phật-Tử nghe theo rồi lấy hiệu là Nam-Đế.

Nam-Đế cùng với Việt-Vương giao-chiến ở Thái-Binh đã năm trận, gươm giáo qua lại, tên đạn như bay mà thắng-phu chưa quyết. Quân Nam-Đế có hơi nóng thể, cho là Việt-Vương có dị-thuật mới thỉnh-hòa. Việt-Vương cũng nghĩ Nam-Đế là tộc-thuộc của Lý-Bôn bèn chia nước ra mà cùng trị, vạch bãi Quán-Thần làm địa-giới.

Nam - Đế ở thành Ô - Diên cho con tên là Nhã - Lang đến Việt-Vương cầu hôn ; Việt-Vương cho con gái là Cảo - Nương về với Nhã-Lang, thật là hảo-tình mật-thiết, cầm-sắt giao - hải, Một-hôm Nhã-Lang hỏi nhỏ Cảo-Nương rằng :

— Hai nước ngày xưa là cừu-thù, ngày nay lại là thông-hôn, thật là thiên-duyên tác-hợp, tao-ngộ kỳ-duyên. Trước kia hai nước giao-tranh, binh-cơ của Phụ - Vương em thần - diệu xuất-sắc hơn Phụ - Vương anh nhiều ; không hiểu có cái diệu-thuật gì mà nhiều kỳ-mưu như vậy ?

Cảo-Nương là bậc nữ-lưu trăm-tuyển, có biết đâu thế-thái bà-đào, mới mặt lấy cái đầu-mâu móng rồng đem cho xem, kể sự đầu đuôi, và nói :

— Xưa nay phụ-vương thiếp hơn giặc là nhờ cái này.

Nhã-Lang xem xong, thăm mưu đòi cái móng rồng đi, bèn nói với Cảo-Nương rằng :

— Anh làm Phò-mã ở đây đã lâu, nay nhớ đến song-thân, chẳng lẽ cứ lưu - luyến tình chiểu - chấn riêng tư mà bỏ knuyệt việc thần-hôn phụng - dưỡng, ý anh muốn tạm về vãn - an mới thỏa lòng. Nhưng mà đường sá xa - xôi, đi về cách trở, không dễ một hôm một mai mà trở lại được, sum - họp ít mà chia - phối nhiều, anh thật ân-hận quá. Sau khi anh về nước, nếu mà có biến-cổ bất-ngờ xảy ra, chắc là em phải theo vương-giá mà đi, đi về phương nào em nên rải lông ngỗng để cho anh tiện việc kiếm tìm.

Nhã-Lang về nước, đem việc bạch với Phụ-vương ; Nam-Đế cả mừng, lập tức dẫn binh trực - nhập Việt - cảnh như vào một chỗ không người, Việt-vương không hề hay biết. Đến khi Việt-Vương được tin báo, vội-vàng xách đầu-mâu ra cự-chiến để đợi Nam-Đế nhưng thần-cơ đã bị đoạt rời, tinh-thần binh-sĩ không phấn-chấn nữa. Việt-Vương tự biết không thể địch nổi Nam-Đế mới dắt con gái chạy về phương Nam để tìm chỗ yếu-hiểm tránh thân. Binh giặc vẫn đuổi theo sau ; đến châu - phủ thì Vương tạm nghỉ-ngoi, tả hữu báo binh Nam-Đế đã đến Vương sợ-hãi hô to lên rằng :

— Hoàng-Long thần-vương sao không giúp ta ?

Thoắt thấy Hoàng-Long chỉ tay cáo với Vương rằng :

— Không phải ai đâu, chính là Cảo-Nương con gái Vương rả lông ngỗng dẫn đường cho giặc đó, giặc ở bên lưng không giết đi còn đợi gì nữa.

Vương ngảnh lại lấy gươm chém đầu Cảo-Nương rơi xuống nước rồi bỏ đi. Vương giục ngựa chạy đến cửa biển Tiểu-Nha, cùng đường, lại phải chạy lui về hướng Đông đến cửa biển Đại-Nha, than rằng : « Ta cùng rồi ! » Hốt nhiên, Hoàng-long rẽ nước thành đường dẫn Vương vào, nước lại như cũ. Nam-Đế tiến binh đến đó, vắng-vẻ không biết đi về hướng nào bèn dẫn binh về.

Việt-Vương dựng nước được mười chín năm, dấy từ năm Tân-vy niên-hiệu Đại-Bảo thứ hai nhà Lương đến năm Ất-Sửu niên-hiệu Đại - Kiến năm đầu nhà Trần thì mất nước. Người trong nước cho là linh-dị, lập đền thờ ở cửa biển Đại-Nha.

Niên-hiệu Trưng - Hưng năm đầu, sách phong Minh - Đạo Hoàng-Đế. Năm thứ tư, gia thêm hai chữ Khai-Cơ, Niên-hiệu Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong bốn chữ Thánh - Liệt Thần-Vũ.

x

x x

Nam-Đế đã chiếm được nước của Triệu-Việt-Vương rồi, thiên đô qua xứ Lạc-Loa và Vũ-Ninh, phong cho người anh là Xương-Ngập làm Thái - binh - hầu, giữ Long - Biên, phong Đại-tướng-quân là Lý-Tấn-Đỉnh làm An-ninh-hầu giữ thành Ô-Diên, ở ngôi được ba mươi năm, khởi từ năm Tân - mao niên - hiệu Đại-Kiến thứ ba nhà Trần đến năm Nhân-tuất niên-hiệu Nhân-Thọ thứ hai vua Văn-Đế nhà Tùy thì mất ; con là Sư - Lợi lên nối ngôi, được vài năm thì bị tướng nhà Tùy là Lưu - Phương đánh chiếm mất nước.

Sau khi Nam-Đế đã hoẵng, người trong nước chỗ nào cũng có lập đền thờ, có miếu ở tại cửa biển Tiểu-Nha, phường An-Khương, rất linh-dị.

Niên-hiệu Trưng - Hưng năm đầu, sách phong Anh - Liệt Trọng - Uy Hoàng - Đế. Năm thứ bốn mươi, gia thêm hai chữ Nhân - Hiếu. Năm Hưng - Long thứ hai mươi mốt, gia tặng bốn chữ Khâm-Minh-Thánh-Vũ.

Cả hai miếu đến nay hương-lửa chẳng dứt, có nhiều linh-ứng vậy.

Tiểu-bình

Vua Tiên-Lý Nam-Đề mang cái tư-cách hơn đời, rửa được cái nhục bị khuất ở người, như chim cất giăng thanh-thế ở Cửu-Đức, như chớp nhoáng ở Việt-Nam, xưng đế đặt quan, đổi niên-hiệu, dựng quốc-hiệu; như thế cũng đáng gọi là kẻ hào-kiệt ở Nhật-Nam, Bá-Tiên sàng Nam, động Khuất-Liệu lui giữ, khiến cho người đời có ý bắt-mãn.

Phật-tử, Quang-Phục đều là Bộ-tướng của nước Vạn-Xuân, một bên thi ở đất Châu-Diên, chờ cơ mà giết Dương-Sản, một bên thu-thập dân-chúng ở động Dã-Năng, thừa thời mà dòm Lãn-hiêu, đều Đề đều Vương, đủ thư chí-tráng. Nhưng mà một vực không dễ ở được hai con giao, một cây không dễ đậu được hai con rồng, biên-giới tuy cắt chứ hùng-tâm không cắt, cưới nàng Cảo-Nương, đổi móng rồng đầu-mâu, bức cửa biển Đại-Nha, chiếm-cứ thành Đại-Loa, hiềm thay sự dụng-tâm của vua Lý-Nam-Đề. Triều nhà Trần sách-phong cả hai, không chia Giáp-Ất nhưng rộng xét như tập U-Linh đã chép thì Việt Vương có phần chính hơn. Cái chuyện Long-quân vạch nước đưa Vương xuống sông, hoặc giả dầu việc tử-trận để mà hỏi-hộ cho Vương chăng !

Móng rùa của nhà Thục bị đổi trong tay Trọng-Thủy; móng rồng của nhà Triệu bị đổi trong tay Nhã-Lang, trước sau ảnh-hưởng giống nhau, cũng bởi hai nàng đấm-đuôi vì tình mà không hiểu đền cơ-quan của lang-quân thâm-độc. Còn như nàng Mỹ-Châu dầu sáng ở giếng ngọc, nàng Cảo-Nương ngậm giận ở cửa Tiểu-Nha, trong chỗ u-minh, hoặc có hoặc không, hoặc may, hoặc rủi, việc ấy có chăng ? « Đức Không-Thánh không nói chuyện quái ».

THIÊN-TỔ-ĐỊA-CHỦ-XÃ-TẮC-ĐẾ-QUÂN

(Chuyện Hậu-Tắc)

Đế-Quân-Đề-Hậu-Tắc, dạy dân trồng các giống lúa, từ đời nhà Chu về sau được thờ làm Xã-thần. Nước ta đặt đền thờ ở bên cửa Quốc-Bình phía Nam La-Thành. Miếu-điện tôn-nghiêm, tục gọi là Xã-Đàn, uy-linh của Thần lúc nào cũng hiển-hách. Trải qua mấy triều, lúc nào lễ Giao cũng phối Thần với Trời; năm nào có đại-hạn hay sâu-keo, cúng-cầu có linh-ứng.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, truy-phong tước Hậu-Tắc-Ty-Đế-Quân; đến năm thứ tư cải phong Thiên-Tổ-Xã-Tắc-Đế-Quân. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong Thiên-Tổ-Địa-Chủ-Xã-Tắc-Đế-Quân.

Tiệm-bình

Chép rằng có công-đức với dân thời nên thờ, thần Hậu-Tắc cho dân ta có cơm ăn, công - đức có gì lớn - lao bằng, nước có đến thờ kẻ đã lâu lắm. Nước ta gây-dựng cơ-đó ở Nhật - Nam, xưng là dòng - dõi nhà Ân, nhang trăm cúng vái, thắm có ý bói-bỏ sự an-ninh lâu dài nghìn trăm năm về sau. Nhưng mà Đề-Quân chẳng phải hiệu, Thiên - Tổ chẳng phải tên, tự-diễn nên xưng là thần Hậu-Tắc ngô hầu mới được rõ-ràng dễ hiểu.

Kết bực Tiên-nông chỗ nào cũng có thờ, duy nước ta mới được xưng là Xã-Tắc. Triều nhà Lê, từ khi chia giới-hạn ở sông Linh-Giang, lấy Cầu-Dinh làm trọng-trần, trần có nền Xã-Tắc, không chép vào kinh-diễn.

Nhà Ngụy-Tây ở Phú-Xuân mà trần Nghệ-An còn đề đàn - hiệu, gán đây có một tên học-trò, ưa khôi-hài, khéo đồ họa; quan Thự-Trần nhà Ngụy tề Xã-Tắc, lễ xong, bèn khiến tên học-trò vẽ một bức đồ, đàn-cuộc giống như lễ tề, ở dưới vẽ một con chó ăn những cái xương dư sau khi tề xong, và đề sáu chữ rằng : «Cầu hữu-lợi ư xã-tắc», nghĩa là chó có lợi cho xã - tắc, ý là để chê khéo vậy. Ôi ! Thần là bậc thông-minh chính-trực, tề mà phi lễ thì thần có chịu hưởng không, hay là nhờ nước miếng mà bỏ đi ?

Vả lại, trong nước khi cấy lúa, khi gặt lúa, cho đến việc cầu trừ đại-hạn sâu keo đều cúng ông Thần-Nông, mà lễ thường - tâu (cơm mới) chỉ dùng ở các đình chùa nhà miếu mà thôi, thật là trái góc.

Trộm nghĩ trong một năm, đến lễ Thường-Tân, nên làm lễ Cầu-Phúc lớn, heo xôi cỗ bàn cho tinh-khiết để đến ơn Thần, năm nào được mùa thì hát xướng để cho Thần vui, chẳng những hợp với lễ-văn hữu-báo, mà năm đã được mùa thì trăm vùng không thiếu, công tư đều tiện. Điều ấy nên chép làm lệ-thường, cứ theo đó mà thi-hành, chớ nên câu-nệ thì mới được vậy.

NHỊ-TRUNG PHU-NHÂN

Sử chép: Bà chị tên là Trắc, bà em tên là Nhị, vốn họ Lạc, con gái Lạc-tướng ở Giao-Châu ta, người huyện Mê-Linh, châu Phong. Bà chị được gả cho Thi-Sách, người huyện Chu - Diên. Thi-Sách là người có dũng-lực, trọng hào-khí, tiếng đồn như gió, bị Thứ-Sử Tô-Định thiết-kế hãm-hại. Bà chị phẫn-nộ mới cùng với em cử-binh trực-xuất Tô-Định, công-hãm Giao-Châu ta.

Do đấy, Nhật-Nam, Hợp-Phổ, Cửu-Chân đều trông gió mà hưởng-ứng, lược định hơn sáu mươi thành ở Lĩnh - Ngoại, tự lập lên làm vua nước Việt, đóng ở Chu - Diên mới xưng là họ Trung.

Lúc bấy giờ Tô-Định chạy qua Nam-Hải, Quang - Vũ nhà Hán nghe tin, giận mà biếm Định qua quận Thiềm - Nhĩ, sai bọn Mã-Viện Lưu-Long đem đại-quân sang đánh đến Lăng-Bạc, Phu-Nhân cự-chiến, nhưng quả bất địch chúng, phải lui về bảo-vệ Cẩm-khê; quân lính ngày một ly-tán, Phu - Nhân bị thế - có phải tử-trận, Thồ-nhân thương-cảm, lập đền thờ-phụng, thường có linh-ứng, bây giờ đền thờ ở huyện An-Hát.

Vua Anh-Tông nhà Lý, nhân trời đại-hạn, khiến Thiên-Sư Tịnh - Giới đến đền cầu mưa, quả được mưa, khí mát buổi người. Vua mừng liền qua xem, hốt nhiên ngủ mộng thấy hai thiếu-nữ mặt hoa mày liễu, áo lục quần hồng, mào đỏ, thắt lưng, cỡi ngựa sắt theo mưa mà chạy ngang. Vua lấy làm lạ mới hỏi. Đáp rằng :

— Thiếp là chị em Nhị-Trung đây, vâng mệnh Thượng-Đế xuống làm mưa.

Vua tỉnh dậy mà cảm, sắc phong trùng-tu từ-vũ, rồi sắm lễ-vật đến tế,, sai sứ rước về phía Bắc Đại-nội, dựng đền Vũ-Sư mà thờ - phụng. Sau lại thác mộng cho vua xin lập đền thờ ở làng Cổ-lai, vua nghe theo, sắc phong Trinh-Linh-Phu-Nhân.

Năm Trưng-Hưng thứ tư, phong bà chị là Chế-Thắng phu-nhân, năm Hưng - Long thứ hai mươi mốt, gia thêm hai chữ Thuần-Trinh. Lại gia phong thêm cả bà chị và bà em hai chữ Bảo-Thượn, thường thường vẫn có linh-ứng.

Tiến-bình

Trung-triều xa cách, quan Thú Lệnh tham-tàn, lúc bấy giờ trăm trai nước Việt đều là vợ hầu của Tô-Sứ-Quân cả.

Phu-Nhân lấy tư-chất là một người vợ hiền, mang mỗi thù bắt-cộng đái-thiên. Quán-thoa xướng nghĩa, quẻ thác liễn thể đuổi quan Thú-sứ, chiêm lại đô-thành, bờ-cối Cửu-Chân, Hiệp-Phò lại thấy rõ ánh-sáng mặt trời, há chẳng phải là oanh-oanh liệt-liệt một kẻ trượng-phu hay sao ?

Từ xưa cho đàn bà là âm-nhu, ở về hào lục-ngũ, như bà Lữ-Tri nhà Hán, bà Võ-Anh nhà đường vẫn thường hiệu-lệnh thiên-hạ, hét nạt gió sấm, nhưng đều nhờ nghiệp cả của Tiên-Đề, khinh-bí Tự-quân là trẻ con, dùng oai lực ngự-hạ kẻ dưới, rốt cuộc cũng chỉ là kẻ có tội muôn đời. Trái lại hai Phu-Nhân đây, đem một lữ-đoàn binh-sĩ, một mai mà hạ năm mươi sáu thành, dù xiêm Bách-Việt, trở mặt phương nam mà xưng Cô, cùng với Triệu-Vũ-Đề, Lý-Nam-Đề không hơn không kém, khiến cho đời sau đều tôn xưng là Vương. Tuy chẳng chịu theo kế-hoạch của người mới có trận thua ở Cẩm-Kê, mà cái khí-tượng chính-đại quang-minh đã bao trùm cả khoảng trời đất, khiến cho người đời thán mộ và hăng-hái thêm thì con gà mái gáy buổi mai của nhà Hán, nhà đường có đáng làm đũa thị-tỳ đội dung-quan, mặc lục-y đẩy xe cho hai bà hay không ?

Bây giờ miếu ở cửa An-Hát huyện Phúc-Lộc, đến-đài nghiêm-chỉnh, người vào chiêm-bái đều phải khởi-kính; người trong ấp mỗi khi có lễ rước thì làm ra voi ngựa hết như khi hai bà ra trận, khí-tượng thật là oai-hùng. Ở An-Lãng, Hạ-Lôi đều có tự-nghi trưng-khi, miếu-mạo tráng-lệ, hành-khách đi ngang qua miếu đều phải lưu-luyến thường-ngoạn, đến cả mặc-khách tao-nhân cũng qua lại ngậm để như dẹt, thực Phu-Nhân là bắt-từ vậy.

Gần đây, có bà liệt phụ ở Trảo-Nha, bà trinh-phi ở Tỳ-Bà, thung-dung tự-nghĩa, toàn-quốc ai cũng tâm-tác khen ngợi. Khí-khái của hai bà nẩy phỏng khiến gặp địa-vị như Trưng-Vương biết đâu chẳng khôi-phục đất Mê-Linh mà cướp cả Chu-Diên, tiếng vang Nhật-Nam mà sóng êm hồ Lãng-Bạc, làm những sự long trời động đất vậy.

HIỆP-CHÍNH HỤU-THIỆN TRINH-LIỆT CHÂN-MÃNH PHU-NNÃN (Chuyện My-Ê)

Phu-Nhân không rõ họ gì, người nước Chiêm-Thành, tên là My-Ê, vợ vua Chiêm-Thành tên là Sa-Đầu.

Triều vua Thái-Tông nhà Lý, Sa-Đầu không tu-chức cống, thất lễ phiến-thần, vua Thái-Tông thân-hành đem quân nam-chinh-Sa-Đầu bày tượng-trận ở sông Bó-Chính, dần dần bị vương-sư đánh phá; Sa-Đầu tử-trận, các cung-phi thê-thiếp của Sa-Đầu đều bị bắt sống đem về. Thuyền về đến sông Lý-Nhân, vua nghe Phu-Nhân có sắc đẹp mới mật sai quan Trung-sứ vời Phu-Nhân đến châu Ngự-thuyền.

Phu-Nhân không giấu được sự phẫn-uất, chối từ rằng:

— Vợ hầu mừng-mọi, y-phục xấu-xi, ngôn-ngữ què-mè, không giống các bậc Phi Tần Trung-Hoa, nay quốc phá phu vong, chỉ nguyện có chết là thỏa lòng, nếu áp-bức hợp-hoan sợ ô-uế long-thề.

Rồi Phu-Nhân mật lấy tấm chăn quấn kín mình lại (vải tốt của Chiêm-Thành), nguyện phó tính-mạng cho dòng sông. Một tiếng đánh ầm, hình bóng mỹ-nhân đã cuốn theo dòng nước mất tích.

Thái-Tông kinh-dị, tự hối và cho người cấp-cứu nhưng không kịp nữa. Chỗ ấy về sau, mỗi khi đêm vắng sông êm, trăng thanh sao sáng, thường nghe có tiếng đàn-bà khóc than, dân trong thôn lấy làm lạ mới làm đơn xin lập đền thờ-lự; từ đấy không nghe có tiếng than-khóc nữa.

Sau vua Thái-Tông ngự đến sông Lý-Nhân, thuyền chèo giữa dòng thì trông thấy trên bờ có đền thờ. Vua lấy làm lạ mới hỏi tả hữu; tả hữu đem chuyện Phu-nhân tâu cho vua nghe. Vua ngồi lặng thinh hồi lâu mới bảo rằng:

— Không ngờ man-nữ lại có bậc u-trinh như thế, quả là một hạng gái phi-thường, thế nào nó cũng báo Trẫm.

Đêm ấy đã canh ba, trời gần sáng, hốt-nhiên nghe một trận gió thơm, khí lạnh buốt người, thấy một người đàn bà vừa lay vừa khóc rằng:

— Thiếp nghe đạo làm đàn bà là tông nhất nhi chung, Tiên-quốc-vương của thiếp tuy chẳng dám cùng Bệ-hạ tranh-xung nhưng cũng là một bậc nam-lữ, một phương kỳ-tài, thiếp được lam-dự khẩn lược, ân-ái thao-vinh : bất hạnh quốc phá phu vong, thiếp đêm ngày thê-thương chỉ lo đồ-báo, nhưng quần-thoa yếu-ớt biết tình làm sao ? May nhờ hồng-án Bệ-hạ sai sứ đưa thiếp xuống tuyên-đài cùng chông hội-diện, sở nguyện của thiếp được thỏa-mãn rồi còn có linh gì mà dám đến đây đường-đột ?

Nói đoạn biến mất. Vua thất-kinh tỉnh vậy, thời là một giấc chiêm-bao. Vua truyền đem lễ-vật và rượu đến đền cúng-tạ, phong Hiệp-Chinh-Nương. Về sau xa gần cầu đảo, đều có linh-ứng.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Hiệp-Chánh-Hựu-Thiện-Phu-Nhân, năm thứ tư thêm hai chữ Trinh-Liệt, Năm Hưng-Long hai mươi một gia phong hai chữ Chân-Mãnh, đến nay vẫn còn phụng-sự, càng thấy linh-ứng vậy.

Tiếp-bình

Kinh Dịch rằng : « Thầy chổng nhiều vàng quên mất mình » Thương thay ! Thói đời thật đáng khinh-bí. Nước Chiêm-Thành búi tóc dài trông, thân-thê lỏa-lố, lây vải trắng buộc tay, ăn không có dưa, ghi việc thì dùng chữ mọi, toàn nước tụng niệm kinh Phật, không học Thi, Thư, chẳng hề biết đèn nghĩa luân-thường ra thế nào, mà Phu-Nhân cũng là một hạng đàn-bà, có cái hình-dung cá lặn nhận sa, có cái diện-mạo hoa hờn nguyệt thẹn, phụng-sự một vị Kiến-vương. Đang khi trận đánh trên sông tan rã, sơn-hà mong-manh như sợi tơ, thê mà hăng-hái từ cái vinh vạn-thặng, bỏ cái tính-mệnh một buổi mai, khảng-khái có cái tiết-thảo giữ vững khuôn trinh, Cái khí u-uất, những lúc khói, lam tối, thường phảng-phất ở trên nhà sông thuyền chài. Lòng trinh, tiết rắn, thường giữ tiếng vang trong gió oán mưa buồn, nộ-khí ai-thanh hằng gọi giận cho sóng dổi, nước cuộn, như than như khóc, nghẹn xưa còn văng-vẳng bên tai. Sông Lý-Nhân lập đến, sắc phong chổng-chật, tướng Phu-Nhân ở dưới suối vàng chắc cũng chẳng cho cái đó làm vinh-dự,

Vua Tịnh-Khương nhà Tống đi bắc-thứ, Hoàng-hậu họ Vương dâng rượu cho Tù-trưởng nước Kim là Niệm-Mật-Hãn, dân-chúng Trung-Nguyên cho việc ấy là si-nhục.

Xét thủy-hiệu nên xưng Trinh-Liệt thì phải, đèn như hai chữ Dũng-Mãnh, thì rất là quê mùa không hợp.

LỊCH-ĐẠI PHỤ-THẦN

UY-MINH DŨNG-LIỆT HIỂN-TRUNG TÁ-THÁNH PHU-HỰU ĐẠI-VƯƠNG

(**Chuyện Lý-Hoảng**)

Vương họ Lý tên Hoảng, con thứ tám vua Lý - Thái - Tông, bà mẹ là Trinh-Minh Hoàng-Hậu họ Lê.

Vương là người trung-hiếu kinh-cần, quả-quyết siêng-năng, hiệu là Bát-lang Hoàng-tử. Niên-hiệu Kiến-Phù-Hữu-Đạo năm đầu, phụng mệnh thâu thuế châu Nghệ-An, làm việc vài năm, một mảy lông mùa thu không nhúng - lạt, nổi danh là liêm-trực, vua rất yêu - mến cho hiệu là Uy-Minh Thái - Tử, phong chức Tri-Bản-Châu-Quân-Dân-Sự.

Lúc bấy giờ vua Thái-Tông muốn đánh Chiêm-Thành sai vương lập một trại riêng gọi là trại Bà-Hòa, vụ được hiềm-trở kiên-cố, bốn mặt đào ao sâu, đắp lũy cao, trong trại thì đất phải cho rộng, có thể chứa được ba bốn vạn quân, kho-tàng, iền-lương cung cấp cho được ba năm.

Đến lúc vua Thái-Tông nam-chinh, quả được đại-tiếp, chém vua Chiêm-Thành Sa-Đầu ở trận, bắt vợ hầu, trai gái, vàng bạc châu-báu, dùng xe hạng nặng mà chở kè hẳng vạn ỨC. Ca khúc khải-hoàn về đến hành-dinh bản-châu, biết Vương có tài đảm-đương việc công không thiếu sót một điều gì, chinh-lệnh mỗi ngày thêm mới, bèn ủy chức Bản-Lộ-Tiết-Việt, gia-phong tước Vương. Lại sắc cho Vương lập lại sổ dân một Lộ ở bản-châu, cộng được sáu Huyện, bốn Trường, sáu mươi Giáp, số nhà của dân được bốn vạn sáu nghìn bốn trăm năm mươi nóc, số dân được năm vạn bốn nghìn ba trăm sáu mươi bốn người. Lại thăng Chi hể các trường, giáp-trưởng từ nay về sau, chỉ nên đặt chức Thái-loát, Quản-giáp mà thôi chứ không được như trước làm xưng là Thái-Tử-Chủ-Bộ, Vương-Phủ Chủ-Bộ nữa.

Vương lại cho châu Nghệ-An, đất giáp miền núi, mọi lòo phần nhiều chưa nội-thuộc, nhân tâu xin với triều. Có chiếu ủy-nhiệm cho Vương cầm cờ Tiết đi tuần-biên, các vị Tù-trưởng đều phục-tùng hết, thu được năm châu, hai mươi hai trại, năm mươi sáu sách.

Vua lại chiếu cho Vương đục lại châu-địa ba phía ở cương-giới, dựng bia khắc đá đề chép viên-công.

Kịp đến triều vua Thánh-Tông, năm Long-Thụy-Thái-Bình thứ hai. Vương đánh dẹp được giặc cỏ là Ông-Kệ, Lý-Phủ, lúc trở về, có kẻ dèm với vua Thánh-Tông rằng : «Vương ý quyền chuyên-chính, tự ý dụng binh đi đánh dẹp». Vua Thánh-Tông làm theo, bèn giải chức của Vương.

Vương cai-trị việc châu, phàm mười sáu năm, tiếng lành càng ngày càng đồn xa, nhân-dân tin mến, đến khi nghe Vương bị giải chức, dân-chúng giành nhau niu xe, đón ngựa, van khóc nguyện Vương ở lại.

Một hôm Vương đang nhàn - tọa trong phủ, vừa có một con chim diều - hâu bay vào trong màn, giống chim sẻ sợ reo lên náo - động, người nhà muốn đuổi bắt ; Vương bảo đề in xem nó bay đậu ở chỗ nào. Chim diều - hâu bay liệng trong màn ba vòng rồi bay ra chỗ Vương ngồi, vừa bay vừa kêu, xông đến trước bụng Vương rơi xuống thành ra một trang giấy trắng. Trong trang giấy có nét chữ lơ - mờ, trông không được rõ, dạng như rồng mây, Vương bảo đem cất đi.

Đêm ấy trăng trong gió mát, quang-cảnh đáng yêu, Vương cho mời tất cả bạn thân cùng đến thưởng - ngoạn, đờn ca rộn-rịp, cỗ rượu linh-đỉnh, nói cười vui - vẻ chẳng khác gì tiệc lớn ở Diêu-Tri.

Vương hốt nhiên ngồi nhắm mắt thấy một người tác chừng sáu mươi tuổi, đội mũ giải-trai, bận áo tử-hà, thất lưng, tay cầm dao Thanh - Long - Yên - Nguyệt đến trước mặt vái chào, Vương liền hỏi. Thưa rằng :

— Tôi là vị sao Võ-Khúc ở trên trời, vâng lệnh đức Ngọc-Hoàng ở điện Đan-Tiểu, xuống triệu Vương đến trước điện Tử-Hư là chỗ Đế-Quan ở, thảo một chương Ngọc-Điệp.

Vương thưa lại rằng :

— Tôi là người lòng trần mắt thịt, đâu hay làm việc ở trên trời được ?

Rồi lấy tay gạt dao thanh-long cổ-từ. Thoắt có trận gió ở đâu ào - ào đưa đến. Vương giật mình tỉnh lại thì ra là một giấc chiêm-bao.

Vương mới thuật lại đầu đuôi câu chuyện con chim điều-hầu hôm trước cho thân-bằng nghe. Mọi người đều bảo đó là điềm tốt.

Tiệc xong, Vương vào phòng ngủ, đêm ấy không đau ốm gì mà chết. Người trong châu xin lập đền thờ-phụng, mỗi khi cầu nắng, đảo mưa, đều có linh-ứng, làm một vị Đại-phúc-thần cho một châu. Các nơi thôn lạc đều có đền thờ, cũng đều linh-ứng.

Mỗi khi Thiên-tử đem quân đi đánh kẻ bạo-nghịch thì rước kiệu Vương đi trước, đến chỗ chiến-địa, nghe trên không có tiếng binh-mã rầm-rộ, đều được đại-thắng cả.

Giữa năm Nguyên-Phong nhà Trần, vua Thái-Tông nam-chinh Chiêm-Thành, thuyền vua đi mau như gió, quả nhiên được đại-thắng. Lúc khải-hoàn về đến châu, vua ngự lên đền, sắc-phong Oai-Minh-Dũng-Liệt-Đại-Vương.

Năm Trùng-Hung năm đầu, lại cho thêm hai chữ Hiền-Trung; năm thứ tư, gia phong hai chữ Tá-Thánh. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Phu-Hựu.

Tiến-bình

Nước ta từ xưa lấy ái Mộc-miền làm Nam-giới, Nghệ-An là đất cực-biên của nước vậy.

Trải đời các quan cai - trị trong hạt, hết thầy đều lấy kỳ - nam, trầm-hương làm túi mang; thiết-mộc, bạch-đàn làm rương hòm, ít ai lấy trách-nhiệm vô-về, rào ngăn làm gánh nặng của mình.

Lý-Bát-Lang thân làm con vua, giữ lấy tiết-việt, đương một phương-điện, khiến cho nhân-dân và mọi rợ đều sợ-phục, triều nội xưng khen' Đền lúc đi có sự tình-cảm thì níu xe than-khóc. Đền lúc chết có cái triệu-chứng vàng mệnh lên trời. Lòng dân mến công-đức của Vương, lập đền thờ phụng, thì ra ân-huệ cảm người biết là ngàn nào! Đương lúc ấy sáu cánh quân nam-chinh, đường thủy, đường bộ đều tiên, Vương thung-dung làm xong các công việc, công tư đều tiện-lợi, đó là một điềm rất khó-khăn. Gần đây có ông Úc-Trai ông Siêu-Trung-Công lưu-trần những mười tám năm, mà công-nghiệp vắng - về chẳng nghe gì. Duy có ông Phạm - Thượng. Thư-vị nho-thần biết giảm thuế cho dân, nhưng thị-trần chưa được bao lâu đã vội mất, nhân-dân truy-niệm công-đức lập đền-miếu, ở Cầu-Dinh mà thờ-phụng. Mới hay gánh nặng can-thành cho công-hầu không chỉ chuyên nương tựa vào bạc võ-phu mạnh-mẽ mà thôi vậy.

HIỆU-ÚY UY-MÃNH ANH-LIỆT PHỤ-TÍN ĐẠI-VƯƠNG (Chuyện Lý-Ông-Trọng)

Vương họ Lý tên Ông-Trọng, người huyện Từ-Liêm, mình cao hai trượng ba thước, khi - chất đoan - dũng khác người thường. Thiếu-thời làm quan ở huyện ấp, bị quan Đô-Đốc đánh đòn, Vương than rằng :

— Tráng - chi của đời người nên như chim Loan chim Phụng, nhất cử vạn-lý, đầu mà để cho người thóa-mạ, làm nô-lệ cho người ?

Vương bèn chăm học, ngày tháng dùi-mài, phát-minh kinh-sử, vào làm quan nhà Tần, làm chức Tư-lệ-hiệu-úy. Đến lúc Tần-Thủy-Hoàng thôn-tính thiên-hạ, sai Vương đem binh trấn-thủ Lâm-Thao thì thanh-danh chấn-dộng Hung-Nô. Thủy-Hoàng lấy làm điềm tốt.

Đến sau, Vương già cả về làng, Thủy - Hoàng đúc tượng đồng, đặt ở ngoài cửa Tư-mã Hàm-cung; trong ruột tượng chứa được vài mươi người, mỗi khi sứ bốn phương đến, thăm khiến người vào trong ruột lay động pho-tượng; Hung - Nô thấy thế kinh-sợ cho là Hiệu - Úy còn sống, bảo nhau không dám xâm-phạm biên-giới.

Đời Đức-Tông nhà Đường, niên-hiệu Trinh - Nguyên năm đầu, Triệu-Xương qua làm Đô-Hộ nước An-Nam ta thường qua chơi làng Vương, đêm mộng thấy cùng Vương nói chuyện trị dân, và giảng-luận sách Xuân - Thu Tả-truyện, nhân đó Triệu - Xương mới hỏi thăm nhà cũ của Vương hồi xưa, thì chỉ thấy mù khói ngang trời, sông nước mênh-mông, rêu phong đường đá, xanh rời cụm hoang, một mảnh nhàn - vân phất - phơ trên đám cỏ thôn hoa rụng. Ông mới lập lại đền thờ, xướng cao lầu lóu, rồi chuẩn-bị lễ-vật đem đến tế vương.

Đến lúc Cao-Biên đánh phá nước Nam-Chiếu, Vương thường hiển-linh trợ-thuận. Cao-Biên lấy làm kinh-dị, sai thợ trùng-tu từ-vũ trảng-lệ hơn xưa, và chạm khắc tượng gỗ sơn thếp giống như thực mà đem lễ-vật đến tế, từ đó, hương hỏa không khi nào hết.

Niên hiệu Trưng-Hung năm đầu, sắc phong Anh-Liệt-

Vương, đến bốn năm, gia phong hai chữ Dũng-Mãnh, năm Hung-Long thứ hai mươi, gia phong Phụ-Tin Đại-Vương.

Tiến-bình

Hương, Bồng, Đông, Đằng là bốn-vị tột linh của nước ta vậy. Phù-Đông Đại-Vương; Đằng-Châu Thần-Vương đều là linh-khí hào-nhiên, không có thể là danh-trạng được. Lý-Hiệu-Úy lấy tâm thân cao hai trượng, làm quan thượng-quốc, giữ chức Ty-Lệ, oai khiếp Hung-Nô, người ở Lâm-Thao sợ oai mà mền đức. Sống thời người đều hâm-mộ; chết thời nhớ chẳng quên. Tượng đồng đặt ngoài cửa, có máy lay chuyển động, oai-hùng như sóng, đứng xa mà trông đủ khiến cho bọn cường-hổ rụng hồn-phách. Sau vài trăm năm lại thác mộng cho Triệu-Xương, hiển-linh cho Cao-Biến, tiếng thơm oanh-liệt, giông như các vị Thiên-Thần không hơn không kém, như thè há chẳng hùng-vi lắm thay !

Bây giờ miếu ở làng Thụy-Hương huyện Từ-Liêm, cách phía đông thành bốn mươi dặm, đến-đài đồ-sộ, miếu-điện trang-nghiêm, cao ngất ở trên bờ sông. Dấu cho sóng cả vỗ bờ, muôn dặm chảy xiết, vẫn nghiêm-nhiên đứng vững không lay. Ngay trước miếu có bển đồ ngang là con đường thượng-lưu đền kinh phải ngang qua đây, một chỗ đô-hội lớn, thương-mại hành-nhân, cao-tài dật-khách, chấp nôi ngựa xe qua lại như dật, mà trọn xưa vẫn an-ôn, không xảy ra nạn gió sóng, nhân-dân đều xưng-tụng công-đức của thần. Làng Thụy-Hương rất đông, giàu, đền khi cúng-tê, lễ-vật long trọng tinh-khiết, hằng năm đền ngày rằm tháng bảy, có ngày hội làm lễ Đại-kỳ-Phúc, người đền xem đông như rừng, đường sá chợ búa nhà cửa có cái quang-cảnh như thành-thị. Lễ tề, đồ thờ nghiêm-chỉnh, người đền xem lễ đều phải khi-kính, so với hai đền Tiên-Du và Kim-Động cùng ngang hàng với nhau. Nhiều người đền đến cầu-tự, có người bồng con đền xin Thần cho họ, như hai anh em Tiệt, Nghĩa ở làng Vân-Canh, đền xưng họ Lý họ Trần tức là Thần cho họ đó. Tập Chích Quái chép sự-tích này cũng đồng với đây, nhưng trong ấy có vài chuyện như : Đau bụng đi tiêu, đem cháo xin phép thần, và dùng thủy-ngân để liệm thầy ma thì là quái-đản, nên bỏ đi cũng được.

THÁI-ÚY TRUNG-PHỤ DŨNG-VÕ UY-THẮNG-CÔNG **(Chuyện Lý-Thường-Kiệt)**

Ông họ Lý tên Thường-Kiệt, người phường Thái-Hòa bên hữu kinh Thăng-Long; thân-phụ tên là An-Ngũ, làm quan đến Sùng-Ban-Lang-Tướng, đời này qua đời kia được tập-ấm. Ông nhiều mưu-lược, có tài trông-soái, lúc nhỏ phong-tư tuấn-nhã, có tiếng khen ra ngoài, được sung làm chức Hoàng-Môn-Kỳ-Hầu. Đời Lý-Thái-Tông hăng thiên lên chức Nội-Thị-Tĩnh-Đô-Tri. Thái-Tông bãi chức Hiệu-Úy-Thái-Bảo.

Ông làm quan kinh-cần, hành-động đều tuân theo lễ-pháp, không một mảy may làm-lỗi, mông ơn vua trao cho Tiết-Việt, được đi kinh-lý hai quận Thanh-Hóa và Nghệ-An, coi dân đến năm huyện, mọi lao ba nguồn, nếu có kẻ nghịch mệnh thì ủy cho quan Trấn trừng-trị; duy có nước Chiêm-Thành nhác bỏ chức cống, vua phải thân-hành chinh-phạt; ông phụng-lãnh Tiết-Việt Đại-Tướng, sung chức Tiền-phong, bắt được vua Chiêm-Thành là Chế-Cử, luận công được thăng chức Phụ-Quốc Thái-Úy kiêm lãnh chức Chư-Trấn Tiết-Độ-Đồng-Trung-Thư-Môn-Hạ, Thượng-Tru-Quốc-Thiên-Tử-Nghĩa-Đệ-Phụ-Quốc-Đại-Tướng-Quân-Khai-Quốc-Công.

Nhân-Tông tức vị, thăng chức Phụ-Quốc Thái-Úy nhiệm Đại-thần thời Anh-Võ-Chiêu-Thắng. Trước kia ông có nghe người nhà Tống muốn đem binh-mã qua nhòm biên-cảnh nước ta rồi gây ra chiến-tranh, ông lập tức tâu cùng vua rằng:

— Đợi cho giặc đến mà đánh, bất nhược mình đánh trước đi cho chúng nhụt mất nhuệ-khi thì hay hơn.

Vua mới sai ông thống-lãnh đại-binh, đánh phá ba châu Ung, Khâm, Liêm và bốn trại của Tàu, bắt sống người cùng cửa-cải vô-số.

Niên-hiệu Long-Phù năm đầu, vua trao cho ông chức Nội-Thị-Phán-Tĩnh-Đô-Áp-Nha-Hành-Điện-Nội-Ngoại-Đô-Tri-Sự. Mùa đông năm ấy, đi đánh giặc Diên-Châu là Lý-Giác cũng phá tan được. Nhà Tống báo thù, hãm mấy châu Lục-Lược. Ông ra sức đắp thành ở bến đò sông Như-Nguyệt, đánh lấy nguồn Vũ-Bình. Đem quân trở về, vua rất khen-thưởng; đến lúc ông

mất, vua truy-tặng chức Nhập-Nội-Điện-Đô-Tri-Hiệu-Kiểm-Thái-Ủy-Binh-Chương-Quân-Quốc-Trọng-Sự, tước Việt-Quốc-Công, ấp ăn lộc một vạn nóc nhà, cho em là Thường-Hiến kế phong tước Hầu.

Người dân nào ham chuộng ma quỷ, đồng-bóng huyền-hoặc dân-chúng thì bị ông trừng-phạt sa-thải để khử-trừ ô-phong, cho nên lúc bấy giờ có cái Dâm-Từ nào thì đều biến ra làm hương-hỏa của các vị Phúc-thần cả; nhân-dân chịu ơn sâu của ông rất nhiều, nên sau khi ông chết, tâu xin lập đền thờ để phụng-sự ông; mỗi khi có việc cầu đảo thầy đều linh-ứng.

Niên-hiệu Trùng-Hung năm đầu, sắc phong Phụ-Quốc-Công, năm thứ tư gia phong thêm hai chữ Dũng-Võ. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Oai-Thắng, đền thờ sum-nghiêm, linh-ứng càng rõ-rệt vậy.

Tiэм-bình.

Lý-Thái-Ủy là một quan Trung-Thường-Thị. Trái thờ ba triều, thủy-chung không có tí-vết, phương Bắc bẻ gãy được nhà Tống lớn, phương Nam bình được nước Chiêm mạnh, kể cái công-nghiệp ở triều miếu thì giống như Lê-Phụng-Hiêu, Lý-Đạo-Thành. Sông làm danh-tướng, chệt làm danh-thần, thật là không lầy gì làm thẹn mặt vậy; ai bảo trong phường quan Giám lại không có nhân-vật xuất-sắc như thế, công-nghiệp vi-đại như thế !

Bên sao Đê-Tọa có sao Yêm-Tự, trong sách Chu-lễ có chức Tự-nhân, đều nói về hoạn-quan (quan giám), mà những kẻ che lấp thông-minh của vua, rồi-loạn chính-sự ở triều, trải qua đời nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh làm một nước, hại dân kể ra khôn xiết, mà tìm được những hạng trái gan thờ chúa như Mã-Tồn-Lạng dẹp loạn, Lý-Kê-Nghiệp tận-trung thì thực là rất hiếm.

Nước Việt ta từ đời nhà Lý nhà Trần về trước chưa có nghe cái nạn quan Giám; nhà Lê trung-hưng về sau hoạn-quan có kẻ ngồi ở trên liêu-ban, các quan văn-võ đều xu-phụ trước cửa, sông thời kết đảng phân-bội công-lý, chệt thời viện lệ để sắc phong Vương-tước. Mồ mà sánh với Sơn-lăng, nhà cửa lớn hơn Vương-phủ, những ai trông thầy đều cũng căm gan. Chỉ duy biết phụng việc công như Hoàng-Ngũ-Phúc, đem lòng kính-cản thờ vua, lầy điều nghiêm-minh sửa trị kẻ dưới, thường thông-lãnh đại-quân đi

đánh đẹp, binh được cái loạn Nguyễn Chật, Nguyễn Cửu, giặc trông thầy bóng cờ bảo nhau đó là cờ của Mạc-Nha-Tướng-Công rồi đem nhau tránh đi, oai-đức phục người xa như thề, công-nghiệp rạng ở triều, vang cả mọi-ry, mỗi khi ở chỗ miếu-đường bàn việc chính-sự, sáng-suốt quả-quyết, nghiêm-nhiên có phong-thẻ đại-thần.

Năm Giáp-Ngọ, ông làm Thượng-tướng, đem quân qua sông Linh-Giang, bắt được phó-tướng của giặc, vào trong đám vài vạn hùng-binh như là vào cõi không người, thu-hào không phạm, chung-cực không, đời, nếu không có trí-dũng hơn người thì đâu được như thế? Nhân-si Hà-Nam đền nay vẫn còn thương-mềm mà truy-tặng đền tước Đại-Vương, đời Chiêu-Thông năm đầu, có tờ chiếu tước đoạt Vương-tước của các vị hoạn-quan, duy Việp-Công được nhưng-cực mà thôi, đó cũng là công-luận của thiên-hạ chớ không phải ý riêng của Bằng-Linh vậy.

Than ôi ! Nhật-Nam lập-quốc trên dưới vài nghìn trăm năm, tìm những kẻ danh-thần ở trong hàng quan Nội-Thị, sự xanh đời đời ghi được như Việp-Công Việp-Công thì có mấy người đâu ?

BẢO-QUỐC-TRẦN-LINH-ĐỊNH-BANG-QUỐC-ĐỒ THÀNH-HOÀNG-ĐẠI-VƯƠNG (Chuyện Tô-Lịch)

Xét Sử, Giao-Châu Ký và truyện Báo-Cực thì Vương vốn họ Tô, tên Lịch, làm quan Lệnh ở Long-Độ; Vương vẫn ở Long-Độ, làng ở trên bờ sông nhỏ, gia-tư không hào-phú lắm, tề-gia lấy sự hiếu-đê làm trọng, đã ba đời nhân-nhượng nhau không ở riêng biệt.

Thời nhà Tấn thi đậu Hiếu-Liêm, có lời chiếu biểu-dương môn-lư của Vương, gặp năm mất mùa thiếu ăn, chiếu đong lúa kho cho Vương, lấy tên Vương là Tô-Lịch đặt tên thôn.

Thời vua Mục-Tông nhà Đường, năm Trường-Khánh thứ hai, quan Đô-Hộ Lý-Nguyên-Hỷ thấy ngoài cửa bắc thành Long-Biên có dòng nước chảy ngược, địa-thế khả-quan mới tìm chỗ cao ráo đề dời Phủ-Ly đến; qui-chế trụ-liệu là cửa kép tường đôi, bốn hướng vây tròn, nhà cửa san-sát, ấy là cố-trạch của Vương lúc sinh-thời vậy. Nhân cơ-hội ấy, quan Đô-Hộ giết trâu đặt rượu, mời tất cả các kỳ-lão hương-thôn đến ăn uống, rồi thuật chuyện muốn tâu xin phụng Vương làm Thành-Hoàng thì trên dưới một lòng, mưu-tính bàn bạc với nhau rất là thỏa-thiếp.

Khi ấy bàn-tính việc khởi công làm đền thờ; chẳng bao lâu đền thờ làm xong thì là một tòa đền lớn, nguy-nga tráng-lệ; ngày khánh-thành, trăm điệu múa đều có, đàn địch vang trời. Đất bởi người mà đẹp, người bởi đức mà long-trọng, có phải vậy không ?

Đêm ấy, Nguyên-Hỷ đang yên-lặng nằm bên cửa sổ, hốt-nhiên một trận thanh phong ào-ào thổi đến, bụi cuốn cát bay, rèm lay áo động, có một người cỡi một con hươu trắng từ trên không chạy xuống, mày râu bạc phơ, áo xiêm sắc-sỡ, nói với Nguyên-Hỷ rằng:

— Mong được Sứ-quân ủy cho ta chủ thành, nếu Sứ-quân có giáo-hóa cư-dân trong thành cho hết lòng hết sức thì mới sung được nhiệm-vụ của quan thú-mục, mới xứng với trách-nhiệm của một bậc tuần-lương.

Nguyễn-Hỷ vái tạ xin vàng, hỏi đến họ tên thì không đáp. Hốt-nhiên tỉnh dậy mới hay là mộng.

Kíp đến lúc Cao-Biên xây thành Đại-La, nghe Vương linh-dị, lập tức đem lễ điện-tế bái chức Đò-Phủ-Thành-Hoàng-Thần-Quân.

Thời Lý-Thái-Tổ dời đô thường mộng thấy một ông đầu bạc, phảng-phất đứng trước bệ rồng, cúi đầu lạy hai lạy hô vạn-tuế. Vua lấy làm lạ, hỏi tính-danh thì ông lâu rõ lai-lịch như thế. Vua cười bảo rằng :

— Tôn-thần cũng giữ được hương lửa trăm năm hay sao? Ông liền đáp :

— Mong muốn hoàng-đồ như Thái-Sơn bàn thạch, thánh-thọ vô-cương, trong triều ngoài quận thái-hòa, bọn thần không chỉ hương-hỏa một trăm năm mà thôi.

Vua tỉnh dậy, khiến quan Thái-chức đem rượu đến tế, phong làm Quốc-Đô-Thăng-Long-Thành - Hoàng - Đại - Vương. Dân-cư cầu-đảo hoặc thề-nguyện điều gì, lập tức thấy họa-phúc linh-ứng.

Niên-hiệu Trưng-Hung năm đầu, sắc phong hai chữ Bảo-Quốc; năm thứ tư, gia phong hai chữ Hiền-Linh, năm Long-Hung thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Định-Bang.

Tiểu-bình

Cái đức của quỉ thần rất là thịnh vậy. Tuy rất tối mà rất sáng, rất kín mà rất hở. Cho nên bảo rằng: Thông-minh, chính-trực gọi là Thần, không nên lấy thước tắc mà đo-lường được. Xem như việc linh-dị của Tô-Vương há chẳng nên sợ hay sao?

Ồi Vương vốn con nhà dòng-dối trăm-anh, chỗ ở vào nơi biển-bãi, tùy nhà lấy đức, hiệu-đề hòa láng-giếng, lớn nhỏ thỏa-thiệp, gần xa vui-váy; chỉ nhờ nét tốt hiệu-đề mà đậu được khoa hiệu-liêm, có lời chiêu-chỉ khen-thưởng, nhà nghèo lấy sự thanh-bạch giữ mình, chí-tháo ngày thường, đã hơn kẻ tám-thường gấp bội.

Tuy sinh-tiến được cái vinh-danh nước Bắc chiêu nêu, sau khi chết anh-linh phi-thăng không mất.

Ban đầu báo mộng cho Nguyễn-Hỷ mà đài cao, gác rộng từ đó mông ớn, kể lại báo vào trong mắt Lý-Đề mà muôn dặm cân nhắc, một hàng phụng-chiều xuống Thiên-thư, muôn thuở tiếng linh không dứt, thì so với các người sống làm chức Khanh Tướng, chết được vua bao-phong, há chẳng phải trong khó mà có dễ, trong dễ mà có khó hay sao?

HỒNG-THÁNH-KHUÔNG-QUỐC-TRUNG-VŨ-TÁ-TRỊ ĐẠI-VƯƠNG (Chuyện Phạm-Cự-Lượng)

Xét Sử-ký : Vương họ Phạm tên là Cự-Lượng. Thời vua Thái-Tông nhà Lý, nhân phủ Đô-Hộ có nhiều nghi-án, quan Sĩ-sư không thể quyết-định được. Vua muốn lập đền thờ thần, cầu những vị thần nào rất anh-linh hiển-hách, có thành-tích rõ-rệt ở trần-hoàn để cho những kẻ gian-tà đến đền bái-yết thần không dám man-trá. Vua mới tầm gọi trai-giới, thiết đàn đốt hương trình-cáo với Thượng-Đế.

Đêm ấy Thái-Tông mộng thấy một viên Sứ-Giả áo đỏ, phụng lệnh-chỉ của Thượng-Đế, sắc-tử Phạm-Cự-Lượng làm Đô-Hộ-Phủ-Ngục-Tung-Manh-Chủ. Vua hỏi lại rằng :

— Thế thì là người nào, hiện giữ chức gì ở triều ta ?

Sứ-giả nói :

— Ông ấy là quan Thái-Úy triều vua Lê-Đại-Hành đấy ; làm tôi thì tận-trung báo-quốc, địch thị là một bầy tôi của xã-tắc; ông là người ngay thẳng dễ-dãi, cử-động gió sinh; sau khi mất, Thượng-đế xét hỏi thì trong trắng không có một lỗi nào, hiện bổ chức Nam-Tào-Cuộc-Trung-Ty-Lệ-Lộc-Quan.

Hỏi đến nhân-duyên đời trước, có điều gì làm-lỗi không thì đều thưa rằng:

— Ông ấy đúng là một người tốt lành, cháu nội quan Châu-Mục Võ-An là Phạm-Chiêm, con quan Tham-Chính là Phạm-Man; em quan Đô-Úy là Phạm-Dật. Phạm-Chiêm giúp Ngô-Tiền-Chúa có công khai-quốc, phong chức Đồng-Giáp-Tương-Quân; Phạm-Man giúp Nam-Tấn-Vương làm quan Tham-Chánh-Đô-Hộ; Phạm-Dật giúp vua Đinh-Tiền-Hoàng và vua Lê-Đại-Hành rất nhiệt-liệt, làm quan Đô-Thống-Quân-Hiệu; Cự-Lượng giúp nhà Đinh sau về nhà Lê, có công tá-mệnh, làm chức Đô-Chỉ-Huy-Sứ, hộ giá qua nam đánh Chiêm-Thành chém được đầu vua giặc, được phong Thái-Úy. Phụ-tử huynh-đệ đời này qua đời khác đều có tiếng khen.

Vua Thái-Tông rất lấy làm phải, bèn phong tước Hoàng-Chính-Đại-Vương, sau đổi lại là Hồng-Thánh-Đại-Vương. Đêm

ấy, vua mộng thấy Vương đội mũ, mặc áo, đai lưng, rảo bước đến lay trước long-trì. Vua lấy làm lạ sai quan Văn-thần chạm đá làm bài ký đề chép tích lạ.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong hai chữ Khuông-Quốc, năm thứ tư gia phong hai chữ Trưng - Võ. Năm Trưng - Hung thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Tá-Trị.

Tiến-bình

Những nhà ngục, nhà lao đời xưa, đều thờ ông Cao-Giao, bởi vì ông Cao-Giao lấy tài-năng của một người bầy tôi thánh-triết làm chức Sỹ-sư, thế cái đức khoan-giản, giữ cái chức doãn-minh, trăm họ hợp-trung, bốn phương gió động; Hình-viên thờ ông, có hình-phạt nhưng cầu đừng cho có hình-phạt vậy, ông Phạm-Nhữ-Nam còn lấy làm cong hay thẳng, nghe mệnh ở trời thì tẻ có ích gì?

Ông Phạm-Thái-Úy người ra thế nào mà công-nhiên dám làm Minh-Chủ ở chỗ ngục-thắt? Kể về gia-thê thì chìm nổi ở đời Ngô, Tần, cúi ngựa ở triều Đinh, Lê, thì có khác gì bọn tùy thời để lập công-danh?

Làm quan với nhà Đinh rồi trở về nhà Lê, nay lại làm tôi nhà Lý, nếu ở đời bây giờ có cái kiện bất-trung bất-hiếu, qui đèn công-đình thì ông có xử hay không, hay là không xử? Truyện có nói rằng: « Minh không có điều lỗi mới chê người được ». Ông Minh-Chủ nếu có thiêng, vị tât đã dám nói rằng: « Xử kiện tạ cũng như người vậy! »

Người đời sau có bài thơ rằng :

*Vài nén tâm-hương mộng xích-y.
 Bảo cho Thái-Úy giữ Hình-Ty.
 Nam-Tào trong cuộc trời Tư-Lộc;
 Đò-Úy giữa đèn qui Sỹ-sư.
 Hồng-thánh qui sân nếu hiển-dị,
 Văn-quan khắc đá chép hy-kỳ.
 Nghìn thu tra đến Đinh, Lê án,
 Minh-Chủ khôn bề xử lẽ gì ?*

ĐỒ-THỐNG-KHUÔNG-QUỐC-TÁ-THÁNH VƯƠNG

(Chuyện Lê - Phụng - Hiếu)

Vương họ Lê tên Phụng-Hiếu, người làng Bang-son (có chỗ gọi là Bắng-son, bây giờ là xã Dương-son, huyện Hoàng-hóa) phủ Thanh-hóa, (nay là tỉnh Thanh-Hóa). Có người bảo Vương là cháu Định-Phiên-Hầu Đinh; Vương thân-bình cao đại, kỳ-vĩ, mày râu dài và rậm, sức mạnh hơn người. Thời ông còn nhược-quán, có kẻ nhà giàu ở Lương-Giang mượn người có sức mạnh để giành ruộng. Vương lấy tay nhỏ cả khóm trúc mà đánh không một người nào dám chống-cự.

Sách Việt-Sử Bồ-Di có chép: Thiếu thời, Vương hùng-dũng có hai làng Cồ-Bi và Đàm-Xá tranh nhau địa-giới, dùng đến gươm giáo đánh nhau. Vương xắn tay áo bảo người làng Cồ-Bi rằng :

— Chỉ một mình ta có thể địch hàng vạn đũa.

Các phụ-lão cả mù...g mới dọn nhiều cơm rượu mời Vương ăn uống no say. Vương ăn rất khỏe, cơm dùng đến ba mươi nồi đồng mới no, rượu uống nhiều không kể được. Ngày ấy, các bác phụ-lão khoản-đãi Vương ăn uống no say rồi, lập tức ra khiêu-chiến với người làng Đàm-Xá; Hai thôn giáp chiến, Vương xông mình đến trước, nhờ cả gốc cây, giơ tay chỉ-huy đến chỗ nào thời chỗ ấy bị tan-tành; chúng bị thương rất đông, người làng Đàm-Xá cả kinh, trả ruộng lại cho làng Cồ-Bi

Lý-Thái-Tổ tuyền-mộ hạng người dũng-lực đề sung vào quân Túc-Vệ-Cấm-Binh; Vương ra ứng-mộ đầu tiên, cần-lao đắc-lực, rất hợp lòng vua nên được thăng lên chức Võ-Vệ Tướng-Quân, cùng với Đàm-Thản, Quách-Thịnh-Dật, Lý-Huyền-Sur ngang hàng.

Thái-Tổ băng, Thái-Tông phụng di-chiếu tức vị, Dực-Thánh, Võ-Đức, Đông-Chinh ba vương đều đem binh đến mưu phản, đem vệ-binh của doanh mình kéo thẳng đến Đại-Nội, chia cửa tranh nhau vào trước, đánh nhau hỗn-loạn; sự thế càng bức, Thái-Tông hoảng-sợ, không biết tính làm sao bèn ủy mệnh đại-sự cho Vương, bảo rằng :

— Trẫm nay tiến thối lưỡng nan, cho phép Khanh được tiện-nghi hành-sự.

Vương phụng mệnh đem vệ-binh trong cung phủ kéo ra cửa cung Đại-Nội giáp-chiến, quân lính hai bên đã giáp nhau, thắng phụ chưa quyết; Vương phần-nộ tuốt gươm đến cửa Quảng-Dương, lớn tiếng bảo Võ-Đức-Vương rằng:

— Bọn Vương dòm-dỏ Thần-khí, miệt-thị Tự-quân, trên thì vong-án Tiên-đế, dưới lại bội-nghĩa thần-lử, thần là Phụng-Hiêu xin đem gươm đến hiến.

Nói đoạn, chém ngay chân ngựa Võ-Đức-Vương. Võ-Đức-Vương giục ngựa muốn đến đánh nhưng ngựa đã què, bị Vương chém đầu. Binh ba phủ thua chạy, quan quân đuổi giết không còn một mống, duy chỉ Đông-Chinh-Vương, Dự-Thánh-Vương một mình thoát nạn.

Vương trở về tấu tiếp trước linh-cửu vua Thái-Tổ, và đến điện Càn-Nguyên báo tin thắng-lợi.

Thái-Tông ủy-lạo và bảo rằng:

— Ta sở dĩ đội được nghiệp cả của Tiên-Đế, toàn được di-thê của cha mẹ, đều nhờ sức của Khanh. Ta thường đọc sử nhà Đường, thấy Uất-Tri-Kinh-Đức giúp nạn vua, tự bảo nhân thần đời sau không ai sánh kịp, bây giờ Khanh đây trung-dũng lại vượt quá Kinh-Đức xa lắm.

Vương lại khóc mà than rằng:

— Bệ-hạ đức cảm trời đất, oai dấy biên-thùy, triều nội trong ngoài theo gió mà lướt, các Vương manh-tâm dị-đồ, quỷ thần trên dưới đều có thể giết được cả, bọn thần có sức gì đâu ?

Vua bèn phong cho làm Đô-Thống-Thượng-Tướng-Quân, phong tước Hầu. Đến giữa năm Thiên-Cảm-Thánh-Võ, Thái-Tông nam-chinh Chiêm-Thành, Vương lãnh chức tiên-phong, đại-phá binh giặc, tiếng dậy nước Phiên. Sau khi khai-hoàn; vua định-công hành-thưởng, chiếu lấy hơn nghìn mẫu công-diền ở dưới núi Bạng-Son, cấp cho Vương làm tư-diền, miễn cho thuế lúa chức-đạo.

Sử-chép: Sau khi bình Chiêm về, Phụng-Hiêu không muốn tước thưởng, chỉ nguyện vua cho phép đứng trên núi Bạng-son,

quăng đai-đao một cái, hễ đao cắm đến chỗ nào thì cho làm biệt-nghiệp đến đấy. Vua nghe lời, Vương mới trèo lên chóp núi Bãng-son, xách đao ném một cái, đao đi xa hơn mười dặm, cắm vào địa-phận làng Đa-Mê. Vua liền y cho Vương tha thuế chước-đao. Cho nên châu Ái về sau có ruộng thưởng công, đều gọi là ruộng chước-đao, là do tự Vương làm trước vậy.

Vương tận-trung thờ chúa, biết được điều gì là nói hết; đi chinh-phạt chỗ nào cũng thắng địch. Vương được bảy mươi bảy tuổi mới chết; thỗ-nhân truy-niệm công-đức, lập miếu thờ làm Phúc-Thần; thôn-dân cầu-đảo lập tức thấy linh-ứng.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Đô-Thống-Vương, năm thứ tư gia phong hai chữ Khuông-Quốc. Năm Hưng-Lon thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Tá - Thánh, đến nay miếu-vũ nguy-nga, hương-hỏa không dứt.

Tiến-bình

Vương sinh ra đã cõng-dị, ốm sẵn kỳ-tài, sức mạnh hơn người, thầy trong Sử đã chép tường chưa dễ đã có mấy người sánh kịp. Xem cái sức mạnh lúc tuổi trẻ, lúa gặt ba mẫu mà chỉ gánh một gánh, bữa cơm hai mươi người ăn mà chỉ ăn một bữa thì cái dị-lực của Vương ra làm sao ! Nước ta có Lê-Quang-Hổ ăn nhiều và sức mạnh, có thể so-sánh với Vương như anh em. Công-nghiệp của Vương chép ở sử nhà Lý, thời giỏi hơn Uất-Trì-Kinh-Đức vậy.

Vương sinh-tiến có điển-tử ở Bãng-son, đủ nêu lên một sự gặp-gỡ không đời nào có, tha thuế chước-đao, mộng đội vinh-sủng, đến lúc chết thì có chiếu phong Phúc-Thần, dư-linh muôn đời bất-hủ, miếu-mạo trường-tồn, tên tuổi rục-rỡ trong tự-diễn. Kinh-thư nói rằng: « Công lớn thường lớn », há chẳng phải thế ru!

Bây giờ làng Tiên-Phong, làng Bạch-Hạc thôn-dân đều có phụng-tự, hoặc giả thái-ấp của Vương đang còn di-tích chăng ?

THÁI-ÚY-TRUNG-TUỆ-VÕ-LƯỢNG-CÔNG

(Chuyện Mục-Thận)

Xét Sử-ký và đời truyền : Ông họ Mục tên Thận, lấy việc chài lưới bắt cá làm nghề sinh-nhai.

Thời xưa Lý-Thái-Tông có quan Thái - sư Lê - văn - Thịnh nuôi được một người gia-nô người Đại - Lý, giỏi về thuật chú-ảo, hay biến-hóa mây mù, khiến người thực hóa ra hình beo, cộp Văn-Thịnh dỗ-dành nó mà học được thuật ấy rồi thiết-kế giết đứ ở ấy đi, mưu-lính việc tiếm ngôi vua.

Một hôm vua Nhân - Tông ngự ra Tây - Hồ (1) xem cá ; thuyền rồng thung-dung, mái chèo khoan-nhật, lượn chơi trên hồ rất vui-vẻ, bỗng - nhiên thấy mây mù kéo đến trên mặt hồ mù-mịt, đối-diện không trông thấy nhau, vắng nghe tiếng cộp chèo vùn-vụt lướt mù tiến đến, thấp-thoảng có một con hồ lớn đang há mồm nhe răng như muốn cắn, vua trông thấy cả kinh. Lúc bấy giờ Mục - Thận đang vung lưới bắt cá, trông thấy rõ - ràng mới nói. “Việc gấp rồi”, lập tức vung lưới chụp bắt được con hồ lớn, lại hóa ra là Lê-Văn-Thịnh. Vua truyền lấy giày sắt trói lại, lấy cũi gỗ giam vào, rồi đẩy lên thượng-lưu sông Thao

Vua khen Mục - Thận có đại - công bảo-hộ, phong ông làm Đô-Úy-Tướng-Quân, quan-giai lần lần tới Phụ - Quốc Tướng - Quân ; Ông mất, vua tặng chức Thái-Úy, dựng từ-đường và tạc tượng ông mà phụng-sự.

Đền thờ ông rất linh - dị, có con măng - xà ở trong lỗ cột đền, mỗi khi đến ngày sóc vọng có kỳ tế - lễ, nó từ dưới đá tảng bò lên, khoan tròn mà nằm ; nhân-dân văng - lai chẳng lấy gì làm kinh-bãi, nhưng người nào tà-uế mà vào trong đền thì liền bị nó cắn ; đêm tối, nó lại chui xuống lỗ cột mà ở. Đến nay, từ-vũ thêm trang-nghiêm, thôn-dân phụng làm Phúc-thần.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm thứ tư, sắc phong Trung-Tuệ-Công. Năm Hưng - Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Võ-Lượng.

(1) Đây là do sự sửa chữa của đời người sau. Tây-Hồ đời Lý gọi là Dâm-Đàm.

Hồ này ở đời nhà Hán gọi là hồ Lãng - Bạc ; đời nhà Lý, nhà Trần gọi là hồ Dâm - Đàm. Triều Lê tránh tên húy vua đổi ra là Tây - Hồ, một đầm nước lớn ở thành Đại-La vậy. Mỗi khi đến mùa thu, nước lụt đã rút thì nước hồ trong xanh, cùng với trời một sắc ; trái các triều đều lấy hồ ấy làm nơi du-ngoạn. Đàng khi mù phép đầy trời, long-nhan thất sắc, dầu cho có nghìn cỗ xe, muôn thớt ngựa, cũng khó bề đời-phó. Mục - Lang chỉ là một người kẻ chài, đối với quốc-gia chưa từng được hưởng một chức quan nhỏ, một hột lương kho, mà đến khi Thiên-Tử lâm nạn thì hăng-hái chẳng nghĩ đến mình, bắt hồ mạnh giữa sóng to, quét mù-yêu ở mờ tối, khiến cho ông vua có dị-tướng, dưới trún có hai chữ "thần-tinh", được dũ áo trở mặt phương nam bảy mươi năm, thì công khó của ông biết chừng nào vậy.

Lấy tư-cách một kẻ giang-hồ nhàn-tản, sinh sống bằng nghề chài lưới, một mai từ chỗ thôn-quê lên chỗ miếu-đường, ông cỡi tới nón mà đội mũ miên-miền. Sòng thì làm quan Thái-Ủy, chết thì được phong Phúc - Thần, há chẳng phải rống mây gặp hội, cả nước vẫy duyên, nghìn năm một thuở, vua sáng tôi ngay hay sao ? Nên chi khuất-phục được con măng - xà lớn ở gốc đại-thụ, sáng cháu tôi nghi thì cũng chẳng lấy gì làm lạ vậy.

Nay miếu ở trong hạt huyện Quảng-Đức, phường Vông - Thị, đến thờ chính-túc, đồ thờ sum-nghiêm, cùng với đền Kim-Ngư phường Tây - Hồ đối-diện.

Triều nhà Lê vẫn đề quốc-tê, gần đây có Phạm Tiên-Sỹ ở Đông-Bình, soạn thảo lời Sắc gia-phong, có câu : "Vãi lưới dày ở trong hồ, hóa hồ, kẻ gian-thân nát óc ; Quét mây mù ở trên đỉnh, cõi rỗng, vị Thiên-Tử mờ mảy", truyền nhau lấy làm một câu hay, nhưng đó cũng chỉ chép việc thực mà thôi.

Lê - văn - Thịnh tội nên xử-trảm, vua lại tha mà chỉ phạt lưu, chính-hình như thế thật là lâm-lỗi. Người đời sau có bài thơ rằng :

*Quăng lưới rồi hay bắt hổ thần.
 Trong người chẳng sợ đũa gian-nhân.
 Nghìn tầng mù đặc ngang thuyền quét ;
 Một chú hùm yêu dọc mái vắn.
 Tiếng sóng muốn đời hào dũng-khái ;
 Công đầu một thuở vọng minh-quán.
 Đến nay di-miếu còn oanh-liệt.
 Hương-hỏa nghìn thu thượng-đẳng-thần.*

1. KHƯỚC-ĐỊCH THIỆN-HỰU TRỢ-THUẬN ĐẠI-VƯƠNG

2. UY-ĐỊCH DŨNG-CẢM HIỂN-THẮNG ĐẠI-VƯƠNG

(Chuyện Trương-Hống và Trương-Hát)

Xét Sử-ký của Đỗ-Thiện chép thì hai Vương là hai anh em. Thời Nam-Tấn-Vương nhà Ngô di đánh giặc Lý - Huy ở Long - Châu, đóng quân ở cửa Phù - Lan, đêm ngủ mộng thấy hai người y-quan kỳ-vĩ, diện-mạo khôi-ngô, đến ra mắt vua và thưa rằng :

— Bọn nghịch - tặc hoành-hành đã lâu lắm, chúng tôi xin tông-quân trợ-chiến.

Vua lấy làm lạ, hỏi rằng :

— Bọn Khanh là người nào, Có này chưa hề biết mặt ; đã có lòng thông-cảm thì nên cho biết tính-danh.

Hai người đều sụp xuống lạy, thưa rằng :

— Bọn thần là anh em, vốn người Phù - Lan, nguyên họ Trương, anh tên là Hống, em tên là Hát, đều làm tướng của Việt-Vương. Việt-Vương bị Lý-Nam-Đế đánh bại, Nam-Đế đem lễ-vật đến rước bọn thần có ý muốn cho làm quan. Bọn thần thưa lại rằng : Tôi trung chẳng thờ hai vua, gái trinh chẳng đổi hai chồng, huống hồ người là người bội-nghĩa mà còn muốn khuất cái tiết bất di-dịch này ư ? mới trốn vào ở núi Phù-Long; Nam - Đế nhiều lần cho người đến triệu, bọn thần vẫn không hưởng-ứng ; Nam-Đế giận sai người đến truy - nã không được, mới treo ngàn vàng cầu người bắt. Bọn thần không còn đường tiến thoái nên đều uống thuốc độc mà qua đời. Thượng - Đế thương bọn thần vô - tội chết chẳng phải mệnh, sắc bỏ chức Than-Hà-Long-Quân-Phó-Sứ, tuần hai sông Vũ - Bình và Lạng-Giang đến tận trên nguồn, hiệu là Thần-Giang-Đô-Phó-Sứ. Trước kia Tiên-Chúa trong chiến-dịch Bạch-Đằng, bọn thần đã hiệu-lực trợ-thuận.

Vua tỉnh dậy, bảo đem cỗ rượu đến điện tế, khẩn rằng :

— Quả có anh-linh, hãy phù-trợ chiến-dịch này, nếu được Củng-lợi, tức thì dựng miếu và phong tước, hương hỏa đời đời.

Vua mới tiến quân vây núi Côn-Lôn, giặc ý-thể hiềm-trở, không ai có thể vịn trèo mà lên được. Đóng đồn lâu quá, quân

sĩ đều có ý trở-tâm. Đêm ấy vua mộng thấy hai Vương đốc binh, bộ-ngũ liêu-thuộc đều có mặt mày như qui-thần cả, hàng-ngũ rất nghiêm, bộ-lạc rất chỉnh-tề hội tại cửa Phù-Lan. Binh ông anh đóng từ sông Vũ-Bình đến sông Như-Nguyệt tiến đến đầu nguồn sông Phú-Lương; Binh ông em đi từ men sông Lạng-Giang vào sông Nam-Bình.

Vua tỉnh dậy bảo với tả hữu, quả nhiên trận ấy được toàn-thắng. Binh xong giặc Tây - Long, vua sai Sứ chia chỗ lập đền thờ, đều phong làm Phúc-Thần một phương, chiếu phong anh là Đại-Đương-Giang-Đô-Hộ-Quốc-Thần-Vương, lập đền ở cửa sông Như-Nguyệt. Còn em là Tiểu-Đương-Giang-Đô-Hộ-Quốc-Thần-Vương, lập đền thờ ở cửa sông Nam-Bình.

Thời vua Nhân-Tông nhà Lý, binh Tống nam-xâm kéo đến biên-cảnh; vua sai Thái-Úy Lý-Thường-Kiệt dựa bờ sông đóng cừ đề cố-thủ.

Một đêm kia quân-sĩ nghe trong đền có tiếng ngâm to rằng:

*Sóng núi nhà Nam Nam-đế ở
Phân-minh trời định tại thiên-thư.
Có sao nghịch-lỗ sang xâm-phạm?
Bọn chúng rồi đây sẽ bại hư.*

Quả nhiên quân Tống chưa đánh đã tan rã. Thần-mộng rõ-ràng, mây lòng sợi tóc chẳng sai.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Như-Nguyệt-Khước-Địch-Đại-Vương, năm thứ tư gia phong Thiện-Hựu-Dũng-Cảm.

Tiểu - bình

Hơn thua được mất là một lý mà cũng là một thể vậy. Điểm lành, điểm xấu là khí vậy. Lý-thể ở đâu thì khí cũng theo đó mà gây nên, nên khi họ Tri-Bá sắp mất thì thần Hoác-Sơn lấy thể tre trao cho Trương-Tử, mọi Khiết-Đan sắp bị diệt thì thần Áp-Giang lấy đầu-lâu trao cho Hoàng-Nhan, đó chẳng quá là cái lý về sự phúc của kẻ thiện, cái họa của kẻ dâm.

Hai họ Trương đây là tôi Việt-Vương, không chịu khuất-phục vua Nam-Đề, cái khí trung-nghĩa hạo-nhiên thường phảng-phất ở khoảng trời đất, không nên lấy tỷ lông mày vết mà bàn-luận vậy.

Sông làm danh-tướng, chết là danh-thần, cho vua Tần-vương nằm thây mà giặc Côn-Lôn phá tan, ngâm bài thơ Nam - Quốc mà quân nhà Tống không bị đánh tự tan-vỡ, lấy sự báo-ứng như thế, phong làm Phúc-Thần, hưởng được cúng-vái nghìn xưa, đội ân vinh-phong tặng ở cửu - trùng, hai đến thờ ngày nay vẫn còn, người ở hai bên sông đều tránh tên húy, gọi hát bằng xưng. Tinh-anh đầy-dẫy, nghìn trăm năm vẫn thường như một ngày, khiến cho đương thời, những kẻ cam lòng đấu giặc, mưu-cầu phú-quí một thời, đâu được trôi thơ muôn đời, khiến cho người ta thán-mộ mà hăng-hái lên như hai Vương nấy vậy.

CHỨNG-AN MINH-ỨNG HỮU-QUỐC-CÔNG

(Chuyện Lý-Phục-Man)

85

Xét Sử Đồ-Thiện chép rằng: Vương họ Lý tên Phục-Man. Vua Lý-Thái-Tổ đi tuần-phương đến sông Sở-Bộ-Đầu, thấy giang-sơn tú-khí, phong-cảnh thắng-du, nhà vua tâm-thần cảm-hứng, mới rót ly rượu đồ xuống tràng-giang, vái rằng:

—Trẫm xem chỗ này non xanh nước biếc khác hẳn mọi nơi, nếu có nhân-kiệt u-linh, xin hưởng.

Đêm ấy vua mộng thấy một di-nhân cao-đại, mặt hồ râu rồng, y-phục trang-nghiêm, cân-hài tề-chỉnh, đến trước nhà vua cúi đầu lạy hai lạy mà tâu rằng:

—Thần vốn là người ở làng này, họ Lý tên Phục-Man, giúp Lý-Nam-Đế làm Tướng-Quân, nhờ sự trung-liệt được vua biết tên, mới sai trấn-thủ hai giải sơn-hà Đổ-Động và Đường-Lâm, mọi lão đều sợ không dám phạm-biên, một phương yên-ôn. Đến lúc chết, Thượng-đế thương kẻ trung nên cho giữ chức như cũ. Nay thần xin kể một vài chuyện để Bệ-hạ nghe thử: Thời vua Trương-Vương nhà Đường, thần thường đem quí-binh theo Khâu-Hòa phá được nghịch-tặc là Ninh-Tràng-Chân ở cửa Giáp-sơn, thời vua Túc-Tông lại phá được giặc Đại-Thực-Ba-Tư ở cửa Thần-Thạch, thời vua Đại-Tông lại phá giặc Côn-Lôn-Đồ-Bà ở Chu-Diên. Cao-Vương phá nước Nam-Chiếu; Ngô-Tiên-Chúa phá nước Nam-Hán, Vua Lê-Đại-Hành phá Tống-Binh, mỗi lần xuất-binh chinh-phạt, thần ở trên không đem quí-binh ám-trợ, thấy đều có công. Thần lại thường thống-suất quân-binh quí-thần, vâng theo mệnh Thiên-Đế phá giặc Chiêm-Thành ở trấn Giáp-sơn. Đến khi thần mệnh một, u-linh không tán, thôn-dân kính-mến, lại sợ không ai phòng thủ, mọi lão đến cướp-bóc, nhân đó lập đền thờ-phụng; bởi vậy, thần thường phảng-phất ở khoảng trời mây, phàm gặp khi có dụng-binh, thần ở trên không ám-hộ, nghịch-lỗ nhập-khẩu thì đều hãn-ngự được. Bấy giờ gặp Bệ-hạ loan-giá quang-lâm, thần xin đến bái-yết.

Nói đoạn, ngâm bốn câu thơ rằng:

*Thiên - hạ toàn móng - mọi
Hây tam ẩn thanh - danh,
Giữa trời nếu nhất, nguyệt,
Quang - diệu ấy chân - hình*

Ngâm xong liền biến mất; vua chưa kịp đối-đáp, hốt-nhiên tỉnh dậy, nói lại với tả-hữu; quan Ngự-Sử Đại-Phu Lương-văn-Nhâm nói:

—Đó là lời thần muốn hiền-linh để lập hình-tượng.

Vua sai người xin keo, quả nhiên lập-ứng.

Vua sắc cho người trong châu lập đền thờ, tạc-tượng thần y như đã trông thấy trong mộng, miếu-mạo sum-liệt, làm Phúc-thần một phương.

Trong thời Nguyên-Phong, Thát-Đát nhập khẩu, đến biên-cảnh thì ngựa què không tiến được; thôn-dân biết có sức thần ám-trợ mới đem dân-chúng ra cự-chiến, chém được đầu giặc rất nhiều; giặc thua chạy tán-loạn, không dám trở lại dòm-dò bờ-cõi nữa. Khẩu-tặc bình xong, sách phong Chứng-An-Nam-Quốc-Công, chiếu cho thôn ấy đổi tên là Hộ-Xá Chứng-An.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, giặc Bắc lại vào ăn cướp, mấy chỗ khác đều bị đốt cháy cả, duy có ấp này như có phòng-hộ, một mảy lông mùa thu cũng không bị phạm tới.

Giặc bình xong, sắc phong Chứng-An-Vương, năm thứ tư gia phong hai chữ Minh-Ứng. năm Hưng-Leng thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Tá-Quốc, càng ngày càng thêm linh-ứng vậy.

Tiến-bình

Cái khí tinh-hoa của sông núi, kết lại hóa ra vàng ngọc châu-báu, như ngọc-bách ở Lam-Điện, ngọc-châu Dạ-Quang, vốn là có tiếng quý giá xưa nay. Còn đền như con người cũng thế, thiện-nhân quân-tử là tinh-hoa của cái khí ấy. Sông Sở-Bộ-Đầu, sơn-kỳ thủy-tú, người tài đất linh, Lý-Tướng-Quân thực là vun đức ở đây, kịp đền lúc thờ vua Nam-Đề làm Tướng-Quân, oai-nghiêm làm rào ngăn cho hai xứ Đổ-Động và Đường-Lâm. Thân cõi xuôi sao Cơ, quanh vùng biệt tiếng, cái khí anh-sản thường tụ lại, cái công võ-liệt thêm kỳ. Phá Trường-Chân ở Giáp-Sơn, giết Đổ-Bà ở Châu-Điện, bình nước Nam-Chiêu, định nước Nam-Hán, đuổi binh nhà Tống, Thần chắc không nói dối ta vậy, Trong bài thơ, lời ý du-dương, quý-tính tôn-danh, không muốn nói với thôn-dân khách-tục, dựng đền đức tượng, dung-mạo tôn-nghiêm, kẻ chợ dân mừng đều kính-ngưỡng. Xem như rợ Thát-Đát rất mạnh, mang cung tên đầu, ti-dụ đền nhà Liêu-Hạ, nhà Kim,

nhà Tống các nước lớn ấy cũng đều trông gió mà xếp gươm giáo, hướng chi chúng kéo sang Nam như gió cuốn mây ùn, sầm gào chớp nhoáng, thề mà ông lấy sức thần lui được binh giặc, khiến cho nhân-dân được ăn yên ở yên như xưa. Ở chỗ bình-nguyên hề có công-đức với dân thì được phụng-sự, thề thì công-đức của ông biết chừng nào vậy.

Miêu nay ở làng Cỏ-Sỏ huyện Am-Phụng, chế-độ rất chính, lễ-bộ rục-rỡ, mỗi năm lễ nghinh-yết có xướng hát, làm một cảnh đại đô-hội ở sông Hát-Giang, triều trước đời nào dân cũng được tha thuế, đối với đền Phù-Đổng, đền Bạch-Đằng cùng ngang hàng nhau, rất là thịnh-vượng.

Tục truyền rằng ông Tiên-Si làng Ninh-Xá tên là Nguyễn-Mại trần tình Sơn-Tây thường phụng mạng đem lễ đèn cúng, ngủ lại trong đền làng Cỏ-Sỏ, mộng thấy một người đàn-bà đeo ngọc, mào vàng, áo gấm, giày thêu, xiêm lụa, có cái dáng-diệu hoa ghen nguyệt thẹn, cái nhan-sắc mặt ngọc da hồng, tay cầm một nhánh hoa mai phe-phẩy đèn trước chỗ ngồi, gió thanh mát mặt, hương-khí ngát người; người đàn-bà ấy thưa rằng :

— Từ khi lang-quân thiệp đi vắng, trưởng-hổ vắng-về một mình không người săn-sóc, nay Tôn-giả đèn đây, đến thờ không lấy gì làm quang-khiết. Sứ-quân có lòng tốt, xin nhờ trùng-tu lại cho.

Nguyễn-Mại hỏi lại rằng :

— Vậy chớ lang-quân tên họ là gì?

Nàng nói:

— Lang-quân thiệp tiến-thân là Lý-Tướng-Quân, kim-sinh tức là ông Tiên-Si làng Thanh-Mai tên là Lê-Anh-Tuần, hiện nay đang đi sứ Tàu, xin trình Sứ-quan rõ.

Hột-nhiên gió động lan-can, Nguyễn-Mại tỉnh dậy, thì ra là một giấc mộng kê vàng, mới đem câu chuyện trong mộng thuật lại cho người làng nghe, và bảo sửa-sang đến thờ lại cho tử-tề. Khi đi sứ về, Lê-Anh-Tuần thường qua lại nhà Nguyễn-Mại đi lại trò chuyện. Nguyễn-Mại gọi người nhà đến chỉ Lê-Anh-Tuần mà bảo rằng :

— Ông này là Chứng-An-Vương đền Cỏ-Sỏ đó.

Lê-Công giỏi văn-học, làm quan đền Thượng-Thư, quyền-thê lừng-lẫy. Tuy là chuyện mộng-mị chưa dám tin chắc, nhưng qua lại thăm kín, đôi khi cũng hờ môi-manh. Ông Phạm-Trọng-Yêm với Đạo-nhân Côn-lôn đời trước, ông Phú-Bật với thầy chùa Xung-Hư-Quán cũng phảng-phất giống như vậy.

PHỤ-LỤC SỰ-TÍCH ĐỀN THỜ THẦN XÃ AN-SỞ

Xét Đại-Việt Ngoại Sử chép rằng: Gia-Thông-Đại-Vương vốn là người làng Cổ-Sở (sau đổi ra An-Sở). Lúc bấy giờ thiên-hạ loạn-ly, kẻ hào-kiệt đấu họ đấu tên để tránh nạn.

Thuở nhỏ, Đại-Vương phong-tư hơn người, tài-nghệ xuất-chúng, nhất là cỡi ngựa bắn cung lại là sở-trường, rất có uy-đức, sức-mạnh voi cũng chịu thua; đến khi thờ Lý-Nam-Đế (đồng thời với vua Lương-Vô bên Tàu) vua trông thấy người khí-vũ hiên-ngang, thật là một bậc Đại-trượng-phu, có thể đương nổi một phương, mới bảo vương theo quân-ngũ; Vương hàng lập được nhiều kỳ-công. Sau vua cho một cõi Đổ-Động là đất biên-viên hiểm-trở, nếu không phải là tay Vương thì chẳng ai trị nổi, rồi phong cho Vương chức Đại-tướng-quân, bảo qua trấn-thủ ở đó; mỗi khi có hiệu-lệnh của Vương ra thời các kẻ hùng-cứ trốn xa, giặc cướp đều đến đầu hàng, nhân-dân được an-cư lạc-nghiệp, trong cõi yên-ôn, già-trẻ đều mến đội ân-đức của Vương.

Kịp đến lúc nước Lâm-Áp (tức là Chiêm-Thành) vào ăn cướp châu Cửu-Đức, biên thư cáo-cấp, triều-dinh bàn kế xuất-chinh, các quan đều nói rằng :

— Không có quan Tướng-quân Đổ-Động thì không thể đánh bại giặc ấy được.

Vua mới tuyên-chiếu triệu Vương thống-suất các tướng lãnh đi đánh, đại-phá quân Lâm-Áp ở Cửu-Đức. Tin thắng trận về đến Kinh-Đô, Vua thán-thưởng giây lâu rồi báo quan Thị-thần rằng

— Gặp đến rẽ quanh đốt cứng mới biết được đồ dùng sắc, nay quan Đổ-Động Tướng-Quân chỉ bắn vài mũi tên mà cả phá được giặc mạnh, thực là kẻ hào-kiệt ở Sơn-Tây, những bậc can-thành đời xưa cũng chẳng lấy gì làm hơn được, nên phải có trọng-thưởng mới xứng công-lao.

Vua mới lục những công phục-biên, tứ-tính là họ Lý, gả một vị Công-chúa tức là Lý-Nương và thăng lên chức Thái-Úy. Từ đấy ân-sủng càng ngày càng thêm, lại khiến làm chức Tham-Hộ-Phủ-Nghi, giám-thị cả trăm quan.

Quan Lý Thái-Úy thiên-tư trung-hậu, tính vốn thanh-liêm, mỗi khi có kiến-nghị điều gì thì chuyên lo ngay thẳng, ở trong triều nếu có ai lỗi, trước mặt thì bắt-bẻ, giữa triều thì can-gián chẳng dung-tha một ai, cả đến những kẻ quyền-quí xin-xỏ việc riêng. Tiếng tăm lừng-lẫy, trong ngoài đều gọi là Phục-Man Tướng-Công, kính-mến người có đức.

Lúc bấy giờ vua Nam-Đế chú-tâm việc biên-phòng, luién quan Thiều-Úy ra trấn Đương-Lâm, binh quyền ở tay, uy-lệnh xa khắp, làm lạng bụi trần sa-mạc, làm tiêu-tan lòng sợ-hãi chiến-tranh. Nào ngờ trời chán nghiệp nhà Lý, gió đưa binh nhà Lương đến, năm Ất-Sửu thứ hai, Trần-Bá-Tiền đem binh đi đánh ở quận Châu-Diên, sông Tô-Lịch, lần lượt dẹp yên.

Năm Đinh-Mão thứ tư (năm đầu vua Lương-Văn-Trị), binh nhà Lương thừa thắng, đi đến đâu là chỗ đó không có người.

Vua tôi triều Lý đều thất-sắc. tan-rã như gói vớ đất lở, chẳng biết tính làm sao, toan muốn triệu Thái-Úy.

Thái-Úy ở động Khuất-Liêu, nghe được tin ấy, ngậm-ngùi than-thở, lòng trung kích-thích, mới sai người dẫn-thủ các nơi yếu-hại của dinh-đồn. Hốt-nhiên, đang đêm lửa cháy đỏ rực cả bốn mặt, đầy đường binh Lương đã bức gần đến trước sân, mới hay lòng người nham-hiêm, mệnh trời khôn lường. Vương bèn đem gia-tướng đánh thoát vòng vây để tính bề khôi-phục. Nhưng đất cùng đường xa, tới lui không ngộ, Thái-Úy đành phải chỉ trời vạch đất, thần-nhiên uống thuốc tự-tận. Người nhà phụng linh-cửu đưa về bên Hồ-Mã (tức nay là chùa Ngọc-Tân, tên sông của bản-xã) chôn cất và đắp mộ ở ngoài bãi bản-xã.

HỒI-THIÊN-TRUNG-LIỆT-UY-VŨ-TRỢ-THUẬN-VƯƠNG

ở cửa sông Thiên - Mạc

(Chuyện Lý Đò-Úy)

Tục-truyền Vương hiệu Lý Đò-Úy, không biết người đời nào, cũng chẳng biết tên họ là gì, nhân qua sông gặp gió bão chìm thuyền mà chết, u-vân chẳng tan, thường ở sông bến, gặp lúc gió mát trăng thanh, nghe tiếng nói cười ở trên không, lại có tiếng đờn ca nữa.

Một hôm trong thôn nghe chó sủa vang, hiện vào một người trai-tráng, cáo với thôn-dân rằng :

— Ta đội ơn Thượng-Đế sắc phong làm thần Cửa-Sông.

Thôn-dân rất kinh - dị, lập đền phụng - sự, mỗi tháng đến ngày rằm, có con rắn mào vàng từ dưới vực bò lên vào đền thờ khoanh tròn nằm ở đó ; thôn-dân tôn làm Minh-Chủ Phúc-Thần.

Khoảng năm Nguyên-Phong, giặc Thát-Đát nhập-khẩu hãm kinh-sư ; xa giá vua phải ngự ra ngoài, thuận theo dòng sông mà đi, đến chỗ sông ấy cấm thuyền mà ngủ.

Đến đêm, thần cho vua chiêm-bao rằng :

— Bệ-hạ không nên ngự đi xa.

Vua tỉnh dậy, bảo quan Trung-Sứ lên trên đền để đốt hương vái thần xin dừng cho giặc đến. Quả-nhiên giặc không đến.

Giặc đã yên rồi, bèn sắc phong Hồi-Thiên-Thần-Vương.

Niên-hiệu Trưng-Hung năm đầu, gia phong hai chữ Trung-Liệt, năm thứ tư, gia phong bốn chữ Uy-Vũ-Trợ-Thuận.

Tiết - bình

Vị Thần này không có làng mạc ; tên họ cũng không, qua sông bị gió làm chìm thuyền, thác mộng cho dân thôn, mới có đền thờ, đền thờ lại có rắn, ý giá vị Thủy-Thần ra đời, chưa hết nhân xưa mà thế chẳng ?

Một giấc mộng đời Nguyên-Phong đường-hoàng có Loan - thư phong tặng, nhưng mà chữ thụy-hiệu xưng là Hôi-Thiên Trung - Liệt thời giống như các bậc danh-thần như ông Ngụy-Văn-Trinh, Khâu-Trung-Mẫn thường xưng Thiên-Mạc-Giang-Khâu-Hiền-Linh-Thần-Vương. ngõ hầu mới xác-thực.

Và lại, Vệ-Linh-Son-Thần mà xưng là Sóc-Thiên-Vương, Thiên-Mục-Giang-Thần mà xưng là Lý Hiệu-Ủy, thì cái danh-hiệu so với Phù - Đồng - Ứng-Thiên-Vương, Thụy-Hương-Uy-Mãnh-Vương cùng rõ-ràng, người nghe phải nên cho rõ.

QUẢ-NGHỊ-CƯƠNG-CHÍNH-UY-HUỆ-VƯƠNG (Chuyện Cao - Lỗ)

Xét sử Đồ-Thiện dẫn Giao - Chỉ - Kỳ thì Vương vốn tên là Cao-Lỗ, một lương-tá của An-Dương-Vương, tục hiệu là Đồ-Lỗ hoặc Thạch-Thần. Ngày xưa, Cao-Vương bình giặc Nam-Chiếu rồi đem binh đi tuần châu Vũ-Ninh, đến địa-đầu, mộng thấy một dị-nhân, thân-dài chín thước, y-quan chỉnh-túc, ngôn-mạo lừng-tảng, lấy dùi bút tóc, gài dao làm trâm, lưng dắt gậy đỏ, bạch vua rằng :

— Thần vốn tên là Cao-Lỗ, ngày xưa giúp An-Dương-Vương làm Đại-trưởng-quân, có đại-công khước-địch, sau vì có kẻ Đại-thần là Lạc-Hầu gièm pha nên bị giết ; Thượng-Đế thương người ngay thẳng, sắc cho quản-lãnh một giải giang-sơn, hiệu là Đồ-Thống-Tướng-Quân, phàm những việc dẹp giặc hoặc gặt hái đều có chủ-trương của thần như của vị Phúc - Thần một phương. Ngày nay Minh-Công thảo-bình nghịch-lỗ, hoàn - vũ thái-hòa nên phục-hoàn bản-bộ, nhược không cáo-tạ, ắt phi-lễ vậy.

Cao-Vương hỏi rằng :

— Lạc-Hầu việc gì đổ-ky mà sinh ra gièm pha ?

Vương nói :

— Việc ở u-minh không muốn tiết-lậu.

Cao-Vương lại hỏi một lần nữa. Vương đáp rằng :

— An-Dương-Vương tức là tỉnh Kim-Kê, Lạc-Hầu là tỉnh Bạch-Viên, còn mỗ là tỉnh Giáp-Mão-Thạch-Long, gả với vợ tương-hợp còn với rồng thì tương-khắc cho nên ra thế.

Nói đoạn biến mất. Cao - Vương tỉnh dậy, đem câu chuyện nói với kẻ liêu-tá, rồi hoan-hỉ ngâm bài thơ rằng :

Đất Giao-Châu tốt đẹp.

Muôn thuở được lâu dài.

Hiền xưa được tiếp - kiến.

Mới chẳng phụ Linh - Đài.

Lại ngâm :

*Bách - Việt yên bờ cõi.
 Nhị - Hán định núi sông.
 Thần - linh đều giúp thuận.
 Lý - Đường cảnh phúc chông.*

Có kẻ tùy-thần vua Cao-Vương tên là Tăng-Côn khen vua Cao-Vương rằng :

*Đất - Việt núi-non xưa
 Nhà Đường nhân - vật mới.
 Người cao chí - khí cao,
 Động, tinh Long - Thần tới.*

Lại nói rằng :

*Nam - quốc núi sông đẹp,
 Long - Thần gặp đất linh.
 Giao - Châu thối chật - vật.
 Ngày sau thấy thặng - bình.*

Tục truyền : Sông Đại-Thần là cung-quật của Long-Vương hay hưng-phát vân - vũ, cỏ - lộng ba-đào, thuyền nào gặp phải thường bị trầm-nịch. Nếu ai có biết thì đem lễ cáo-yết trước, tuy ở giữa sông, gặp phong-ba mà vẫn an-nhiên vô-sự.

Năm đầu Trưng-Hung, sắc phong Quả-Nghị-Vương, năm thứ tư gia phong hai chữ Cương-Chính. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Uy-Huệ.

Tiếp - bình

Hai con giao không thể ở trong một vực sâu ; hai con chim trông không thể đậu trên một cành, thế-lực ngang nhau thì dễ sinh hiềm-kích, mưu-lược như nhau thì dễ khởi họa, vì vậy cho nên Lạc-Hầu sở-di không dung được Thạch-Thần là tại đó. Gà, vượn hợp nhau nên chỉ rống tương-khác, lời nói thật không kẻ - cứu. Từ chỗ cài dao, tóc dùi cho nằm thầy ở Võ-Ninh mà đến đây mới được nghiêm-nhã tôn-nghiêm, hương hỏa đời đời chẳng dứt.

Khoảng năm Đinh-Vy, quân Tây-Sơn tràn đến Kinh-đô, ké thổ-hào ở

Đại-Nam có Diêu-Vũ người có sức-mạnh suất gia - đình chồng đánh, ông Vũ thông-hiểu binh-pháp Tôn - Ngô, hay lầy ít chề được đông, thần xuất qui một, không ai dò được binh-cơ, quân Tây - Sơn đánh mãi không hơn, trở lại bị ông Vũ đuổi đánh chém được rất nhiều, lầy được khí-giới của-cải kẻ không xiết được. Người Tây - Sơn sợ như cộp, kịp lúc vua Chiêu-Thông ở Tàu về, nhân ông Vũ có công đánh hãm được Bắc-Trần, trao chức Kinh-Bác-Hành-Trần-Thú, tước Định-Lãnh-Hầu. Sau khi loan-giá vua Chiêu-Thông trở lại Tàu, ông Vũ không chịu làm tôi Tây-Sơn, vẫn đánh mà vẫn hơn luôn.

Người Tây-Sơn dùng vàng lụa lễ - vật, trăm cách dụ-dỗ ông, nhưng cũng không được. Sau vì xuất kỳ bất ý bị Tây-Sơn bắt được.

Có người cho rằng Vương là hậu-thân của Thạch-Thần, chưa dám lầy gì làm tin chắc lắm, song trong quán - chúng mà có hạng người hào - hiệp như thế, tưởng cũng là hậu-khi tinh-hoa un-đức mà thành vậy.

HẠO-KHÍ ANH-LINH

ỨNG-THIÊN-HÓA-DỤC-NGUYÊN-TRUNG-HẬU-THỔ

ĐỊA - KỶ NGUYÊN - QUÂN

(Chuyện Hậu-Thổ Phu-Nhân)

Truyện Báo - Cự chép rằng : Nguyên - Quân tức là Nam - Quốc-Chủ-Đại-Địa-Thần.

Xưa kia, Lý-Thánh-Tông nam-chinh Chiêm-Thành, đến cửa biển Hoàn - Hải thoát bị gió to mưa lớn, sóng cuộn ầm - ầm. long-thuyền dao - động cơ hồ muốn chuyền ; nguy - cấp không, ngờ, vua rất lo-sợ.

Giữa lúc đang bàng - hoàng, vua bỗng thấy một người con gái ước độ hai mươi tuổi, mặt tựa hoa đào, mày đậm màu dương-liêu, mắt sáng như sao, miệng cười như hoa nở ; nàng mặc áo trắng, quần lục, lưng mang đai, dịu - dàng bước đến bịch với vua rằng :

— Thiếp là tinh của đại - địa Nam - Quốc, thác-cư ở làng Thủy - Vân đã lâu lắm, xem thời mà ra nếu gặp được lúc tốt Bấy giờ gặp được Long-nhan, chi-nguyên sinh-bình được thỏa, cúi xin Bệ-hạ chuyển đi này nên hết sức miễn-cán, toàn thu-hoạch thắng-lợi. Thiếp tuy là bờ-liễu mong - manh cũng nguyện đem sức mọn mặc-nhiên phù-tá Bệ-hạ ; ngày khải - hoàn, thiếp xin chực đây để bái-yết.

Nói đoạn biến mất.

Vua kinh-hãi tỉnh giấc, nhưng lại hoan - hỉ ngay mới triệu tả-hữu đến, thuật chuyện trong mộng cho mọi người nghe ; tăng-thống Huệ-Lâm-Sinh tâu rằng :

— Thần có nói là thác sinh trên cây, ở làng Thủy-Vân, bây giờ nên tìm ở cây hoặc giả có linh-nghiệm gì chăng ?

Vua cho là phải, mời bảo người tùy - tùng đi tìm ở các bãi sông quả nhiên được một cái cây, đầu rất giống người, hình như có dấu sơn cũ giống như đã trông thấy trong mộng.

Vua mới lập hiệu là Hậu-Thổ-Phu-Nhân, đặt hương-án ở trong Ngự-thuyền, tự-nhiên sóng gió êm - lặng, cây cối hết lay chuyền.

Kịp lúc vua đến Chiêm-Thành, trong khi giáp trận như có Thần-giúp, quả được đại-thắng. Ngày khải-hoàn, ngự-thuyền đậu lại chỗ cũ, sắc lệnh lập đền, gió mưa lại nổi lên như xưa. Sư Huệ-Lâm tâu :

— Đề xin một keo, về Kinh-Sur sẽ lập đền.

Xin một keo liền được ngay ; gió mưa lại êm-lặng.

Về đến Kinh - đô, vua bảo thầy xem đất, xây đắp đền thờ ở làng An-Lãng, rất có linh - ứng, hề có người nào phỉ - báng nguyên-rủa, lập tức mắc phải tai-họa.

Thời vua Anh-Tông, nhân trời đại-hạn, quần-thần xin đắp một cái đàn hình tròn ở Nam - Giao để tế trời, thỉnh Nguyên-Quân làm đàn-chủ.

Nguyên-Quân cho vua nắm thấy rằng :

— Bản-bộ có thần Câu-Mang làm mưa rất giỏi.

Vua lấy làm mừng mới hội-nghị quần-thần lại, định rước thần Hậu - Tắc phối với trời, thần Hậu - Thổ phối với đất, lập đàn ở Nam-Giao mà đảo. Quả nhiên được mưa to xối-xả.

Vua cả mừng, sắc hạ rằng :

— Hậu-Thổ-Phu-Nhân có Câu-Mang Thần - Quân là chủ về việc mùa xuân ; từ nay về sau phàm đến lễ Lập - Xuân có con trâu đất phải đem về nạp ở đền thờ.

Niên-hiệu Trùng-Hưng năm đầu, sắc phong Hậu-Thổ-Thần-Địa-Kỳ-Nguyên-Quân. Năm thứ tư, gia phong hai chữ Nguyên-Trung. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong bốn chữ Ứng-Thiên-Hóa-Dục.

Tiếp - bình

Trước khi vua nhập mộng thì mé biển một gốc cây khô. Một ngày tìm đền thuyền vua mà hiệu-linh, thu góp gió mưa, đuổi êm sóng cả, giúp võ-công ở Lâm-Ấp, khởi đền thờ ở Lãng-Hương, làm Hoàn-Khâu đàn-chủ, làm Hậu-Thổ Phu-Nhân, nhưng xét đền lai-lich, chỉ xưng là Đại-Địa-Chi-Tinh, danh-tích mịt-mờ, không được rõ-ràng cho lắm, sự-tích rất là khó hiểu. Mà sao anh-linh rõ-rệt, vang-dội cõi trần, hề có cầu tạnh, đảo mưa, lập tức hiệu-nghiem, thời được vua phong-hương cũng là rất phải. Còn chiêu-phụng bao-phong các chữ đó thì kín-đáo, duy có hai chữ "Nguyên-Trung" không hiểu ra làm sao.

MINH-CHỦ-LINH-ỨNG-CHIÊU-CẨM-BẢO-HỰU

ĐẠI - VƯƠNG

(Chuyện Thần Đồng-Cổ)

Truyện Báo-Cực chép rằng : Vương vốn là thần núi Đồng-Cổ (núi ấy ở tỉnh Thanh-Hoa, tục danh là núi (1) Khả-Phong). Ngày xưa, thời Lý-Thái-Tông đang làm Thái-Tử, Thái-Tổ sai đem quân đi đánh Chiêm-Thành, quân kéo đến Trảng - Châu, đem đóng quân nghỉ lại. Chừng khoảng canh ba, giữa lúc mông-lung bỗng thấy một người kỳ-dị, thân dài tám thước, tumi như kích, y-quan nghiêm-nhiã, mình mặc nhung-phục, tay cầm binh-khí, cúi đầu khấp-nếp tâu rằng :

— Thần là chủ núi Đồng - Cổ, nghe Quân - Thượng nam - chinh chẳng nề nguy-hiểm, xin theo trợ - thuận vương-sur, sau là có thể khiếp-phục được hồ-man, lập chút công mọn.

Thái-Tông cả mừng, vỗ tay cho ngay, hốt-nhiên thức dậy thì ra là một giấc mơ. Trận đánh ấy quả được đại-tiếp. Thái-Tông khải-hoàn, đem lễ-phẩm đến tạ ơn, nhân đó xin rước thần về Kinh-Sư để bảo quốc hộ dân, Vua sai người đi xem chỗ để lập đền thì từ phía ngoài kinh-kỳ chưa có chỗ nào quyết-định là tốt. Đêm ấy, Vương thác mộng cho vua xin chỗ đất trong Đại-nội, bên hữu chùa Thánh-Thọ sau nói rằng :

— Chỗ ấy tinh-khiết, trông vào lộng - lầy, xét cho tường-tận hẳn là có túc-nhân vậy.

Vua liền nghe theo, chọn ngày khởi công, chẳng bao lâu mà hoàn-thành. Thái-Tổ băng, Thái-Tôn tức-vị. Đêm đó, Vương lại thác mộng tâu Thái-Tông rằng :

— Ba Vương lâu nay hoài-bảo dị-chí, muốn huy-động binh-giáp, xin vua sớm lo phòng-bị hầu khỏi hậu-hoạn.

Vua tỉnh dậy cũng chưa lấy gì làm tin chắc. Đến lúc trời mờ sáng, quả nhiên đúng như lời nói trong mộng.

Thái-Tông kinh-dị, chiếu phong làm Thiên-Hạ Minh - Chủ - Thần, thêm tước Đại-Vương.

(1) chữ núi trong nguyên-văn viết là 𡵓 (Núi, viết chữ nôm).

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Linh-Ứng Đại-Vương. Năm thứ tư, gia phong hai chữ Chiêu-Cảm. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Bảo-Hựu.

Tiếp - bình

Đại-Vương là vị danh-thần núi non, bảm-thụ Sắc-mệnh của Thượng, Đê, oai - đức lừng - lẫy đã lâu giữa trời đất, không đợi đền Thờ - quán Thờ-chủ bao-phong mới rõ linh-dị.

Duy thương cõi đời chìm - đắm, lòng trần tòi-tăm, nề mà lặng - lẽ không thềm chỉ vẽ đường mê thì Thờ-chủ trọn đời không tỉnh-ngộ. Nên chi hằng thác mộng để cáo rõ, mở đường mới. Khi đó, Thờ-chủ mới tôn, mới kính, mới lập đền thờ-phụng, rồi lại theo mà phong tặng nữa.

Nếu không phải thờ thì các vị danh - thần ở trong nhân - hoàn, làng nào lại không thờ, người nào lại không lạ, cầu - đảo đình lễ, mà sao cứ mịt mịt mù mù, luồng hương hỏa của nhân - gian mà họa-phúc không nghe có báo-ứng, chỉ chuyên trang-sức bề ngoài, lâu-đài cho tráng-lệ, đồ thờ cho rực-rỡ rồi nghiêm-nhiên ngồi ngựa trong ấy thì ra làm cái trò gì vậy ?

**QUẢNG-LỢI THÁNH-HỰU UY-TẾ PHU-ỨNG
ĐẠI-VƯƠNG
(Chuyện Thần Long-Độ)**

Ngày xưa, Cao-Vương đắp thành Đại-La, một ngày đang trưa, vua đi bộ dạo chơi đến cửa Đông, bỗng chốc thấy mây mù nổi lên từ phía; trong đám mù, có một chòm mây năm sắc từ mặt đất ùn lên, tia sáng bắn lên sao Đẩu chói-lòa cả mắt, khí-lạnh buốt người. Trong chòm mây ngũ sắc, có một người Tiên cỡi rồng vàng, đầu đội mào xích-hoa, thân mặc áo tử-hà, xiêm là, giày đỏ, bay lượn ở trong mây mù, hương lạ thơm lừng, đàn sáo hợp-tấu, lững-lờ uyển-chuyển, lúc thấp lúc cao, lâu ước-độ hai khắc rồi bỗng nhiên tan mất.

Cao-Vương kinh-di, ngờ là qui-my hiện ra yêu-linh đề cầu nhân-gian cầu-đạo, chứ cũng chẳng biết gì. Vừa đến đêm ấy, vua đang ngồi chơi không làm gì rồi ngủ thì mộng thấy một người y như quang-cảnh ban ngày đã thấy, đến trước cáo với vua rằng :

— Tôi là Long-Độ-Vương-Khi-Quân đây, nghe ông mới làm nhà cửa, xây đắp đò-thành, thân đến tương-kiến xin ông đừng nghi gì.

Cao-Vương tỉnh dậy, lợi-nghị than-thở giầy lâu rồi nói rằng:

— Ta không biết làm chi trị nên quỷ-thần vượt mặt ta, sự này là điềm lành hay là điềm dữ?

Người ngoài có kẻ bàn nên lập đền, tạc-tượng rồi lấy đồng, lấy sắt mà trấn-yểm đi. Cao-Vương nghe lời ban thì làm y như vậy, hốt-nhiên gió mưa ào đến làm cho bay cát đổ cây, sập nhà lở đất, lôi cả đồng sắt lên mà nghiền tan ra như tro bụi; Cao-Vương giận, nói rằng :

— Ta biết rồi, thế nào cũng phải về Bắc đây.

Quả nhiên như vậy.

Lý-Thái-Tông cũng lại đóng đò ở chỗ ấy; chợ Đông mở rộng thêm, buôn-bán tấp-nập, bức-cận đền thần rất là huyền-náo; vua muốn dời đền thần đến chỗ thanh-tĩnh, nhưng rồi lại bảo:

— Xưa lập ở đây, nay không nên dời đi chỗ khác.

Bèn sửa lại rường cột dọc theo giãy phố, nhưng chưa ra một khoảng là chỗ đền thần.

Đến đêm, thần lập tức hiển-linh, gió bắc nổi lên, cát bay đá chuyền, cây gãy nhà sập, một giãy phố dài đều sụp đổ xuống đất, duy chỉ một tòa đền thần y nhiên đứng sừng như cũ.

Thái-Tông kinh dị, xét hỏi lai-do, có người biết chuyện tâu rõ đầu đuôi. Vua mừng bảo rằng:

— Ấy là thần chủ-sự đó.

Chiếu đem lễ-vật đến điện tế, định tân-niên mới làm lễ tế Đại-Kỳ-Phúc, từ đây giữ làm lệ-thường, sắc phong làm Quảng-Lợi-Vương.

Trước kia, chợ Đông ba lần bị thất-hỏa, gió đưa ngọn lửa, phố-xá nhà cửa đều cháy ra tro, duy một mình thần-từ nghiêm-nhiên không mảy-may tổn-hại.

Niên-hiệu Trưng-Hung năm đầu, sắc phong hai chữ Thành-Hựu. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Phu-Ứng, tấn-trước Đại-Vương, phẩm-trật Thượng-Tướng Thái-Sư.

Trần-Quang-Khải đề một bài thơ ở miếu rằng :

Xưa nghe người nói Đại-Vương linh.

Nay mới biết rằng qui-my kính.

Lửa cháy ba lần thiếu chẳng hết.

Gió bay một trận thổi không chénh.

Chi-huy vọng-qui ba nghìn chúng.

Đàn-áp yếu-ma trăm vạn binh.

Xin cậy uy thừa trừ giặc Bắc,

Khiến cho bờ cõi hưởng thặng-bình.

Bây giờ từ-vũ nguy-nga và linh-ứng.

Tiêm-bình

Đức Không nói: « Cái đức của qui-thần rất là thịnh vậy ». Đương lúc mây mù ở cửa Đông, người tiên bện áo tứ-hà, cõi rồng vàng đội mào xích-

hoa, có thể trông mà thấy rõ. Cao-Vương cho là loài ma núi, quỷ biển.

Kịp đến lúc Thần nhập mộng cho Cao-Vương mà đồng sắt cũng không thể yểm được sự linh-thiên, lên đến thờ họ Lý mà lửa hồng cũng không cháy nổi sự oanh-liệt. Thần-tử đồ-sộ cùng với Hoàng-đổ, điện Cự-Lộc đều được tôn-trọng như nhau. Than ôi! Thịnh lắm thay !

Gần đây quan Nguyễn Hiệu-Thảo ở Phú-Thị có đặt cho người ở phò đó một câu đòi rằng :

Giáp tất Chúc-Dung ba bện lửa.

Đập tan Đổ-Hộ vạn cân vàng.

Người ta đọc lầy lăm hay tuyệt.

KHAI-NGUYỄN UY-HIỂN LONG-TRỨ TRUNG-VŨ ĐẠI-VƯƠNG

Giữa niên-hiệu Khai-Nguyên nhà Đường, Thứ-Sử Quảng-Châu tên là Lô-Ngư qua làm quan Đô-Hộ Giao-Châu ta, đóng tại thôn An-Viễn.

Thôn này tiếp giáp giữa khoảng hai huyện Long-Độ và Từ-Liêm; Lô-Ngư trẩy đất-đai bằng-phẳng rộng-rãi, cây-cối xanh-tươi, phía sau lại gối sông Già-La, thực là một nơi thắng-cảnh, nhân mới xây đắp phủ-ly, sáng-lập đền-miếu, trong miếu thiết thần-vị Huyền-Nguyên-Đế-Quân.

Lô-Ngư đêm mộng thấy một ông đầu bạc đến nói rằng :

— Cái miếu nên đổi tên là quán Khai-Nguyên mà thôn cũng nên đổi tên là Khai-Nguyên.

Quan Đô-Hộ nghe theo, lại lập bia chép sự-tích đề biếu-dương công-đức của vị Thiên-Tử Khai-Nguyên. Thứ nữa lập đền, thiết tượng thần Thổ-Địa mà thờ cho hiển thêm oai-đức; đền thờ đặt tên là Quán Già-La, mỗi khi có cầu-đảo đều có linh-ứng, hương-hỏa cứ còn mãi.

Đầu niên-hiệu Thiệu-Long nhà Trần (niên-hiệu vua Thánh-Tông) thấy chùa là Văn-Thao tu-bỏ lại, đổi tên chùa là An-Dưỡng; từ đó về sau, lăng-thuyền như mira nhóm, sĩ-nữ như mây lại, xem cảnh, hóng mát, dẫu xe vó ngựa đầy đường. Nhưng mà vật đổi sao dời, mây bay nước chảy, trải bao năm tháng nay đền lại dời về làng Bộ-Đầu.

Niên-hiệu Trùng-Hưng năm đầu, sắc phong Khai-Nguyên Uy-Hiến Đại-Vương. Năm thứ tư, gia phong hai chữ Long-Trứ. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Trung-Vũ.

Tiếm-bình

Lô-Ngư là một quan Thái-Thứ, qua làm Đô-Hộ nước Nam-Giao ta. chính-lệnh được dân tin mến, yêu như người nhà, thân như cha con. Lúc nhàn-hạ lập đền thờ thần, phụng-sự vị Huyền-Nguyên-Đề-Quân. Đề-Quân

là vị thần trên trời, người phàm-tục chưa dễ cảm thâu được. Chỉ nhờ một giấc mộng, Thổ-thần đổi tên lập quán. Từ đó cầu-đào mới linh-ứng, kẻ đến người lui, thành ra thắng-hội một phương. Thẻ thi chính-trị quan Đô-Hộ tuấn-lương đến đây mới được thấy. Lại còn bia đá chép công, nêu uy-danh của Thiên-Tứ, chọn đất yên thôn, định cư-trú cho dân chúng, thân giang-hổ mà lòng lang-miêu, con người như thè cũng khó được lắm vậy.

XUNG-THIỆN DŨNG-LIỆT CHIÊU-ỨNG UY-TÍN ĐẠI-VƯƠNG

(Chuyện Thần Phù-Đổng)

Xét truyện Báo-Cực chép rằng: Đời truyền Vương vốn là thần Thổ-Địa chùa Kiến-Sơ giảng sinh.

Xưa kia Thuyền-sư Chi-Thành ở chùa Kiến-Sơ tại làng Phù-Đổng có lập đền thờ Thổ-Địa ở bên hữu chùa để làm nơi tụng-niệm cho thanh-tĩnh. Năm tháng chầy lâu, mất cả sự-tích, bọn thầy Tang-môn không rõ chứng-cứ. Thổ-dân bản-xứ ra việc ma quỷ thì đốt hương khấn-vái, lạm xưng là Dâm-Từ. Kịp đến lúc Thuyền-sư Đa-Bảo sửa lại chùa, cho đền thờ ấy là Dâm-Từ muốn đập phá đi. Ngày kia ở gốc cây cồ-thụ nơi Thần-từ có đề bài kệ rằng :

*Phép Phật ai gìn - giữ ?
 Đợi nghe lời Kỳ - viên.
 Nếu không ta vun quén,
 Sớm theo chỗ khác thiên.
 Chớ chớ Kim - Cương bộ,
 Dầu mất chớ lan-truyền.
 Đầy không, trần vãi đĩa.
 Tu - Phật thành oan - khiên.*

Cách đó ít lâu, Thần lại ứng-hiện tám câu kệ rằng :

*Phép Phật từ - bi lớn.
 Uy - quang trùm mọi miền.
 Muốn thần đều thụ hóa,
 Ba giới thầy lan tràn.
 Sư ta hành hiệu - lệnh.
 Tà - quỷ ai dám trên ?
 Nguyên thường theo thụ - giới,
 Lớn nhỏ hộ Kỳ - viên.*

Sự lấy làm lạ, mới lại thiết đàn làm chay, cúng dùng toàn đồ chay cả.

Vua Thái-Tổ đang lúc tìm long, biết sư Đa-Bảo là người có hạnh cao mới kết làm đàn-việt. Sau khi đã chịu truyền ngôi, thân ngự đến chùa, nhà sư đón giá đi ngang qua bên chùa; Sư lớn tiếng hỏi rằng :

— Phật-tử, người hãy thung-dung mừng Tân-Thiên-Tử chứ ?

Nghe có tiếng : « Vàng ! » Tức thì thấy da cây có đề bốn câu thơ rằng :

Đế - đức càn - khôn lớn.

Oai - thanh lạng tám miền.

Côi âm nhờ ân - huệ,

Nhuần - thấm đến Xung - Thiên.

Thái-Tổ xem thấy liền đọc biết được ý-tử, bèn ban hiệu là Xung-Thiên Thần-Vương; bài thơ tự-nhiên biến mất.

Vua lấy làm lạ, mới bảo thợ tạc tượng thần, nghi-dung hùng-vĩ, và tám người đứng hầu. Sơn thiếp xong rồi thì làm lễ cáo-thành, lại thấy ở dưới cây Đại-thụ có đề bốn câu thơ:

Một bát nước công - đức.

Theo duyên hóa thể - gian.

Sáng choang còn chiếu đức,

Bóng tắt, nhật lên non.

Nhà Sư đem bài kệ ấy tâu lên vua, nhưng Vua Thái-Tổ không hiểu là nói gì. Sau triều Lý được tám đời, truyền ngôi cho nhà Trần. Chữ bát 鉢 cùng chữ bát 八 đồng-âm, nhất bát như bát. Vua Huệ-Tông tên là Sản trên chữ nhật, dưới chữ sơn (𠄎), nên gọi là nhật đăng sơn, thì ra thần-diệu như thế.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Dũng-Liệt Đại-Vương. Năm thứ tư, gia phong hai chữ Chiêu-Ứng. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Uy-Tín.

Tiến-bình

Chùa Kiên-Sơ nay ở tại làng Phù-Đông, bên đền thờ Thiên-Vương, thờ Xung-Thiên-Thần-Vương tức là huy-hiệu Thiên-Vương. Việt-Sử chép vua Lý-Thái-Tổ truy phong Xung-Thiên-Thần-Vương, dựng miếu bên chùa Kiên-Sơ, thì rõ-ràng là việc của Thiên-Vương, mà sao đây lại chép là việc thần Thổ-Địa, thì chẳng biết ra làm sao vậy.

Mây bài Kệ ở trong bản chép này, nếu chẳng là của người lão-luyện

bút nghiên thì cũng là của kẻ thâm-thúy thuyến-học; chứ không phải là của kẻ thấp nhang tầm-thường mà có thể xê-xích muôn một vậy. Hoặc là khi tốt Đức-Giang, tinh-anh đúc lại làm Thiên-Vương mà thân là phụ-thuộc vậy chăng ? Vì bằng lấy Thổ-Địa làm Thiên-Vương, tở này chẳng dám tin chắc vậy.

Hoặc giá lại bảo: Chí Thành Thuyến-Sur, sau khi chết, anh-khí không tan, thường giả hình ở thân Thổ-Địa những thi-đế đều do Chí-Thành Thuyến-Sur làm ra cả. Xem như Dâm-Tử muôn phá rồi lại không phá, lại sửa-sang mà cúng lễ nữa. Ngẫm nghĩ lời thơ thì là của Thuyến-Sur làm ra cũng chưa biết chừng.

Tục truyền rằng: Vua Lý-Thái-Tổ lúc còn bé nhỏ, ở với nhà sư Vạn-Hạnh tại chùa ấy, mỗi khi đèn rằm hoặc mồng một, nhà chùa cúng lễ, vua lấy oản xôi ăn trước. Một hôm thần cho Sư mộng rằng mỗi khi có lễ cúng, Hoàng-Đề cứ nằm trước mãi. Vạn-Hạnh cho triệu tăng-chúng đèn trách-mắng. Vua giận lấy bút viết sau lưng tượng Hộ-Pháp ba chữ: « Lưu viễn-Châu » (Đẩy châu xa). Sư đêm ấy lại mộng thấy thần đèn tạ rằng:

— Nay vâng mệnh Hoàng-Đề đầy đi, xin đèn từ-biệt.

Sư tỉnh dậy, đi xem khắp cả các tượng, thấy sau lưng tượng thần Hộ-Pháp có ba chữ rõ-ràng. Sư cũng biết nét chữ là do tay vua viết ra mới khiến lấy nước rửa đi. Rửa xong, pho tượng bỗng đứng ngã xuống, về sau chùa cũng chẳng làm lại tượng Hộ-Pháp nữa.

Thuyết này tuy hoang-đường nhưng Đề-Vương làm chủ cả trăm thần, hình-hài đất gỗ đầu dằm cùng mặt trời mặt trăng giành sáng, cũng có lẽ như thế.

Các bài Kệ ở gốc cây, giống giống như phép bói đời xưa, bài văn trong cây nứt ra, cùng chiều-ứng với nhau.

Khoảng năm Bình-ngọ niên-hiệu Cảnh-Hung, làng An-Hung huyện An-Quảng, lửa sét cháy núi, sáng ngày ông Tiểu thầy gốc cây cháy tàn có viết một hàng: Cây sinh họ Lý, trời đất sắp đặt một người, trời, đất, người.

Ông Tiểu đem chuyện trình với quan Trần cho người nghiệm xem thế nào, đèn thì chữ vẫn y nguyên, duy có ba chữ Mộc sinh lý, đổi ra làm Mùi niên quý (cuối năm Mùi) quan Trần muon đem việc ấy tâu lên vua nhưng gặp lúc nước đang loạn nên đình lại.

Đó là không biết chỉ vào việc gì, xin chép lại đây để lưu-nghiệm về sau.

TẢN - VIÊN - HỤY - THÁNH - KHUÔNG - QUỐC
HIỂN - LINH - ỨNG - VƯƠNG
(Chuyện Sơn - Tinh và Thủy - Tinh)

Xét Giao - Châu - Kỳ của Tăng - Công chép rằng : Vương là Sơn-Tinh cùng với Thủy-Tinh làm bạn rất thân-thiết, ở ẩn tại động Gia-Ninh, châu Phong.

Hùng-Vương có người con gái tên là My-Nương, dung-mạo tuyệt-luân, nhan - sắc khuy-nh - thành. Thục-Vương Phán sai sứ sang cầu-hôn, vua muốn gả. Quan Đại - thần là Lạc - Hầu can rằng ;

— Ông ấy muốn dòm-dỏ nước ta đó.

Hùng-Vương sợ sinh ra hiềm-khích.

Lạc-Hầu tâu :

— Đại-Vương đất rộng dân đông, tìm kẻ nào có kỳ-tài dị-thuật mà gả cho làm rể rồi thiết-lập ky - binh cho sẵn thì có sợ gì ?

Vua nghe phải mới tuyệt - giao với Thục - Vương rồi tìm khắp trong nước những người có dị - thuật. Vương cùng với Thủy-Tinh đều đến ứng - tuyền. Hùng - Vương bảo đem ra thi tài; Vương có thuật xem suốt ngọc đá; Thủy-Tinh có thuật nhập vào nước lửa ; người nào cũng có tài linh-thông.

Hùng-Vương cả mừng, bảo Lạc-Hầu rằng ;

— Xem tài của hai chàng thì ta thấy đều nên gả con cho cả hai, duy ta chỉ có một người con gái mà đến hai người thì tính làm sao ?

Lạc-Hầu tâu :

— Vua nên hẹn với hai chàng hễ ai cưới trước thời được.

Hùng-Vương cho là phải ; vua bảo với hai chàng về chuẩn-bị lễ-vật. Vương về bản-bộ, suốt đêm biện gắp thổ-vật như là : Vàng, bạc, ngọc-báu, tê-giác, ngà voi, vớ lại chim quý, thú lạ, mỗi thứ một trăm. Hôm sau, sáng tinh - sương, Vương đệ đến dâng hiến Hùng-Vương. Hùng-Vương mừng lắm, gả My-Nương cho Vương ; Vương rước vợ về đem lên ở núi Lôi-Sơn.

Đến chiều tối, Thủy-Tinh cũng đem thủy - vật đến, như là trân-châu, đồi-mồi, san-hô, hồ-phách, vớ lại cá kình, cá nghê,

các thứ cá ngon mỗi thứ một trăm, đem đến bày ra để dâng vua, nhưng My-Nương, Vương đã đem về mất rồi !

Thủy-Tinh đại-nộ đem quân đuổi theo, toan muốn nghiền nát núi Lôi-Sơn. Vương dời lên ở trên chóp núi Tân-Viên, đời đời cùng với Thủy - Tinh là kẻ thù. Cứ mỗi năm đến mùa thu, Thủy-Tinh dâng nước lên đánh núi Tân-Viên, dân-chúng đem nhau đắp đê để giúp Vương, Thủy - Tinh không thể phạm đến được.

Linh-tích của Vương rất nhiều, kẻ không xiết.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Hựu - Thánh - Vương. Năm thứ tư, gia phong hai chữ Khuông - Quốc, lại gia phong hai chữ Hiền-Ứng.

Tiến - bình

Bài ký này so với tập Chích-Quái (1) rõ hơn, nhưng ruộng, ao, lãng, miều, các văn-tự sách ước rất cò.

Xét địa-mạch nước ta, từ núi Tiêu-Côn-Lôn mà đến, chia ra ba điều-long. Chi giữa chia ra làm núi Tam-Đào. Chi tả chia ra làm núi Qui-Môn. Núi Tân-Viên tức là chi hữu vậy.

Đất này khởi từ núi Tân, cao tột mây xanh, hình tròn như cái dù cái lọng, nhọn cao, xanh đẹp, làm hòn núi có danh-tiêng thứ nhất của nước ta, quanh-co bao bọc đến thành Thăng-Long làm một đồng-bằng lớn, quanh phía nam vào đến Á-châu ngừng-kết lại làm chỗ Đê-Vương Đại-Địa rồi bằng mà qua biển Nam-Hải, không biết đâu mà đo lường. Cao sáng dài lâu, rộng dài to lớn, cái khí anh-sản đúc lại làm thần Quốc-Chủ.

Cựu-ký truyền lại, và bản thảo Phong-Thủy của Cao-Vương có nói : Cao-Vương muốn dùng thuật để yểm núi Tân-Viên, thầy Sơn-Thần cõi ngựa đến giữa trời, máng-nhiều rơi đi. Thật là linh-dị không thể nói được; duy có chuyện Sơn-Tinh và Thủy-Tinh thù nhau, thật là quái-đản, đâu có trước nghìn vạn năm, lấy cơ nàng My-Nương rồi cứ năm năm đến mùa thu dâng nước lên, đem loài thủy-tộc như cá rồng, cùng với loài tê voi ở rừng đánh nhau, rồi dân-cư ở núi lại đắp đê ngăn nước, nhiên hậu mới tránh được hại.

Bây giờ thử xem, giữa lúc mùa hạ sang mùa thu, mưa lụt xuống xối-xả, ngập núi lập động, thế muốn lụt trời, rồi sơn-dân ưa chuyện qui-thần,

(1) Tức Lĩnh-Nam Chích-Quái.

lấy hư đồn hư, bèn tin làm sự thực. Tuy Thủy-thần hoặc có khi cũng hiển-dị, mà bảo thủy hỏa đánh nhau, thì tờ này không dám tin chắc vậy.

Đền thờ đền triều Hoàng-Lê, lễ tế rất long-trọng, liệt vào hàng đệ-nhất trong bốn vị thần bát-tử.

Các làng ở dựa theo triền núi, dân-chúng đều được miễn thuế, cả thảy mười ba làng. Mây huyện tiếp-cận như huyện Minh-Nghĩa, Bát-Bạt, Tam-Nông thay phiên nhau đến lúc tu-bổ Thần-cung. Dấu cho hổ, báo, tê-ngu, voi kẻ hằng nghìn bảy, mà dân-đỉnh lên làm việc, đi một mình, ngó giữa trời, thê mà máy-may chẳng hề bị xâm-phạm. Mây-mù tan-hợp, cây còi sấm-uật, tiêu núi, đá trắng từng khóm, chỉ đứng trông thì được chớ lên đến thì không được.

Than-ôi ! Núi này giống như núi Thái, núi Hoa của đô nhà Minh, mà là núi Văn-bút của thịnh-triều ta vậy.

KHAI-THIÊN TRẦN-QUỐC-TRUNG PHỤ-TÁ-DỰC ĐẠI - VƯƠNG

(**Chuyện thần Đẳng - Châu**)

Xét sử Đỗ-Thiện chép rằng: Vương vốn là thần Thổ-Địa ở Đẳng-Châu.

Vua Lê-Ngọa-Triều đang lúc làm Khai-Minh-Vương, thực-ấp ở Đẳng-Châu, thường đến làng đó ; thuyền đang đi giữa sông, đang lúc vua du-lãm, hốt-nhiên ban ngày tối đen, mây kéo mù-mịt, rồi gió mưa ào đến, vua bảo kiếm chỗ đậu tránh, thấy trên bờ cao có đền thờ mới hỏi người trong thôn rằng :

— Đền ấy thờ thần gì ?

Thôn-dân thưa :

— Ấy là đền thờ thần Thổ-Địa của Đẳng-Châu.

Vua hỏi :

— Có linh không ?

Thôn-dân thưa :

— Dân trong châu này nương nhờ vị thần ấy, cầu mưa, đảo tạnh lập tức thấy linh-ứng.

Vua mới lớn tiếng bảo rằng :

— Thần như có linh thì làm thế nào cho lui được gió mưa-khiến bên này tạnh, bên kia mưa thì ta mới tin là có linh, nghiệm.

Nói đoạn, quả nhiên nửa sông gió, nửa sông mưa, vua khỏi bị ướt áo xiêm Vua rất lấy làm lạ, bảo trùng-tu lại miếu-vũ.

Người đương-thời có bài ca rằng :

Tốt thay Đại-vương oai thanh trọng.

Đẳng-Châu thổ-địa được an-cư.

Hay khiến gió mưa không xâm-phạm,

Nửa sông tạnh ráo, nửa sông mưa.

Vua nghe được, thăm tự-phụ là phúc trời.

Vua cha băng, vua Trung-Tông lên ngôi, em là Long-Đĩnh

(Ngọa-Triều) mưu đại-sự, đến đền cầu mộng. Mộng thấy một dị-nhân ngâm rằng :

*Muốn thắng tất thắng
 Muốn thành tất thành.
 Phương dân đều thuận phục.
 Nước nhà hưởng thái-bình.
 Trong năm năm lạc-nghiệp.
 Tự bảy miếu an-linh.
 Thời ấy xem lẽ ấy.
 Giữa trời xem bằng-trình.*

Vua tỉnh dậy, không hiểu ý - nghĩa làm sao, nhưng cũng quyết chí giết anh.

Đã được ngôi vua rồi, mới thăng Đàng - Châu làm Thái - Bình Phủ, phong thần Thổ-Địa làm Khai-Thiên-Thành-Hoàng Đại-Vương.

Niên-hiệu Trùng - Hưng năm đầu, sắc phong Khai - Thiên Trấn-Quốc Thành - Hoàng Đại - Vương. Năm thứ tư, gia phong hai chữ Trung - Phụ. Năm Hưng - Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Tá-Dực.

Lê-Lượng-Thái làng Đàng-Khê có bài thơ rằng :

*Càn-khôn gây dựng đại-công thành,
 Phụ-Dực Thần-châu nổi tính-danh.
 Đất để lòng gan bền chính-trực.
 Trời vun tai mắt rất thông-minh.
 Kỳ thay công-võ muốn thần phục,
 Sáng tựa hoa-văn trăm quý kính.
 Oai dậy lối-đình Công giữ ý,
 Phát-phơ khí tốt nước uy-thanh.*

Tiểu-bình

Đang lúc mưa gió toi-bời, thế khó êm-lặng, mà hay khiến nửa sông mưa gió, nửa sông tạnh-khô, như thế cũng rõ-ràng linh-dị. Nhưng vì Ngọa-Triều là kẻ hung-bội, hưởng ngôi không lâu mà còn theo trợ-thuận giúp-linh, ngâm thơ thác mộng, tuy câu « ngũ niên » có chủ ý lo xa, còn đến như câu « Chư phương thuận phục, Thất miếu an-linh » thì là phò-trương thái quá vậy.

TRUNG-DỤC VŨ-PHỤ UY-LINH VƯƠNG

(Chuyện Thần Bạch-Hạc)

Ấn-đề Giao-Châu-Kỳ của Triệu-Công thì Vương vốn là Thổ-Lệnh - Trưởng. Giữa niên - hiệu Vĩnh - Huy nhà Đường, Lý - Thường-Minh qua làm Đô-Đốc Giao - Châu thấy đất đai bằng-phẳng nghìn dặm, núi sông bao - bọc đến ngã ba sông Bạch - Đằng, liền - tiếp đến ngã ba sông Bạch - Hạc, mới dựng quán Thông - Linh, đặt tượng Tam - Thanh, mở riêng ở trước một ngôi nhà gọi là tiền-mạc Ông khiến tạc pho tượng Hộ - Quốc - Thần. Tượng làm xong mới đem lễ, đốt trầm vài rằm :

— Trong này Thần - Kỳ nếu có linh - dị, sớm cho ta nhập mộng, hình-trạng như pho tượng này mới thỏa lòng ta.

Đêm ấy, Lý - Thường - Minh mộng thấy hai dị - nhân, mày râu như tượng, hình-dung chải-chuốt, kẻ tùy-tùng đến vài mươi người, đều tay cầm cờ tiết, trống phách, dờn sáo, vừa đi vừa đánh vừa thổi, bước bước chậm rãi, giành nhau ở trước Tiền-Mạc. Thường-Minh hỏi đến tính-danh; một người xưng là Thổ-Lệnh, một người xưng là Thạch-Khanh.

Thường-Minh xin hai người thi pháp - thuật, ai thắng thì ở trước. Thạch - Khanh nghe nói, nhún mình nhảy một cái qua bên kia bờ sông đã thấy Thổ-Lệnh-Trưởng đứng trước đó rồi. Thạch-Khanh lại nhảy lại một cái qua bên này bờ sông, cũng lại thấy Thổ-Lệnh-Trưởng đứng trước đó rồi. Như vậy, Thổ-Lệnh-Trưởng được ở trước.

Tục người Thổ chuộng ma quỷ, nay thấy tượng thần uy - nghiêm, lòng đều kính-sợ, hễ có sự gì lỗi-lầm, lo-ngại, đều đến đền cầu-khẩn, xin keo, đều thấy linh-ứng, nghiêm - nhiên làm vị Phúc-Thần một phương, nhang đèn không dứt.

Trải mấy triều, các vị tướng soái mỗi khi có phụng - mệnh đi đánh kẻ nghịch-mệnh ở trên nguồn Tam-Giang, thường bị lữ-phạm, mặc đồ binh-phục đến đền bái-yết, phần nhiều được Thần âm-phù, mặc-tướng.

Niên-hiệu Trùng-Hưng năm đầu, sắc phong Trung - Dục - Vương. Năm thứ tư, gia phong Vũ-Phụ. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Uy-Linh.

Phụ bài thơ quan Hàn-lâm-viện Thị-Độc Học-Sĩ Nguyễn-Sĩ-Hồi hầu giá vua đi đánh Ai-Lao, đến bãi yết đền Thần. Thơ rằng :

*Phù rùa, ẩn cả buộc lưng ngang.
Lành tốt, mong cầu giúp Tướng-quan.
Hèn yếu Thu-sinh không chỗ cậy,
Chỉ xin dưới miếu báo bình-an.*

Quan Thị-Độc Học-Sĩ tên là Vương-Thành-Vụ hầu giá vua đi phương tây đánh mọi Lào. Lúc khải-hoàn, vua bảo làm bài thơ tạ Thần, thơ rằng :

*Tỳ-hưu mười vạn tổ Vương-linh.
Đè bẹp Văn-Nam đi ngoại thành.
Giang-tả mây-may nào đủ mến.
Gió đưa tiếng hạc khiếp Tần-binh.*

Tiệm-bình

Ngã ba sông Bạch-Hạc tức là chỗ giao-hội của sông Thao, sông Lô, xanh đó hai dòng đều chảy vào sông Đại-Hoàng. Núi sông xanh trong, phong-cảnh như vẽ, trên bờ sông có đội tuần đồng, làm một chỗ thuyền bè buôn bán đông-đúc. Mỗi năm cuối mùa thu, đầu mùa đông, chim anh-võ là thực-phẩm rất quý-giá, chỗ yếu-hội như huyện Sơn-Vy có làng Trinh-Xá, làng Phú-An, huyện Thauh-Ba có làng Vụ-Cầu, làng Vũ-Yên, ít nơi bì kịp.

Thổ-Lệnh-Trưởng nay làm Thần làng Bạch-Hạc, Thạch-Khanh nay làm Thần làng Chi-Cát hàng được đội ơn phong tặng, hương lửa không ngớt. Các làng dựa theo bên sông cũng đều thờ cả, có lẽ sơn-kỳ thủy-tú un-đúc lại làm danh-thần, nghiêm-nhiên làm hộ-vệ cho thần Tam-Thanh, hai bài thơ của hai ông Học-Sĩ lưu lại đời không mất.

Khoảng năm Cảnh-thịah, ông Từ Thừa đến núi Tân-Viên, đêm nằm mộng thấy Thần báo:

— Sáng ngày có kẻ dị-nhân đến yết ta, ngươi nên quét dọn sạch-sẽ cho được quang-khiết.

Ông Từ tỉnh dậy, lo đi quét dọn trong ngoài sạch-sẽ.

Đền đúng ngo, có một toán vài mươi người đền, trong số ấy có một người lớn tuổi, tác độ bốn mươi, đem heo xôi đền tế thần, qui xuống

khăn-vải lấm-rám. Lễ xong, ông Từ Thừa mới đèn chào hỏi và thuật lại điểm mộng ban đêm cho người ấy nghe rồi xin theo về nhà cho biết. Người ấy bằng lòng. Từ Thừa theo người ấy đi vào trong núi, đi đến đâu cũng thấy ruộng vườn nhà cửa san-sát, đi đã hai ngày cũng đến như thế cả. Đến ngày thứ ba, người ấy nói với ông Từ rằng:

— Không phiền ông phải theo tôi đi xa làm gì, hãy về đi, nhưng xem ở ngã ba sông Bạch-Hạc, lúc nào có thầy cắm cây cờ đen thì lập tức đèn đó hội-hợp, tôi không quên ông đâu !

Ông Từ bái-tạ trở về.

Khoảng năm Mậu-Thìn Hoàng-Triều Gia-Long, có giống chim hình như chim sẻ, kẻ hằng nghìn, từ hạ-lưu bay đến ngã ba sông Bạch-Hạc, lùm-chùm chúm chúi đầu xuống nước, như thế có đến năm ba ngày, thấy chim chắt đồng trên mặt sông.

Trần-quan đem việc ấy tâu về triều, và dâng luôn cả thứ chim ấy nữa, nhưng rồi ai cũng chẳng biết giống chim ấy là chim gì.

THIỆN-HỘ LINH-ỨNG CHƯƠNG-VŨ QUỐC-CÔNG (Chuyện Thần Hải-Thanh)

Xét bản truyện : Ông vốn là Phúc-Thần quán Thủ - Quốc. Xưa nước Việt ta nội thuộc nhà Đường, Nam-Chiếu nhập khấu, hãm quận-ấp, đuổi quan Đô-Hộ nhà Đường, chia binh-đồn mà giữ.

Người trong nước cáo-cấp với nhà Đường, vua Ý - Tông nhà Đường sai Trương - Diệp làm tướng, lãnh năm vạn quân qua thảo-phạt, Trương-Diệp biết nam-binh đông-đảo, chần-chừ không dám tiến. Vua Ý-Tông giận, khiến Cao-Biên đến thay. Biên biết hải-đạo Bạch-Hạ có man - binh đóng giữ mới đóng một nghìn chiếc thuyền nhẹ như bao nôi, vượt biển vào Thanh-Hải và hai cửa bể Đại-Nha, Tiểu-Nha, rồi đánh lấy lại Giao-Châu, đặt Trấn ở chỗ ấy. Biên ưa đạo-thuật, đã đắp xong Trấn rồi, liền thiết bàn thờ Địa-Ký, tế rượu đề cầu âm-phù. Canh ba đêm ấy, nghe thần nói ở không-trung rằng :

— Nếu muốn xong việc quan,
Nên tìm nguồn đạo-đức,
Xử cho chính-trực luôn,
Nghịch-đảng sẽ về phục.

Biên cả mừng, bèn xây-dựng Đạo-Cung, đặt tên là Đô-Hộ-Cung, bèn tả dựng đền thờ thần Thổ - Địa để làm thủ - hộ cho đẹp mắt. Người đời sau thờ làm Phúc-Thần.

Niên-hiệu Trùng-Hưng năm đầu, sắc phong Thiện-Hộ-Quốc-Công. Năm thứ tư, gia phong hai chữ Linh - Ứng, Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Chương-Vũ.

Tiém-bình

Thần là xem mà chẳng thấy, nghe như không nghe, mà đây là giấc mộng trong đêm, tiếng nói giữa không-trung, thì là hiện hay là ảo vậ ? Bảo rằng : Biên-hóa không dò được gọi là Thần, không nên lấy trí-thuật mà dòm ngó, lấy hình-tích mà câu-nệ.

Bình-gia hay mượn qui-thần để huyền-hoặc dân. Cao-Đô-Hộ dùng binh, đại-khái bất chước trí cũ của Điển-Đan ngày xưa.

Đền-quán tôn-nghiêm, hương-hỏa cung-phụng, năm tháng cháy lâu mới có linh-ứng, thành-kính cho nhiều thần mới cảm cách, mới y cho chó phải dễ dàu. Trái xét xưa nay, đền thờ đều giống như thế cả.

LỢI-TẾ LINH-THÔNG HUỆ-TÍN VƯƠNG

(Chuyện Nam-Hải Long-Vương-Quân)

Tục truyền : Vương là Hỏa-Long Tinh - Quân. Ngày xưa ở làng Kiêu-Hãn, châu Hồng, có hai anh em người họ Đặng, anh tên là Quyết - Minh, em tên là Thiện - Xạ, sinh sống bằng nghề đánh cá, ngày ngày thường xuống biển đánh cá ; một hôm gặp một vật lạ, hình-dạng giống như phiến gỗ, bề dài ba thước, sắc như trứng chim, theo con nước trôi lên. Hai người vớt lấy đem về. Đem lại, trong phiến gỗ phẳng-phát có tiếng như thổi sáo, và tiếng người muốn nói rồi lại không nói nữa. Hai người kinh - hãi, đem quăng trả lại dòng sông, tìm qua thuyền khác xin tá-túc.

Đêm khuya đang ngủ ngon thì mộng thấy một người đàn bà bảo rằng :

— Ta là vợ Nam-Hải Long-Vương, lỡ cùng Hỏa-Long giao-cấu, sinh ra đứa con ấy, sợ Nam-Hải-Quân biết được nên báo mộng với hai người ; đứa con là phiến gỗ ấy đã đến bên thuyền đây.

Hai người lấy làm lạ bèn chở đem về ; đến làng An - Kỳ, phiến gỗ hốt - nhiên từ thuyền nhảy lên trên bờ, hai người ý muốn đề đó mới xin một keo, quả nhiên được, bèn dựng từ-vũ ở đấy, bảo thợ mộc khắc phiến gỗ tạc tượng, phụng-sự như thần, hiệu là Long-Quân.

Ngày sau, triều-đình sai Thị - Thần mộ người xuống biển tìm ngọc-châu, chỉ duy con cháu nhà họ Đặng tìm được rất nhiều. Thị - Thần hỏi tại sao, con cháu họ Đặng đem việc ấy trình lại cho quan Thị - Thần nghe. Thị-Thần về tâu với vua. Vua sai đem nghi-vệ âm-nhạc đến rước về. Khi ấy được ngọc-châu rất nhiều, vua mới cho hiệu là Thần-Châu Long-Vương.

Niên-hiệu Trưng-Hưng năm đầu, sắc phong Lợi-Tế Long-Vương. Năm thứ tư gia phong hai chữ Linh-Thông. Năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ Huệ-Tín, có nhiều linh-ứng vậy.

Tiến-bình

Ở trong bách-thần, duy có Thủy-Thần rất là linh-dị, làm mây làm mưa, xoi bờ vỡ đập, hoặc vào núi rừng đẵn gỗ, vắn đá, kết bè mà đi giống như người thực, như thế để làm gì vậy? Vì rằng Âm chủ tịnh; núi mà cao quá thì mây mù đọng lại, sông mà sâu quá thì giao-long sinh ra, nước là khí dương trong khí âm, ngoài tối mà trong sáng, thấy đó mà không thể dò được, bởi vậy thần lặng mà linh, xem việc Hóa-Long rất là quái-đán. Song việc Thủy-thần đại-khải đều như thè cá, nên chép lại để người đời xem cho đủ.

TỤC - BỔ

*Tục Việt-Điện U-Linh Tập Toàn-Biên, Tư-Nghiệp
trường Quốc-Tử-Giám Nbuệ-Hiến Nguyễn-văn-Hiến (1)
tăng-bổ*

(1) Tức Nguyễn-văn-Chất (xem Dẫn-Nhập).

BÀI KÝ SỰ-TÍCH SÓC-THIÊN-VƯƠNG

Xét sách Thuyền-Uyển Tập-Anh, đời Lê-Đại-Hành Hoàng-Đế, Đại-Sur Khuông-Việt họ Ngô thường đi chơi núi Vệ-Linh ở quận Bình-Lỗ, ngắm xem phong-thủy, thấy cảnh-trí rất đẹp nên muốn dựng từ-am ở đó. Đêm mộng thấy một vị thần mình mặc áo giáp vàng, tay bên tả cầm giáp vàng, tay bên hữu xách cái bảo-tháp, theo sau hơn mười người, trang-mạo cổ-quái đáng sợ, đến trước bảo rằng :

— Ta là Tỳ-Sa-Môn Đại-Vương, kẻ tùy-tùng đều là quỷ Dạ-Soa cả, Thiên-Đế có sắc bảo qua ở nước này để phù-hộ cho hạ dân, với người có duyên nên mới đến đây nói chuyện.

Sur giật mình tỉnh dậy kinh-hãi, nghe trong núi có tiếng hò-hét, lòng rất lấy làm ghét. Sáng ngày, Sur vào núi thấy một cây rất to, cành lá rườm-rà, lại có mây sắc trùn trên ngọn cây, mới bảo thợ rừng đốn xuống, quả y như trong mộng, liền khắc tượng lập đền.

Năm Thiên-Phúc nguyên-niên, quân Tống vào cướp, vua nghe đền này linh-ứng, bảo Sur đến đền cầu-đảo.

Lúc bấy giờ quân nhà Tống đóng trong làng Tây-Kết, hai bên chưa đánh nhau, quân Tống tự-nhiên kinh-hãi, kéo lui đóng ở sông Chi-Giang, lại gặp sóng cả gió to, giao xà nổi dậy, quân đều kinh sợ mà bỏ chạy ; Tướng nhà Tống là Quách-Quy kéo quân trở về Tàu.

Vua lập thêm đền thờ và phụng-tự.

Hoặc có kẻ nói các cổ-lão tương truyền rằng không nhớ về đời nào, Thiên-Vương sinh ở một làng kia, lúc còn năm nói, trong nước có giặc, vua sai sứ-giả đi mộ khắp dân-gian xem có ai phá được giặc thì ban cho tước lộc.

Thiên-Vương dậy hỏi mẹ, Mẹ mới bảo rõ-ràng như vậy. Thiên-Vương nói:

— Thế thì mẹ đem nhiều cơm đến đây cho con ăn.

Chốc-lát ăn hết vài đấu cơm. Vài tháng sau, cao lớn hơn mười trượng, tự ra ứng-mộ, Sứ-giả đưa đến Kinh-Sur, vua trông thấy cả mừng, hỏi rằng:

— Bây giờ người muốn xin gì ?

Tâu:

— Xin cho một thanh gươm dài, và một con ngựa sắt.

Vua ban cho, rồi Vương cầm gươm nhảy lên ngựa, hét lên một tiếng, xông vào trong trận, chém quân giặc chết ngổn-ngang. Giặc tan rôi, bờ cõi được yên-lặng. Thiên-Vương phi ngựa đến núi Vệ-Linh, trèo lên cây đa mà bay lên trời, để áo và dấu-tích lại, đến nay vẫn còn, người trong thôn gọi cây ấy là cây Dịch-Phục. Người trong nước lấy làm lạ, lập đền thờ tế, dùng trà bánh đồ chay mà cúng, nếu có cầu-khẩn việc gì đều được linh-ứng.

Triều nhà Lý cũng đến cầu-đảo, dựng đền thờ ở làng Cảo-Hương bên hồ Tây mà thờ-tự. Bây giờ làm vị Phúc-Thần chép tại Tự-Điền.

Tiến-bình

Núi Vệ-Linh là nơi Đổng-Thiên-Vương lên trời. Hà Học-Si vịnh thơ tức là ở đây. Truyện này chép lại khác xa với Việt-Sử. Sử chép rõ đời Hùng-Vương thứ sáu mà sao đây lại nói không nhớ là đời nào? Sử chép rõ là làng Phú-Đông mà sao đây lại nói không biết người thôn nào? Nhà chép việc thường nhiều sơ-suất như thế. Linh-Nam Chích-Quái chép việc này so với đây còn rõ hơn. Tay tả cảm giáo, tay hữu xách tháp, tự hiệu là Tỳ-Sa, thì khác với bản-sắc Xung-Thiên. Duy giáng-thè mà đuổi được giặc Ân, hiển-thánh mà lui được binh Tống, có công-đức với dân, không gì lớn hơn nữa; sở dĩ được hưởng nghìn năm trai-nghi cúng-vái, hơn cả các vị thần khác mà được liệt vào hàng bất-tử, có phải tình cờ mà được vậy đâu?

Đến miếu Phú-Đông đứng vào bậc nhất, bốn tổng lớn như Thăng, Đông, Minh, Viên tuê-tiết phụng-tự rất là thành-kính, mỗi năm đến ngày mồng 9 tháng tư có hội, làm hội lớn của Bắc-giang. Các tổng miền thượng-du ở sát núi Vệ-Linh là chín tổng, mỗi khi đến lệ đại-hội thì lấy đó lỗ-bộ

bằng đồng thực mà nhóm lại đánh nhau để diễn lại vũ-công của Thiên-Vương.

Đền thờ ở làng Cáo-Hương làm cảnh đẹp cho Kinh-đô, đền đầu năm làm lễ tế đầu Xuân thì thực là nơi đô-hội của cả một phương. Âm-linh chói lọi, chín tầng trời hăm-mộ đoái-hoài, làm lặng bụi-dơ mà phục-hồi bờ-cõi, suối trong nước lặng, nước Việt ta yên-ôn vững-vàng như bàn thạch Thái-Son, thực là nhờ sức hiển-tướng của Thiên-Vương vậy.

THANH-SƠN ĐẠI-VƯƠNG

Núi Tam-Đảo là ngọn núi có tiếng của nước Việt ta. Quan-ho suốt phương bắc, núi dài đến nghìn dặm. Thời triều Lý, triều Trần vốn có chép trong Tự-điền, nhưng danh-hiệu vị thần không được rõ-rệt, gặp lúc binh lửa nên bỏ thất-lạc mất.

Triều nhà Lê, vua Nhân-Tông Hoàng-Đế, khoảng năm Kỷ-Ty, Canh-Ngo, gặp trời đại-hạn, đảo khắp bách thần không thấy mưa, triều-dinh mới bàn rằng: « Núi Tam-Đảo là danh-sơn, mà việc phụng-tự thì thiếu ở trong Tự-điền bây giờ nên đem lễ đến tế để cầu thần giúp ».

Vua mới khiến Văn-thần thảo sắc, phong làm Thanh-Sơn Đại-Vương, đem lễ đến tế cầu mưa, ngày ấy ùn-ùn mây kéo, bốn bề tối đen, sáng ngày mưa to như xối, năm lại được mùa.

Từ đấy về sau, hễ gặp đại-hạn hay mưa dầm, đến cầu đảo đều có linh-ứng, làm vị Phúc-Thần một phương, có chép ở Tự-điền.

Tiém-bình

Núi Tam-Đảo đứng về phương hướng Càn-Hội của chi giữa mạch đất trời Nam ta. Ba ngọn núi nhóm lại cao tới mây xanh cho nên đặt tên là Tam-Đảo, thần núi danh-hiệu chưa rõ, chỉ duy ở trong lùm núi xưa có đến thờ Quốc-Mẫu là một vị Âm-thần.

Truyện ông Trần-Nguyên-Hân chép rằng: Ông là con cháu Hưng-Đạo Đại-Vương, nhà ở phương đông trên núi đá, lúc hàn-vi lầy nghề bán dầu làm sinh nhai, đi về đã ba hôm, bữa ấy đi đến thì trời đã tối đen, sợ không dám đi mới ngủ nhờ ở đến một đêm.

Đêm khuya chưa ngủ, nghe ngoài đến có tiếng gọi mà bảo rằng.

— Nay thiên-đình có chỉ triệu các thần, Phu-Nhân ra đi lên chầu. Nghe trong đến trả lời rằng :

— Có khách ngủ lại, đi xa không tiện, thôi các thần hãy đi đi, có việc gì thì nói lại cho biết.

Ông lầy làm lạ, cứ trần-trọc canh cháy không hề ngủ được, chừng đến canh tư thì nghe có tiếng gọi lại, hỏi rằng:

— Phu-nhân đã dậy chưa?

Thầy trong đến có người đi ra nói rằng:

— Bữa nay Thiên-đình họp có hai việc: « Việc thứ nhất là bầu-cử Lê-Lợi ở động Lam-Sơn lên làm An-Nam Quốc-Vương, Nguyễn-Trãi ở Nhị-Kê làm phụ-tá. Việc thứ hai là dưới đường Sơn-Nam có một làng giết trâu tế thần để cầu mưa, cái dao của tên đồ-tê bị phân trâu lập mặt, tìm mãi không có nó mới nói ngạo rằng: « Không có lẽ thần-linh nào lại đến đây ăn cắp dao của ta sao! » Bây giờ định phạt làng ấy ba năm Đại-hạn cho biết.

Nói đoạn rồi từ-biệt.

Ông nghe rõ đầu đuôi câu chuyện như vậy, sáng ngày hồi-hả xuống dưới đường Sơn-Nam, tìm đến làng ấy, đến đồng phân chỗ giết trâu bới lấy được con dao, thầy đồng ruộng của làng ấy khô-cản nứt-nẻ cả. Ông mới xách con dao trình với Ấp-trưởng và nói rõ tự sự đầu đuôi như vậy. Dân ập cả sợ, biện lễ đến tạ tội, rồi dần dần cũng được mưa.

Ông thấy việc ấy đã có linh-nghiệm, tất nhiên việc khác cũng sẽ phải đúng mới tìm qua núi Lam - Sơn, vào sơn - động gặp Lê - Lợi nguyện theo làm tôi; đến khi Lê-Lợi làm Vua, ông có công lớn phong Khai-quốc công-thần. Sau ông chết, được làm Phúc-Thần ở Sơn-Động.

Từ đây đến Quốc-Mẫu được xưng là linh-dị, hương-hòa đời đời bất tuyệt, đến-miêu trang-nghiêm.

Đây chẳng biết có vị Sơn-Thần danh-hiệu khác nữa không? hay chỉ là Quốc-Mẫu âm-thần mà thôi, nên chép lại để đời sau khảo-cứu.

KIỀN - HẢI MÔN - TỬ

(ở phủ Diên-Châu, huyện Quỳnh-Lưu làng Hương-Cần)

Phu-Nhân họ Triệu, công-chúa nhà Nam-Tống, mẹ con ba người, Phu-Nhân là con gái út.

Niên-hiệu Thiệu-Bửu năm đầu đời Trần-Nhân-Tông, tướng Trương-Hoảng-Phạm đánh úp quân nhà Tống ở núi Giai-Sơn; quân Tống đại-bại, quan Tả-thừa-Tướng Lục-Tú-Phu ôm vua Đế-Binh nhảy xuống biển, quan quân nhảy xuống chết theo hai mươi vạn người; Phu-Nhân mẹ con ba người vin mạn thuyền trôi đến chùa Hải-Giai, nhà Sư thương, đem về nuôi-nấng; sau vài tháng, Phu-Nhân da thịt hoàn - nguyên, diện-mạo đẹp-đẽ, nhà Sư muốn tư-thông, Phu-Nhân nhất-thiết cự-tuyệt. Nhà Sư xấu-hổ, nhảy xuống biển tự-tử.

Ba mẹ con cùng khóc, bảo rằng: « Mẹ con ta nhờ Sư mà sống, Sư vì mẹ con ta mà chết, lòng ta sao an », rồi cũng đều nhảy xuống biển chết cả.

Thi-thê Phu-Nhân trôi đến cửa biển Kiền-Hải phủ Diên-Châu nước ta, tuy chết đã lâu mà ngọc-diện vẫn như sống, người bản-xứ lấy làm lạ, vớt lên chôn-cất hẳn-hoi, sau thấy có nhiều linh-dị, mới lập đền thờ-phụng. Hễ thuyền biển gặp cơn gió to sóng lớn, nguy-cấp lắm, van vái với Phu-Nhân thì đều được bình-an vô-sự. Các cửa biển đều có đền thờ, cũng đều linh-ứng.

Tiếm-bình

Đương sau khi sáu quân tan-rã, sơn - hà như bọt nước mong-manh, thân-thê cánh bèo theo gió, gởi mình ở cánh tịnh-độ muối dưa,, sông ta ấy ơn nhà Sư, gheo ta ấy tội nhà Sư, nhờ người mà sống, không nỡ thầy người chết một mình, cái chí của Phu-Nhân cũng đáng thương lắm thay! Tầm lòng u-phấn, reo gió mưa mà khóc được sóng gợn, cái tiết-thảo trinh-liệt, suốt vàng đá mà ngang dọc đất trời; cứu thuyền bè nguy-ngập, thỏa lòng người chiêm-ngưỡng, hiển-linh trong âm, cầu-đáo lập ứng, đến thiêng cửa biển, tiếng nói vang dội.

Những ngoa-truyền ở dã-sử tục-ký, đầu đủ làm tỳ-vết cho hòn ngọc-bích trắng tinh của Phu-Nhân vậy.

TRÙNG - BỒ

Của đạo - nhân quán Tam - Gianb

ANH-LIỆT CHÍNH-KHÍ ĐOÀN TƯỚNG-QUÂN

Tướng-Quân tên là Thượng, người làng Hồng - Thị huyện Trường-Tân, con của bà vú vua Lý-Huệ-Tông, theo lệnh vua sai kéo vào Hồng-Châu bắt cướp.

Nhà Lý mất, Tướng-Quân vạch giới-hạn của châu mà chiếm giữ, quan Thái-sư nhà Trần là Trần - Thủ - Độ giả bộ làm hòa với Tướng-Quân nhưng thầm khiến Hiếu-Võ-Vương là Nguyễn-Nộn đem trọng-binh đánh úp.

Trận đánh đang say, quân Trần từ Văn - Giang kéo đến đón ngả trước, Tướng - Quân bỏ Nộn chạy về hướng Tây, bị gươm chém đứt đầu, chỉ còn dính một mảnh da, ông cỡi đai buộc lại, khí giận sôi lên, giục ngựa chạy về hướng Đông.

Đến làng An - Nhân, thấy một ông già khăn đen áo dài, đứng vòng tay một bên đường mà thưa rằng:

—Tướng-Quân trung-liệt nghĩa-khí, Thượng-Đế đã chọn rồi.

Chỉ sang ấp bên kia và nói :

— Chỗ ấy là chỗ huyết-thực của Tướng-Quân, xin Tướng-Quân đừng quên.

Tướng-Quân vâng, rồi thẳng ngựa qua bên ấy, xuống ngựa gối gáo mà nằm, tự nhiên kiến mối đùn đất lên, chôn mất cả thi-thề thành một cái mộ.

Dân - thôn tạc tượng mà thờ. Sông Nhị - Hà lở, miếu đổ xuống nước, tượng trôi đến làng An-Nhân, làng An-Nhân làm miếu mới mà thờ. Miếu trở mặt ra đường cái ngả Đông-Bắc, uy-linh hiền-hách, khách đi đường, người buôn bán qua lại trước đền, hễ không cất nón cúi đầu lập tức thấy sự tồn-hại.

Ngày kia, tên miếu - thừa tự-nhiên té xuống đất, chốc lát lại vùng dậy, nhảy lên ngồi trên cao, hóp các bạc phụ - lão lại mà bảo rằng :

— Sáng ngày phải quét dọn sạch-sẽ, có giá Ngự đến, bận áo đen đi bộ là Ngài đó, phải chực sẵn ở đây để đón tiếp.

Chúng đều dạ dạ.

Sáng ngày lo dọn - dẹp, khăn áo đến chực sẵn, đợi đến ngày gần tối không thấy gì, ai nấy đều mệt - mỏi muốn ra về; Hốt - nhiên có một nhà Sư bận bát-y dài chấm đất, theo sau một chú tiểu, qua cầu đứng trước đền rồi đi thẳng vào trong.

Các bậc phụ - lão đốt trầm sụp xuống lạy, Nhà Sư lấy làm lạ mới hỏi. Người trong ấp tâu như thế.

Thời ấy vua Nhân-Tông truyền ngôi cho con, xưng là Điều-Ngự Đại-Vương, xuất gia ở núi, thường ngày một bình một bát qua lại hương thôn, ít ai biết đến, nhân ngày ấy đi đến làng An-Nhân thì gặp chuyện như vậy.

Vua khen, ở lại đền một đêm, đem sự Nhân - Quả thuyết-pháp cho Thần và mọi người nghe, và khuyên Thần nên thể đức hiếu-sinh ; sáng sớm vua trở về Kinh-Sư.

Ngày mai sấm mưa cả dãy, Thần - tọa xây về hướng đông, những người qua lại trên đường từ đấy được an-toàn vô-sự. Có Sắc-Chỉ phong Thượng-Đẳng-Thần, lữ Trường-Tàn cũ đến nay vẫn còn.

Tiến - bình

Tướng-Quân là kẻ thân của nước cũ, phục nhà Lý mà thù nhà Trần, có lẽ không đội chung trời đất, ở nhà Chu làm ngoan-dân, ở nhà Thương làm trung-thần. Cái chết nghĩa-khi tuy chết cũng như còn, coi việc cời đai buộc đầu thì biết. Ông già chỉ chỗ, khiến mỗi đắp mồ, ý giả người trong ấp có Thần chỉ báo chăng? Tượng thầy ở An-Nhân, nhập mộng cho kỳ-lão, biết Điều-Ngự sắp đến chơi, xây Thần-tọa qua hướng đông, từ đó trăm năm hương lửa, hảo-kết nhân-duyên, Đông-Bác Mã-Đầu, miêu đến lộng-lấy, khách qua đường phải xuống ngựa, con hát phải kiêng tên, trời đãi người trung-nghĩa, hậu đền đường nào vậy!

LINH-THẦN MIẾU THANH-CẨM

Huyện Thọ-Xương, phường Đông-Các, miếu Thanh - Cẩm thờ vị thần Cổ-Mạc Liệt-Sĩ Mô-Công.

Ông tên họ không rõ, đậu Tiến-Sĩ nhà Mạc, làm quan đến Đãi-Sảnh.

Lúc bấy giờ Triết - Vương nhà Trịnh đem quân xuống phương Đông, vua nhà Mạc bỏ thành chạy về hướng Bắc. Triết-Vương vây quân đuổi theo, sự thế quá khần-bức, Ông bèn bện bèo gấm, đai vàng, do bện hồ Thái-Cực ra đường Đông - Các, đón ngựa Triết - Vương lại. Vương ra lệnh tạm đình, họp các tướng lại nghị trảm. Xong lại gióng trống đuổi theo thì Mạc-Chúa đã qua bên kia sông rồi.

Nghĩa-quân Triết-Vương kéo về Tây, Mạc lại trở về chiếm-cứ Đông - Kinh, đến chỗ ông bị chém, dựng miếu thẳng theo đường cái, hương hỏa không ngắt.

Vua Nhân-Vương khiến phá miếu ấy đi, dưới miếu có ngôi mộ chôn một cái đầu-lâu, cả một Cơ-binh xúm lại kéo nhưng vẫn trơ-trơ không chuyển-động, rồi thôi, miếu không bị phá nữa.

Tiến - bình

Bình Trịnh thừa thắng, Chúa Mạc chạy đêm, một gã thư-sinh, thông-dong áo quần đai vàng, cả gan xông đến chỗ tên đạn để làm kẻ hoãn-bình, thật đáng thương thay! Tâm lòng này không khác chi tâm lòng của Kê-Thị-Trung và Lý-Thị-Lang vậy.

Miếu-mộ như cũ mà tên họ thất-truyền, cái lỗi của nhà chép sử thật nhiều lắm thay!

PHỤ - LỤC

Của đạo-nhân quán Tam-Chanh

TRẦN-TRIỀU HUNG-ĐẠO ĐẠI-VƯƠNG

Vương họ Trần tên Quốc-Tuấn, con An-Sinh-Vương Liễu, phong tước là Hưng-Đạo Đại-Vương.

An-Sinh-Vương cùng vua Thái - Tông có hiềm - khích ; lúc ông sắp chết, cầm tay Vương trởi rằng :

— Mày hãy vì ta lấy cho được thiên-hạ, nếu không thì ta chết chẳng nhắm mắt.

Vương tuy vâng dạ nhưng trong lòng không lấy làm phải, mỗi khi làm gì thì hết sức cần-thận.

Khoảng năm Trưng - Hưng, Vương hai lần đánh lui quân Nguyên, làm võ-công bậc nhất lúc ấy. Đến khi Vương mất, vua lập đền thờ, mỗi khi có giặc đến cướp phá thì lấy gương thờ trong đền ra đánh đều được đại-thắng.

Vương trị bệnh tà Phạm-Nhan rất linh-nghiệm.

Phạm-Nhan miếu tại huyện Đông-Hồ làng An - Bài, sông Lương-Giang. Tục truyền rằng : Phạm-Nhan họ Nguyễn tên Bá-Linh, cha là khách buôn lĩnh Quảng-Đông, mẹ là người làng An-Bài nước ta, đậu Tiến - Sĩ nhà Nguyên, giỏi thuật phù - thủy, thường lên vào hậu-cung làm sự bắt - chình, bị bắt được, sắp đem đi chém nhưng vừa gặp lúc nhà Nguyên qua đánh ta nên Bá-Linh tình-nguyện xin làm hưng-đạo để chuộc tội. Nhà Nguyên thuận cho. Trận đánh sông Bạch-Đẳng, Bá-Linh bị Vương bắt sống, đem chém ở làng mẹ, quăng đầu xuống sông ; có hai người kẻ chài cứ chài được đầu-lâu mãi, mới van-vái rằng :

— Nếu như có linh thì giúp bọn chúng tôi chài cá cho thật nhiều, chúng tôi sẽ chôn cất hẳn hoi.

Quả nhiên ngày ấy họ chài được rất nhiều cá, nhiều gấp mấy ngày trước, mới đem đầu-lâu lên bờ chôn cất. Hai người kẻ chài thường van-vái mời Bá-Linh đi theo thuyền chài chơi, lâu thành ra quen, Bá-Linh thường chỉ đàn - bà bảo hai người ấy gheo chơi thì đều được cả. Hai người mới lập đền thờ - phụng.

Trước kia, Bá-Linh sắp bị chém có hỏi Vương rằng :

— Bây giờ Vương cho tôi ăn gì ?

— Cho mày ăn sả-huyết của đàn-bà.

Sau khi chết, Bá-Linh đi khắp trong nước, hễ gặp chỗ nào có sả-phụ là theo ngay và tức thì người đàn-bà ấy mê - man bất-tĩnh, thuốc men không thể chữa được. Nhà bệnh đến đền Vương cầu-đạo, lấy chiếu cũ ở trong đền thình - linh đắp lên người bệnh hay trải cho người bệnh nằm, và lấy tàn nhang nước thải cho uống thì lập tức lành ngay, có người mới đem chiếu về đến nhà là đã lành rồi, anh-linh kỳ - nghiệm như thế cả.

Tiến - bình

Vương là dòng-dõi họ Đông-A, chịu lời trời của cha là An-Sinh - Vương nhưng không chịu theo loạn-mệnh, thế thì ở nhà là hiền-tử. Gặp biến-loạn ở Trùng-Chung mà lập công lớn thì ở nước là trung-thần, duy trung duy hiền, mới che nổi cái lỗi của Tiên-nhân. Công trùm thiên-hạ, ngôi tốt nhân-thần, tiếng vang hoa-di, sau khi chết lại được muôn đời huyết-thực.

Triều nhà Trần, tướng võ tướng văn nhiều kẻ làm danh-thần, như Quốc-Điện ở Chí-Linh, Khắc-chung ở Lập-Thạch, Quốc-Điện ở Tiên-Phong nhưng cuối cùng không lừng-lẫy bằng Vương, đó là trung hiền báo đến vậy chăng?

Nước Mông-Cổ quật-khởi ở phương Bắc, nuốt nước Linh-Hạ, uy-hiếp Cường-Kim, đánh úp nhà Cự-Tông, mang cung tên đến đâu thì các nước ngoài núi biển đều trông gió mà tan vỡ, đem quân sang Nam ào-ào như núi lở sông băng, gió rung mây cuốn; Vương chỉ một nhóm tàn-quân dám ra chống-cự, khác nào như núi Thái-Sơn đẻ trứng, thế mà một hồi trông sông Bạch-Đằng, quân Mông-Cổ phơi thây nghìn dặm, há chẳng phải là việc hiếm có ở trời đất sao? không những có công lớn với nhà Trần mà cũng có công lớn với thiên-hạ đời sau nữa, nếu không có Hưng-Đạo Đại-Vương thì nước Nam-Giao đã phải để tóc đuôi sam rồi vậy.

Bây giờ miếu của Vương ở giáp giới Phụng-Nhân và Chí-Linh; làng Vạn-Kiếp, làng Lạn-Sơn hai làng phụng-sự, đất ấy gần Cổ-Phao, đồ-sộ thiên nam vạn hác; miếu ở lưng chừng núi, tả hữu có núi Nam-Tào, Bắc-Đầu, mặt ngó xuống sông-Hựu-Giang, cây-cỏ um-tùm, đứng xa mà trông rõ

ràng như một thẳng-cảnh ở Bồng-Lai, xa gần đền cầu-đảo, trên đường đông như dẹt. Miêu-chúc có hai người, một người ở làng Vạn-Kiếp, xưng là Bắc-Chúc, hễ có ai từ đường phương Bắc đến hành-hương thì người này làm chủ. Một người ở làng Lạn-Son, xưng là Đông-chúc, hễ có ai từ đường phương Đông đến hành-hương thì người này làm chủ. Mỗi năm tiến bồng của khách đi lễ Đông và Bắc đều cân nhau, linh-dị đại-khải như thế.

Phụ xét các tạp-thư Thái-Bình Quảng-Ký có nói Trung-Quốc có loài yêu hồ-ly hay dâm-hãm đàn-bà. Nước ta không có giống quái ấy, duy có tà Phạm-Nhan, ai mắc phải đền cầu tại đền Vương là lành, việc có khác nhau, chớ nên lấy hình-tích mà cầu-nệ.

CHÉP RÕ SỰ-TÍCH TỪ-ĐẠO-HẠNH ĐẠI-THÁNH

Xưa Đạo - Hạnh họ Từ, tên húy là Lộ, ông thân tên là Vinh lấy đạo Thích làm Giáo-Tông, làm quan triều Lý đến chức Tăng-Quau Đô-Sát, thường qua chơi làng An - Lãng, cưới con gái họ Tăng tên là Loan, làm nhà ở xóm Lang-Nam làng An - Lãng, được chỗ ở đúng chỗ qui-địa, bằm sinh ra Đạo-Hạnh, có tiên-phong đạo-cốt.

Đạo-Hạnh lúc nhỏ du - đặng nhưng có chí lớn ; khi ở nhà cũng như khi ra ngoài, người đời không thể dò biết được, thường cùng với nhà nho Phi-Sinh, nhà Đạo-sĩ Lê-Toàn-Nghĩa, kếp hát Phan-Ất kết làm bạn thân ; đêm thì chăm - chú đọc sách, ngày thì đá cầu, thổi sáo, đánh bạc làm vui. Cha thường chửi mắng là phóng-dăng ; nhưng một hôm, ông lên nhòm vào phòng Vạn-Hạnh thấy ngọn đèn leo - lét như hạt đậu, sách vở bừa-bãi; Đạo - Hạnh tựa án ngủ mà tay còn cầm quyển sách, từ đó mới không la rầy con nữa ; về sau, Đạo - Hạnh đi thi khoa Bạch-Liên tông - giáo được đậu đầu nhưng ông không muốn làm quan, đêm ngày chỉ lo trả thù cho cha.

Nguyên ông cha ngày trước lấy diệu - thuật phạm đến Diên-thành-hầu, nhà Diên-thành-hầu có thầy pháp Đại - Diên dùng phù-yếm giết chết đi, quăng thầy xuống sông Tô - Lịch, trôi đến cầu Tây-Dương, chỗ nhà Diên-thành-hầu ở, thầy dừng ở đó, cách ngày không chịu trôi đi. Diên-Thành-hầu sợ, đi báo với thầy Đại-Diên; Đại-Diên đến, niệm kệ rằng :

— Tăng còn giận chưa mãn-túc hay sao ? Sống là một cảnh hi-trường, chết mới thành Bồ-Đề.

Dứt lời, thầy liền trôi đi, đến sông Hàm-Rồng làng Nhân-Mục-Cự thì dừng lại. Người ta thấy có linh-dị, làng ấy chôn cất rồi dựng miếu, tạc tượng mà phụng-thờ, mỗi năm ngày mồng mười tháng giêng là ngày kỵ.

Bà mẹ chôn ở chùa Ba-Lãng làng Thượng-An, tức nay là chùa Hoa-Lãng, chùa ấy thờ hai vị Thánh-Phụ và Thánh-Mẫu.

Đạo - Hạnh chăm lo trả thù, nghĩ chưa ra kế gì, một bữa dòm thấy Đại - Diên ra đi sắp làm pháp - thuật đầu đó ; Đạo - Hạnh lấy gậy đánh Đại - Diên, bỗng nghe trên không có tiếng mắng bảo thôi.

Đạo - Hạnh quăng gậy về nhà, thương cảm và oán - hận, muốn qua Tây - Thiên Ấn - Độ học thêm dị-thuật để về chống trả Đại-Điên, mới cùng đi với hai người bạn là Minh-Không và Giác-Hải.

Đến xứ Xi-Man, đường sá hiểm-trở, đi rất khó-khăn đang muốn trở về thì thấy một ông già chèo một chiếc thuyền con đang dạo chơi trên sông ; ba người cùng đến hỏi rằng :

— Thưa ông, đường đây đến qua Tây-Thiên còn bao xa nữa, Ông già trả lời :

— Đường núi hiểm-trở, đi chân không đi được đâu. Lão này có chiếc thuyền con xin chở giúp các người, và có cái gậy con, nhắm thẳng nước Tây-Quốc mà đến chẳng xa là bao nhiêu, đề lão chở giúp.

Rồi lão đọc một bài kệ rằng :

Đạo-lý đương-nhiên giúp các anh.

Khen ai viễn-học chí thành danh.

Mênh-mông muốn ngả qua nào khó,

Chỉ một Hoàng-Giang thấy Thánh sinh.

Đọc xong bài kệ, giữa mặt trông chừng giấy lát đã đến bờ Tây-Thiên, có nhiều thần-thông linh-pháp.

Đạo-Hạnh ở lại giữ thuyền, Giác-Hải, Minh - Không lên bờ trước, học được linh-pháp rồi bỏ đi về trước; Đạo - Hạnh giữ thuyền đã ba ngày, không thấy hai người bạn trở về, tự-nhiên gặp một bà lão bên sông liền đến vái chào mà hỏi rằng :

— Bà lão có thấy hai người cầu đạo đã trở về chưa ?

Bà lão đáp :

— Hai người ấy, ta đã dạy cho linh - pháp đặc-đạo trở về rồi

Đạo - Hạnh vừa lạy vừa nói duyên - cớ ba người cùng đi với nhau như thế nào, nay lại bỏ nhau, rất là ân-hận. Bà lão nghe nói, bảo Đạo-Hạnh:

— Hãy gánh đôi thùng nước về nhà, ta sẽ dạy linh - pháp cho người, cho thêm thuật thu đất và bài chú Đà-La-Ni nữa,

Đạo-Hạnh học được tất cả, nghĩ giận hai bạn thất-ước mới niệm chú; Minh-Không, Giác - Hải đi được nửa đường, bị chú, đau bụng như cắt, Đạo - Hạnh dùng thuật thu đất lại, băng bộ

về trước, rồi hóa ra hồ má núp ở trong bụi rậm làng Ngải-Câu huyện Từ-Liêm, gầm thét vài tiếng, lân-cận đều kinh-hãi.

Minh-Không Giác-Hải đi ngang qua đấy, nhìn nhau ngạc-nhiên, bề ngoài tuy hơi sợ nhưng trong bụng nghĩ có linh-thuật lại sẵn có thông-minh, biện-biệt hư-thực biết quả là Đạo-Hạnh hóa tướng, mới ngó lui bảo rằng ;

— Mày muốn biết hậu-thân của thân mày, đến đây ta bảo cho.

Bảo Đạo-Hạnh rằng :

— Bọn ta cùng được Thế - Tôn dạy - dỗ, đạo quả đã tròn, hậu-thân mày phải ra lại thế - gian làm vua, nhưng bệnh trái khó bề tránh được. Bọn ta với mày có duyên, phải đến cứu giúp nhau.

Đạo - Hạnh khi ấy bỏ hết giận cũ, cùng nhau truyền đổi phép tiên, đi trên mặt nước, bay ở không - trung, rồng phải xuống châu, hồ phải nép, bay lên trời thu đất lại, muốn quái nghìn kỳ, vào thần ra quỷ, chẳng ai dò được huyền-diệu. Khi ấy mới nhường Đạo-Hạnh làm anh cả, Minh - Không làm anh thứ, Giác-Hải làm em út, chỗ ấy nay gọi là Bán-Kiều.

Minh-Không, Giác-Hải từ về chùa Giao-Thủy, Đạo - Hạnh tu-luyện ở chùa Thiên-Phúc, núi Thạch-Thất; trước chùa có hai cây cồ-tùng, người đời gọi là long-thụ. Đạo-Hạnh ngày thường chuyên đọc bài chú Đại-Bi-Tâm-Đà-La-Ni, cứ đủ ức vạn nghìn lần thì cây tùng rụng xuống một nhánh. Đọc chú xong, hai cây tùng đều trụi hết. Đạo-Hạnh tưởng được Quan-Thế-Âm đã đến ứng-hộ, cái sức phù-chú của mình đã thấu đến Thiên-Đường.

Một hôm thấy có một vị thần đến, chân trước đi không bèn đất. Đạo-Hạnh hỏi :

— Ngươi là thần gì ?

Thần trả lời :

— Đệ-Tử là thần Tứ-Trấn Thiên-Vương, cảm vì cái công đức của Sư đã tụng kinh nên đến đây hầu Sư đề Sư sai khiến.

Đạo-Hạnh tự biết lục - trí của mình đã viên - mãn, có thể trả được thù cha rồi mới trở về ở lại làng cũ là An-Lãng, thân đến cầu An-Quyết sông Tô - Lịch, phóng cái gậy xuống dưới

nước, hốt-nhiên cái gậy dựng thẳng trên mặt nước rồi đi ngược dòng như bay đến cầu Tây-Dương thì dừng lại.

Đạo-Hạnh cả mừng mà rằng :

— Phép của ta hơn Đại-Điền rồi đây.

Rồi đi thẳng đến chỗ Đại-Điền ở. Đại-Điền trông thấy bảo rằng :

— Mày không nhớ việc ngày trước hay sao ?

Đạo-Hạnh ngó lên trên không thì vắng-vẻ không thấy gì, liền lấy gậy đánh chết Đại-Điền, lại đem thầy quăng ra sông Tô - Lịch để trả thù xưa.

Trả được thù cha, lòng trần khoan-khoái mới đi chơi khắp các rừng núi, tìm hỏi cao-tăng, nghe cao - tăng Trí - Huyền ở Thái-Bình tu-hành đắc-đạo mới tìm đến yết-kiến, tỏ hết chân-tâm, có bài kệ rằng :

*Lâu đọa phạm-trần chưa biết kim.
Chẳng hay đâu đó thật chân-tâm.
Xin nhờ chỉ dạy đường phương-tiện,
Khỏi đến Bồ-Đề ngắt khó tìm.*

Trí-Huyền cũng đáp lại bài kệ rằng :

*Bí-quyết chân-truyền giá vạn-cám.
Ở trong đây mắt thấy thuyền-tâm.
Hà-sa thế-giới nên đừng nói.
Bất tất Bồ-Đề cách vạn tâm.*

Từ-Đạo-Hạnh mờ - mịt không hiểu ra làm sao, bỏ đi qua chùa Pháp-Vân hỏi sư Sùng-Phạm-Hội rằng :

— Thế nào gọi là chân-tâm ?

Phạm-Hội bảo cho, Đạo-Hạnh quát-nhiên tự-ngộ bèn trở về chùa Thiên-Phúc núi Thạch - Thất, tu-đạo luyện-pháp như xưa.

Từ đó pháp-lực càng tăng-gia, lòng thuyền thêm chín-chắn, hay khiến chim núi, thú rừng, từng đoàn đến chùa đi quanh-quần, hiền-lành tử-tế. Hễ phương-dân, ai có đau ốm đến cầu - khẩn thì phi-phù niệm chú linh-nghiệm tức-thì, dùng đạo giúp người, ai nấy đều đội ơn cả.

Lúc bấy giờ Lý-Nhân-Tông không có con, cầu-đạo đều không linh-nghiệm, Hoàng-đệ Sùng-Hiền-Hầu mời Đạo-Hạnh đến nhà cùng nói chuyện về việc cầu-tự. Đạo-Hạnh nguyện thác - thai để đền ơn Sùng-Hiền-Hầu ngày trước. Lúc ấy Phu - Nhân đang tắm gội ở hậu-đường, hốt-nhiên thấy Đạo-Hạnh hiện vào trong thùng nước. Phu - Nhân sợ, nói với Sùng - Hiên - Hậu. Hậu vẫn biết ý, mật bảo Phu-Nhân rằng :

— Trong thùng nước thấy hiện hình tức là chân-nhân đã vào thai-cung rồi, Phu-Nhân đừng kinh-hãi.

Phu-Nhân ý cảm như đã có thai. Đạo - Hạnh từ tạ mà về, dặn rằng :

— Hễ khi nào lâm-bồn phải đến nói cho tôi biết.

Đến ngày thai đủ tháng, Phu - Nhân thấy trong mình khó chịu, chuyen bụng muốn đẻ nhưng đẻ không được. Sùng-Thiên-Hầu bảo :

— Thế thì phải gấp đến báo với cao-tăng.

Từ-Đạo-Hạnh nghe tin báo, bảo với đệ-tử rằng :

— Ta nghiệp-trần chưa dứt, phải tạm ra làm vua ở nhân-gian, khi hết thọ lại làm chủ ba mươi ba trời ; nếu thấy chân-hình của ta bị nát hết, đó là ta vào Nê-Viên (1) chớ không có sinh-diệt gì đâu.

Đệ-tử nghe xong, ai nấy đều cảm-kích mà khóc, Đạo-Hạnh thuyết bài kệ rằng :

Cuối thu chẳng báo nhận về đây.

Để khiến nhân-gian động nhớ thầy.

Tỏ dấu người đời không ý tiếc,

Sự xưa mấy độ lại sự nay.

Đọc xong, đi lên tiên-động, va đầu vào vách đá, giẫm chân lên bàn đá, nghiêm-nhiên thấy rã ra rồi hóa, nay dấu in vẫn còn. Năm ấy là năm Bình - Thân, niên-hiệu Hội - Tường Đại - Thánh thứ ba, ngày mồng bảy tháng ba mùa xuân.

Từ khi Niết-Bàn xuất-thế, Đạo-Hạnh làm con Sùng - Hiên-Hầu, không phiền dưỡng - dục mà mau lớn, không cần huấn-giáo mà thông-minh, diện-mạo khôi-ngô, tài - biện bạt - chúng,

(1) *Táo Nát - Địa.*

vua chiếu đòi vào cung giáo-dưỡng, sắc phong làm Hoàng-Tử.

Vua Nhân-Tông băng, Hoàng-Tử lên ngôi tức là vua Thần-Tông.

Đến năm Bình-thiên, thời kỳ hai mươi mốt tuổi xuân, tự-nhiên vua thấy thân-hình hóa lông mọc vuốt, dần dần biến thành hổ ; danh-sư bốn phương chữa không thấy khỏi ; Minh-Không, Giác - Hải nghe vua bị tật lạ, quả nghiệm lời nói trước mới làm ra một bài ca-dao mà dạy cho trẻ hát rằng :

Muốn lành bệnh Thiên-Tử.

Phải tìm sư Minh-Không.

Khi ấy trẻ con hát rầm, triều-đình sai Sứ đến chùa Giao-Thủy yết sư Minh-Không rằng :

— Nay Thiên-Tử bị kỳ-tật, triều-đình sai Sứ qua rước Sư để chữa bệnh cho Thiên-Tử.

Minh-Không, Giác-Hải lấy cái nồi nhỏ nấu cơm rồi mời Sứ-giả và quân lính tùy-tùng rằng :

— Bần-đạo có nấu ít cơm, xin mời chư-quân tạm dùng bữa.

Quan quân ăn đều no - nê, nhưng niêu cơm nhỏ vẫn còn. Hai Sư cùng với Sứ-giả xuống thuyền.

Minh-Không bảo quân lính rằng :

— Các người hãy tạm nghỉ - ngơi, đợi con nước lên rồi đi đến Kinh-Sư.

Khi ấy quan quân trong thuyền đều ngủ ngon cả. Hai Sư làm phép cho thuyền không cần chèo mà tự-nhiên đi bay như tên bắn, nói cười khoáng-khắc đã đến trên bờ Đông-Tân. Hai Sư vội gọi quan quân dậy thì đã thấy tháp Báo - thiên rồi; Quan quân rất đỗi kính - phục. Khi ấy rước hai sư vào thẳng trong đền vua ; các thầy thiên - hạ trông thấy hai Sư hình - dung cồ-quái, ăn mặc quê mùa thì miệt-thị chẳng lấy làm kính-nê, cứ ngồi yên một chỗ chẳng thèm đứng dậy chào hỏi.

Hai Sư mới thò tay vào trong túi lấy ra một cái đinh sắt dài chừng năm tấc găm vào cột điện, lấy tay vỗ thì cái đinh lút mất vào cột điện. Bảo rằng :

— Ai nỡ được cái đinh này ra thì chữa được bệnh Thiên-Tử.

Nói đi nói lại hai ba lần mà không nghe ai trả lời gì cả. Minh-Không lấy hai ngón tay trái nhỏ dính, dính ở trong cột theo hai ngón tay ra ngay. Mọi người trông thấy đều phục diệu-pháp.

Minh - Không bảo lấy ra một cái đỉnh lớn với mười hai thùng dầu, dính sắt một trăm cái, một nhánh cây hoè, khiến đỡ Ngự-giá đến hỏa-đàn.

Minh-Không nhường cho Giác-Hải châm lửa nấu dầu, lửa cháy bùng bùng, dầu sôi sùng-sục. Giác-Hải lấy tay rờ vào trong đỉnh, lấy ra đủ một trăm cái dính rồi Giác-Hải nhường lại cho Minh-Không làm phép, Minh-Không lấy nhánh hoè tằm vào dầu, rầy khắp mình vua, đọc chú rằng :

— Qui là làm Thiên-Tử, lại còn đau gì !

Tự nhiên lông vuốt rụng hết, lạnh-lặn như xưa rồi lại làm vua như thường.

Sau khi vua thăng-hà, chùa Thiên - Phúc có linh - khí khác thường, người trông thấy đều kinh-hãi, đem việc ấy tâu lên Tự-Quân ; Tự - Quân sai quan đến tế, tôn - phong chùa ấy là Thượng-Đẳng Tối-Linh Tự.

Còn chỗ thầy cởi bỏ ở trong động, người làng cho là linh-dị đem thầy bỏ vào trong lồng phụng-sự. Đến niên-hiệu Vĩnh-Tạc nhà Minh, sứ Minh qua nước ta, đi ngang qua đấy nghe mùi thơm nồng-nực như trầm - hương liền đi tìm, trông thấy thầy nằm trong lồng, diện-mạo như người sống, cho là người tiên ảo-thoát bèn rước về chùa Hương-Sơn làm phép hỏa-táng, nhưng lửa cháy không được, trải qua bảy ngày đêm mà vẫn nguyên không biến ; người Minh không biết làm sao, toan muốn đnh bãi.

Đêm mộng thấy một người bảo rằng :

— Ta trải nhà Lý, nhà Trần đến nay, chân-thân không nát kỳ-linh diệu-pháp có phải ngẫu-nhiên mà được thế đâu ; Lòng này như muốn xin linh-ứng thì phải lấy cây ở mộ ta mới chôn mà đốt mới được.

— Người Minh làm y như lời trong mộng, quả thấy hiệu - nghiệm, bèn lấy củi đốt còn lại mà tạc tượng, đề vào trong lồng mà thờ bèn tả chùa Thiên-Phúc.

Đến đời vua Lê-Thánh-Tông, bà Quang-Thục Hoàng-Thái-Hậu khiến quan Thái-Ủy Trinh-Quốc đem lễ-vật đến trước cầu-đảo, bài sớ văn rằng:

« Trẫm nghe Phật vốn từ-bi, cũng là chỉ u chi thiện, ra dạy thánh cho rộng thêm. Phúc khắp quần-sinh, ơn thi bốn biển. Trẫm thọ mệnh Hoàng-thiên giữ lấy nghiệp cả, chỉ lo gánh nặng không kham, sợ nổi tai-ương xảy đến. Vì vậy, một lòng run-sợ chỉ lo cho nước thọ dân an. Nên chi thốn-niệm kính-thành, cầu trời sức mạnh. Kinh nghe chùa Tiên-Tịch, sẵn có linh-ứng người đều thấy nghe, đặc sai quan Võ-vệ, trai-thanh đến trước Phạm-cung cầu xin thổ-khảo, phỏng chẳng được như Thái-Mậu nhà Thương sống hơn trăm tuổi, thời cũng được như vua Cao-Tông nhà Thanh tám mươi chín năm, lại cầu cho Từ-Vy thánh-thọ vô-cương, dân làng yên-đón làm ăn, thật nhờ ân-tứ của Phật khôn xiết kể».

Dâng lễ và đọc văn xong, thoát có điềm phi thạch; Thái-Hậu trong lòng có cảm, kết thành thai nghén sinh ra Hiến-Tông Hoàng-Đế.

Từ đó nước đảo, dân cầu đều có linh-dị phi-thường, nghìn thu hương-hỏa, đền-chùa trang-nghiêm vậy.

**LINH-CHƯƠNG LINH-ỨNG ĐẠI-VƯƠNG
TỰ-NHIÊN PHƯƠNG-DUNG CÔNG-CHÚA**
(Chuyện Triệu-Xương và phu-nhân)

Thần này họ Triệu tên Xương, thời nhà Đường, sang làm Đô-Hộ nước An-Nam, xe ngựa thường đi tuần chơi trong hạt. Đến làng Minh-Luân huyện Đường-An (Cần-án: Phủ Bình-Giang ở đời nhà Lý nhà Trần làm phủ Hồng-Lộ, triều Lê chia ra đôi làm Thượng-Hồng, Đường-An xưa với Đường-Hào làm một, trung-gian chia làm Nam Bắc, Đường-An thời như cũ. Đơn-Loan xưa là Đơn-Luân, đầu niên-hiệu Gia-Long đổi tên Đơn-Loan) Triệu-Xương mến cảnh núi lạ sông trong, người đông đất rộng, có chỗ hứng mát, có đình nghỉ chân, cảnh-trí thiên-nhiên thưởng-ngoạn không chán, nhân lập trường học ở phía đông ấp ấy, gọi là « Đông-Giao Hương-hiệu ».

Từ đó dân ở miền Đông, những trang anh-tuấn mạo-sĩ đều đến học-tập, dân được nhờ có biết nhiều lễ-nghĩa. Những người ở xa nghe tiếng cũng giầy giép đến học. Học-trò đông như mây nhóm, thành nơi đô-hội, ban đầu còn xưng là Độc-thôn, sau biệt ra làm xã Đơn-Luân, học trò trường này đến sau có rất nhiều người thành-đạt, làm quan vinh-hiến.

Sau khi ông mất, sĩ dân thương tiếc nhớ ơn, bèn nhân nơi nền cũ trường học mà lập đền thờ Vương, cùng với bà vợ đều xưng thần cả, hề có cầu đảo đều được linh-ứng. Trải qua các triều gia phong: Bảo-Hựu Phò-Vận Dực-Thánh Khuông-Tế Chánh-Thuận Dương-Vũ Uy-Dũng Hậu-Đức Chí-Nhân Đại-Vương. Phu-Nhân : Gia-Hạnh Trinh-Thục Từ-Huệ Công-Chúa.

(Cần-án: niên-hiệu Quang-Thiệu nhà Tiền Lê về sau, niên-hiệu Hoàng-Định nhà Hậu-Lê về trước, đông thổ bị binh hỏa luôn luôn, hiệu thần tuy còn mà đời này hưng, đời khác phế, tản-mát đi chẳng biết đâu mà xét cho đúng. (1)

Hoàng-Triều Minh-Mạng năm thứ hai, ngày hai mươi tháng bảy năm Tân-Ty, phụng vua Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế, cả chốn anh-oai, khai bờ mở đất, nên nay nổi theo mạng lớn, sáng nổi hồng-đồ, gia tặng Hưng-Đạo Phụ-Chính Trung-Đẳng Thần. Đến nay đền miếu chỉnh-đốn, đền thờ trang-nghiêm, linh-dị càng rõ-rệt hơn lúc xưa vậy,

(1) Bỏ một đoạn không dịch vì không cần-thiết.

BÀI-BẠT TÙNG-BỒ TẬP VIỆT-ĐIỆN U-LINH TOÀN-BIÊN

Nước Việt ta lập-quốc, sơn-kỳ thủy-tứ, địa-linh nhân-kiệt, liệt vào hàng với các nước trên toàn-cầu, những kẻ tài-năng lỗi-lạc vốn chẳng kém người. Duy khi thiêng un-đức lại, sinh ra có nhiều bậc kỳ-tài, sống làm danh-tướng, chết làm danh-thần, đàn-bà thi kẻ tiết-ngĩa, người trinh-liệt, chính-khí ấy thường chu-lưu bàng-bạc ở khoảng trời đất, hoặc tan ra làm Đạo-cốt, làm Tiên-phong, còn mãi trên đời không tiêu-diệt.

Xem như các sách: Công-Dư-Tiếp-Ký, Truyền-Kỳ Mạn-Lục, Lĩnh-Nam Chích-Quái, Tang-Thương Ngẫu-Lục thì thấy rõ vậy.

Nay tập-lục của Lý-Tế-Xuyên, theo trong Tự-Điền đời Trần mà chép ra, còn nhiều điều chưa chép nên còn thiếu sót.

Ta nay quên mình là bỉ-lậu, cố-gắng tùng-bồ, đúng như lời Lý-Tế-Xuyên đã bảo « Đồng-hiếu-sự » ấy vậy.

Hoặc có kẻ bảo: Những chuyện người thêm đó, anh-liệt chính-khí vẫn có; đến như truyện thần-thông chân-khí của Đạo-Hạnh, Minh-Không e không khỏi quá hoang-đường.

Vâng! Có hoang-đường thực, nhưng vì lời truyền lại như vậy. Ta cũng bảo rằng: Đó là chép lại những việc đã nghe mà thôi. Còn như lấy lý mà suy-xét, bỏ điều quái mà giữ lại điều thường thì tại nơi người xem chứ người chép có can-dự gì?

Vậy nên có vài lời làm bài Bạt ghi ở sau toàn-biên.

Đêm Tuất-tịch năm Kỷ-Vy,
Tam-Thanh-Quán Đạo-Nhân đề.

PHỤ - CHÚ

Phần này đáng lẽ phải để ở sau mỗi chuyện mới đúng nhưng vì lời phụ - chú thường liên-hệ đến lịch-sử, ít liên-hệ đến văn-học, bởi vậy chúng tôi quyết-định đặt phần phụ-chú ở những trang cuối cùng mục-đích cho phần truyện khỏi bị nặng-nề vì những lời chú nhiều khi phức-tạp.

Chuyện Sĩ-Nhiếp

(Trang 41)

1) **Quảng-Tín** là một trong mười huyện của quận Thương-Ngô, và Thương-Ngô trong thời Sĩ-Nhiếp là một trong số 9 quận của Giao-Chỉ. Trong số 9 quận ấy, có 6 quận thuộc vào địa-phận của Trung-Hoa (Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất-Lâm, Hợp-Phố, Châu-Nhai, Đạm-Nhi) và 3 quận chính-thức của Giao-Chỉ (Giao - Chỉ tức Bắc-Việt, Cửu - Chân tức Thanh-Hóa, Nhật - Nam tức Quảng - Bình Quảng - Trị). Có lẽ thấy Sĩ - Nhiếp ở quận Thương-Ngô thuộc vào Giao-Chỉ mà có người đã gọi ông là «nhân vật An-Nam».

2) **Thái Thú** điều-khiển một quận, chia quyền với một Thứ-Sử. Đới Đường, Thứ-Sử là Thái-Thú.

3) Kinh-Sur đây không phải là thành Long-Biên như đã ghi chú trong bản chép tay A 751. Lời chú sai-lầm ấy không biết của ai, nhưng chắc-chắn không phải của Lý - Tế - Xuyên vì bản A47 mà Maurice Durand đã dịch ra Pháp-văn và đã đăng trong báo Le Peuple Vietnamien, trang 14, không thấy có lời chú ấy. Kinh-Sur đây là Hán-Kinh, tức Lạc-Dương.

4) Sĩ-Nhiếp nguyên quán ở nước Lỗ, cùng quê với Không-Tử. Ông chuyên-môn nghiên-cứu Kinh Xuân Thu, bản của 左邱明 (Tả-Khâu-Minh) là một bản đúng nhất trong ba bản chép Kinh Xuân Thu.

5) **Hiếu-Liêm** : theo lệnh của Hán-Vũ-Đế (năm 134 trước Thiên-Chúa, mùa đông, tháng 11), mỗi quận được cử một hiếu-liêm, nghĩa là một người được tiếng là đã chu-toàn bổn-phận của một người con thảo trong gia-đình, được tiếng là một người trong-sạch, làm việc quan sẽ không ăn hối-lộ. Mậu-tài tức là tú-tài, vì kiêng tên vua Hán-Quang-Vũ (25 - 58 sau Thiên-Chúa) tên là Tú nên phải đổi tú ra mậu. Tú-tài là người được châu cử ra, chức lớn hơn Hiếu-liêm.

6) **Hán-Hiển-Đế** (190-221 sau Thiên-Chúa).

7) **Thái-Thú** Giao-Châu, hiệu theo Ngô-Chỉ là Thái-Thú Giao-Chỉ, nghĩa là chỉ điều-khiển một quận Giao-Chỉ trong số 7 quận khác. Vì Giao-Chỉ vừa là tên quận vừa là tên châu nên khó phân-biệt. Trương-Tân được gửi sang làm Thứ-Sử Giao - Châu năm 201, khi ấy Giao - Chỉ gồm 7 quận đã đổi tên là Giao-Châu. Quận Giao-Chỉ của Sĩ-Nhiếp như thế thuộc quyền kiểm-soát của Trương-Tân. Sau khi Trương-Tân bị Khu-Cảnh ám-sát, Sĩ-Nhiếp được kiêm-nhiệm chức Thứ - Sử Giao - Châu, nghĩa là vừa cai-trị 7 quận kia, vừa trực-tiếp điều-khiển quận Giao-Chỉ.

8) **Kinh-Châu** : khoảng Hồ-Nam, Hồ-Bắc và lân-cận.

9) **Tướng giặc** : chỉ Lưu-Biểu, dám vượt quyền vua Hán mà cử Lại-Cung sang làm Thứ-Sử Giao-Châu. Chính vì thế mà Hán-Hiến-Đế phải vội-vàng sắc phong cho Sĩ-Nhiếp làm Thứ-Sử.

10) **Tuy-Nam-Trung-Lang-Tướng** : một sĩ-quan cao-cấp mang lại hòa-bình cho phương Nam.

11) **Trương-Mân** (張曼) theo bản của tôi, nhưng theo bản A 47 của Durand thì là Trương-Thị (張是), nhưng đúng theo An-Nam Chí-Lược và Ngô-Chí thì là Trương-Dục (張昱).

12) **Trần-Quốc-Huy** lúc ấy đang du-lich ở Giao - Chỉ. Thời đó là cuối đời Hán. Tuân-Úc có chỗ gọi là Tuân-Quắc.

13) **Đậu-Dung** : một điển-hình về trung-tần đời Hán, giữ Hà-Tây từ năm 23, mất năm 62.

14) **Nhiếp-dưỡng** là một phương-pháp của Lão-giáo để nhiếp-sinh và dưỡng - sinh nghĩa là để bảo - tồn và nuôi - nấng sự sống. Giới về nhiếp-dưỡng nghĩa là biết cách để giữ cho thân-thể không bị rửa ra sau khi chết.

15) **Đời Tấn** kể từ 65 đến 419 sau Thiên-Chúa.

16) **Lâm-áp**, tên cũ của Chiêm-Thành, thời ấy là Thuận - hóa bây giờ. Tên Chiêm-Thành xuất-hiện từ đời Ngũ-Đại, thế-kỷ thứ 10.

17) Bài thơ của Cao-Biền đã được Trần - Hàm - Tấn diễn quốc-ngữ như sau :

*Từ thuở Hoàng - sơ nước Ngụy xưa.
Năm trăm năm đứng đến nay vừa
Hàm-Thông thứ tám nhà Đường phỏng ?
Gặp Sĩ-Vương-Tiến may-mắn chưa.*

Nordemann trong cuốn Chrestomathie Annamite cũng đã phiên-dịch bài ấy ra quốc-ngữ nhưng không được hay lắm (Theo Durand, trong Le Peuple Vietnamien, số 3).

Chuyện Bó-Cái Đại Vương

(Trang 49)

1) **Giao-Châu-Ký** : có lẽ là tác-phẩm của Triệu-Xương, mà bản chép tay A 47 chép là Triệu-Công (ông họ Triệu) và bản A 751 của chúng tôi chép là Triệu-Vương (vua họ Triệu). Triệu-Xương đã cai-trị hai lần ở Giao-Châu và đã trở thành như một nhà chuyên-môn về các vấn-đề Giao-

Châu, bởi vậy, khó lòng có thể có một người nào hiểu biết về Bồ-Cái Đại-Vương hơn ông.

2) Theo thần-tích của những làng thờ Bồ-Cái Đại-Vương làm thần-hoàng như làng Triều-Khúc chẳng hạn thì Phùng-Hưng có lẽ sinh vào ngày 25 tháng 11 năm Canh-Tý (760), lên ngôi ngày 10 tháng 1 năm Tân-Vị (791), mất ngày 13 tháng 8 năm Nhâm-Ngọ (802).

3) **Đường-Lâm** là một trong ba huyện khác thuộc châu Phúc-Lộc, tỉnh Sơn-Tây, nay là Phúc-Thọ (Cương-Mục, Tiền-Biên IV, 26) xã Cam-Lâm.

4) Một cân là 604g500, nghìn cân là 604 ký. Hộc là 16 mét khối, dặm hay lý là 720 mét, 10 dặm là hơn 7 cây số.

5) Thời Đại-Lịch kể từ 766-799 sau Thiên-Chúa.

6) Bản A47 của Durand viết 蒲披勃 và dịch là **Bồ-Phi-Cần**, bản A751 của tôi viết 蒲披勃 nên tôi dịch là **Bồ-Phá-Lặc**. Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư, ngoại-kỷ quyển 6, tờ 7b cũng viết đúng như bản A 751 mà chúng tôi dùng đây.

7) Vương-thị-sự bảy năm : sử-sách đều ghi chép một vài tháng mà thôi. (Toàn-Thư, V, 6ab, Cương-Mục IV, 26).

8) Đỗ-Anh-Hàn còn gọi là Đỗ-Anh-Biên (杜英偏). Có bản ghi là Đỗ-Anh-Luân có lẽ làm chữ Biên (偏) và chữ Luân (倫).

3.— Triệu-Việt-Vương, Lý-Nam-Đế

(Trang 52)

1) Lý-Bôn ở Thái-Bình, thuộc Phong-Châu ngày trước, tức Sơn-Tây ngày nay (theo Khâm-Định Việt-Sử). Huyện Thái-Bình ở giữa sông Cà-Lồ và sông Hồng-Hà. Năm 1006 đổi là Thái-Bình-Phủ sau 1015 không thấy nói đến nữa.

2) **Tinh-Thiều** : Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư chép rằng năm Tân-Dậu (541), Tinh-Thiều, giàu-có và giỏi văn-chương xin đi làm quan và chỉ được Thượng-Thư Bộ-Lại của nước Lương tên là Thái-Tồn bổ làm **Quảng-Dương Môn-Lang**. Thiều xấu-hổ trở về sinh-quán và trở thành môn-khách của Lý-Bí. Theo Cương-Mục thì Lý-Bôn là một công-chức nhà Lương, coi đạo quân Cửu-Đức rồi bất-đắc-chí trở về Thái-Bình khởi binh. (Cương-Mục, Tiền biên, IV, 1)

3) **Thái-Tồn** mất năm 423 và thời làm Thượng-Thư Bộ-Lại lâu năm trước khi từ-chức (xem Lương-Thư, quyển 21, trang 7b). Như vậy,

câu chuyện của Tinh-Thiều phải xảy ra trước năm 541. Nhận xét này là của H. Maspéro, trong bài báo đã dẫn.

4) **Cửu-Đức** : Theo Cương-Mục, châu **Cửu-Đức** có từ đời Ngô (222-280 Trước Thiên-Chúa) và là Hà-Tĩnh ngày nay. Cửu-Đức là phần cực-nam của Cửu-Chân, giáp-giới Lâm-Áp. Cửu-Chân được lập dưới thời Hán, người ta thường cho Cửu-Chân ở vào khoảng Thanh-Hóa Nghệ-An.

5) **Tiền-Tư** chạy được về Quảng-Châu là vì đã dâng lễ-vật và thành Long-Biên cho Lý-Bôn. (CM. TB, IV, 1).

6) **Quân Lâm-Áp** khởi-chiến tháng tư, mùa hạ năm Quý-Hợi (543).

7) **Lý-Bôn** xưng Vương tháng giêng, mùa xuân năm Giáp-Tý (544). Thành Vạn-Xuân còn dấu vết ở xã Vạn-Phúc, huyện Thanh-Tri.

8) **Thực** ra, Trần-Bá-Tiền không làm Thứ-Sử Giao-Châu, ông được cử làm Tư-Mã, còn người được bổ làm Thứ-sử Giao - Châu là Dương - Phiếu (theo Cương-Mục, Tiền-Biên, IV, 4).

9) Theo Toàn-Thư, Nam-Việt-Đế băng - hà vào mùa xuân tháng 3, ngày Tân-Hợi, năm Mậu-Thìn (548). Nhà vua mất vì bệnh sốt-rét rừng tại động Khuất-Liệu. Maspéro không đồng - ý như thế và theo sử Tàu, ông cho rằng nhà vua bị dân Khuất-Liệu giết vào mùa hạ năm Bính-Dần (546) để lấy đầu dâng Trần-Bá-Tiền xin hòa. Madrolle cũng chủ-trương như thế. Nhưng các Sử - Việt đều nói năm 546 nhà vua trao quyền lại cho Triệu - Quang-Phục và hai năm sau mới mất. Triệu-Quang-Phục xưng Vương ngày 24-4-548. Như thế, nhà Tiền-Lý khởi từ năm Giáp - Tý (544) mất năm Mậu-Thìn (548) công được 5 năm (CM, TB, IV, 7), không phải 8 năm.

10) **Triệu-Quang-Phục** là con Triệu-Túc, thái-phó của Nam-Việt-Đế từ năm Giáp-Tý (544). Cha làm thái-phó, con làm Tả-tướng-quân, gia-đình họ Triệu cộng-tác hết sức chặt-chẽ với Lý - Bôn vậy. Có lẽ vì thế mà Lý-Bôn đã giao quyền lại cho Triệu - Quang - Phục, chứ không nói gì đến Lý-Phật-Tử là em họ, do đấy có sự hiềm-khích giữa Phật-Tử và Quang-Phục. Phật-Tử đã thân mang quân-sĩ đến đất của Quang-Phục ở Thái-Bình để trả thù, mặc dầu lực-lượng của ông không hùng-hậu hơn lực-lượng của Quang-Phục. Maspéro không cho Triệu-Việt-Vương, tức Triệu-Quang-Phục là một nhân-vật lịch-sử, nhưng xem sự ưu-đãi của Lý-Bôn đối với Triệu - Túc và sự ganh-ghét của Lý-Phật-Tử đối với Triệu-Quang-Phục, ta khó lòng phủ-nhận Triệu-Quang-Phục là một nhân-vật lịch-sử thật-sự.

11) **Chu-Diên** (Châu-Diên) : nay là phủ Vinh - Tường, tỉnh Vinh-Yên. Trong những văn - kiện trước 1891, ta đọc thấy phủ Vinh - Tường

thuộc về tỉnh Sơn-Tây từ 1882 đến 1891. Năm 1891, Vinh-Tường thuộc về đạo Vinh - Yên và đạo Vinh - Yên năm 1899 trở thành tỉnh Vinh - Yên (xem Địa-Dư các tỉnh Bắc-Kỳ, Lê-văn-Tàn, 1930, Hà-nội, trang 112). Châu-Diên không thể ở Hải-Dương như Maspéro đã quyết - đoán. Cứ xem cuộc rút lui của Lý-Bôn thì biết.

12) Đầm Dạ-Trạch ở về phía Bắc Châu - Diên, tức là ở về phía Bắc Vinh-Yên. Nhưng theo Cương-Mục, (Tiền-biên, quyển 4, tờ 6b) thì ở Đông-Kết, phủ Kiến-Xương, ngày nay là phủ Khôi-Châu, huyện Đông-Yên, tỉnh Hưng-Yên. Không biết trước khi Triệu-Quang-Phục đến ở đầm này đã có tên gì chưa, trong Việt-Điện U-Linh Tập như chúng ta đã đọc cũng chỉ nói là có một chiếc đầm ở phía Bắc Châu - Diên. Bản A47 mà ông M. Durand đã khảo-sát trong Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, quyển XLIV, năm 1954, nói rõ là «sơ bảo Dạ - Trạch» thì có lẽ tên Dạ - Trạch đã có từ trước. Có lẽ người ta đã lầm đầm Dạ - Trạch và đầm Nhất-Dạ ở đảo Tự-Nhiên, Hà-Đông, trong chuyện Chử-Đông-Tử và công-chúa Tiên - Dung ; có lẽ cũng vì thế mà nhiều người cho rằng cái móng rồng đã giúp cho Triệu-Việt-Vương thắng Lý-Phật-Tử là do Chử-Đông - Tử cho, trong khi Việt-Điện U - Linh Tập không nói là của ai. Vậy đầm Dạ - Trạch không phải là đầm Nhất-Dạ, và theo Cương-Mục, tên đầm Dạ-Trạch có thể là do biệt - hiệu Dạ-Trạch Vương mà dân chúng bay quân Tàu đã đặt cho Triệu-Quang-Phục khi thấy ông chỉ ra khỏi đầu về ban đêm (xem C M, Tiền-Biên, IV, 6b).

13) Thấy một con rồng Việt - Điện U - Linh Tập chỉ nói trống không như thế chứ không nói rõ đó là Chử-Đông-Tử.

14) Bá-Tiên về Tàu để dẹp giặc Hầu - Cảnh để Dương - Sần ở lại. Đây là một cơ-hội may-mắn cho Triệu-Quang-Phục quật - khởi vì Dương - Sần không phải là một tay dũng-tướng như Trần-Bá-Tiên.

15) Lộc-Loa và Vũ-Ninh nay ở vào khoảng các huyện Quế-Dương và Vũ-Giang (Bắc-Ninh).

16) Triệu-Quang-Phục xưng Vương tháng 4 Âm-lịch. tức ngày 24-4-548, VĐULT nói năm 551 chắc sai.

17) Lý-Phật-Tử có nghĩa là một đồ-đệ của đức Phật họ Lý, tên của vị anh-hùng này chứng-tỏ sức bành-trướng của Phật-giáo vào khoảng thế-kỷ thứ 6 thứ 7. Phật-Tử ở chỗ mà năm 580, Vinitaruci (Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi) sang truyền-bá Phật-giáo (nhận xét của Durand).

18) Sông Đà Giang : có thể là sông Mã ở Thanh-Hóa. Dã-Năng được thiết-lập ở đầu sông Mã, vùng rừng núi của Thanh-Hóa. Từ đây, Lý-

Phật-Tử kéo quân xuống phía Đông để gặp quân của Triệu - Quang - Phục ở Thái-Bình, tức Sơn-Tây ngày nay ; như thế, vị-trí của hai nơi đối-chiếu với nhau rất hợp-lý (nhận xét của Durand).

19) Động Dã-Năng : Chũ Động ở đây không có nghĩa là một cái hang mà là một vùng đất thường là miền núi khô - khan có người dân sơn - cước ở. Động có thể hiểu như là một xóm, một làng. Theo Đại-Nam-Nhất-Thống Chí (A69, tờ 14a), năm 1838, Minh-Mệnh đổi động thành xã. Có nhiều động rất lớn. Động Dã-Năng là một miền đất cao về phía sông Mã, Thanh-Hóa.

20) Thiên-Bảo mất năm 555.

21) Bãi Quân-Thần : làng Thượng-Cát, Hạ-Cát, Hà-Đông.

22) Ô-Diên : Theo Địa-Dư-Chí của Nguyễn-Trãi (Ức-Trải Tập, quyển 6, tờ 6a) Ô-Diên ở trong huyện Từ-Liêm. Hoàng-Việt Địa-Dư Chí (quyển 1, tờ 43a) và Cương-Mục cho Ô-Diên là Hạ-Mỗ ngày nay, nơi có đền thờ Nhà-Lang, trên đường Hà-Nội, Sơn-Tây. Ô - Diên nay thuộc tỉnh Phúc-Yên.

23) Nhà-Lang : theo Thần-tích làng Hạ-Mỗ là con thứ hai của Lý-Phật-Tử. Đệ bát lang hoàng-tử mà chính Lê-Quý-Đôn trong “Kiến - Văn Tiểu-Lục” (quyển 6, tờ 1b) cũng lầm là Nhà - Lang thực ra là một con người khác của Phật-Tử, người em cách Nhà-Lang sáu người. Nhà - Lang khéo-léo được Triệu-Việt-Vương yêu - mến như con, bắt ở gửi rể. Có lẽ đó là một kế-hoạch đã dự mưu. Cứ nghe những lời tha-thiết của chàng nói với Cao-Nương thì rõ. Các tác-giả Đại-Nam Quốc-Sử Diễn-Ca đã viết khi Lý-Phật-Tử ngộ-ý muốn thông-gia thì hai tướng của Triệu - Việt - Vương đã can-gián nhà vua và dẫn-chứng chuyện Trọng - Thủy và My - Nương để chứng-tỏ manh-tâm của cha con họ Lý. Triệu-Việt-Vương không nghe.

24) Hoảng : chết (nói về một người có tước vương, cũng như dùng chữ **băng** để chỉ vua chết).

25) Theo VĐTTLT : thì Triệu-Việt-Vương dấy từ năm 551, có lẽ lầm.

Chuyện Nhị-Trung Phu-Nhân

(Trang 59)

1) Theo Lĩnh-Nam Chích - Quái, tên họ của hai bà là Lạc (落). Chũ này rất giống với chũ Lạc (落) nên ta có thể nghi-ngờ mà cho rằng có lẽ tác-giả Lĩnh-Nam Chích-Quái là Trần-Thế-Pháp đã đồng - ý với Lý-Tử-

Xuyên mà công - nhận họ của hai bà Trưng là **Lạc**. Theo Cương-Mục thì Trưng-Vương vốn họ **Lạc**, lại có họ khác nữa là **Trưng** (Cương-Mục, quyển II, tờ 9b) Chồng bà Trưng-Trắc tên là **Thi** chứ không phải là Thi-Sách (theo Thủy-Kinh-Chú, Q, 37, tờ 62).

2) Theo Lĩnh-Nam Chích-Quái, Trưng-Vương đóng đô ở Ô-Diên, theo Cương-Mục và phần đồng sử-sách thì là bà đóng đô ở Mê-Linh là huyện nhà, ở châu Phong nay làng Hạ-Lôi tỉnh Phúc-Yên.

3) Lĩnh-Nam Chích-Quái cũng nói rõ là khi xưng Vương bà Trưng mới xưng là họ Trưng. Cương-Mục chỉ nói "Lược định được 65 thành ở Lĩnh-Nam, ngài tự lập làm vua, đóng đô ở Mê-Linh (hay Mi-Linh).

4) Hồ **Lãng-Bạc** : tức Hồ-Tây ngày nay, theo Đại-Nam Quốc-Sử Diển-Ca, nhưng theo Maspéro Lãng - Bạc ở vào vùng Tiên - Du, tỉnh Bắc-Ninh. Cương-Mục cũng cho Lãng-Bạc là Dâm-Đàm, tức Hồ-Tây.

5) **Cấm - Khê** nay ở Vinh - Yên, phủ Vinh - Tường. Cứ xem cách giàn trận của Mã-Viện thì Lãng - Bạc có thể ở Tiên - Du. Tại sao ở miền núi lại không thể có hồ và sông bạc ? (Xem lời chú tỉ-mỉ về Cấm - Khê trong Cương-Mục (Tiền Biên, Q. II, 11b).

Chuyện Mỵ - Ê

(Trang 61)

1) Chiêm-Thành tức là Lâm - Ấp ngày trước. Tên Chiêm - Thành có từ đầu đời Lý và trải rộng từ Hoành-Sơn đến Bình-Thuận ngày nay, nghĩa là đến Phan-Thiết.

2) Lý-Thái-Tông (1028-1054), nam-chinh Chiêm-Thành năm Giáp - Thân (1044) vì đã 16 năm, Chiêm-Thành không tuế - cống lại xâm - phạm miền duyên-hải Việt-Nam năm 1043.

3) Sông Lý-Nhân ở Phủ Lý.

Chuyện Lý - Hoàng

(Trang 65)

1) **Bát-Lang Hoàng-Tử** : không nên nhầm với Nhā-Lang, con của Lý-Phật-Tử, đến ở thờ làng Hạ-Mỗ, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Đông.

2) **Kiên - Phù - Hữu - Đạo** là niên-hiệu thứ ba của Lý-Thái - Tôn, bắt đầu từ 1039 đến 1041.

3) **Châu Nghệ-An** : tên Nghệ - An có từ năm 1036. Theo Toàn-Thư mà Hoàng-Xuân-Hãn dẫn trong cuốn Lý-Thường-Kiệt (trang 385),

tháng 4 năm Bính-Tý (1036), Lý - Thái - Tông đặt hành-doanh ở Hoan-Châu, ở Nghệ-An. Nhưng bảy giờ còn chỉ là một châu. Việt-sử lược nói năm 1101, đổi Hoan-Châu ra Nghệ-An Phủ. Nhưng trong các đời sau, chỉ thấy sử chép Nghệ-An-châu mà thôi, ví-dụ Toàn-Thư 1128, 1073, 1131, 1132, v.v...

4) Thái-Tông nam-chinh năm Giáp-Thân (1044).

5) Long-Thụy Thái-Bình là niên-hiệu thứ nhất của Lý-Thánh-Tông, bắt đầu từ 1054. Vậy năm thứ hai là năm 1055.

6) Trại Bà-Hòa ở sông Bà Hòa ; sông Bà-Hòa ở huyện Ngọc-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa, Bày giờ là sông xã Đông-Hòa (CM, cb, 1, 20).

7) Chuyện Lý-Hoảng được kể trong CM, cb, III, 8b, 9a.

Chuyện Lý - Ông - Trọng

(Trang 68)

1) Hai trượng ba thước tức là 9 mét 20.

2) Lý-Ông-Trọng sống vào đời vua Thục, đồ hiệu - liêm triều Tần bên Tàu, làm hiệu-úy đánh Hung-Nô đại-bại, danh - tiếng lẫy - lừng đến nỗi chỉ việc đúc tượng ông đặt ở cửa Hàm-Dương (bên Tàu) mà quân Hung-Nô đã kinh-sợ. Theo Lĩnh-Nam Chích - Quái, Lý - Ông - Trọng tên thực là Lý-Thân.

3) Đền của ông nay ở làng Trèm, phía Bắc Hà-Nội (chữ Trèm do chữ Liêm mà ra, iê : e, l trước đọc là tl, sau tl : tr).

4) Chuyện Lý-Ông-Trọng thường được sắp trong lịch-sử sau cuộc khởi nghĩa của Phùng-Hưng, trong thời-kỳ Triệu-Xương sang làm đô-hộ.

5) Cao-Biền thường gọi Lý Ông-Trọng là Lý Hiệu-Úy. Phân - biệt với Lý Đê-Úy là một nhân-vật khác.

6) Nhân-cách của Lý-Ông-Trọng trong V Đ U L Tcao-quý hơn trong L N C Q.

Chuyện Lý - Thường - Kiệt

(Trang 70)

1) Tên họ của Thường-Kiệt được ghi một cách khác trong mộ-chí của Đỗ-Anh-Vũ, làng Yên-Lạc, phủ Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên. Theo Hoàng-Xuân-Hãn (trong Lý-Thường-Kiệt, quyển 2, trang 388-390), những đoạn

liên-can đến Lý-Thường-Kiệt của mộ-chí ấy cho biết «cha Thường - Kiệt là một quan thái-úy đời Thái-Tông, họ Quách, quán ở huyện Câu-Lậu, thuộc Tề-Giang... Nay xét các sách Toàn - Thư và Việt - Sử Lược, ta thấy ở đời Thái-Tông có thái-úy Quách-Thịnh-Dật là tướng mà Thái-Tông sai cầm quân đánh Nùng-Trí-Cao năm 1048. Có thể đó là người sinh ra Thường-Kiệt. Nếu quả như vậy thì tại sao Thường - Kiệt lại thành họ Lý ? Mộ-chí Đỗ-Anh-Vũ trả lời sẵn : ấy vì vua ban quốc-tính cho ông. Tuy mộ-chí không nói chuyện ấy xảy ra vào năm nào, nhưng có lẽ vào năm ông được ban hiệu Thiên-Tử Nghĩa-Nam. Vua nhận ông làm con nuôi, thì tự-nhiên cho ông họ Lý» (Hoàng-Xuân-Hãn, Sđd, trang 389). Theo bia của Nhữ - Bá - Sĩ, Thường-Kiệt là tên tự, tên húy là Tuấn (Sđd, trang 41).

2) Phường Thái - Hòa ở vào phía Tây thành Thăng - Long, phía Nam đê Bách-Thảo, gần chỗ rẽ xuống trường đua ngựa.

3) Hoàng-môn chi-hầu là một chức hoạn-quan. Bản A751 của tôi không nói Lý-Thường-Kiệt tinh-thần, nhưng chức Hoàng - môn chi-hầu cho biết rõ điều ấy. Bản của giáo-sư Hoàng-Xuân-Hãn đầy-dủ hơn và chép : “ Vì ông có dáng mặt đẹp, nên mới tinh-thần mà sung vào chức Hoàng-môn chi - hầu”. Cũng trong Việt-Điện U-Linh Tập bản của Hoàng-Xuân-Hãn : “Vua thấy mặt mũi đẹp-dẽ, cho ông tiền ba vạn, bảo tự-yếm”.

4) Hạ chiếu nam-hình ngày 24-2-1069, xuất-quân ngày 8-3-1069.

5) Chế-Củ là Rudravarman III, sau đổi mạng bằng ba châu Bô-Chánh Địa-Lý, Ma-Linh, tức Quảng-Bình và Bắc Quảng-Trị ngày nay.

6) Bản của tôi chép Thiên-Tử Nghĩa-Đệ (con nuôi vua) có lẽ hợp-lý hơn bản Hoàng-Xuân-Hãn chép “Thiên-Tử Nghĩa-Nam” (con nuôi vua) vì Lý-Thường-Kiệt lúc ấy đã 51 tuổi, trong khi Lý-Thánh-Tông mới 46 tuổi. Nhưng bản của Hoàng-Xuân-Hãn hợp với bia Nhữ-Bá-Sĩ và lịch-sử. Lý-Thường-Kiệt có lẽ là nghĩa-đệ của Lý-Nhân-Tông.

7) Nhân-Tôn lên ngôi ngày 1-2-1072, lúc ấy mới 7 tuổi. Lý-Thường-Kiệt được thăng-chức vì đã ủng-hộ bà Ý-Lan Thái-Phi, mẹ vua Nhân-Tôn, để khuyến-đạo Hoàng-thái-hậu Thượng-Dương họ Dương. 4 tháng sau ngày đăng-quang của Nhân-Tôn, Lý - Đạo - Thành, phe Thượng-Dương bị giáng làm binh-bộ thị-lang, năm sau Thái-Hậu bị ép phải chết theo Lý-Thánh-Tông.

8) Anh-Vũ Chiêu-Thắng là niên-hiệu thứ hai của Lý-Nhân-Tôn. Làm vua từ 1072 đến 1127, Nhân-Tôn có tất cả 8 niên - hiệu : Thái - Minh (4 năm đầu), Anh-Vũ Chiêu-Thắng (9 năm sau). rồi đến Quảng - Hữu, Hội-Phong, Long-Phù, Hội-Tương Đại-Khánh, Thiên-Phù Dực-Võ, Thiên-Phù Khánh-Thọ.

9) Thứ-tự Ung, Khâm, Liêm không được đúng, phải để là Khâm, Liêm, Ung. Cuộc bắc-chinh khởi-sự từ 15-9-1075.

10) Long-Phù là niên-hiệu thứ 5 của Nhân-Tôn, bắt đầu từ 1101 đến 1109.

11) Từ 1082 đến 1101, Lý-Nhân-Tôn trưởng-thành, Lý-Thường-Kiệt lui về trấn Thanh-Hóa, dựng chùa Linh-Xứng, Hương-Nghiêm. Sau khi Lý-Nhân-Tôn đổi niên-hiệu là Long-Phù, Lý-Thường-Kiệt được mời về triều giữ chức tể-tướng. Lúc ấy ông đã 83 tuổi. Chức mới của Lý-Công là một chức cận-thần, quản-đốc mọi việc trong và ngoài cung-điện.

12) Diên-Châu ở về phía Bắc tỉnh Nghệ-An và có lẽ gồm một ít đất Thanh-Hóa. Việt-Điện U-Linh Tập không nói rõ về Lý-Giác. Lý-Giác học được phép Phù-thủy, dùng âm-binh, sai khiến quân lính giả (Cương-Mục, Chính-biên, IV, 3b, 4a)

13) Bến đò Như-Nguyệt : Như-Nguyệt là khúc sông Cầu chảy qua làng Như-Nguyệt, chỗ cửa sông Cà-Lố chảy vào sông Cầu, cách Thăng-Long 20 cây số. Mặt trận này quyết-định sự thắng-bại của đôi bên. Phòng-tuyệt của quân Tống dài 30 cây số nhưng phòng-tuyến của ta cũng rất vững-chãi. Cuối cùng, ta đã thắng một cách vẻ-vang nhờ tài điều-khiển rất tinh-vi của Lý-Thường-Kiệt và cũng nhờ ở tinh-thần rất cao của quân-sĩ (xem thêm chuyện Trương Hát, cũng trong tập này, trang 46).

14) Vũ-Bình : tức Như-Nguyệt, hay sông Cầu.

15) Lý-Thường-Kiệt sinh năm 1019 mất vào tháng sáu năm Ất-Dậu (1106) tại Thăng-Long, thọ 86 tuổi (CM, cb, IV, 5).

16) Chức-tước của Lý-Thường-Kiệt (theo bia chùa Linh-Xứng và lời giải-thích của Hoàng-Xuân-Hân (Sđd, trang 386) : “ Bia LX, dựng sau khi Lý-Thường-Kiệt mất, kể đủ các chức-tước của ông như sau : Suy-thành Hiệp-Mưu, Thủ-chính, Tá-lý, Dực-đối công-thần. Thủ-thượng-thư-lệnh, Khai phủ nghị đồng-tam-ti. Nhập-nội nội-tri-tinh-đồ-đo-tri, Kiểm-hiệu thái-úy, Kiểm ngự-sử đại-phu, Dao-thụ chư-trấn tiết-độ-sứ, Đồng trung-thư môn-hạ bình-chương-sự, Thượng-trụ quốc, Thiên-tử nghĩa-đệ. Phụ-quốc thượng-tướng quân. Việt-quốc-công, Thực ấp nhất vạn hộ. Thực thật-phong tứ-thiên-hộ. Nghĩa là : Kẻ bầy tôi có công, trung-thành, bày mưu, cầm tiết, giữ chính, giúp việc, phò-tá ; coi việc ti thượng-thư. được quyền mở phủ, ngang với tam-ti, được vào nội, coi tất cả các việc châu trong cung, lĩnh chức thái-úy đứng đầu các quân ; kiêm chức ngự-sử đại-phu kiểm-soát việc chính ; ở Kinh coi việc quân tất cả các trấn, cùng coi việc bí-thư, hằng ngày đến gần vua bàn việc ; hàm thượng-trụ-quốc, đã có công bắt được tướng-giặc ; em

nuôi vua ; chức thượng-tướng giúp nước ; tước quốc - công, hiệu Việt ; được phong lộc hạng một vạn hộ ; được thật-phong lộc bốn nghìn hộ.

Chuyện Thần Tô - Lịch

(Trang 73)

1) Theo **Cương-Mục** (Tiên-Biên, IV, 31) thì Tô - Lịch là một nhánh Sông Nhị. Theo **Thanh-Nhất-Thống-Chí** sông Tô - Lịch đi từ phía đông thành phủ Giao-Châu chuyển sang phía Bắc rồi đi sang phía Tây thẳng đến sông Nhuệ. Xưa kia có người tên là Tô-Lịch ở đấy, cho nên gọi sông ấy là sông Tô-Lịch. Hồi đầu niên-hiệu Vinh-Lạc (1403-1424) nhà Minh, Hoàng-Phúc lại đào thêm, nhân đổi tên là sông Lai-Tô. Nay ở phía đông tỉnh Hà-nội, huyện Thọ-Xương có một cửa sông, đấy là chỗ phân - lưu từ sông Nhị.

2) Về Lý-Nguyên-Hỉ, **Cưu-Đường-Thư** (quyển 17 thượng, tờ 5b) viết : Năm Bảo-Lịch nguyên-niên (825) tháng 5, Lý-nguyên-Hỉ ở Annam tâu xin di-chuyển đô-hộ-phủ sang bờ sông phía Bắc.

Chuyện Lê - Phụng - Hiều

(Trang 77)

1) Lý-Thái-Tổ mất năm 1028 ; Lý-Thái-Tôn phụng - chiếu lên ngôi cũng năm ấy, vào hồi 18 tuổi.

2) Thiên-Cảm Thánh-Võ (1044-1088) : niên - hiệu thứ 5 của Lý-Thái-Tôn. Thái-Tôn nam-chinh năm Giáp-Thân (1044).

3) Theo sách Thiên-Nam Trung-Nghĩa Lục của Phạm-Phi-Hiến thì Dực Thánh-Vương là con thứ Lý-Thái-Tổ (xem **Cương-Mục-Chính Biên**, II, 8).

4) Đông-Chinh-Vương tên là Lực (CM, CB, II, 26). Hai Vương kia không biết tên là gì.

5) Cửa Quảng-Dương, theo CM là cửa **Quảng-Phúc** (CM, cb, II, 28). Chữ 揚 và chữ 福 có thể lẫn với nhau.

6) Uất-Từ-Kinh Đức giết được Nguyễn - Cật để cứu chủ là Thế - Dân (Đường-Thái-Tông).

Chuyện Mục - Thận

(Trang 80)

1) Lê-văn-Thịnh : Hoàng-Xuân-Hãn dẫn trong cuốn Lý-Thường-Kiệt trang 430 : “Theo gia-phả họ Lê-Quát ở xã Phủ-Lý thì Lê-văn-Thịnh người Đông-Cứu (huyện Gia-Binh, tỉnh Bắc-Ninh ngày nay). Vợ họ Lê, người làng Phủ-Lý này. Văn - Thịnh gặp bà, lúc thân - phụ bà làm quan ở Thăng-Long. Có lẽ chỉ vì vậy, con Văn-Thịnh sau nhập-tịch quê mẹ. Nhưng cũng có thể vì có thứ hai là Văn-Thịnh đã bị đẩy vào Thanh.

Lê-văn - Thịnh đậu đầu khoa thi đầu tiên của nước ta năm 1075, sau được vào cung dạy vua Nhân-Tông ; năm 1084, dẫn đầu phái - đoàn điều-đình về việc phân chia địa - giới với Tống tại trại Vinh - Bình ; năm 1085 được bổ-nhiệm Thái-Sur và giữ chức đến năm 1096, là năm xảy ra chuyện này.

2) Việc Lê-văn-Thịnh khảo về thuật chú-ảo là một việc có thực. Việt-Sử Lược cho câu chuyện xảy ra ban ngày (Việt-Sử Lược, II 19a) Cương-Mục không nói rõ ngày giờ. Chỉ nói là tháng 3, mùa xuân. Việt-Sử Lược nói là vào tháng 11, mùa đông.

3) Chuyện này tiêu-biểu cho sự mê-tín có ảnh-hưởng lớn đến chính-trị ở triều Lý. Sử còn cho biết nhiều chuyện chứng rằng Nhân-Tông, cũng như các vua Lý về sau, rất tin ảo-thuật, và có thần - kinh dễ cảm-xúc. Cho nên chỉ vì một việc xảy ra rất thường mà Văn - Thịnh xuýt bị chết. Về tháng mười một, trận mù thình - linh tới trên bờ, đó là một sự thường có. Nhưng với tâm-thần hay bị xúc-cảm của vua Lý, khi thấy trời tối mà mình còn ở trên mặt nước thì vua đâm ra hoảng-hốt. Có lẽ Văn - Thịnh, cũng vì thấy trời tối mà vội-vã sai chèo thuyền gấp tới để hộ vua về. Ngồi trong thuyền bị trùng - triềng không vững, Văn - Thịnh phải ngồi khom mình, tay chống vào thuyền cho vững. Hình - dáng trông như con hổ. Một mặt khác, có lẽ Văn-Thịnh cũng tin vào các thuật, và có tiếng sẵn là đã học được phép hóa hổ. Cho nên, kẻ trông thấy hình con hổ trong thuyền lại càng nghi cho y muốn hại vua.

Cũng may cho y. Tuy vua tin dị-đoan, nhưng đạo Phật đã gieo mối từ-tâm, cho nên Văn-Thịnh không bị tru di tam tộc như Nguyễn-Trãi đời sau. Các nhà bình-luận phái nho ở đời sau, như Ngô-Sĩ-Liên, còn trách rằng : “ Nhân-thần mà mưu giết vua cướp ngôi, thế mà còn tha tội. Làm sai hình chính như vậy, ấy bởi vì lỗi vua quá sùng Phật ”. (Hoàng-Xuân-Hãn, Lý-Thường-Kiệt, trang 421-422).

4) Sông Thao ở phía Bắc huyện Tam-Nông, tỉnh Hưng-Hóa (Cương-Mục, IV. 2). Theo Việt-Sử Lược thì Lê-văn-Thịnh bị đày lên một trại ở thượng-lưu sông Lương (Việt-Sử Lược, II, 19a). Việt-Sử Lược không nói đến Mục-Thận. Lê-văn-Thịnh bị đày vào sông Lương tức Thanh-Hóa có lẽ đúng hơn vì con cháu của Lê-văn-Thịnh như Lê-Quát đều ở Thanh-Hóa.

Chuyện Trương-Hống và Trương-Hát

(Trang 82)

1) Phù-Lan là sông Lục-Đầu.

2) Theo Đại-Nam Quốc-Sử Diễn-Ca, Trương-Hống và Trương-Hát đã can Triệu-Việt-Vương đừng gả Cao-Nương cho Nhã-Lang :

*Có người : Hống, Hát họ Trương
Vũ-biễn nhưng cũng biết đường cơ-mưu.
Rằng : “Xưa Trọng-Thủy, My-Châu,
Hôn-nhân là giả, khẩu-thù là chân
Mảnh gương vãng-sự còn gần,
Lại toan dặt mối Châu Trần sao nên ?”*

3) Thiên-Chúa tức Ngô-Quyền

4) Sông Nam-Bình tức sông Thương. Đền thờ của Hống ở cửa sông Nam-Bình, ở làng Phục-Nhân, bắc ngạn sông Thương.

5) Bản dịch của Hoàng-Xuân-Hân :

*Sông núi nước Nam, vua Nam coi
Rành-rành phân định ở sách Trời.
Có sao lữ giặc sang xâm-phạm !
Bay sẽ tan-tành chết sạch toi.*

(Sđd, trang 287).

6) Chuyện này bất quá vì là lòng sùng bái của người ta mà bịa đặt ra, và nhà nho phụ-họa cho thêm linh. Sự thật có lẽ như tôi đã theo ý Trần-Trọng-Kim, nhận rằng thơ là của Lý-Thường-Kiệt. Nhưng nói chắc là Thường-Kiệt làm được thơ thì không có gì làm bằng có.

Ngày nay cả vùng lân-cận hai sông Cầu và Thương, có đền hơn 290 ngôi đền thờ hai vị thần họ Trương. Đền chính thờ Trương-Hống ở làng Vọng-Nguyệt, cạnh làng Như - Nguyệt ; và đền thờ chính Trương - Hát ở làng Phục-Nhân ở cửa sông Thương. Vị-trí đền phù-hợp với việc quân

Tổng qua sông ở bến đò Như-Nguyệt, cho nên câu chuyện thần ám - trợ kể trong Việt-Điện U-Linh có căn-cứ vào sự thật ít nhiều. (Hoàng-Xuân-Hàn, Lý-Thường-Kiệt, trang 303).

Chuyện Lý - Phục - Man

(Trang 85)

1) **Đồ - Bà** : tên riêng một nước ở các đảo ngoài bể, gồm bán đảo Ma-la-ca (Mã-lai) (theo Hoàng-Xuân-Hàn, Đại-Nam Quốc-Sử D.ễn-Cz, trang 93).

2) Nguyễn-Phong (1251-1258 : Trần-Thái-Tôn).

3) Trùng Hưng nguyên-niên (1285, Trần-Nhân-Tôn).

Chuyện Cao - Lỗ

(Trang 92)

1) Cao-Lỗ, theo Việt-Sử Lược là một người thần giúp An-Dương-Vương tầm được nỏ liễu, mỗi lần giương nỏ bắn ra được mười phát tên, dạy được một vạn quân lính. Sau Vương đổi dãi với Cao-Lỗ hơi bạc-bèo, Cao-Lỗ bỏ đi (VSL, I, 1b).

Chuyện Hậu-Thổ Phu-Nhân

(Trang 97)

1) Bản dịch và lời bình của Hoàng-Xuân-Hàn (Sđd). Trong lúc Lý-Thánh-Tông vượt bể, hình như có gặp sóng gió to. Sách Việt-Điện U-Linh còn chép chuyện thần Hậu-thổ địa-kỳ giúp vua qua bể. Chuyện như sau : “Khi Lý-Thánh-Tôn đến cửa bể Hoàn (?), thành-linh bão to mưa lớn, sóng nổi ngùn-ngụt. Thuyền vua không tiến được. Đêm đến, vua mộng thấy một đàn-bà, áo trắng, quần lục, nói với vua : “ Tôi là tinh đất nước Nam, giả làm một cây gỗ đã lâu năm để đợi thời. Nay thời đã đến. Giúp vua không chỉ đánh được giặc, mà nước nhà còn có chỗ nhờ ”. Nói xong, biến mất. Tỉnh dậy, vua sợ. Đêm việc hỏi chung quanh. Có sư Huệ-sinh nói nên tìm cây gỗ có thần ẩn. Quân lên núi, thấy một cây gỗ hình người. Đem xuống thuyền. Vua sai đem làm tượng, mặc áo quần như thấy trong mộng và ban hiệu Hậu-thổ phu-nhân, và đặt ở thuyền vua. Thuyền bèn êm không lắc nữa. Lúc được trận về đến chỗ cũ, vua sai lập đền thờ. Nhưng tối đến, mưa gió lại nổi lên. Sư Huệ-sinh xin đem tượng về kinh. Sóng gió bèn lặng. Về đến kinh vua sai lập đền thờ ở làng Yên-Lãng”.

Chuyện trên này đời sau viết, cho nên có sự lầm. Ví như vị sư Huệ-sinh, thì các bản sao viết Huệ-lâm-sinh hay là Huệ-lâm. Sách TUTA/57b có chép chuyện tăng-thống Huệ-sinh họ Lâm, chắc là vị ấy. Nhưng Huệ-sinh mất năm 1064, trước năm Thánh-Tông đánh Chiêm-Thành 5 năm.

2) Ngày xuất quân là mồng 8-3-1069. Trên đường đi hay đường về đều có rồng vàng hiện long-thuyền, như ngày 15-3, ngày 18-3, đêm 31-3. Khi vua đem quân về cũng thấy rồng xuất-hiện, đêm 19-6, ngày 25-6. Đặc-biệt là khi thuyền vào cửa Thi-li-bi nại của Chiêm-Thành, ngày 3-4, có 2 con chim bay theo ngự-thuyền như muốn dẫn đường (Việt-Sử-Lược, II, 13b) Như vậy rồng vàng và chim là linh-ứng của thần chăng ?

Thần Đồng-Cổ

(Trang 99)

1) Khi Lý-Thái-Tông đang làm Thái-Tử, vua Thái-Tổ sai đem quân đi đánh nước Chiêm-Thành. Năm ấy là năm 1020 (Việt-Sử-Lược II, 3b).

2) Thần báo cho Thái-Tử biết có nội loạn do 3 vương đệ gây ra. Đó là đêm tháng 3, ngày Mậu-Tuất, khi Lý-Thái-Tổ vừa băng-hà (Xem Cương-Mục, Chính-Biên, II, 30).

Tháng năm, thần nhân xuất-hiện in vết ở chùa Vạn-Tuế (Việt-Sử-Lược, II, 5a). Không biết thần đây có phải là thần Đồng-Cổ hay không.

3) Miếu thờ thần Đồng-Cổ ở bên hữu Thăng-Long (CM, cb, II, 30) tức là ở phường Yên-Thái, huyện Vĩnh-Thuận (làng Bưởi).

Thần Thổ-Địa Đàng-Châu

(Trang 112)

1) Đàng-Châu (theo Cương-Mục, Tiền-Biên, V, 31) là xã Đàng-Châu, huyện Kim-Động, tỉnh Hưng-Yên nhà Trần gọi là Khoái-Lộ, nhà Lê gọi là Khoái-Châu.

2) Khi nhà Ngô mất, Phạm-Bạch-Hổ giữ Đàng-Châu, tự xưng là Phạm-Phòng-Ất (Cương-Mục Tiền-Biên, V, 28) Hiện nay ở Đàng-Châu vẫn còn đền thờ Phạm-Sứ-quân.

Theo Thần-Tích xã Đàng-Châu (Kim-Động Hưng-Yên) thì ở huyện Đàng-An (Khoái-Châu) có nhà họ Phạm, làm nghề buôn bán. Một hôm mẹ Phòng-Ất qua làng Đàng-Châu giữa trưa gặp mưa gió lớn, vào miếu ẩn

mưa thấy hào-quang sáng rực có một vị Sơn - tinh bạch - lộ hiện ra. Bà sợ khiếp đảm, tỉnh ra đã tạnh mưa. Sau về có mang, năm Canh-Ngọ (922) ngày 10 tháng giêng, sinh một con trai đặt tên là Bạch-Hổ. Lớn lên theo Ngô-Quyền đánh giết Công-Tiến và quân Nam-Hán. Sau lại cùng quần-thần mưu truất Dương-Tam-Kha, lập Xương-Văn. Năm 951, Bạch-Hổ xin về lập ấp ở Đàng-Châu ngày rằm tháng 11 (không rõ năm) đất trời u-ám, có đám mây vàng sa xuống dính Bạch-Hổ, Hổ theo mây vàng mà biến mất, cho nên gọi là vua Mây (xem Nguyễn-Văn-Tổ, Đại-Nam Dật-Sử, trong Tri-Tân số 159).

3) Chuyện này nói tới Lê-Ngọ-Triều, nhưng cứ như ý - tứ của bài thơ thì Thần có vẻ như muốn ủng-hộ Lê-Ngọ-Triều, (tức Long-Đĩnh) mà nếu như vậy thực thì thần không "thông-minh, chính-trực" như Lý - Tế - Xuyên đã định-nghĩa trong bài Tựa.

Do đấy, ta có thể ngờ là người đã được thần giúp không phải là Lê-Ngọ-Triều mà là Lý-Công-Uẩn, tướng của Lê-Ngọ-Triều, người cũng có thực-ấp ở Đàng-Châu (xem chuyện Thổ - Thần Đàng - Châu trong Thiên Nam Vân Lục Liệt Truyện sách số A. 1442, trang 47-48) sách Hưng-Yên Nhất-Thống-Chí (A963, tờ 23) vừa kể việc cầu mưa của Ngọ-Triều, vừa dẫn một thuyết khác cho là việc của Lý-Công-Uẩn nhưng chuyện Lê-Ngọ-Triều có thực-ấp ở Đàng - Châu là một việc có thực. Theo Cương - Mục (Chính-Biên, I, 39) khi đi đánh Ngự-Man-Vương Long - Đĩnh ở Phong-Châu năm 1006 nhân dịp đem quân về đến Đàng-Châu, Lê-Ngọ-Triều sai đặt Đàng-Châu lên làm phủ Thái-Bình.

MỤC-LỤC

Lời nói đầu của Lê-Hữu-Mục

Tựa của Trần-Kinh-Hòa

Dẫn-nhập của Lê-Hữu-Mục

Tựa của Lý-Tế-Xuyên

Bạt của Lê-Đôn-Phú

Mục-Lục Việt-Điện U-Linh Tập của Lý-Tế-Xuyên

- I. — Việt-Điện U-Linh Tập của Lý-Tế-Xuyên
- A. — Lịch-Đạo Đế-Vương
- Gia-Ứng Thiện-Cảm Linh-Ứng Đại-Vương)
- (tức Sĩ-Nhiếp) 41
- Tiêm-bình của Cao Huy-Diệu* 44
- Phụ-Lục của Nguyễn-Hậu*
- và của Nguyễn Đình-Gián* 45
- Bó-Cái Đại-Vương (Phùng-Hưng) 49
- Tiêm-bình* 50
- Triệu-Việt-Vương, Lý-Nam-Đế (truyện
- Triệu-Quang-Phục và Lý-Phật-Tử) 52
- Tiêm-bình* 56
- Thiên-Tổ Địa-Chủ Xà-Tác Đế-Qiân 57
- Tiêm-bình* 57
- Nhị-Trung Phu-Nhân 59
- Tiêm-bình* 60
- Hiệp-Chính Hựu-Thiên Triệu-Liệt Chân-Mãnh
- Phu-Nhân (chuyện My-Ê) 61
- Tiêm-bình* 62
- B. — Lịch-Đạo Phụ-Thần.
- Uy-Minh Dũng-Liệt Hiền-Trung Tà-Thánh
- Phụ-Hựu Đại-Vương (Chuyện Lý-Hoàng) 65
- Tiêm-bình* 67
- Hiệu-Úy Uy-Mãnh Anh-Liệt Phụ-Tín Đại-Vương
- (chuyện Lý-Ông-Trọng) 68
- Tiêm-bình* 69
- Thái-Úy Trung-Phụ Dũng-Vô Uy-Thắng Công
- (chuyện Lý-Thường-Kiệt) 70
- Tiêm-bình* 71

| | | |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 170 — | Bảo-Quốc Trấn-Linh Định-Bang Quốc-Đô Thành-Hoàng Đại-Vương (chuyện Tô-Lịch) | 73 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 74 |
| — | Hồng-Thánh Khuông-Quốc Trung-Vũ Tá-Trị Đại-Vương (chuyện Phạm-Cự-Lượng) | 75 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 76 |
| — | Đô-Thống Khuông-Quốc Tá-Thánh Vương (chuyện Lê-Phụng-Hiếu) | 77 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 79 |
| — | Thái-Úy Trung-Tuệ Võ-Lượng Công (chuyện Mục-Thận) | 80 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 81 |
| — | Khuốc-Địch Thiên-Hựu Trợ-Thuận Đại-Vương và Uy-Địch Dũng-Cảm Hiến-Tháng Đại-Vương (chuyện Trương- Hồng và Trương-Hát) | 82 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 83 |
| — | Chứng-An Minh-Ứng Hựu-Quốc Công (chuyện Lý-Phục-Man) | 85 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 86 |
| | Phụ-Lục | 88 |
| — | Hồi-Thiên Trung-Liệt Uy-Vũ Trợ-Thuận Vương (chuyện Lý Đê-Úy) | 90 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 90 |
| — | Quả-Nghị Cương-Chính Uy-Huệ Vương (chuyện Cao-Lỗ) . | 92 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 93 |
| C. — | Hạo-khi Anh-Linh | |
| — | Ứng-Thiên Hóa-Dực Nguyên-Trung Hậu-Thổ Đại-Kỳ Nguyên -Quân (chuyện Hậu-Thổ phu-nhân) | 97 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 98 |
| — | Minh-Chủ Linh-Ứng Chiêu-Cảm Báo-Hựu Đại-Vương (Thần Đồng Cổ) | 99 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 100 |
| — | Quảng-Lợi Thánh-Hựu Uy-Tể Phụ-Ứng Đại-Vương (chuyện thần Long-Độ) | 101 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 102 |
| — | Khai-Nguyên Uy-Hiến Long-Trứ Trung-Vũ Đại-Vương (chuyện thần Khai-Nguyên) | 104 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 104 |
| — | Xung-Thiên Dũng-Liệt Chiêu-Ứng Uy-Tín Đại-Vương | |

| | | |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| | (chuyện thần Phù-Đổng) | 171 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 106 |
| — | Tản-Viên Hựu-Thánh Khuông-Quốc Hiến-Linh-Ứng Vương (chuyện Sơn-Tĩnh Thủy-Tĩnh) | 109 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 110 |
| — | Khai-Thiên Trấn-Quốc Trung-Phụ Tá-Dực Đại-Vương (chuyện thần Đàng-Châu) | 112 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 113 |
| — | Trung-Dực Vũ-Phụ Uy-Linh Vương (chuyện thần Bạch-Hạc) | 114 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 115 |
| — | Thiên-Hộ Linh-Ứng Chương-Vũ Quốc-Công (chuyện thần Hải-Thanh) | 117 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 117 |
| — | Lợi-Tể Linh-Thông Huệ-Tín Vương. (chuyện Nam-Hải Long-Vương quân) | 118 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 119 |
| II.— Tục-Bổ của Nguyễn-văn-Hiền (Có bản đồ là của Nguyễn-văn-Chất) | | |
| — | Sóc-Thiên-Vương | 123 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 124 |
| — | Thanh-Sơn Đại-Vương (thần núi Tam-Đào) | 126 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 126 |
| — | Kiến-Hải Môn-Tử | 128 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 128 |
| III.— Trùng-bổ của Đạo-Nhân quán Tam-Thanh | | |
| — | Anh-Liệt Chính-Khí Đoàn Tướng-Quân | 131 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 132 |
| — | Linh-Thần Miếu Thanh-Cẩm | 133 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 133 |
| IV.— Phụ-Lục của Đạo-Nhân quán Tam-Thanh | | |
| — | Trần-Triều Hưng-Đạo Đại-Vương | 137 |
| | <i>Tiêm-bình</i> | 138 |
| — | Từ-Đạo-Hạnh Đại-Thánh Sự-Tích | 140 |
| — | Linh-Chương Linh-Ứng Đại-Vương và Tự-Nhiên Phương-Dung Công-Chúa | 148 |
| — | Bài Bạt Trùng-Bổ Tập Việt-Điện U-Linh Toàn-Biên của Đạo-Nhân quán Tam-Thanh | 149 |
| V.— Phụ-Chú của Lê-Hữu-Mục | | 151 |

NHỮNG SÁCH THAM-KHẢO CHÍNH

1. — Sách báo chữ Việt :

- Lý-Thường-Kiệt (2 quyển) của Hoàng-Xuân-Hãn
- Đại-Nam Quốc-Sử Diễn-Ca chú-thích của Hoàng-Xuân-Hãn
- Lĩnh-Nam Chích-Quái (bản dịch của Lê-Hữu-Mục)
- Báo Tri-Tân (số 159)

2. — Sách chữ Hán

- Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư
- Khâm-Định Việt-Sử Tông-Giám Cương-Mục
- Việt-Sử-Lược
- Lĩnh-Nam Chích-Quái của Trần-Thê-Pháp.
- Kiến-Văn Tiều-Lục của Lê-Quý-Đôn.
- Tam-Quốc-Chí

3. — Sách báo chữ Pháp

- Le Peuple Vietnamien (số 3)
- Etudes d'Histoire d'Annam của H. Maspéro (BEFEO, XVI, 1916).
- Bibliographie Annamite của E. Gaspardone (BEFEO, XXXIV, 1934).
- La dynastie des Lý Antérieurs d'après le Việt-Điện U-Linh Tập của M. Durand (BEFEO, XLIV, Paris, 1954)

價重翰林歐亞望。

歲在庚子春。文山陳興認莊井賀。

名標宇鬘斗山高。

正氣常周流磅礴於穹壤之間。或散而爲道骨僂風。俱傳不朽。觀於公餘捷記。傳奇變錄。嶺南掠怪。桑滄偶錄諸書。槩可觀。今李公集錄已。陳朝祀典所載耳。餘皆未及。缺畧頗多。予忘其鄙陋。起而重補之。正公所謂同好事者也。或曰。君之所補。英烈正氣固矣。神通真氣如道行明空等傳。多涉荒唐何。曰固誕矣。然世之所傳如此。亦日記其所聞云耳。若夫會之以理。舍其怪而存其常。是在觀者。作者何預。謹跋數言于全編之後。

歲己未七夕。三清觀道人題。

終。

(三十五)

士民號泣思慕。乃於學舍遺址築祠奉王。及其夫人爲神。凡有祈禱。著顯應。累朝加封保佑。扶運翊聖匡濟正順。揚武威勇厚德至仁大王。嘉行貞淑慈惠公主。謹按前黎光紹以後。後黎弘定以前。東土兵火荐臻。神號謹存。而興廢散逸。靡從攷正。至黎朝敬宗弘定十年。爲國家恢復。加封衍福承麻大王。徽柔懿恭公主。至弘定十四年。有默扶顯應。加封肇謀佐辟大王。純美公主。至神宗永祚二年。爲國家恢復。車書混一。加封剛正雄畧大王。貞潔惠和公主。至永祚六年。爲默扶恢復。加封普化大王。端莊公主。

謹按永祚五年。帥府平安原子萬郡公鄭椿。以莫擊遺腹作亂。平安王薨于青威之青春館。冊謚成祖哲王。神宗回鑿清華。高平莫敬寬復據土境。平安王子清國公收復京城。乘輿反正。冊封元帥清都王。後謚文祖毅王。逮至永祚八年。莫擊投降。有佑國之功。加封綏祿弘休大王。忠肅恭懿公主。至德隆四年。爲建立世子。加封雄才偉畧大王。端容公主。

皇朝明命二年辛巳。七月二十日。奉

世祖高皇帝大振英威。開疆拓土。肆今丕膺耿命。光紹洪圖。加贈興道輔政中等神。今祠宇整肅。鎧仗莊嚴。靈異增著於舊時云。

重補越南幽靈集全編跋。

我越立國。山奇水秀。地靈人傑。列於全球諸國。其特達英偉。固不多讓人也。惟鍾其氣之正者。斯出其人之多奇。生爲名將。死爲名神。爲節義。爲貞烈。其

。明人無可奈何。將欲停罷。夜夢一人告曰。我歷李陳至今。真身不朽。奇異妙法。豈出偶然。汝心如欲乞靈。應取新木墓柵焚之方可。明人依夢行之。果驗。遂取燒餘塑像。納于龕中。奉祀於天福寺之左。迨黎聖宗時。光淑皇太后命太尉貞國就祠龕具禮祈祀。其疏文云。

朕聞。伏本慈慈。亦是止於至善。故闡教西方。霑化東土。補王道之不足。布聖教以弘施。福被羣生。恩覃四海。朕受皇天眷命。保有洪基。慮其負荷之弗堪。恐有灾殃之間出。爲此一心怵惕。只思壽國康民。故茲寸念虔誠。只是祈天永命。恭聞。僊跡寺。素有靈應。稔在聞知。特遣武衛官。奉齋誠前詣梵宮。懇祈壽考。縱不能如商太戊百有餘齡。亦得如清高宗八十九歲。再祈慈圓聖受無疆。黎原安恬有慶。是賴我佛之賜。尚可言哉。

致禮靈文畢。忽有飛石之祥。太后心中有感。結成胎孕。挺生憲宗皇帝。自是國禱民祈。稔著效應。異。千秋香火。祠宇森嚴焉。

靈彰靈應大王。自然芳容公主。

神姓趙名昌。唐時爲安南都護。常車駕巡遊轄內。至安唐之明倫

謹按平江府。在李其西北爲唐蒙。

陳爲洪路。黎朝分改爲上洪。唐安古唐蒙爲一中間而唐安則仍舊。丹麥古爲丹輪。嘉隆初改名丹鑿。愛其山奇水秀。土廣人稠。有乘涼之處。有住蹕之亭。天然景致。賞玩留連。因建學舍于邑居之。北爲東郊鄉校。由是東方之民。英俊髦士。咸來肄業。居民均被禮義之教。遠方聞之。珠履齊集。學徒雲擁。所居成聚。初稱讀村。後別爲丹輪社。入其門者多有成達顯官。王沒後。

(一十五)

宗崩。帝即位。是爲神宗。至丙辰平帝春秋二十有一。自身化毛甲。尋變虎形。四方名師療之弗愈。明空覺海聞帝得奇疾。果驗前言。乃自述歌謠。教兒童歌曰。欲安天子病。須求阮明空。於是兒童謠。至膠水寺謁曰。今天子得奇疾。遣使往迎以療帝疾。二僧遂以小榻煮飯。告之曰。貧袖些小餐飯。諸軍暫饜。官軍食之皆飽。不能窮盡。二僧與使者下船。明空告曰。諸軍姑暫休息。待至潮漲始至京師。於是船中官軍各皆熟睡。二僧行法。船行不用維楫。馳疾如箭。談笑間倏忽已到東津岸上。二僧急喚衆人醒起。則已望見報天塔矣。官軍等皆爲驚服。於是迎二僧入殿庭內。時天下諸師。望見二僧。形容古怪。衣服醜陋。竊然不以爲意。舉坐不起。二僧遂探囊取一鐵釘。長做五寸。頂于殿柱。以手撫之。釘隨沒入。告曰。能拔此釘者。療得帝疾。如是再三。莫能應者。明空以左手兩指拔之。釘隨手而出。人人望見莫不服其妙法。公乃命取一大鼎。水油十二甕。鐵釘一百件。槐木一枝。使護帝駕至火壇。明空讓覺海發火煮鼎。焰火熾發。鼎油熱沸。乃用手捫于鼎內。取釘足一百件。覺海又讓明空行法。以槐木浸入水油。遍灑帝身。咒曰。貴爲天子。可感疾乎。自是毛髮爪牙盡落。復居帝位如初。及帝升遐之後。天福寺靈氣異常。見者皆爲震懼。以其事奏聞嗣王。時遣詣祭。尊封美宇爲上等最靈祠。其尸解於洞中。鄉人以其靈異。納其尸于龕奉事之。至明永樂年間。使往伊處。忽聞香氣馥郁。如沉檀異氣。覓之。見龕中真身宛在。玉色如生。以爲仙人幻化。遂迎于香山寺。行法火蓋不能侵入。已經七宵晝。依然不變。

。顛死。再放于蘇滙江。以報。舊讎既雪。俗慮頓清。再徧往叢林訪求印訣。聞高智玄於太平化道。躬往參謁。具白真心。有偈云。久厄凡塵未識金。

不知何處是真心。願承指教開方便。擬伺菩提斷若尋。智玄以偈答

云。秘訣真傳值萬金。箇中滿目是禪心。河沙境界應休話。不必菩提

提隔萬尋。徐道行茫然不契。遂之法雲寺崇範會。從容問曰。如何便是真心

。會答曰。何處不是真心。道行豁然自悟。遂復歸還石室山天福寺修道煉法如初

。自是法力愈加。禪心愈熟。能使山禽野獸。羣來馴繞。凡諸方民有疾疫者。飛

符走籙。其法立驗。以道濟人。人皆被其澤。其時李仁宗無嗣。祈禱不驗。皇弟

崇賢侯延道行適家。與語祈嗣事。徐公願托胎以謝其德。那時夫人沐浴於後堂。

忽見道行現於甬水中。夫人惧以告侯。侯素知其意。蜜謂夫人曰。甬水見形。是

真人已入胎宮。慎勿驚疑。夫人意感有娠。徐公乃謝歸焉。囑曰。臨盆時必來告

我。至胎期滿足。夫人感動臨產甚難。侯曰。可速報高僧。徐公見報至。乃謂其

徒曰。夙因未了。可暫出爲人間子國王。壽終又爲三十三大天。若見真形殞壞。

則我方入泥洹。不在生滅矣。門人聞之。無不感泣。徐說偈曰。深秋不報鴈

來歸。易使人間動發悲。著跡時人無穩意。古師幾度作今師。

言訖。登于峒仙。叩頭石壁。擲足石盤。儼然尸解而化。今印跡猶存焉。是年丙

申會祥大慶三年。春三月初七日也。道行湮盤出世。爲崇賢侯子。不煩養育而益

長。不勞教訓而聰明。顏色秀麗。才辨無比。帝詔入宮中教養。冊封爲皇子。仁

(九十四)

多有神通靈法。道行守船。覺海明空登岸。學得靈法。即自先回。道行守船三日。不見二友音耗。自然遇一老妪至江邊。即揖問曰。老妪曾見求道二人來否。老妪答曰。二子已受我教靈法。得道返回了。道行乃拜。且言三人同行之故。切以相捨爲感。老妪聞言。即使道行棹二樓水回家。我竟爲你授些靈法。并許縮地真乘。及陀尼咒。道行自嫌二友失約。乃備咒明空覺海。行至半路。被咒痛心難忍。道行縮地奪路而行。隱于慈廉縣艾林社叢中。化虎形。呼嘍數聲。遍野俱爲驚動。二友相顧駭愕。外雖見怪。其內已得靈術。卓有聰明辨別虛實。知其果爲道行所化。相顧謂曰。汝欲知此身後身。居吾與語。道行因謂曰。我等同受世尊。道業旣圓。後身復出世間。在人主位。生來病債。定決難逃。汝等有緣。願來相救。故是釋盡舊債。同傳僊法。履水騰空。降龍伏虎。升天縮地。萬怪千奇。出鬼入神。莫測其妙。乃讓道行爲兄。明空爲兄次。覺海爲弟。此處今玃約橋是也。明空覺海辭回膠水寺。道行居于石室山天福寺修煉焉。前有雙古松。人號爲菴樹。道行日常專持大悲心陀羅尼咒。滿億萬十遍。落下一枝。宣咒畢。雙樹皆空。想其觀世音已來應護。加持咒力。透至天堂。一日見神人。來前足不踏地。問曰。是何神者。其神曰。弟子即四鎮天王。感師持經功德。故來相候。以備指使。道行知其六智已圓通。父讎可復。遂還居安朗故鄉。親至蘇滙江安決橋。放杖于水上。杖子忽立水面。逆行如飛。至西揚橋乃止。道行喜曰。吾法勝大顛矣。直至顛所。顛見謂曰。汝不記前日事耶。道行仰視空中。寂無所覩。因毆擊之。

徐道行大聖事跡實錄。

昔徐道行姓徐。諱路。其父榮以釋爲教宗。仕李朝至僧官都察。昔常安朗鄉。娶曾氏女名鸞。宅居于安朗之鄉。廊南笞處。得陽宅之貴地。稟生道行。有仙風道骨焉。少時遊蕩。僮僕有大志。舉動容止。人莫能測。嘗與儒者費生。道士黎全義。伶人潘乙乞。相與爲友。夜則勤苦讀書。日則擊球弄笛賭博爲樂。父常責其荒怠。一日潛窺房內。見殘燈如豆。簡編堆積。道行據案而睡。手不釋卷。由是不復爲慮。後應試白蓮科中第一。不樂仕進。日夜思復父讎。父原於前日。以妙術干延成侯。侯之家有大顛法師。以符厭殺。放屍於蘇瀝江。流至西楊橋。延成侯家處。其屍止於此。引日不去。侯懼。馳告于顛。顛至偈云。僧恨不滿宿耶。且生乃遊戲之場。死成菩提之道。屍應聲而去。至仁睦舊社召蠟處而止。人見其有靈異。伊社建立陵廟。塑像而奉事焉。迎年正月初十日忌。時母塋在上安社巴陵寺。今花陵寺。奉事聖父聖母二位。道行志在復讎。計無所出。一日伺大顛出。將行法術。遂以杖打大顛。俄聞空中有聲叱止之。道行遂放杖歸家。悲思怨恨。欲往西天印度。學求異術。以抗大顛。即與明空覺海偕往焉。至菡登國。道途險阻。欲還。見一老翁乘一小艇。閒遊江上。共就問之曰。到西天凡幾度。老應曰。山路險峻。步不可行。老有小舟。堪爲助濟。又有一小杖。直指西國而來者不遠矣。老即許之。有一偈云。道理當然路共行。多公遠學志成名。汪洋萬派何勞涉。指日黃江覩聖生。偈畢。舉目間須臾已到西天岸上。

。范顏廟在東湖縣。
安排社。涼江。

世傳。犯顏姓阮字伯靈。父廣東商客。母我國安排社人。登元進士。善符水。常潛入後宮。捉獲將殺之。會元侵我。請嚮道贖罪。元許焉。戰於白藤。爲王所俘。刑于其母之貴。投其首于江。有兩網者屢得其顛。祝之曰。如有靈。護我輩多得魚。當爲遷葬。是日果得魚倍數。遂於岸上葬之。網者常邀與遊。久遂慣習。常戲指婦人。令挑之。無不即驗。相與立廟祀之。先是伯靈將刑。請於王曰。當許他何食。王怒謂曰。許汝食產婦血。後遂遍行國中。遇產婦即囁之。其人即纏綿卧病。醫不能療。病家禱于王祠。取祠中舊席。出其不意。使病人卧。及香株燒灰調服。無不立愈。有携席纒入其家。而病人已愈者。其英靈奇驗多有類此。

僭評

王以東阿之胃。受安王之囑。而不從亂命。於家爲孝子。遭重興之變。而迄定大功。於國爲忠臣。惟忠惟孝。克盡前人之德。蓋天下位極人臣。名振華夷。身後萬世血食。陳朝將相多爲名神。如國瑱之於至灵。元終之於立石。國殿之於先皇。而竟不如王之卓卓。其忠孝之報。蒙古崛起朔方。吞靈夏。威強金。覆巨宋。弓弦所向。山海諸外國。望風奔潰。擁衆而南。山摧川陸。風駭雲流。王獨以殘卒當之。何異泰山壓卵。而白藤一鼓。僵尸于血。豈非宇宙間大曠事。非但有大功於陳。抑亦有大功於天下後世。做興道南交。其被髮矣乎。王廟今在鳳眼至靈之界。萬劫蘭山二社同奉事。其地近古拋。轟轟千岩萬壑。廟在山腰。左右有南曹北斗二峯。面位佑江。草木岑鬱。遠望豁然如蓬萊之勝。遠近往來祈禱者。道路如織。廟祝二人。一萬劫人。稱北祝。從北路來者主之。一蘭山人。稱東祝。從東路來者主之。而一歲客俸。東北略相當。其靈異類此。附按雜書與太平廣記。中國有孤崇。爲婦人忠。我國無此崇。惟有范顏症。遭此症者。禱于王祠。多奇驗。事有相畏。不可形迹泥也。

僭評

將軍以故國之親。君李仇陳。不共天壤。在周爲頑民。在商爲忠臣。憤烈之死。雖死猶生。正所謂解帶水頭者也。老叟指邱。百虫啣土。意邑人指其處以神異之歎。見像於安仁。表夢於耆老。悟調御之降臨。移神坐於東向。自是百年香火。好結姻緣。東北馬頭。廟貌壯麗。過客爲之下馬。僂人爲之避諱。天之厚於忠義爲何如哉。

清錦廟靈神。

壽昌縣。東閭坊。清錦廟。奉故莫烈士某公。公姓名失攷。舉莫氏進士。官至臺省。時鄭哲王義師東下。莫棄城北遁。公麾兵追躡。事既迫。公錦袍金帶。由太湖畔。出東閭街。前叩王馬。王鳴金小憩。集諸將議斬之。鼓行而前。莫主已濟江矣。義師西。莫復據東京。即其地建廟。橫據通衢。香火不絕。仁王時命去之。廟下有塚。狸首宛然。環一奇兵。搜之茫然不可轉動。廟遂不毀。

僭評

鄭兵乘勝。莫主宵奔。以一個青衫。從容袍帶。奮勇當矢石之衝。以爲緩兵之計。哀哉此心。其裕侍中李侍郎之心歟。廟塚如故。而姓氏失傳。謂何。史氏之缺畧者哉。

陳朝興道大王。

王姓陳名國峻。太宗安生王柳之子也。封興道大王。安生王與太宗有隙。臨終執王手曰。汝不能爲我得天下。吾不瞑目。王深念之。舉動惟謹。重興間兩退元兵。爲當時武功第一。及卒立廟祀之。有寇至。取祀中匣劍。必大捷。治犯齋病驗。

僭評

當六飛杳霽之秋。山河水絮。身世風萍。寄活於蕊蕩淨境。生我者僧之恩。私我者僧之罪。因人以生。不忍使人獨死。夫人之志亦可悲哉。幽憤之志鳴風雨而泣波濤。貞烈之懷貫金石而橫宇宙。拯顛危之舟楫。早貼仰之旌旗。陰中著異。祈禱劬靈。海口靈祠。英聲洋溢。訖傳見於野史俗記者。豈足為白碧微服也耶。

英烈正氣段將軍。

將軍名尚。長津洪市人。李憲宗同乳子。被命捕盜倒入洪州。李亡。書州自守。陳太師守度陽與之和。徵懷道孝武王阮嫩陰以重兵襲之。戰方酣。陳師自文江遶其前。將軍捨嫩西向。為刀刃所傷。頭不絕者僅一線。解帶束之。怒氣勃勃。馳馬而東。至安仁遇一老叟。冠帶自拱手道左曰。將軍忠烈義氣。上帝簡之矣。指旁邑一邱曰。此血食地也。幸無忽。將軍許諾。抵其地下馬視戈而卧。百虫御土墓之。村民為像奉祀。珥河決。廟圯水。落像見於安仁。安仁構新祠奉之。廟據東北要路。威靈烜赫。商旅往來不下笠俯首者。立見損害。一日廟祝。卒仆地。移辰躍踞高座。集諸父老曰。明日當掃洒淨潔。備乘輿臨幸。縑服而徒行者是也。蓋伺之。衆皆唯唯。翌早冠服候祠下。日向夕倦欲散去。忽一僧曳六鉢衣。從一童。過橋。憩祠前。經過門闌。邑人焚香羅拜。怪問之。邑人以神語奏。時仁宗避位。稱調御大王出家子山。一瓶一鉢。往來村郭間。所不為俗人所見識。是夕卓錫安仁。得其故。嘉之。留一宿。開示因果。勉令體好生之德。早發回京師。次夕大雷雨。神坐移東向。行旅始得往來無恙。勅旨累封上等神。長津故壘今

祀禱雨。其日油然雲起。四野晦冥。翌日甘雨大澍。歲復登稔。後有雨旱禱之皆應。爲一方福神。載在祀典。

僭評

三島當我國之乾亥。爲天南地脉之中支。三嶺攢峙。高出雲漢。故名。山神名號未詳。惟山麓故有國母祠。陰神也。陳元捍傳。陳公乃興導大王之後。屋立石上山東。儼時以曹油爲業。轉歸三宿至祠日暮。寄宿於祠所。夜深未睡。聞祠外有喚聲云。天庭旨召百神。夫人可同來朝。見祠內答云。有人寄宿。不可遠行。諸神第往。有事還以告。公異之。展轉延佇四更末。復見喚聲。夫人醒否。祠內有人出相語。稱天庭今有二事件。一係舉藍山洞黎利爲安南國王。黎漢阮薦爲輔。一山南下路。有一邑宰牛禱雨。屠刀爲牛屎所蔽。搜尋弗獲。做言豈有最靈神。來賴我物耶。定罰三歲大旱。言訖別去。公聽得詳。往過山南下路。求其邑。果得刀於牛屎處。伊邑田疇龜折。公出刀語以故。邑人懼而悔謝。尋得雨。公以此事既驗。遂往藍山遇太祖子山嗣。委質臣服。有功封開國功臣。僞爲山東福神。因此國母祠以靈異稱。香火不絕。廟貌莊嚴。不知此係山神。別有稱號。而此爲陰神。姑錄以備考。

乾海門祠。

在濱州府。瑤瓊縣。香芹社。

夫人姓趙。南宋公主。母子三人。夫人其季女也。陳仁宗紹寶元年。張弘範襲宋師于崖山。宋師大潰。左丞相陸秀夫抱帝溺海。宋室官軍赴海者十餘萬人。夫人母子援船檣。飄至海崖佛寺。僧憐而收養。數月體復元。容貌秀麗。僧欲私之。夫人拒之甚嚴。僧自愧投海死。母子三人相哭曰。吾母子賴僧而生。僧爲吾母子而死。於心安乎。亦同赴海死。飄至我國濱州之乾海門。玉色如生。土人異之。爲之埋墓。後累見靈異。立祠奉之。凡海船波浪危迫。禱之輒濟。海口隨處立祠。無不靈應。

(三十四)

。故老相傳不記何世。天王生於某村。人方襁褓。國內有賊。使者遍募有能破賊者。厚加封爵。天王起問。母告之故。天王曰。可多取飯來與兒食。須史食盡數斗。不數日長十餘丈。自出應募。使者偕與至京師。王大喜。問其所願。即請長劍一口。鐵馬一匹。既而躍馬大呼。衝入陣中。盡血賊徒。宇宙爲之肅清。天王乃乘馬至於衛靈山。登榕樹冲天。今遺衣跡尚存。今村人猶呼爲易服樹。國人異之。立祠設奠。用茶餅齋素而已。人有懇求皆應。李朝亦使祈禱。創祠于西湖之杲鄉。以奉祀之。爲今福神。載在祀典。

僭評

衛靈山乃董大王升天之處。荷學士咏詩。即此傳中所載。與越史差畧。史明著雄王六世而言不記何世。史明著扶董鄉。而此言某村人。記事家涉獵多類此。釋怪記此較詳。其左鎗右塔。自號昆沙。頗畧冲天本色。惟降世而鑿殷冠。顯聖而却宋兵。有功德於民。此稱莫鉅。其所以享千百年齋儀之奉。冠最靈而列不死。豈偶然哉。扶董廟寺第一。勝董明員州四大邑。歲時奉祀。極爲恭恪。迎年四月初九日會。爲北江極邁。衛靈山林麓凡九總。每大會例。鎗仗用金鐵。宛然官仗。多會門以象武功。杲鄉祠又爲畿甸壯觀。春首一方都會。洋濯啟靈。九玄歡頌。靜氣埃而回泰宇。泉清山靜。我越莫盤石泰山之勢。安非顯相賴天王之力歟。

青山大王。

三島乃我越名山也。環亘北方。延屢千里。李陳時舊有祀典。而名號未彰。遭兵火廢沒。黎朝仁宗皇帝己巳庚午年間。歲大旱。遍禱百神不見雨。朝廷廷議三島乃名山。而祀屬缺典。今宜致禮祭。以祈玄佑。上命文臣撰文封爲青山大王。肇

臣回奏。上命具儀衛音樂迎之。乃大獲。因賜號神珠龍王。重興元年。勅封利煥龍王。四年加靈通二字。興隆二十一年。加封惠信二字。愈著靈應焉。

僭評

百神之中。惟水神最為靈異。興雲作雨。穿岸移堤。或時入山林搬運木石。結筏而行。宛若人爲。何也。陰主靜。山致其高。雲霧興焉。水致其深。蛟龍生焉。水陰中之陽。外暗內明。人見之而不可測。故其神靜而靈。觀火龍之事。尤爲怪誕。然凡水神事多類此。姑錄以備覽。

續越甸幽靈集全編。

國子監司業阮文賢銳軒增補。

朔天王事跡記。

按禪苑集英書。黎大行皇帝時。匡越大師吳氏。常遊平虜郡。衝靈山。觀玩風水。悅其景致幽勝。欲創祠庵居之。夜夢有神人。身被金甲。左執金鎗。右學寶塔。從者十餘人。其狀貌古陋可怖。前來謂曰。吾即毘沙門天王。從者皆夜叉也。天帝有勅。令往此國土。護庇下民。於汝有緣。故來相托。師驚怖。聞山中有呵喝聲。心甚恐之。及旦入山。見一大木。枝幹蕃茂。又有瑞雲蔭其上。因命工剪伐取之。果符夢中所見。刻像立祠。天福元年。宋兵入寇。帝素聞其事。命師就祠祈禱。時宋兵住西結村內。兩軍未接。宋兵自相驚駭。退保支江。又遇風波震蕩。蛟蛇騰踴。衆皆驚潰。宋將郭達班師。北回。帝爲增立祠宇。奉之。或有曰

。跨海直入海青。及大小鴉二海口。既至。乃并交州行鎮于茲地。駢喜道術。既建鎮奠酒設地祇。求陰相。夜三更忽聞空中有神語曰。若要成官事。須索道德因。能使皆復正。逆黨悉來賓。駢大喜。遂設道宮置爲都護宮。左土地宮。建祠堂于宮側。擬守護爲壯觀。後人祀爲福神。重興元年。勅封善護國公。四年加封靈應二字。興隆二十一年加封彰美二字。

僭評

神視之不見。聽之不聞。此夜間的夢。空中之語。見乎隱乎。曰變化不測之謂神。是殆不可以智術窺。以形跡泥也。兵家多托鬼神以惑衆。高都護行兵。大抵效田單之故智。祠觀之尊。香火之奉。歲月積久。自有英靈。誠能感格。神式憑之。歷攷古今諸祠多類此者。

利濟靈通惠信王。

世傳。王乃火龍精君。昔有洪州橋樁人。姓鄧氏。兄曰決明。弟曰善射。二人以捕魚爲業。時常入海求魚。遇一異物。若片木狀。長三尺許。色如烏卵。隨潮水上流。二人接取携歸。至夜忽聞其中有聲。彷彿如笙簧人響。欲語不語者。二人驚怪。故之流中。到別舟借宿。夜深睡熟。夢見一人謂曰。汝兄弟不知。特來相告。我南海龍王妃。誤與火龍交。所生子。恐南海君知覺。故以夢相告。此木既隨舟邊。二人異之。遂載以歸。至安記安甲拜地。木忽從舟中跳泊原上。二人意欲留之。乞環琰果得。乃立祠宇。命工刻木爲像。奉之如神。號曰龍君。後朝廷遣侍臣募人入海求珠。獨鄧氏子孫所得甚多。侍臣問其故。鄧氏具以其事告。侍

(十四)

龜符魚印掛腰間。

茲事希求付將官。

簿劣書生無望處。

祇來祠下乞

平安。侍讀學士王成務陪駕西征夷獠。凱還命賽神詩云。

貌貅十萬展王靈。

勢壓雲南塞外城。

江左區區何足慕。

風聲鶴唳怖

秦兵。

僭評

白鶴三岐當洮瀘江之交。青紅兩派。交匯大黃江。江山明媚。風景如畫。江岸有廬。為舟筏商賈大都會之處。每年秋末冬初。鸚鵡為食物珍品。上流要會如山園之程含富安。青波之整株武侯。罕與為比。土今今為白鶴社神。石卿今為芝葛社神。累家封贈。香火不絕。沿江諸社。亦多祀之。抑或山奇水秀。鍾為名神。此然為三清之庇。兩學士之詩。同垂不朽。景盛年間。拿圓山祠丞。夜夢見神告以來日當有異人入謁。可洒灑掃掃。務使光潔。既覺。掃除整肅。到日中。見數十人。內惟有一人為長。年可四十餘。具牲禮密祝畢。祠丞出拜。具道前夢。乞為門下。委質相從。因跟其人入山。所至皆有田疇廬舍。行至數日皆如之。至第三日。其人召祠丞謂曰。不勞遠涉第回。但看白鶴三岐豎大黑旗。即來自會。我不汝忘也。祠丞拜謝而回。

皇朝嘉隆戊辰年間。鳥形如燕雀者。以千百。自下流至白鶴江三岐。站站墜水。如是者三五日。墜鳥堆積江面。鎮官以其事轉奏。并以其鳥獻。終亦無能識鳥名也。

善護靈應彰武國公。

按本傳。公本守國觀福神。昔我越內屬於唐。南詔入寇陷沒郡邑。逐唐都護。分兵屯守。國人告急於唐懿宗。遣張牒為將。領兵五萬討之。張牒知蠻兵充逼近。逗遛不敢進。懿宗怒。命高駢代之。駢知白鶴海道有蠻兵阻守。乃造浮囊船千艘。

(八卅)

按社善史記。王本藤州土地神也。黎卧朝爲開明王時。食邑于藤。常至其鄉。舟行遊覽。忽然白日昏晦。雲氣陰靈。風雨暴至。求泊避之處。見岸上神祠。問村人曰。此何神祠。村人對曰。此藤州古土地神祠。曰有靈乎。對曰。此一州倚賴禱雨祈晴。立見。應。王因高聲喝曰。果如有靈。若是能却風雨。今這邊雨。那邊邊晴。方信其有靈驗。果然一半江風雨。一半江晴霽。王獲免濕衣裳。大異之。令重修祠宇。時人爲之歌詠。歌曰。

美哉大王威靈重。

藤州土地賴安寧。

却教風雨無侵犯。

那邊滂沛那

邊晴。王聞之。陰自負天福。帝崩。中宗即位。弟龍錠卧朝謀大事。詣祠祈夢。夢中見有異人吟曰。要勝克勝。要成克成。方民皆順服。那家享太平。五年中樂業。七廟自安靈。此時觀彼理。天際望鵬程。既寤。未曉其意。決志弒逆。既得位。升藤州爲太平府。封開天城隍大王。重興元年。勅封開天鎮國城隍大王。四年。加封忠輔二字。興隆二十一年。加佐翊二字。藤詔內外黎亮采有詩云。

乾坤肇創大功成。

壯見神外輔翊名。

地孕心胸懷正直。

天鍾耳目透

聰明。

卓哉武烈千神服。

聚若文華百鬼驚。

飄揚瑞氣播靈聲。

借評

當颶風飄蕩之時。而能使半江風雨。半江晴霽。噴噴靈異。但以卧朝之凶。享祚不長。而

(七卅)

二郎皆可配。吾惟一女。如雨賢何。雜侯曰。王宜與約先娶者得。雄王然之。言違還備禮。王還部連夜捉辦土物。金銀珠玉犀象。及諸珍禽奇獸各百枚。次日早刻遞獻雄王。王大喜。許以媚娘妻焉。王迎歸宿于雷山。比暮水精亦備水物珍珠玳瑁寶貝珊瑚。及鯨鯢好魚。亦各數百枚。詣闕陳獻。見媚娘已歸于王。水精大怒。率眾追之。欲碎雷山。王徙居拿圓絕嶺。遂世與水精爲仇讎。每歲引秋水進擊拿圓山。民相率蒸糲以爲助。水精不能犯。靈蹟甚多。不可具述。重興元年。勅封佐聖王。四年加封匡國二字。又加封顯靈二字。

僭評

此記摭怪較評。而田池陵廟諸約文字最古。按我國地脉自小崑崙而來。分作三條龍支。中支爲三島山。左支爲鬼門山。拿圓山其右支也。此地自拿峯起祖。其高逼雲漢。其形如帕蓋。尖聳秀麗。爲我國第一名山。迤邐並縵至昇龍城爲大陽。繞南入愛州。鐘結帝王大地。故而之南海。不可量度。高明悠久。博厚廣大。其英爽之氣。凝爲國主神。舊記所傳及高王風水稟。言欲以術壓之。見山神躍馬空中。唾化而去。其靈異不可名狀。惟山水相仇。殊屬怪誕。安有千萬年前。以一媚娘之故。每到年秋月。引魚鼈水族與犀象門。山居者必待編籬築柵。然後能避其害哉。今觀秋夏之交。驟而暴注。漫山塞壩。勢若滔天。山民好鬼神。以虛傳虛。迷信以爲寔事。雖水神誠多顯異。而謂水火相爭。愚不敢信也。祠祀至皇黎朝祀典最爲隆。列爲四不死第一。沿山復戶兒民十三社。接近明義不拔三農諸縣。以時修葺寢宮。虎豹犀象動千羣。而應役民丁。單行露宿。毫無侵犯。雲霧舒放。草不岑鬱。山椒白石一叢。可望而不可即。噫。此山其名都之泰華。其盛朝之文筆峯歟。

開天鎮國忠輔佐翊大王。

字。

僭評

建初寺今在董鄉。天王祠旁。冲天神王。即天王摩訶。越史載李太祖追封冲天神王。立廟建初寺側。明爲天王事。而此錄以爲土地事何如也。錄中數偈。非惟老於翰墨。抑亦遽於臆茹。殆非尋常香火所能伯仲其萬一也。或者德江佳氣。精英之最靈。鍾爲大王。而神又其父分靈。若即以土地爲天王。愚不敢信也。又或謂至誠禪師沒後。英氣不散。常假形于土地神。凡所題詩。皆至誠禪師所偈。觀其淫祠欲毀而不敢毀。又從而修葺之。而祭禮之。詳玩詩辭。其禪師所作。亦未可知也。俗傳李太祖爲兒戲時。依萬行僧住伊寺。朔望供獻。帝輒取碗吮喫。一夕神托夢於禪僧。言每供輒爲皇帝所先嘗。萬行召其徒戒之。帝怒。命筆書于護法像背。有流遠州三字。僧於是夕復入夢。見其神來謝曰。今奉皇帝命。特來道別。僧醒覺來。遍觀諸像。見護法像有字畫宛然。僧亦知其帝手字也。即命取水洗之。洗畢。其像暮然而倒。後其寺亦不復塑護法像。此說雖屬荒誕。但帝王爲百神之主。土木形體。安敢與日月爭光。理或有之。樹間諸偈。隱隱占古法樹震文相照應。景興丙午年間。安廣安興夜雷火焚山。明日樵者見燒殘樹有白書云。木生李。天地位置一人。天地人。樵怪之。白於鎮官。使人驗視。字畫宛然。惟木生李三字。改作未年李。鎮官欲以聞。國方亂不果。此亦不知所指。姑錄之留驗。

傘圓佐聖匡國顯應王。

按曾公文趾記。王山精。與水精相友善。隱居峯州嘉寧洞。雄王有女曰媚娘。容貌絕倫。隱約有傾城姿色。蜀王泮遣使求婚。雄王將許之。大臣雜侯不可。曰彼覘我國耳。雄王恐其搆隙。雜侯曰。大王地廣民衆。求有奇才異術者許之爲婿。先設奇兵以侍。不足憂也。雄王遂與蜀絕。通求國內有異術者。王與水精俱應送。雄王命試之。王能透玉石。水精能入水火。並著靈通。雄王大喜。謂雜侯曰。

冲天勇烈昭應威信大王。

按報樞傳。世傳云。王本建初寺土地神降生。昔至誠禪師居於建初寺。在扶董鄉。立土地神堂于祠寺門右側。爲念誦淨處。歲月侵尋。間多湮沒失其舊。暴門禪流無因可證。土人好鬼。焚香致祝。濫稱淫祠。逮多寶禪師。重修禪寺。以其祠爲淫祠欲去毀之。一日於神祠古樹。見詩一律題偈云。佛法誰能護。咱住祇園。若非吾種子。早隨別處遷。不載金剛部。靈跡那羅筵。滿空塵數衆。待佛成寃愆。異日偈從復見。神應八句書云。佛法慈悲大。威光覆大千。萬神俱向化。三界盡周旋。吾師行號令。邪鬼孰敢先。願常隨受戒。長幼護祇園。師異之。乃復爲設壇持戒。供用齋素。率太祖潛龍時。知多寶之高行。相與爲壇越。旣受禪。親幸其寺。禪師迎駕經寺側。師抗聲問曰。佛子儻能從容賀新天子耶。即應聲。見謝皮四句曰。帝德乾坤大。威聲靜八埏。幽陰蒙惠澤。溼渥拜冲天。太祖親而誦之。頗知其意。賜號冲天神王。其題自然而沒。上異之。命工塑神像。儀容卓越。及侍者八軀。裝漆告成。復於大樹下見詩四句云。一鉢功德水。隨緣化世間。光光重炤燭。影沒日登山。師以偈呈奏。太祖不曉所謂。後李朝八葉禪於陳。鉢與八同。一八如八。惠宗諱昱所謂日登山也。其神妙如此。重興元年。敕封勇烈大王。四年加封昭應二字。興隆二十一年。加封威信二

(四卅)

僭評

子曰。鬼神之爲德其風矣乎。當東門雲霧之時。仙人服赤霞衣。黃虬金簡。視而可見。抑亦山魃海市等耳。迨八高王之夢。而銅鐵不能擊其災。登季氏之祠。而炎火不能仄其烈。顯節宇廟。與皇都鉅鹿同尊。於戲盛哉。近代富市阮校討爲庸人撰對聯有云。撲斷祝。融。三。度。火。搗。碎。都。護。萬斤金。讀之令人凜凜。

開元威顯隆著忠武大王。

唐開元中。廣州刺史盧魚。爲我南交都護。住安遠村。其村夾雷度慈廉二縣。間見其地坦然平正寬廣。樹木扶疎。後統于摩羅水。勝槩可觀。因督起府蒞。創立廟宇。中設玄元帝君神位。夜夢有白頭翁。告曰。其觀宜名曰開元觀。其村亦宜名曰開元村。都護從之。自立碑記。以旌開元天子之功。次立祠設土地神像。以彰威德焉。其祠命名曰摩羅觀。祈禱輒應。香火不絕。陳紹隆初。聖宗平沙門文韜重加營造。改爲安養寺。嗣後僧禪雨集。士女雲來。覽勝乘涼。輪蹄滿道。爭奈星移物換。雲往水流。今遷其祠于所步頭。重興元年敕封開元威顯大王。四年加封隆著二字。興隆二十一年加封忠武二字。

僭評

盧魚一太守耳。而都護南郊。其爲政行令民皆信愛如家人父子之相親。公暇時立祠致祭。奉玄元真帝君。帝臣係天上元神。塵俗凡人。未易感格。見驗憑土祇一夢。改名立觀。祈禱從此佑靈。士女環觀。遂稱爲方民勝事。則都護之循良政績。于今樂可想見。又勒功紀石。旌天子之名。擇地安祠。寔民居之所。身江湖而心麻廟。其人未易得焉。

(三卅)

菴。頭戴赤花冠。身穿紫霞衣。羅裳赤舄。娑婆于彩霧之間。異香馥郁。雜奏笙簫。蟠蟻宛轉。時上時下。約二刻餘。倏然而泯。高王驚異。意以爲鬼魅顯些妖靈。妄求人間祈禱者。亦不知怪也。忽夜間。王方間坐。思睡。忽見一人依如日間所見光景。前來告王曰。某乃龍度王氣君也。聞公新開甲第。肇創都城。特來相見。公勿疑也。高王悟。會議嘆息良久曰。吾不能爲政致鬼神耶。其祥耶其不祥耶。旁人或啟請立祠塑形像。以銅鐵壓鎮之。高王從其議。忽然風雨驟至。折木飛沙。登屋掘地。拽出銅鐵雜碎。化成灰塵。高王含怒曰。吾知其北歸矣。旣而果然。李太宗復建都于此。東市廣開。商賈貿易有無。逼近神祠。甚爲喧鬧。欲移祠于淨地。乃謂古立于此。今不可移。遂興標棟。率連長街。別開一楹爲神祠所。夜間神即顯靈。大起北風。揚沙走石。拔盡樹屋長街俱覆壓倒于地。獨神祠一楹。然宛立如故。太宗異之。究問來由。有識者具奏始末。上聞之喜曰。是乃主事神也。詔具禮享奠。詔以新年祭爲大祈福例事。勅封爲廣利王。初東市三度失火。暴風延及皆灰燼。惟一屋神祠。儼然纖毫不損。重興元年。勅封聖佑二字。興隆二十一年。加封孚應二字。進大王爵。秩上相太師。陳光啟題其廟曰。昔聞人道大王靈。今日方知鬼魅驚。大駭三番燒不盡。風塵一陣扇難傾。指麾魍魎三千衆。彈壓妖魔百萬兵。願仗餘威清北寇。頓令宇宙樂昇平。至今祠宇巍峨。稔著英靈云。

雅。身披戎服。手持兵器。稽首歛容奏曰。某即銅鼓山主。聞君南征。不辭艱險。請從王師助靈。庶可怯服胡虜。少立微功。太宗大喜。撫掌許之。驚覺。乃是一夢。是戰果獲大捷。太宗凱還。具禮致謝。因請迎歸京師。保國護民。遍觀立祠之地。四望京畿外地。未審何方。其吉夜間。托夢于上。請卜地于大城內右邊聖壽寺後。曰。此處淨潔。頗壯觀貼。詳考其故。蓋有宿因焉。上從之。起工修築。不日告成功。太祖崩。太宗即位。是夜大王先托夢。告太宗曰。三王久悵異志。欲動甲兵。宜早防之。庶免後患。帝悟。亦未之信。到天明爽。果如夢中所言。太宗大以爲驚異。詔封爲天下盟主神。加大王爵。重興元年勅封靈應大王。四年加封昭感二字。興隆二十一年。加封保佑二字。

僭評

大王以山嶽名神。專受上帝勅命。威德久聞于天壤之間。不待時君世主褒封。始著靈異也。惟憫人寰溺陷。塵慮不明。苟愆然不屑指以迷途。則世主終不能悟。故屢托之夢。告以開自新之路。到是時世主始尊之敬之。立祠祀之。又從而封贈之。不然名神之在人寰中。何鄉不奉。何人不拜祝頂禮。而獨冥冥默默。徒享人間香火。禍福不聞有所報應。只專外飾其樓臺之壯麗。鎗仗之鮮明。彼儼然僭仰者。果何爲哉。

廣利聖佑威濟孚應大王。

昔高王開大羅城。一日晡次。放步遊觀。至城東門。頃刻間忽然雲霧大作。見五色祥氣。從地面湧起。射上星斗。光芒精光耀目。寒氣逼人。五色中有仙人黃騎

(一卅)

喜。召諸左右具述夢中所見。僧統惠林生曰。神言托生于木。居水雲鄉。今當求之於木。或有靈驗。上然之。使從者求諸汀洲岸渚間。得一木頭。甚肖人形。類如舊時裝漆。果符夢中所見。上爲之立號曰。后土夫人。命設案置御船中。忽頃間波濤息浪。草樹停搖。及上到占城夾戰。如有神助。是陣果大捷。凱還日。龍船泊舊所。勅令立廟。復起風雨如初。惠林奏曰。乞請環琰。止京師。得之。風雨帖然。比至京師。卜地起築祠宇于安朗鄉。稔著奇績。有誹謗咒咀者。立見災禍。迨英尊時天大旱。羣請築環丘於南郊祭天。請元君爲壇主。元君托夢於上曰。本部有勾芒神君。善於行雨。上喜。會議。定以后稷配天。后土配地。立法于南郊致禱。果獲大雨滂沱。上喜。敕下曰。后土夫人有勾芒神君。乃主春事。今後凡立春禮。土牛得歸納于祠下。重興元年勅封后土神地祇元君。四年加元忠二字。興隆二十一年。加封應天化育四字。

僭評

未夢之先。海堙一枯木耳。一日遯御船而劾靈。發歟風雨。伸縮波濤。裝林邑之武功。起開鄉之豐祀。爲邱丘壇主。爲后土夫人。究其來因。只稱大地之精。名迹渺茫。不可得而考。其事跡多有不可曉者。而英靈昭著。震攝人寰。凡有祈禱晴雨。立見效驗。其受封享。不亦宜乎。至於鳳詔襲封諸美字。俱隱。惟元忠二字。未詳如畫。

盟主靈應昭感保佑大王。

報極傳云。王本是銅鼓山神。

山在清華。俗名皆可奉。

昔李太宗爲太子時。太祖命提師討占城。

軍至長洲夜宿。夜到三鼓。矇矓中忽見一異人。身長八尺。鬚眉如戟。衣冠灑

事者。重興元年。敕封毅王。四年加封剛正二字。興隆二十一年。加封威惠二字。

僭評

一淵不兩蛟。一樓不兩雄。勢侔則隙生。謀齊則變起。此石神之所以不見容於僭侯也。鷄獠相合。故致相赴。言涉無稽。自刀督推誓。表夢於武寧。而此祠遂儼雅尊嚴。世世香燈不絕。丁未間西寇跨我中華。大灘土豪有瑤武者。有勇力。率家丁相拒。武素通孫吳兵法。能以少制衆。神出鬼沒。其測兵機。西兵往攻之弗克與敵。敗走。武率家丁追殺。斬獲無算。得貨寶器械無可勝數。西人畏之如虎及昭統北回。以武有陷北鎮之功。授京北行鎮守。爵定嶺侯。奮駕既北。誓不西臣。累戰而累勝。西人奉金帛禮物。百計邀誘。終不肯。復出其不意。竟爲所獲。人或以爲石神復身。朱敢以爲深信。然人中有此豪氣。殆亦鐘嶺精華厚氣云。

灝氣英靈。

應天化育元忠后土地祇元君。

報樞傳。元君即南國主大地神也。昔李聖宗南征占城。至環海口。忽被暴風惡雨。波濤洶湧。龍舶動搖欲轉。危急出於不測。帝甚憂懼。徬徨中帝忽見一女人。約二十年紀上下。容似桃祀。眉濃楊柳。眼若曙星。笑如花蕊。身穿白衣綠裙。束帶淡裝。徑來白上曰。其是南國大地之精。托居于水雲鄉久矣。觀時待發。恰遇良因。幸覲龍顏。生平所願實愜。但願陛下此行敏幹。全獲勝謀。妾雖蒲柳輕姿。願充微力。默然爲扶佐。凱還之日。妾即候此拜謁。言訖不見。上悟驚駭且

因。見於元豐一夢。奕奕然有鸞書之封贈。惟謚號稱曰天忠烈。頗似魏文貞忠恭諸名臣。常稱天暮江口顯靈神王。殊為確實。又衝靈山神而稱朔天王。天暮江神而稱李校尉。其名號較與扶董冲天王。瑞香威猛王相朱紫。聞者詳之。

果毅剛正威惠王。

按杜善史記。引交州記。王本名高魯。乃安陽王之良佐也。俗號都魯。或號石神。昔高王平南詔賊。以兵巡武寧州。至地頭。夢見異人身長九尺。衣冠整肅。言貌峻嶒。椎髻刀簪。赤棍束帶。白王曰。臣本名高魯。昔輔安陽王。為大將軍。有却敵大功。後為大臣雒侯所譖。被殺。上帝憐其忠赤。賜一帶江山。管領都統將軍。凡討伐寇賊。及稼穡之事。皆主張為之。宛然一方福神。今又從明公討平逆虜。寰宇泰和。復還本部。若不告謝。是非禮也。高王怪問。雒侯何事相妬。妄生譖端。曰。幽冥之事。不願宣泄。高王重問。答曰。安陽王即金鷄之精。雒侯即白猿之精。某甲卯石龍之精。鷄猿相合。與龍相尅。故爾。言訖泯然不見。高王悟。以語僚佐。喜自吟曰。美哉交州地。悠悠萬載來。古賢得接見。方不負靈臺。又曰。百粵莫區宇。二漢定山河。神灵皆佑順。李唐景福多。從者有曹讚高王曰。越甸山川舊。唐家人物新。高人間有氣。動靜告龍神。又曰。南國山河勝。龍神觸處靈。交州休感願。今後見昇平。世傳大灘河是龍王營窟。能興雲致雨。鼓弄波濤。船行多遭沉溺。若有具禮先行告謁。雖中流遇風波。自安然無

德。辰南帝注心於邊患。使太尉遠鎮唐林。兵權在手。威令遠加。頓清沙漠之塵。稍息狼煙之警。不謂天厭季祚。風送梁兵。乙丑二年。陳伯先興師致討于朱葛蘇瀝。以次底平。丁卯四年。梁文治元年。梁兵乘勝所向無前。李朝君臣失色。瓦解土崩。以傾覆於屈獐洞中。太尉聞信。愀然嘆息。忠激於心。乃命人謹守營屯要害諸處。忽夜間火光。四面俱發。滿道變兵已迫近廷前矣。始覺人心岩險。天命難謀。乃率家將突重圍而出。再備。地窮途遠。進退無由。太尉乃指天畫地從容就義。家人奉送回湖馬津。即今玉津寺。本社江名。蒿墓起墳于本社洲外。

回天忠烈威武助順王。

在天幕江口。

世傳。王號李都尉。不知何代人。不知名字。因渡江遇暴風而殁。幽靈不散。常於江津風清水白之間。聞笑語之聲。空中似有簫韶之響。村中夜犬驚吠。現八男丁壯人。告村民曰。我蒙上帝敕封為江口神。國人甚以為驚異。立祠奉事。每月望有蛇黃冠者。自江淵來盤伏于祠中。村人尊為盟主福神。元豐間。韃虜入寇陷京師。車駕出幸。擬順江流遊覽至此泊宿。夜現夢告上曰。陛下不須遠幸。上悟。命中使上祠焚香致祝。乞虜退不得至此。後果如其言。賊平。遂敕封回天神王。重興元年。加封忠烈二字。四年加封威武二字。

僭評

此神無費所人氏姓名。渡江風蕩。托夢示人。江有祠。祠有蛇。意者必是水神出世。亦了風

(七廿)

君是尊姓何名。答曰。郎君前身是李將軍。今生即青梅進士黎英俊也。見往北使。敢白使君。忽風動杆。杆驚覺。方識黃梁一夢。具以夢中通告鄉人。重加修造。及黎使公回。常有與阮公往來遊戲。阮公召家人指示曰。此古所證安王也。黎公以文學名。仕至高書。權勢赫赫。雖夢寐之間未敢深信。而往來屈伸之理。亦露其端倪。范仲淹前崑崙道人。富弼前冲虛觀禪師。其亦類此歟。

附錄安所社神祠事跡記。

按大越外史所記。

嘉通大王。本古所鄉人也。後改安所。

時天下遭暲昧。豪傑匿

姓名。大王少時丰資蓋世。才藝絕倫。善於騎射。弓矢尤其所長。大有威德。力

能馴象。及事李南帝

與梁武同時。

帝見其軒昂器宇。真大丈夫。可當方面。許從戎事。

屢立奇功。後以杜洞一境。邊遠險阻之地。非此僚不可治。乃拜大將軍。使往鎮

之。一有號令之出。羣雄屏迹。盜賊來降。方民素堵。境內蕭然。老少咸戴其德

。及林邑

即占城。

八寇于九德。邊書告急。朝庭建議出征。皆曰。非杜洞將軍不能降

服此賊。乃宣制總率諸將往禦之。遂大破林邑于九德。捷聞至京師。帝嘆獎良久

。謂侍臣曰。有遇槃根錯節。乃知銳器。今杜洞將軍一發數箭。大破勍敵。真是

山西豪傑。雖古之干城亦不過是也。可不重賞之乎。乃以其多服邊之功。賜姓李

氏。尚一公主。王起升太尉。自是寵遇日隆。又使參護府儀示百僚。李太尉天資

忠厚。性植清廉。有所建議。務從公直。立朝中面折廷諍。不能容人。過失彈劾

。權倖無所諱避。人不敢干以私。聲聞凜烈然。中外咸呼爲服喪相公。而敬慕其

故臣得以傍影彷彿雲霄間。凡有用兵。從空暗護。逆虜入寇。皆捍禦焉。今幸遇陛下鸞駕光臨。特來拜謁。既而吟詩曰。天下全矇昧。姑爲隱聲名。中天揭日月。光耀是真形。言訖。不見。帝未及對答。忽然驚醒。具以語告左右。御史大夫梁文任曰。此神意要欲顯立形像之言耳。上命置環玦立應。命州人立祠塑神像。一如夢間所見。廟貌森列。爲一方福神。元豐間韃靼入寇。馬蹶不能進。村人素諳神力。率衆拒戰。斬虜首甚衆。賊遂奔散。不敢復窺其境。寇賊既平。冊封證安國公。詔賜閩村爲証安戶舍。重興元年。北虜復入寇。到處皆焚蕩。經其邑如有防護者。秋毫無犯。虜賊既平。敕封證安王。四年加封明應二字。興隆二十一年加封佐國二字。愈著靈應云。

僭評

山川之氣。其精華者爲金玉珍寶。而藍田之璧。夜光之珠。照耀今古。感於人者亦然。善人君子其氣之精華也。所步頭山奇水秀。人傑地靈。李將軍實鐘毓之。遠事南帝爲將軍。屹然爲杜洞唐林之保障。身騎箕尾。閭閻肅知。英爽之氣常聚。武烈之績增奇。破長真于蕺山。殄閩婁于朱鷺。平南詔定南漢走宋兵。神不我欺也。持中詞意悠揚。貴姓尊名。不足爲俗客村人道。而立祠鑄像。儼雅遺容。華夷之所同敬仰。以韃靼之強。弓弦所向。遼夏金宋諸大國。皆望風迎刃而解。擁衆而南。風駭雲流。需彝電掣。公以神力退敵兵。使安其所生。案堵如故。平原之境。有功德於民則祀之。公之功德爲何如哉。廟今在安鳳古所。制度甚整。鎗伏鮮明。歲時迎詣禮奉唱。爲喝江一大都會。前朝世復其民。對與扶董白藤二祠。相爲等埒。何其盛也。世傳寧舍進士阮邁。鎮山西。嘗奉禮就宿古所祠。夢見婦人珠珮金冠。袍衣繡彩。錦鞵羅裳。羞花妬月之容。玉面紅粧之色。手持數枝梅花。接搜前來。滿座清風撲鼻。香氣襲人。致辭曰。自君之出矣。羅綺殘剝錄。草駕來臨。祠宇常未光潔。使君有識。幸爲重修。曰

僭評

勝負興亡理也。亦勢也。禎祥妖孽氣也。理勢所在。氣必爲之兆焉。故智伯將亡。霍山神以竹簡授襄子。契丹將滅。鴨江神以俛首示完顏。要不出福善禍淫之理。二張以故越之臣。不屈於南帝。忠義之氣。皓然常響于天壤之間。固未可以毛疵論也。生爲名將。死爲名神。八晉王之夢。而崑崙之賊以平。吟南國之詩。而宋師不戰自潰。以此應報。封爲福神。享千古蒸嘗之報。叨九重絲粒之榮。二祠今存。沿江僊人皆避諱呼喝爲唱。精英洋溢。千百年常如一日。使當時甘心降虜。餐取一時富貴。安得流芳萬世。使人嘆慕而興起者哉。

證安明應佑國公。

(五廿)

按杜善史記。王姓李名服。李太祖時。因省方至所步頭。望江山秀氣。依風景勝遊。心神有感。洒卮酒於大方。祝曰。朕觀此地山奇水秀。異殊方。苟有人傑靈幽。受吾明享。旣而是夜夢見異人。高大肥壯。虎面龍鬚。衣服莊嚴。巾鞋楚楚。稽首再拜曰。臣本鄉人。姓李名服。佐李南帝爲將軍。以忠烈知名。授杜洞唐林二條山河。夷獠畏之不敢犯。一方案堵。及卒。上帝嘉其忠。守職如故。請具陳一二事。干冒聖聰。昔唐將王時。臣常率鬼兵。從丘和破逆賊甯長真于峽山口。宗時又破大食波斯賊于神石口。代宗時又破崑崙閻娑賊于朱鷲。又高王破南詔。及吳先主破南漢。黎大行破宋兵。每出兵征討。臣在空陰中。率鬼兵暗助。卒皆有功。又臣常擁鬼神兵。從天帝命。破占城于英山鎮。當臣命歿之時。幽靈不散。村民愛而敬之。又恐無人防守。以禦夷獠之寇盜者。因立祠祀之。

按杜善史記。二王兄弟也。吳南晉王時。討龍州李暉賊。軍次扶蘭口。夜夢見二人。衣冠奇偉。狀貌魁梧。見上曰。逆賊猖狂久矣。請從軍助戰。上怪問曰。卿等何人。孤未曾識面。既蒙感格。宜白姓名。二人皆羅拜曰。臣等兄弟也。兄名吼弟名喝。姓張氏。本扶蘭人。皆爲越王將。越王爲李南帝所敗。南帝具禮迎臣等。欲官之。臣等皆應之曰。忠臣不事二君。烈女不更二夫。况背義之人。欲屈不移之節乎。遂逃匿于扶隆山。南帝屢召之不應。南帝怒。令人追拿不獲。購求千金。臣等進退無路。皆飲毒卒。上帝憐臣等無辜。死于非命。勅補濰河龍君副使。運武諒江二江支蔓源流。號巡江都副使。向者先主白藤之役。臣等効力多助順焉。上悟。命具酒饌致奠。祝曰。果有英靈。扶助此戰。克捷。即立廟分封。香火弗絕。上始進圍崑崙山。賊倚大險。不可攀躋。軍士久屯。皆有阻心。其夜上復夢見二王督兵。部伍僚屬皆鬼神狀貌。行伍綦嚴。部落甚整齊。會于扶蘭口。其兄兵于武平江至如月部。入富良江源頭。其弟兵沿諒江入南平江。上感悟。以語左右。既而以此陣果獲勝。平龍州日。命使者分處立祠奉之。各封爲一方福神。詔封兄爲大當江都護國神王。祠立于如月江口。封弟爲小當江都護國神王。祠立于南平江口。李仁宗朝。宋兵南侵。至其境上。命太尉李常傑沿江築柵固守。一夜軍士於祠中。忽聞高聲吟曰。

南國山河南帝居。截然定分在天書。

如何逆虜來侵犯。汝等行看取敗虛。

果然宋師不戰而潰。神夢昭彰。毫髮不爽。重興元年。敕封如月却敵大王。四年加封善佑勇敢四字。

(三十一)

嚼人之狀。上望見大驚。時公於艇中拋網捕魚。熟視見之。曰事迫矣。以網撒之。得一大虎。乃文盛也。詔以鐵索鎖木籠囚之。流于洮江。上嘉公有保護大功。拜為都尉將軍。官至輔國將軍。卒。贈太尉建祠堂塑像奉事之。其祠屢著靈異。或一蟒蛇。居祠側柱孔中。每到朔望祭禮期。從基礎下蟠屈而卧。人民往來。不為驚駭。若有邪穢人入者。多有所傷。日入後復還柱孔居焉。到今祠宇增隆。村民奉為福神。重興四年。敕封忠慧公。興隆二十一年。加封武亮二字。

僭評

湖在漢為浪泊。在李陳為靈澤。黎朝避諱。改為西湖。乃大羅城之一巨浸也。每到秋天潦盡。潭清。水天一色。隱然有洞庭夢雲之勝。累朝以為登臨遊玩之所。當此幻霧漫空。乘輿變色。雖有千乘萬騎。難施其巧。穆郎一魚人耳。於國家未嘗霑一資半級之恩。而天子有急。奮不顧身。搜猛虎於驚濤。掃妖氛於晝晦。能使頂下七里之異相。得垂衣南面七十年。公之勲烈為何如哉。以江湖散人。漁網為業。一朝辭村落而廟堂。釋舟蓑而軒冕。生官太尉。沒享福祠。豈不是龍雲盛會。魚水奇遇。千載一時。君明臣直者哉。宜其大樹之蟠屈。巨蟒之朝伏。不足怪也。廟今在畿內廣德縣輞市坊。祠宇整肅。雖仗森嚴。與西湖坊金牛祠相望。黎朝仍加國祭。近者東平范進士拱加封敕有曰。拋置網於湖中化虎之奸臣碎首。掃妖。雲於艇上乘龍之天子開顏。相傳以為名句。益亦記其實云。文盛罪宜處斬。乃宥而流之。於是乎失政刑矣。後人有詩云。

撒網終能退虎臣。目中畏大森人。
元勳克濟望明君。迄今遺廟長轟烈。

千重深霧橫舟掃。
香火千秋上等神。

一大妖虫舉揖嘆

波響長留豪勇舉。

却敵善佑助順大王。
威敵勇敢顯聖大王。

(二廿)

破虜兵。名振藩國。凱還日。定功行封。詔以公田在拜山下千餘畝給賜爲王私田。蠲免斫刀穀稅。按史記平占還。定功。奉曉不欲爵賞。願得立冰山上。遠擲大刀。驗刀斫地內。賜以作業從之。公登山一擲遠十餘里。刀墜多糜鄉。即以賜之。蠲斫刀稅。故愛州賞功有斫刀之名。自王始也。王盡忠事上。知無不言。故凡征伐。所向克敵。年七十七卒。土民追思立廟。祀爲福神。村民祈禱立見靈應。重興元年。敕封都統王。四年加封匡國二字。興隆二十一年。加封佐聖二字。至今廟宇巍峨。香火不絕云。

僭評

公生而穎異。夙操抱奇才。勇力之過人。見於史之所書者。未易多得也。觀其壯歲馳勇。三畝獲禾只爲一擔。二十人饌。一食無餘。其異力有如此。我國黎光虎食力勇力。與公可稱伯仲。公之勳業。具在李史。其賢於尉遲敬德遠矣。生有冰山之賜。足以表不世之奇遭。稅免斫刀。叨膺榮寵。沒有福神之詔。舉不朽千古之餘靈。廟貌長存。增光祀典。書云。懋功懋賞。不其然乎。今先豐白鶴之間。村人多有奉祀者。抑公之采邑遺跡猶存焉歟。

太尉忠慧武亮公。

按史記及世傳。公姓穆名渙。以漁網捕漁爲業。李太宗時。太師黎文盛奏得大理家奴。善於咒幻。能起瀆。變化真身成虎豹之形。文盛誘之。學得其術。遂設計陷殺其奴。潛謀不軌。時方深夜。太宗幸西湖觀魚。泛舟擊楫。游泳湖中爲樂。忽霧起烟暝。四顧莫辨。忽聞憂憂稽聲。冒霧而來。霧中隱隱有一大虎。齧齧欲

高大奇偉。美鬚髯。膂力過人。公弱冠時。梁江輪甲有借力爭田者。王以手拔苗。茅竹連根蒂而戰。無敢當者。越史補遺。王少雄勇。古碑潭舍二村爭地界。以兵相問。王乃揚袂謂古碑人曰。我一人能當萬衆。父老大喜。威陳酒饌。俾王醉飽。王食膾素竈。飯用至三十銅鍋方飽。酒飲無量。是日父老歎侍。殊爲飽足。即與挑潭舍社人。二社夾戰。王聳身拔樹。橫臂指揮。所向無不拔靡。傷者甚衆。潭舍人大懼。還古碑田。時李太祖選募壯驍勇力人者。充宿衛禁兵。王爲應首。勤勞得力。甚合上心。累遷武衛將軍。與潭坦郭威溢李玄師同列。太祖崩。太宗奉遺詔即位。翊聖武德東征三王相率謀叛。各以本府衛兵。直犯大內。分門爭入。亂相攻擊。事勢愈迫。主上惶恐。不知所出。即命王委以大事。曰朕進退不得已。卿便宜從事。王遂率宮府衛兵。出大內宮門。夾戰。甲兵旣接。勝負未決。王怒拔劍直至廣揚門。因大呼謂武德王曰。王等窺覲神器。蔑視嗣君。上忘先帝之恩。下背臣子之義。臣奉曉奉劍爲獻。乃直犯武德王所騎馬。武德王引馬欲擊之。馬蹶。爲王所斬。三府兵敗走。官軍追殺。殆無遺者。惟東征翊聖謹以身免。王還奏捷于太祖柩前。又詣乾元殿奏捷。上勞之曰。吾可以克荷先帝之丕基。全父母之遺體者。皆卿等之力也。吾嘗披閱唐史。見尉遲敬德匡君之難。自謂後世人臣無可與並肩者。今乃知卿之忠勇。過於敬德遠矣。王泣拜曰。陛下德感天地。威振邊陲。朝野內外翕然向風。諸公萌心異圖者。上下神祇皆得而誅之。臣等何力之有。遂拜都統上將軍侯秩。至天感聖武中。太宗南征。占城王爲前鋒。大

也。爲臣盡忠報國。條是社稷之臣。公廉易直。舉動風生。屢後帝君訪察清白無過。現補南曹局中司隸祿官屬。以宿世因緣猶濁。推賜。上悟語左右。皆曰。此真善人也。即武安州牧范占之孫。參政范萇之子。都尉范溢之弟。范占佐吳先主。有開國功。封銅甲將軍。萇佐南晉王爲參政。溢佐丁先皇。及黎大行威有勳烈。官至都統軍校。巨倆佐丁歸黎。有佐命功。爲都指揮使。扈駕南征。占城。有陷賊虜主首。拜太尉。父子兄弟。世有令譽。上深然之。遂封爲弘正大王。後改爲洪聖。是夜上夢見王具袞冕冠服束帶。趨拜龍墀。上異之。命文臣鐫石爲記。表其殊績。重興元年。敕封匡國二字。四年加封忠武二字。重興二十一年。加封佐治二字。

僭評

古之國固皆祀皇陶。以聖臣才作士師。禮寬簡之德。欽明允之司。百姓協中。四方風動。刑院祀之。刑期于無刑也。而范汝南猶以爲曲直聽命於天。祭之何益。范太尉何人。公然以獄訟盟主自任哉。叙其家世。浮沉吳晉。俯仰丁黎。隨世就功名者流也。公仕於丁。歸於黎。今又臣於李。世有不忠不孝之訟。履到公廷。公其聽之乎。抑不聽之乎。傳曰。無諸已然復非諸人。盟主倘若有靈。未必曰聽吾猶人也。後人有詩云。

數炷心香夢赤衣。明教太尉典刑司。南曹局裡天司祿。都尉祠中鬼士師。洪聖趨庭彰顯異。文官勒石記希奇。千秋如鐵丁黎案。盟主應難上下其。

都統匡國佐聖王。

王姓黎。名奉曉。清華府今清化邦山一作米山。今弘化縣楊山社是。人。或謂黎定藩侯錠之孫。爲人

(九十)

具靈異。即具禮奠祭。拜爲都府城隍神君。李太祖遷都時。常夢見白頭翁。彷彿於楓陛前。再拜稽首稱賀萬歲。上怪問姓名。具奏所以。上笑曰。尊神乃保百年香火耶。應曰。但願皇圖盤泰。聖壽無疆。內朝外郡泰和。臣等不只百年香火。上悟。命太祝酌酒。封爲國都昇龍城隍大王。居民祈禱盟誓。立見靈應禍福。重興元年。敕封保國二字。四年加封顯靈二字。興隆二十一年。加封定邦二字。

僭評

鬼神之爲德其盛矣。雖至幽而極明。雖至隱而極現。故曰聰明正直謂之神。不可以衡尺量度也。觀於蘇王靈異之事。豈不大爲可畏者哉。夫王以家世簪纓之裔。羣處於州渚之間。齊家一德。孝弟睦隣。大小妥帖。返近歡膝。惟憑孝弟之行。能中孝廉之選。能來絲絳之音。家貧以清白自持。生平志操。迥出常人。故生前雖北國詔表榮名。沒後英灵飛昇不朽。其始者報元喜之夢焉。而層臺疊閣。從此叨恩。繼而報入幸帝眼中。而萬里權衡。一行鳳詔下天書。萬古之靈聲不替。其較與生前卿相。死後褒封。豈非難中之易。易中之難也哉。

洪聖匡國忠武佐治大王。

按史記。王姓范名巨倆。李太宗時。以都護府多有疑獄。士師不能盡決。欲立神祠。要其彰著顯赫。英靈素著於塵寰。凡諸邪僣拜謁。不敢飭詐者。乃沐浴齋戒。焚香設壇。夜告上帝。是夜夢見赤衣使者。奉上帝令旨。敕賜范巨倆爲都護府獄訟盟主。上顧問天使曰。是乃何人。典我何職。使者曰。其人乃黎大行朝太尉

平阮質阮求之亂。賊望其旌旗所到之處。輒曰。此墨鴉相公也。為之引去。其德之服遠有如此。勳業萃於朝野。威烈聞於夷夏。而處廟前議政事。公明勇斷。毅然有大臣風彩。甲午止歲為上將渡滬江。於逆傳將數萬雄兵。如入無人之境。秋毫無犯。鐘簷不移。非智勇出人能若是乎。河南人士。至今猶思慕而歌頌之。以留守之殘卒。而追贈大王之爵。昭統元年。詔削李詒宦官之王爵。惟聯公仍舊。此亦天下之公議。非獨鵬嶺之私意也。噫。日南立國。上下數十百年。求名臣於內侍。史中歷歷青編。得如越公聯公者其殆有幾人哉。

保國顯靈定邦國都城隍大王

按史。交州記。及報極傳。王本姓蘇名歷。為龍度令。王世居龍度鄉於小江岸上。家資不甚豪富。齊家以孝弟為先。三世仁讓不別居。晉辰舉孝廉。有詔旌表門閭。年歉患匱。詔賜貸粟。因以蘇歷命村名號。唐穆尊時。長慶二年。都護李喜元。見龍編城北門有逆水。地勢可觀。乃遍尋好高燥處。遷府蒞居焉。其規制經營。重門疊壘。四面環列。屋宇參差。乃王生時故宅也。因宰牛醴酒。遍請鄉村耆老來。具迷欲奏奉王為城隍。上下齊心。謀護輿情甚為妥帖。遂興工修造。不日告成。宛然一簇崇祠。巍峨壯麗。慶成之日。萬舞交作。瑟管喧天。地以人而勝。人以德而隆。不其然乎。是夜元喜靜臥窗前。忽有清風一陣。撲鼻而來。塵捲沙飛。簾搖索動。有一人乘白鹿。自空中而下。鬚眉皓白。衣冠楚楚。告元喜曰。忝使君委某主城。苟能教化城中居民。竭節盡忠。方充守牧之任。稱循良之責。元喜揮拜許諾。叩問姓氏不答。忽然醒起。方知是夢。迨高駢築大羅城。聞

(七十)

安二郡。吏民及五縣三源蠻獠等。若有逆命者。委鎮服之。惟占滅怠于職貢。上親征之。公奉領大將節鉞。充爲前鋒。俘其主制矩。以功除輔國太尉。遙受諸鎮節度。同中書門下。上柱國。天子義弟。輔國大將軍。開國公。仁宗即位。升輔國太尉。任大臣職。英武昭勝。初公閒宋人欲下兵馬。遠窺我境。以啟兵端。即上奏曰。坐待敵至。不如先發以扼其鋒。乃命公統領大兵。破邕欽廉三州四寨。俘獲貨物不可勝數。龍符元年。授內侍判省都押衙行殿內外都知事。是冬討濱州賊李覺平之。宋報。寇陷陸畧等州。公戮力葺城于如月江渡。克復武平源。師還大加褒賞。及卒。贈入內殿都知校檢太尉。平章軍國重事。越國公。食邑萬戶。以弟常憲繼封侯爵。民好鬼神。巫覡惑人者。太尉深加懲罰。太平沙汰。嚴去污風。故當時凡有淫祠者。皆變爲香火福神。人民多受其賜。奏請立祠奉事。凡有祈禱皆著靈應。重興元年。敕封忠輔公。四年加勇猛二字。興隆二十一年。加封威勝二字。祠宇森嚴。靈應愈著云。

僭評

李小尉一中常侍耳。歷仕三廟。始終無玷。北挫巨宋。南平強占。其立廟勲業。頗似黎奉曉李道成。以此生爲名將。死爲名神。洵無忝矣。孰謂黃珍賤隸。而有此等人物。此等勲業哉。帝座有闕。後寺之呈。周禮有寺人之職。而墮蔽天聰。濁亂朝廷政體。歷攷漢唐宋元明其爲蠹國優民。指不勝屈。求如披之事若。馮存亮之弭亂。李繼業之盡忠。何可多得。我越自李陳以前。未有開拯人之難。黎中興後。宦官位僚班之上。文武皆附其門。生則結黨背公。歿則援例封王爵。豈擬擬山陵。堂宅僭王府。見者莫不振腕。湘竹之域。高姥之詔。又其此者。惟奉公黃五福以謹恪事上。以嚴明御下。常統大軍征伐。

徑。碧落荒叢。一片閒雲。空委落花村草。遂別創造祠宇。高殿層樓。備禮致祭。迨高駢破南詔。常顯靈助順。駢大驚異。命匠重修祠所。增壯新觀。今木雕漆真像。備禮致祭。香火不絕。重興元年。敕封英烈王。四年加封勇猛二字。興隆二十年。加封輔信大王。

僭評

香傳董藤我國四最靈也。扶董大王。藤州神王。皆浩然之靈氣。不可得而名狀。李校尉以二丈之身。任于上國。官授司隸。威振匈奴。臨兆之人畏其威而懷其德。生時人咸畏慕。沒後茲不能忘。鑄像置門外。機轉動搖。凜凜如生。遠而望之。足以褫強胡之魄。數百年後。秦夢於趙昌。顯異於高駢。烈烈英聲。宛與天神相伯仲。顧不遑歎。今廟在慈廉之瑞香。去城東四十里。堂宇峻麗。廟貌莊嚴。峙立于江邊。縱頹波激浪。萬里奔湍。而儼爾巍峨。屹然不動。當廟前有渡。乃上流赴京必由往來之路。大都會處。商賈行人。高才逸客。絡繹輪蹄。往來如織。而終古晏然。永息風濤之患。人皆稱頌。佑馬。瑞香最殷富。歲時祀事豐潔。迎年七月望日。為大祈福會。觀者林立。道途車肆康莊。有市廛之勝舉。其廟祀儀祀器整肅凜然。瞻者莫不起敬。比與仙遊金洞兩祠。可相埒矣。人多詣祈禱。求嗣保兒。稱神賜姓。如雲耕節義兩兄弟。皆稱李陳。即神所賜姓也。據怪所記略同。中有假稱瀉泄。搆術誣驗。及以水銀殮葬。數事。怪誕不經。削之可也。

太尉忠輔勇武威勝公。

公姓李名常傑。昇龍京右畔太和坊人。父安語官至崇班郎將。世襲簪笏。公多謀畧。有將帥才。以豐姿俊雅。聲譽昭彰。充為黃門祇候。李太宗朝累遷內侍省都知。聖宗拜太保校尉。居職恭謹。動遵禮法。無纖毫之過。蒙受節鉞。經訪清華又

(五十)

請立祠奉事。祈晴禱雨。無不靈應。爲一州大福神。詩處聚落皆有別祠靈響。凡天子出師征討叛逆者。必迎王轎前行。所戰處空中聞兵馬之聲。俱獲大勝。陳元豐中。太宗南征占城。王船行疾如風。果獲捷。凱還。軍至州行殿。敕封威明勇烈大王。重興元年。又賜顯宗二字。興隆二十一年。加封孚佑二字。

僭評

我國古以木綿隄爲南界。又安益國之極邊也。歷代幹轄之任。大半以琦瑜沉香爲囊索。鐵材白檀爲箱函。鮮有能以撫字保障爲己任。李八郎親爲帝子。擁節鉞。當方面。而能使民夷畏服。朝野稱頌。其去也有舉與涕泣之恩。其卒也有奉命升天之兆朕。民慕王之功德。立祠祀之。其感人之恩爲何如哉。當是時六軍南伐。水陸俱進。而王從容幹濟。公私兼便。此其尤難也。近有抑齋趙忠公留順十八年益黃。而官績寥寥無聞。惟輕搖范尚書。以儒臣當鎮。未幾遽卒。軍民追思功德。立祠祀之林營廟。乃知公侯干城之任。豈專倚於趙趙武夫哉。

校尉威猛英烈輔信大王。

王姓李名翁仲。慈廉人。身長二丈三尺。氣質端勇。異於常人。少時仕於縣邑。爲都督所笞。嘆曰。人生壯志。當如鸞鳳。一舉萬里。焉能受人唾罵。爲人奴隸者哉。遂入學。日就月將。發明經史。入仕秦爲司隸校尉。始皇併天下。使將兵守臨洮。聲振匈奴。始皇以爲瑞。及老歸鄉里。始皇命鑄銅爲像。置咸陽司馬門外。腹中可容數十人。每四方使至。潛使人入腹中搖動之。匈奴恍見。以爲生校尉。相戒不敢犯邊。唐德宗貞元初年。趙昌爲我安南都護。常遊其境。夜夢見與語治道之要。及講左氏春秋傳。因訪其故宅。只見烟霧橫空。滄茫一水。苔封石

。可供三十年之用。及上南征果獲大捷。斬占城王乍斗于陣。俘獲其妻妾士女輜重金銀貨實。以千數億計。帝凱還。至本州行營。知王幹當公事無缺。政令一新。更委本路節鉞。加進王爵。又敕賜定本州一路帳籍。共六縣四場六十甲。百姓民戶。凡四萬六千四百五十。戶口五萬四千三百六十四。又奉令旨。凡諸場甲長者。今後只宜置太撮管甲。不得如初濫稱太子主簿。王府主簿。王又以安沿山。夷獠多未內屬。因奏請于朝。有詔委令持節巡邊。夷酋皆服之。所獲州五。寨二十二。冊五十六。又詔度州地三邊疆界。築碑勒石。以紀遠功。逮聖宗龍瑞太平二年。平翁偁李否諸匪賊。還有流言于帝。謂王專政。擅自用兵征討。帝惑之。王遂解職。蒞州事務。凡十六年。令名日聞。人民信愛。及聞解職。民爭攀輿叩馬。涕泣願留。未幾王方間坐廳中。適一寒鴉飛入幕中。燕雀爭相喧鬧。家人欲捕之。王今勿動。徐觀飛止。寒鴉飛遍幕三匝。又飛往王廳坐前。且飛且鳴。趕入王懷中。落下。成一白紙。張中有字形糝糊。不可詳認。但如菟雲樣。王今別藏。是夜月白風清。光景可愛。王乃遍請親朋。齊來賞翫。笙歌迭奏。殺酒盛陳。歡笑堂中。不啻瑤池勝會。忽瞑目坐。見一人六十歲年齒上下。服襪多冠紫霞衣。腰間束帶。手持青龍偃月刀。前來致辭。王問之。對曰。臣乃天上武曲星也。奉丹霄玉皇令。請王前來紫虛帝君所。草玉牒一章。王對曰。愚乃塵心肉眼。焉能行天上事務。以手拂青龍刀。固辭。忽有祥風動韃鞬。王驚醒。方知是夢。王具述以告。并日間所見飛鴉之事。親朋皆謂吉兆。王入寢忽無病而終。州人

(三十)

然亦一方奇才男子。妾曾濫預中樞。恩愛叨榮。不幸而國破君亡。妾日夜悽愴。只思圖報。裙釵弱質。計出無由。辱荷陛下洪恩。遣中使送妾得歸泉臺。會面。妾願悉矣。更有何靈。敢來唐突。言訖。忽不見。上驚醒。始知是夢。即具酒致謝。敕封協正娘。自後遠近祈禱。輒見靈應。重興元年。敕封協正佑善夫人。四年加貞烈二字。興隆二十一年。加封真猛二字。至今奉事。愈見靈應云。

僭評

易曰。見金夫不有躬。甚哉世德之可鄙也。占城國推普裸身。白布纏手。食無著。記事用夷字。通國誦經念佛。不事詩書。未嘗知倫常之義。而夫人以一個婦人。有沉魚落雁之容。閉月羞花之貌。服事驕王。靈江崩角。山河漂絮。奮然辭萬乘之榮。願。捨一朝之命。毅然有恆固坤貞之節操。幽巖之氣。每於朝烟夕嵐之間。彷彿於江館漁船之上。貞心烈節。常托響於怨雨悲風。怒氣哀聲。每奇恨于橫波逝浪。如泣如訴之聲。千古猶裊裊人耳。蒞仁立祠。重敕疊封。想夫人泉下之靈。必不以此為榮也。宋靖康北狩。皇后王氏為金酋粘沒罕行酒。中原士民。為之慙歎。其視夫人為何如哉。按。諡號當稱貞烈。至於勇猛二字。殊屬徑野不合。

歷代輔臣

威明勇烈顯忠佐聖孚佑大王

王姓李名冕。李太宗第八子。母貞明皇后。黎氏。為人忠孝恭謹。果敢有為。號八郎皇子。乾符有道元年。送試又安州歲租。居職數年。秋毫無犯。有廉直名聞。上嘉愛之。賜號威明太子。拜知本州軍民事。時太宗欲征占城。命王別置私墅。曰婆和寨。務得險固。四面開深溝高壘。寨中地廣。可容三四萬軍。府庫錢糧。

古以陰柔居六五。如呂雉堅固當號令海宇。叱咤風雷。然皆承先帝之玉基。歎嗣君之幻鏡。以威力取下。終爲千古之罪人。二夫人提一旅之師。一朝定五十六城之地。垂裳百粵。南面稱孤。與趙武帝李南帝相伯仲。使後世從而王之。雖不從人謀。卒有禁漢之歎。而正大光明之氣。浩然宇宙間。使人嘆慕而興起。漢唐晨北。其可爲簪冠綠衣之腰御乎。今廟在福祿之安唱間。堂宇肅整。行人過其廟者。留連覽勝。迎接。又爲象馬戰陣之狀。氣象凜凜。安朗夏雷別有祀儀仗器。廟貌壯麗。行人過其廟者。留連覽勝。輒爲吟題。墨客騷人。往來如織。夫人真不死矣。近有爪牙之烈婦。琵琶之貞妃。從容就義。舉國嘆呀。如此氣舉。使遠徼王之地。安知不能起塵冷而略朱蒿。響日南而清浪泊。爲掀天撼地之事耶。

協正祐善貞烈真猛夫人。

夫人沒姓氏。占城人名媚醜。故占城國王乍斗妃也。李太宗朝。斥斗不修職貢。失藩臣之禮。上親南征。乍斗引衆陣于布政江。尋爲王師所破。乍斗死于陣。其妃妾被俘而歸。至蒞仁江。上聞媚醜之美。密令中使召侍御船。夫人不勝憤鬱。辭曰。嬖妻俚婦。惡衣惡服。言語麤陋。不類中華妃嬪。恠今國破夫亡。自分一死。若狎強合歡。恐污龍體。乃蜜以白氈氈。占城好布。自纏。付性命于江流。澎湃一聲。已失美人蹤影。上驚異。自悔。救拯弗及。是處夜靜波澄。月明星朗。常聞婦人哀訴之音。村民以爲異事。表請立祠奉事。自此始息訴哀之音。後上幸蒞仁。舟泛江心。見祠在江側岸上。怪問。左右以事對。上默然良久曰。不圖嬖女。有此幽貞。果脫奇英。切須報朕。是夜三更將曉。偶見香風一陣。冷氣迫人。見一婦人。且拜且泣曰。妾聞婦人之道。從一而終。先國王雖不敢與陛下爭衡。

(一十)

之乎。又國中上田下田。及穰饑旱蝗。皆祀神農。而嘗新只用諸亭寺家廟。最爲背本。竊使一歲之中。惟嘗新當爲大祈福。染盛肥腩。精潔以報神賜。歲大豐熟。歌唱以侑神。非惟含有報之文。兼之新穀既登。百用不匱。公私皆便。此宜明著爲成式。遵而行之。不可拘泥可也。

二徵夫人。

史記。姊名側妹名貳。本姓雒。乃我交州雒將之女。峯州麓冷縣人。姊適朱雋縣人詩索。有勇力。尚豪氣。刺史蘇定設法陷之。姊怒。與其妹舉兵。逐走蘇定。攻陷交州。由是日南合浦九真望風響應。畧定嶺外六十餘城。自立爲越王。治朱雋。始稱徵氏。時蘇定走南海。漢光武聞之。怒貶定儋耳。遣馬援劉隆等。率大軍擊之。至浪泊湖。夫人拒戰。衆寡不敵。退保禁溪。衆日離散。夫人勢孤没于陣。土人哀之。立祠奉祀。屢著靈應。今祠在安鳴縣。李英宗因旱。命淨戒禪師禱雨。尋得雨。涼氣襲人。帝喜觀之。忽見睡。夢二女芙蓉面。楊柳眉。綠袍赤裳。赤冕束帶。鐵騎隨雨而過。帝怪問之。答曰。妾即二徵姊妹。奉上帝命雨也。帝悟而感之。敕重修祠宇。具禮致祭。尋遣使迎歸大內城北。建雨師祠。以祀之。後托于王。諸立祠于古來社。上從之。敕封貞靈夫人。重興四年。封姊制勝夫人。興隆二十一年。加純貞二字。又加姊妹保順二字。稔著靈應云。

僭評

中朝隔遠。守令貪殘。當是時百男之國。皆蘇使君之妾婦也。夫人以齊媚之姿。皆有不共戴天之讎。裙釵唱義。閭閻迷盟。遂刺史陷城都。九真合浦之區。重見天日。豈不轟轟烈烈一大丈夫哉。自

(十)

異。重興元年。冊封英烈威皇帝。四十年加仁孝二字。興隆二十一年。加增欽明聖武四字。二廟至今香火不絕。稔著靈應云。

僭評

前李南帝。賈益世之資。雪屈人之恥。鳴張九郡。電掣日南。稱帝命官。改元建統。亦可謂日南之豪傑也。伯先南指。屈洞退師。徒令人有不滿襟之嘆。李伏子趙光復皆萬春之部將。一則據朱荔之險地。伺機而欲揚旆。一則收野洞之遺氓。乘所而窺嶺表。俱帝俱王。足伸壯志。然一淵不兩蛟。一棧不兩雄。淵界雖割而雄心不割。婚果娘。易龍爪。逼鴉海口大螺城。險哉南帝之用心也。陳朝兩錫冊封。本無甲乙。廣稽幽靈所載。越王近正。龍君劉水之事。其或諱陣歿之跡。而為王回護歟。趙之龜爪。而易於仲始。李之龍爪而易於雅郎。前後影射。兩娘子皆以情溺。不解機關者也。與夫媚珠之揚光於玉井。果娘之含情於小鴉。幽冥之際。或有或無。抑亦有幸與不幸耳。此事有諸。曰。子不語怪。

天祖地主社稷帝君。

帝君即后稷。教民播穀。自周以來祀為社神。我國設祀在羅城之南國平門側。廟殿嚴肅。俗曰社壇司神。咸靈素著。歷朝郊祀配天。有旱蝗祈禳輒應。重興元年。追封后稷司帝君。四年改封天祖社稷帝君。

僭評

記曰。有功德於民則祀之。后稷粒我蒸民。功德莫大。國之有祀久矣。我國肇據日南。光稱殷祀。蕉薰胙饗。陰有以培千百年安寧悠久之基。然帝君非號。天祖非名。祀典當稱社稷之神。庶為明簡。按先農里皆有祀。惟我方得稱社稷。黎朝自灑江畫界。以株營為重鎮。鎮有社稷壇。不涉經典。偽西邑富春而又安鎮猶仍壇號。近有一士子喜談諧。善圖畫。偽著鎮祭社稷。禮竣。命畫圖依畫壇遭如式。下畫一狗喫祭餘殘骨。題曰。苟有利於社稷。蓋深嘲之也。夫神者聰明正直。而非禮之薦。神其享

(九)

。父王兵機神妙。能出我父王之右。不曉有何妙術。致此奇謀。呆娘係是針線女流。那讖波濤世態。即密取越王龍爪兜鍪示之。并言其故。因曰。我國父王從來克敵。賴有此耳。雅郎潛謀易爪。乃謂呆娘曰。吾爲駙馬日久。縣念雙親。豈有久戀衽席之私情。乍缺晨昏之甘旨。吾意欲暫回問安。方孚至願。事奈路途遙遠。來往費程。固不可朝發而夕至也。散多聚少。悵恨如何。吾歸國後。爾倘有不虞之變。跟隨王駕出向何方。卿當以鵝毛爲識。便吾尋問。雅郎歸。以事白南帝。帝大喜。即引兵直入越境。如履無人之壤。越王不之覺。親披兜鍪拒戰。以待南帝。神機既奪。兵氣不振。帝自知不敵。携其女南奔。欲擇險地躲避。敵兵輒踵其後。因至州府憩息。左右報曰。南帝兵至矣。王怒。大呼曰。黃菴神王不助我乎。忽見黃龍指告曰。無他。祇是王女呆娘。以鵝毛引道。是大惡賊。不殺何待。王願以刀斬之。落水入去。王引馬奔至小鴉海口。途阻。復回東向。至大鴉海口。嘆曰。吾窮矣。忽見黃龍刺水爲道。引王入水。水復如故。南帝兵進至。渺然不知去向。遂引兵回。越王據國十九年。起自梁大寶二年辛未。至陳大建元年乙丑亡國。人以爲靈異。立祠於大鴉海口。重興元年。冊封明道皇帝。四年加開基二字。興隆二十一年。加聖烈神武四字。南帝既併趙越王。乃遷都祿螺及武寧處。封其兄昌岌爲太平侯。守龍編。大將軍李晉鼎爲安寧侯守烏鶯城。在位三十年殂。起自陳大建三年辛卯。至隋文帝仁壽二年壬戌。南帝殂。子師利立。數年爲隋將劉方所滅。南帝既薨。國人處處立祠奉事。廟在小鴉海口安康坊。最靈

(八)

詰奔回廣州。出據貴州城。會林邑日南。貴命其將范修擊之于九德。因獲大勝。敵寇盡散。乃自稱爲帝。置百官。改元天德。國號萬春。梁帝聞之。拜廣州刺史陳霸先爲交州刺史。聞貴稱帝。率師討之。七年。至大宋二年亡。凡八年。

趙光復本朱鳶人。

今克蘭

爲貴左將軍。朱鳶地北有巨澤。周迴深浚。不可以

里數約度。貴既亡。光復乃收其散卒二萬人。號令指揮。潛隱澤中。夜則劫營。晝則潛伏。霸先使人探候。知其爲光復也。率兵討之。竟莫能得。衆推爲夜澤王。光復居夜澤中一年。夜見黃龍脫其爪與之。告曰取。此納兜鍪上。寇敵聞見之。自然畏服。會建康有事。召伯先北還。留其將楊孱守鎮。代行事務。光復自得神爪之後。謀畧出奇。所戰皆勝。又因伯先北還。遂率衆攻孱。孱拒戰。一見兜鍪。便即敗死。光復入據龍編城。治祿螺武寧二處。自號南越國王。李伏子

乃李貴族弟。貴亡。遂從貴兄天寶率衆三萬。奔竄夷獠。伯先購求之不得。天寶至桃江源頭野能洞。見此地名勝。土物肥饒。地產曉而廣博。乃築城居焉。生聚日繁。智能廣洽。遂成野能國。衆共推天寶爲桃郎王。未幾亡。無嗣。衆共議推伏子爲王。會陳伯先北還。伏子乃引兵東下。左右勸稱帝。伏子從之。因號南帝。與越王戰于太平。凡五戰。干戈旁午。矢石如飛。而勝負未決。南帝兵少却。意越王有異術。請和。越王亦以南帝乃貴族屬。分國割界于君臣洲。共治。南帝據烏鳶。爲子雅郎求婚于越王。越王以女杲娘歸之。情好甚篤。琴瑟交諧。雅郎潛問杲娘曰。兩國昔爲仇讎。今爲婚姻。自天作合。遭際奇緣。前年兩國交爭。

(七)

僭評

馮都君非常人也。必有非常之過。非常之過。必待非常之才。觀其力能搏虎。氣欲吞牛。素爲州人之畏服。非有出人之畧。能若是哉。正平告頌。從容入都城。擁七十之牙毒。握萬里之雄威。方面獨尊。禍福由手。益儼然一趙李也。豈直杖黑帝之伯占一州者比哉。雖運由內屬。旋見併於趙昌。然丈夫色出。不爲虎吏所羈鈴。牛峯目爲土豪之魁楚。運雖屈而所遇皆伸。信是英雄好漢。大內顯靈。白藤助陣。孚佑彰義炳炳燿燿。其生也得榮名。其沒也留顯號。馮布益其人。未易多得。臣有破勒盡忠竭節。敦事主之心。子有馮安敬吾繼承。地畏天之義。唐林一境。駸駸名勝之鄉。致到今英才提出。未必不由馮公開一赤幟。真所謂不朽云。一說唐林今福祿是。馮使君今爲家阜社福神未知是否。

趙越王。李南帝。

越王姓趙諱光復。南帝姓李諱伏子。皆前李南帝李賁之部將也。梁武帝時。我交州太平縣有李賁者。世爲豪右。奇才出人。常有蕭曹氣度。又有并詔。富於詞藻。文學素優。詣送求官。梁吏部尚書蔡構。以并姓前賢未有。而其人豐度可觀。除廣陽門郎。詔恥之。與賁返回故郡。因刺史武林侯蕭諮刻暴。行政多失衆心。乃潛謀反。時賁監九德州。連結九縣豪傑。器械精銳。俱各越兵。擊走刺史蕭

布蓋大王。

按趙王交州記。王姓馮。名興。世襄唐林州邊庫夷酋長。號曰官郎。變俗今存。家資豪有。力甚曉勇。能搏虎排牛。其弟曰駭。亦有健力。能負十千斤石。或千斛小舟。行十餘里。諸夷獠皆畏其名焉。唐大曆中。因我安南軍亂。兄弟相率徇諸鄉邑。皆下之。所至無不拔靡。興既得志。更名巨老。駭更名巨力。興號都君。駭號都保。用唐林人杜英倫一作翰計議。以兵巡行唐林長峯等州。皆歸之。威名大振。聲言欲圖都府。時都護高正平以幕下攻之不克。僂憤發疽卒。興入都府視事。七年薨。衆欲立駭。其輔佐頭目蒲破勒者。力能排山舉鼎。勇力絕倫。固意不從。乃立興子安。率衆拒駭。駭避蒲破勒。遷朱岩洞。後不知所終。安尊興爲布蓋大王。益國俗稱父曰布。稱母曰益。故以名焉。安繼統二年。德尊拜趙昌爲安南都護。昌入境。使使奉儀物先諭安。安具儀事衛率迎降。諸馮遂散。初興卒。能顯靈。常於村民中現形。千車萬馬。飛騰於家屋上古樹間。衆人望之。恍如雲成五彩。絲竹管絃。遙傳響於空中。又有呼喚之聲。旗鼓相望。輶輪射目。皆望中分明見之。凡邑中有驚喜之事。先於豪長人。夜間已見異人報告。衆以爲神明。於都府西立廟奉事。祈晴禱雨。無不靈應。凡有盜劫咒咀狐疑之事。具體就祠前拜謁。就中盟誓立見禍福。商賈之人。具體求厚利。皆有應。每於社日謝禮。人山人海。轍跡盈道。廟貌巍峨。香火不絕。吳先主建國時。北兵入湖。先主憂之。

(五)

其德。千秋名教之區。賢其賢而觀其親。樂其美而利其利。舉國皆然。舉世皆然。况廢甘棠之蔭蒂。接垣牆之魏郁哉。眷惟京北順安。實上中夏形勝。在嘉定則於三楹。在起類則於隴廕。地有建祠。民爲守隸。奉除官役。監守廟殿。于茲有年矣。茲三楹社。竊以廟宇雄構。既從養日而經營。第猶木馬舊彫。曾歷多年而陳久。庸此蠟悅聊展。方將密駕虔修。然其良木之可彫。孰若美銅之宜鍊。會同輿議。爰起駿功。廣抹赤金。鑄成新馬。白色一紅色一。治工告完。千斯年萬斯年。微風長在。祠垣增壯。精彩添輝。出色麗春。凡之韶光。寒容凜烈。生成履秋冬之露雪。奇彩射光。萃文物清明之地。園光融和煦之天。禮備樂和。四時享其報。人康物阜。一邑受其麻。百世福鄉民。長慶太平之有象。億年扶國祚。永衍宗社於無疆。是皆神明保佑之陰功。聖道扶持之大用。其精神之命脉。萬世長存。默相陰扶。權輿於此。茂功盛德。蔑以加矣。靈聲餘烈。豈無補哉。因銘于石。以垂其傳。

皇朝永成萬萬年之二歲在甲子孟秋望後穀旦刻。

賜辛未年科第三甲同進士出身。京北等處憲察使司憲察使海南至傑阮侯奉拱。順安府。嘉定縣。三楹社。士王祠在焉。王初守成越。都龍編。即其地。厥後于此建陵焉。又于此立祠以祀之。我按察本郡。遠經祠所。就行禮拜謁。適當伊社諸員興工修造。前來請予拱碑文。予應曰。王以汶陽魯國之宗。爲我越文獻之祖。其譜謀之後先。履歷之始末。學問之淵奧。與教化之洪澤。治功之彰著。服遠挾張之智略。見於史之所書者。歷歷可攷。何侍贊於碑。碑豈足以盡形容者哉。伊等皆曰。皇朝永治元年。加頒令旨。伊社爲皂隸民。曾有賜己亥科第一甲進士及第三三名。光進慎祿大夫。吏部右侍郎。京順嘉相公阮甫。已拱之矣。至永成二年。伊社鑄銅馬二。紅色一白色一。亦有碑。其文是京北處憲察使官至靈傑特尊相公所拱。中間其銅馬悉爲匪寇所毀。幸賴王之威靈。隨即追復。從此易置祭田。至今諸員再集興工。會議各捐出美銅。復依前日舊樣。鑄銅馬以供祀事。我亦京北憲察使。因以徵文。我思記國史。王在位四十年。壽九十歲。當辰成名莫二。乘服百蠻。鳴鐘擊磬之威儀。夾穀焚香之武步。依然如在。祇爲歲久物陳。未有以備祭儀。而尊廟貌。雖時玉色如生。奪晉末林胡之魄。神威永感。萃陳朝玉璽以封。英氣不朽。所以爲神。在天之靈。閱千古如一日。以是闔境之中。晉同敬仰。崇奉之致其周。既鑄之銅馬。以昭其文。又欲勒之石碑。以垂其傳。殆無不可。因薰沐命筆爲之記。皇朝景興萬萬年之四十。歲在己亥孟秋穀旦。

賜己丑科同進士出身。京北等處憲察使刑科都給事中。清河弘永阮廷簡易軒拜手奉撰。

益因奉祠而有馬。因成馬而有碑。碑不石何以堅。且又不馬不碑。何尊以廟貌。此崇顏
 。肇觀瞻。垂遠近。而表奉事之真誠。昭神明之功德歟。恭惟 尊王。上等神靈。南文宗主。粵從先
 祖。出望邦東魯汶陽。頃避莽朝。遠越蒼梧廣信。邇來六世。是及履君。當桓帝握符於中華。遠恢宸北
 。政有族錫環於初葉。遠守日南。有聞必先。克昌厥後。 王毓鍾秀氣。繼述善心。遊漢京從潁州。
 得師友於早歲。積春秋治左氏。成解柱於一家。尚書之義益詳。簡籍之疑悉究。其所習於魯國之風流。
 有如此。非所謂優於學問乎。己而孝廉一舉補尚書郎。茂材一登除丞陽令。其發於科舉之事業有如此。
 豈非所謂達於從政乎。迨至靈帝末年。尋遷交州太守。其在州者。寬厚愛人。謀慮下士。保全境土。政
 令一新。農商之業舉安。寧謐邊疆。外戶不閉。羈旅之徒送願。國人親愛皆號曰王。多士往依。成蒙其
 慶。雖宵融之保河西。曷以加焉。兄弟列州郡。子弟從兵騎。雄長一方。出八鳴鐘。道路備吹簫。威
 勝萬里。貴重當世。震服百蠻。雖武帝之劍帝業不能踰也。丁亥歲。漢帝懲張津敗。賜以聖書。委董督
 七郡之羣。寅庚年。孫氏進步階來任其節度。假連附東吳之勢。于時北因曹操。今年加龍度之封。東讓
 孫權明年致龍編之命。不吝玳瑁明珠之奇寶。廉掛蒼生。不愛蕉椰異果之珍甘。保安境土。以全越之地
 。亦孔之厚。土宇版章。當三國之衝。獨占其安。人民城郭何其智哉。官事少暇。常懷山水之娛。披閱
 圖書。靜探聖賢之秘。究明墳典。作養人才。周衡響木鐸之音。縉紳圓橋門之聽。淑心人以禮義。化國
 俗以詩書。龍編聞絃誦之聲。濟濟衣冠皆鄰其國。羸糧引洙泗之派。搗藪多士。游夏其人。安南文獻之
 邦。從茲創此。我越綱常之道。自此洪源。是恩澤不止施於當時。而功德又以及於後世。豈不盛哉。觀
 袁徵遺苟或之書。則知漢人亦起敬矣。豈特胡人之夾穀焚香哉。續宋太封大行之制。則知北史亦留芳矣
 。豈但南史之載筆榮發哉。惟餘青汗永垂。煎煎如在。英爽不朽。足以却林邑之兵。威德未忘。所以威
 交州之廟。龍編因是而創立。陳朝因是而追封。祀典因是而無窮。英才賢輔咸稽首而鞠躬。英名偉烈。
 亘千古而增隆。肆今 國朝皇圖肇固。文治聲興。奎聚開祥。春回玉律。山河莫金甌之勢。社稷嚴靈
 石之尊。追思開物成務之功。不替報本反始之禮。蓬筮靜嘉。犧牲肥腍。上人昭崇重之威儀。大廈稱德
 。河洛思功。下人仰作成之餘韻。不有先覺。孰啟後人。九仞宮墻之地。見其禮而知其政。聞其樂而知

僭評

我國古有越裳。鳩舌龍身。風俗朴陋。大槩如今之州崗土民也。自趙武帝制七郡。以詩書訓國俗。任芻守九真。始以禮義教導國人。於是我國駸駸乎始知文字之有益於人。禮樂之有關於風俗。有文明之漸進焉。迨士府君以洙泗之餘波。漸流于南海。漢俎豆於干戈之會。俞管絃于蛟蜃之鄉。聞之如聾。聽者如鐘。聲教所及。翕然華風。後李陳黎迭作。設學制科。蠲興文治。上下數千百年。人才輩出。遂稱文獻之邦。喚醒人心。輝騰上國。史謂嶺南文風自士王始。厥功獨不遑錄。當是辰三國鼎峙。中原沸。惟我一方。獲蒙案堵。名賢達人。聞風而來。為文物聲名之藪。王北事大漢。東屈強吳。兄弟各帥列郡。一時榮耀。翰墨噴噴。而王號出於州人之自呼。固未嘗倨然自尊大。如南海尉陀之黃屋左青也。天者保其國。鐘磬車仗之儀衛。四十八年。享九十餘之天壽。生受榮名。沒有顯號。義轟烈烈一場。沛乎其興。莫之能禦。邈然寡傳。試罕見也。幽室所載。身後數事。後之鳴奇者。相傳王生前創授數千人。薨後遺命覆斂。講聲遂息。而門人不忍。用常禮斂視。王墓中夜靜月明。常聞王講讀之聲。一似生平教誨時也。北人畏其靈異。發墓覆斂。始息講聲。此說怪誕不經。今廟在超類清相。累朝給贈。墓在嘉定三極。堆阜拱伏。草木蔥鬱。旁近祈禱。有應。千里遠有望祀亭。扁有南郊學祖。鑄銅馬為祭儀。行人來往。過者皆下馬揖拜。白方庵先生。常為鄉人製亭聯云。朔甸文宗泗洙後。南郊學祖洛閩先。益深嘆咏於斯文焉。

按。人皆諱名。未聞以姓為諱者。今超類嘉定二縣。近祠廟者皆諱士字。而尊諱闕姓。頗為野陋。其亦如東安人避褚童子諱。以子字為諱。逮此類歟。

附錄。

順安府嘉定縣。三極社。官員職色耆老文屬等。嘗鑄開銅鑄馬。益使之彌堅。采石勒牌。正欲其不磷。是故銅駝之有置。石龜之有題。其所從來遠矣。能不頂禮尊焉。况茲鑄之馬勒之碑者。豈但玩耳目快心思而已哉。夫運莊山已成之幣。燦巧冶之洪爐。轉南山未琢之珉。弄錫工之技手。徒為虛費者焉。

率郡民遙附吳。吳益嘉之。遷衛將軍封龍編後第一偏將軍。王每遣使詣吳。致辦香細葛輒以千數。明珠玳瑁翡翠犀象之珍。奇花異卉蕉柳龍眼之屬。無歲不至。一辰貢馬凡數百匹。吳王寵賜以答慰之。官其弟三人。壹領合浦太守。今慈廉州是。 鮑領

九真太守。

今清化是。

武領南海太守

今廣州是。

王體氣寬厚。謀慮下士。漢之諸儒避亂者多

歸之州人皆呼曰王。時陳國徵

一作張。

與尚書令荀彧書畧曰。交州士府君。學問優博

。又達於從政。處大亂之中。保全一方。二十餘年。疆場無事。民不失時。羸旅之徒。皆蒙其慶。雖竇融保河西。曷以加之。王之弟並為列郡雄長。一州偏在萬里。威尊無上。出入鳴鐘磬。備威儀。笳蕭鼓吹。車騎滿道。胡人夾轂焚香。常有數十。妻妾居軒輜。弟子從兵騎。當辰貴重。咸振萬里。尉陀不能踰也。堯壽九十。在州四十八年。按報樞傳云。王士善於攝養。既葬入地。至晉末。凡百六十餘年。林邑今占城入寇。掘其墓。見其體不壞。面貌如生。大懼。乃復填瘞。土人傳之以為神。立廟事之。號曰士王僊。唐咸通中。高駢破南詔。至其境。遇一異人。面貌熙怡。霓裳羽服。遮道相接。駢延之入幕中。與語。皆三國時事也。出門相送。忽然不見。駢怪問。村人指士王塚為對。駢嗟惜不及。吟曰。自魏黃初後。相來五百年。唐咸通八載。幸遇士王仙。村人每有祈禱。皆有徵驗。至今為福神。皇朝重興元年。敕封嘉應大王。四年。加善感二字。興隆二十餘年。加封靈武二字。以其有陰相之功。村民多愛祀焉。

嘉應善感靈武大王。

按三國志。王姓士名爨。蒼梧廣信人。其先魯國汶陽人。王莽亂。避地于此。六世至父名賜。漢桓帝時。爲日南太守。至少遊學京師。京師一名漢京即今龜編是也。治左氏春秋。

舉孝廉。補尚書郎。以公事免官。父喪闋後。舉茂材除丞陽令。獻帝時。遷我

交州太守。時張津爲州刺史。漢末。三雄鼎峙。舊作交爭。王治羸樓及唐信二城。後

津爲賊帥區景所害。而荊州劉表遣零陵賴恭攝我交州刺史。獻帝聞之。賜王璽書

曰。交州絕域。雅化遐霑。翼軫山河。天書定分。山川誠爲勝景。南北多礙遙迢。

上恩不宣。下意壅塞。蠢爾逆帥。敢弄兵威。不揣凶強。希圖僥倖。加以逆賊

劉表遣賴恭窺伺南土。肆彼自暴自棄之人。獨擅作福作威之柄。如茲罪狀。紙不

得清平逋寇。盜輯民安。頓清氛曠之塵。廣布康常之澤。內外事務。一以委卿。

乃職虔恭。毋替朕命。王乃遣張旻奉貢詣漢京。時當兵革。天下喪亂。道途悠遠

。往返艱勞。而王不廢職貢。漢帝復下詔褒獎。其詔有曰。交州乃文獻之地。山

川毓珍寶之奇。文物可觀。人才傑出。屢年有矢石之費。嗣來無守牧之才。故。

爾遐區。未霑雅化。特委以重任。克遵召杜之風。其牧民以仁恩。不負棟樑之器

今復拜卿爲安遠將軍。封龍度亭侯。復蒼梧太守吳巨一作匡與恭相失。舉兵逐之。

恭敗走。還零陵。時吳孫權遣步騭爲我交州刺史。騭至。王率兄弟奉承節度。吳

王加王爲左將軍。子三人皆拜中郎將。王遣入質於吳。又諭導益州豪姓雍闓等。

越甸幽靈集跋。

世傳越甸幽靈久矣。然皆舛誤難讀。適古本有英字減畫。始信在皇越朝。中興前跡也。因爲抄錄。則與昨者異。但讀編多缺。聊以存古。而別本無之。更增後錄。間已校殊訂正。有可疑者圈以識之。又添補遺以備參考。嗚呼難聚易散。自古興嗟。况我國印刷者少。無怪其然。適尋而偶獲。不其幸耶。爰弁其端。示諸同志。庶得旁搜而補綴。廣採以摘玄。則斯文之興運。未必無小補云。

皇朝永盛八年。季秋節。穀旦。

賜庚辰科進士及第。翰林院校討。黎鈍甫頓首題于進修書軒。

越甸幽靈集錄序全編。

守大藏經中品奉御李濟川編集。

門下省事內令史書金冕韎按錄。

古聖人曰。聰明正直足以稱神。非淫神邪崇妖魔妄鬼濫得稱焉。我

皇越寓內。廟食諸神。古來多矣。能彰偉績。陰相生靈者有幾哉。然其所從來。品類不等。或山川精粹。或人物傑靈。騰氣勢於當辰。挺英靈於來葉。若不紀實。朱紫難明。因隨淺見卑聞。筆札於幽部。苟得大方君子。博雅好事者為斧正之。是所望也。

嘗

皇開祐元年。守大藏書火正掌中品奉御安暹路轉運使臣李濟川頓首焚香敬序本傳云。

景興三十二年奉錄

越甸幽靈集

李濟
川編

越
甸
幽
靈
集

李濟
川編

開智書局出版

K. D. 829/XB ngày 12-5 1961

82, Đường Lê Lợi, SÀI GÒN